

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HOÀNG VĂN THÀNH

**PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG
CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

HÀ NỘI - NĂM 2019

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

BỘ TƯ PHÁP

TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT HÀ NỘI

HOÀNG VĂN THÀNH

**PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG
CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM**

LUẬN ÁN TIẾN SĨ LUẬT HỌC

Chuyên ngành : Luật kinh tế

Mã số : 9 38 01 07

Người hướng dẫn khoa học: 1. PGS.TS. Nguyễn Thị Ánh Vân

2. TS. Lê Đình Vinh

HÀ NỘI - NĂM 2019

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu khoa học độc lập của riêng tôi.

Các kết quả được nêu trong Luận án chưa được công bố trong bất kỳ công trình nào khác. Các số liệu trong Luận án là trung thực, có nguồn gốc rõ ràng, được trích dẫn đúng theo quy định.

Tôi xin chịu trách nhiệm về tính chính xác và trung thực của Luận án này.

Tác giả luận án

Hoàng Văn Thành

LỜI CẢM ƠN

Tác giả xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc nhất tới PGS. TS. Nguyễn Thị Ánh Vân – người hướng dẫn khoa học 1 và TS. Lê Đình Vinh – người hướng dẫn khoa học 2 đã tận tình hướng dẫn và chỉ bảo trong quá trình tác giả thực hiện luận án này. Tác giả cũng xin gửi lời cảm ơn chân thành nhất tới quý thầy cô trường Đại học Luật Hà Nội, các thầy cô đồng nghiệp tại Khoa Luật - Học viện Ngân hàng, cùng bạn bè, người thân và gia đình đã động viên, khuyến khích, giúp đỡ và có những chia sẻ quý báu để tác giả hoàn thành luận án này.

Tác giả luận án

Hoàng Văn Thành

MỤC LỤC

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

DANH MỤC BẢNG BIỂU TRONG LUẬN ÁN

LỜI MỞ ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài.....	1
2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu	4
2.1. Mục đích nghiên cứu	4
2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu.....	5
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu	5
3.1. Đối tượng nghiên cứu	5
3.2. Phạm vi nghiên cứu	6
4. Phương pháp nghiên cứu	9
5. Những đóng góp mới của luận án	10
6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án	11
7. Kết cấu của luận án.....	12
CHƯƠNG 1	
TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	13
1.1. Khái quát về tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước.....	13
1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước	13
1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước.....	21
1.2. Đánh giá khái quát về tình hình nghiên cứu liên quan tới các nội dung cơ bản của luận án.....	29
1.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu.....	36
1.3.1. Câu hỏi nghiên cứu	36
1.3.2. Giả thuyết nghiên cứu.....	37
Kết luận chương 1	39
CHƯƠNG 2	
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MUA BÁN NỢ XẤU VÀ PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG	41
2.1. Những vấn đề lý luận về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng	41
2.1.1. Khái niệm nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng.....	41
2.1.2. Khái niệm mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng.....	45
2.1.3. Đặc điểm mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng	48
2.1.4. Vai trò của mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng.....	55
2.2. Những vấn đề lý luận pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng.....	58
2.2.1. Khái niệm pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng.....	58

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng.....	63
2.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng.....	69
Kết luận chương 2	84
CHƯƠNG 3	
THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM.....	86
3.1. Quy định về đối tượng mua bán	86
3.1.1. Khái niệm nợ xấu.....	86
3.1.2. Điều kiện để nợ xấu trở thành đối tượng mua bán	90
3.1.3. Chuyển giao quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ xấu	92
3.2. Quy định về chủ thể mua bán nợ xấu	94
3.2.1. Bên bán nợ	94
3.2.2. Bên mua nợ	97
3.3. Quy định về phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu	115
3.3.1. Phương pháp xác định giá theo giá trị sổ sách của khoản nợ xấu	115
3.3.2. Phương pháp xác định giá theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu	119
3.4. Quy định về phương thức mua bán nợ xấu	123
3.4.1. Phương thức thỏa thuận	123
3.4.2. Phương thức đấu giá	126
3.5. Quy định về công cụ thanh toán trong giao dịch mua bán nợ xấu	128
3.5.1. Thanh toán thông qua việc phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt.....	128
3.5.2. Thanh toán bằng tiền.....	135
Kết luận chương 3	139
CHƯƠNG 4	
GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY	141
4.1. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam giai đoạn hiện nay	141
4.1.1. Đảm bảo sự phù hợp các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước	141
4.1.2. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu phù hợp với định hướng phát triển thị trường mua bán nợ	142
4.1.3. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu trên cơ sở đa dạng hóa nguồn vốn và chủ thể tham gia vào mua bán nợ xấu.....	143
4.1.4. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật trên cơ sở đảm bảo sự độc lập trong việc điều hành chính sách tiền tệ quốc gia của Ngân hàng Nhà nước.....	144
4.1.5. Đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế và cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng	145

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay	146
4.2.1 Sửa đổi quy định về khái niệm nợ xấu quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 09/2014/TT-NHNN	146
4.2.2. Sửa đổi quy định tại Điều 174, 175, 176 Luật Đất đai năm 2013 về quyền thu giữ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất.....	148
4.2.3. Bổ sung điều kiện về nguồn vốn tổ chức tín dụng được sử dụng để mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng khác quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN....	149
4.2.4. Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 53/2013/NĐ-CP nhằm tăng khả năng huy động vốn của VAMC	150
4.2.5. Bãi bỏ quy định về vốn pháp định và tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ tại Nghị định số 69/2016/NĐ-CP	152
4.2.6. Bãi bỏ quy định cho phép VAMC mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị sổ sách tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP	153
4.2.7. Sửa đổi các quy định hạn chế của công cụ trái phiếu đặc biệt quy định tại Điều 21 Nghị định 34/2015/NĐ-CP và Khoản 9 Điều 1 Thông tư 14/2015/TT-NHNN	156
4.2.8. Bổ sung quy định về bảo lãnh của Chính phủ hoặc Ngân hàng Nhà nước đối với trái phiếu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành	157
4.2.9. Bổ sung các trường hợp cho phép VAMC thanh toán bằng tiền khi mua nợ xấu của tổ chức tín dụng.....	157
Kết luận chương 4	159
KẾT LUẬN CHUNG	161
DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	
PHỤ LỤC	

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT TRONG LUẬN ÁN

STT	TỪ VIẾT TẮT	TỪ VIẾT ĐẦY ĐỦ	NGHĨA TIẾNG VIỆT CỦA TỪ VIẾT TẮT
1	AMC	Assets Management Company	Công ty quản lý nợ
2	BCBS	Basel Committee on Banking Supervision	Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng
3	BIS	Bank for International Settlements	Ngân hàng Thanh toán Quốc tế
4	DATC	Vietnam Debt and Asset Trading Corporation	Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam
5	IBRA	Indonesian Bank Restructuring Agency	Cơ quan tái cấu trúc ngân hàng Indonesia
6	IMF	International Monetary Fund	Quỹ tiền tệ quốc tế
7	KAMCO	Korea Asset Management Corporation	Công ty quản lý tài sản Hàn Quốc
8	NHNN	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam	
9	NHTM	Ngân hàng thương mại	
10	NHTMCP	Ngân hàng thương mại cổ phần	
11	NHTMNN	Ngân hàng thương mại nhà nước	
12	NSNN	Ngân sách nhà nước	
13	PBoC	People's Bank of China	Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc
14	TAMC	Thai Asset Management Corporation	Công ty quản lý tài sản Thái Lan
15	TCTD	Tổ chức tín dụng	
16	VAMC	Vietnam Assets Management Company	Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam

DANH MỤC BẢNG BIỂU TRONG LUẬN ÁN

STT	TÊN BẢNG BIỂU	TRANG
1	Bảng 1: Kết quả mua nợ xấu theo giá trị sổ sách của VAMC từ 2013 – 2017	118
2	Bảng 2. Kết quả mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt từ năm 2013 - 2017	130
3	Bảng 3: Thống kê các ngân hàng nắm giữ trái phiếu đặc biệt lớn đến ngày 31/12/2016	131
4	Bảng 4. Kết quả mua nợ bằng trái phiếu từ năm 2015 - 2017	135

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường, mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD không còn là một hoạt động quá xa lạ. Đặc biệt trong những thập niên gần đây, khi nền kinh tế của nhiều quốc gia lâm vào tình trạng khủng hoảng, gây ra những tác động tiêu cực tới hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và các TCTD nói riêng, kéo theo hậu quả là các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng của các TCTD tăng cao. Trước thực trạng đó, giải pháp được Chính phủ các nước lựa chọn để giải quyết nhanh chóng và triệt để nợ xấu là tập trung đẩy mạnh hoạt động mua bán nợ xấu giữa TCTD (với tư cách là bên bán nợ) với các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp hoặc các tổ chức, cá nhân có nhu cầu (với tư cách là bên mua nợ), qua đó từng bước xây dựng thị trường mua bán nợ tập trung.

Hiện nay, ở Việt Nam, mua bán nợ nói chung và mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD nói riêng đã có sự phát triển rõ rệt trong thời gian qua. Tính từ thời điểm ngày 26/03/1988 với sự ra đời của Nghị định số 53/HĐBT, đánh dấu cho sự chuyển đổi của hệ thống ngân hàng ở Việt Nam theo mô hình hai cấp trong đó tách bạch chức năng quản lý nhà nước của NHNN và chức năng kinh doanh ngân hàng cho các TCTD đi kèm với việc trao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, hệ thống ngân hàng đã có sự phát triển mạnh mẽ đóng góp quan trọng vào sự đi lên của đời sống kinh tế - xã hội của nước ta. Tuy nhiên, khi các TCTD, đặc biệt là các NHTM không ngừng cạnh tranh nhằm theo đuổi mục tiêu lợi nhuận đã kéo theo những hệ lụy khôn lường, đó chính là các khoản nợ xấu phát sinh ngày càng nhiều từ hoạt động cấp tín dụng của các TCTD.

Đứng trước thực trạng đó, một trong những giải pháp được các TCTD lựa chọn đó là thành lập công ty mua bán nợ và khai thác tài sản (viết tắt là AMC). Tính từ thời điểm những năm 1999, 2000 khi các AMC – Vietcombank và AMC – Vietinbank ra đời đến thời điểm hiện nay, số lượng các AMC trực thuộc các TCTD đã tăng lên một cách nhanh chóng. Tuy nhiên, sự tồn tại của các AMC này không phát huy hiệu quả thực sự do chủ yếu tập trung vào hoạt động mua bán nợ xấu trong nội bộ TCTD, ít có khả năng mua nợ xấu của các TCTD khác. Chính sự tồn tại của

các AMC mang tính chất riêng lẻ, không tạo thành mối liên kết hệ thống cùng với những khoảng trống trong chính sách điều hành của Nhà nước đã làm cho hoạt động của các AMC không hiệu quả. Vì vậy, năm 2008, khi nền kinh tế thế giới bắt đầu rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng, tác động tiêu cực đến nền kinh tế Việt Nam và đã đẩy tỷ lệ nợ xấu trong hoạt động ngân hàng tăng cao, hoạt động của các AMC bắt đầu bộc lộ rõ hơn những hạn chế do thiếu liên kết hệ thống và cơ chế hoạt động. Vì vậy, ngày 18/5/2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2013/NĐ-CP thành lập Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (viết tắt là VAMC). Sự ra đời của VAMC đánh dấu một bước ngoặt lớn trong nỗ lực xử lý nợ xấu của Chính phủ và NHNN. Những tín hiệu khả quan ban đầu cho thấy VAMC đã bắt đầu phát huy hiệu quả trong hoạt động xử lý nợ xấu đồng thời giúp cải thiện tính thanh khoản của các TCTD. Kể từ khi thành lập vào tháng 10/2013 đến hết ngày 31/12/2017, VAMC đã mua 26.221 khoản nợ xấu của 16.269 khách hàng tại các TCTD, với tổng dư nợ gốc nội bảng là 307.932 tỷ đồng, giá mua nợ là 277.755 tỷ đồng, qua đó đưa tỷ lệ nợ xấu của ngành ngân hàng giảm từ 3,61% của năm 2013 xuống còn 2,18% vào cuối năm 2017¹. Tuy nhiên, sự ra đời của VAMC có phải là nhân tố thúc đẩy sự hình thành của thị trường mua bán nợ hay không vẫn cần nhiều thời gian để kiểm chứng.

Ngoài VAMC và các AMC, công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (viết tắt là DATC) cũng là một chủ thể đặc biệt tham gia vào quan hệ mua bán nợ xấu. Tuy nhiên, điểm khác biệt của DATC so với VAMC và AMC là DATC chủ yếu tập trung vào việc mua các khoản nợ của các doanh nghiệp nhà nước theo chỉ thị của Chính phủ, tức là các khoản nợ của các NHTMNN và có mở rộng sang mua nợ xấu của các NHTM do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối. Chính phạm vi chủ thể và đối tượng mua bán gò bó nên khả năng và vai trò tham gia vào quan hệ mua bán nợ xấu của DATC không đáng kể. Theo số liệu báo cáo từ DATC cho thấy, năm 2016 DATC đã mua và xử lý được hơn 7.132 tỷ đồng nợ xấu, năm 2017 là gần 7.000 tỷ đồng nợ xấu của các TCTD đã được DATC mua và xử lý². Những con số này mặc

¹ Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động của VAMC

² Báo cáo tài chính năm 2016, 2017 của DATC

dù rất đáng ghi nhận nhưng so với quy mô khổng lồ của nợ xấu trong hệ thống TCTD vào khoảng 600.000 tỷ đồng năm 2016 và 566.000 tỷ đồng năm 2017 dễ thấy rằng vai trò của DATC vẫn còn rất nhỏ bé³.

Như vậy, mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam hiện nay đang có sự tham gia chủ yếu của VAMC, các AMC trực thuộc các TCTD và DATC. Các chủ thể khác có khả năng tham gia mua bán nợ xấu rất hạn chế, hay mới dừng ở mức tiềm năng. Mỗi chủ thể có vai trò, phạm vi và mục tiêu hoạt động khác nhau. Mặc dù VAMC có những lợi thế và sứ mệnh đặc biệt khi tham gia vào hoạt động mua bán nợ xấu, nhưng sự tồn tại của một công ty mua bán nợ của Nhà nước chỉ mang tính giai đoạn, sau khi giải quyết được cơ bản tình trạng nợ xấu ngân hàng, thường công ty này sẽ tự chấm dứt hoạt động giống như IBRA (công ty mua bán nợ quốc gia của Indonesia) đã chấm dứt hoạt động năm 2004, DANAHERTA (công ty mua bán nợ quốc gia của Malaysia) năm 2005 và TAMC (công ty mua bán nợ quốc gia của Thái Lan) năm 2011 [97,160]. Bên cạnh đó, DATC chỉ có khả năng tham gia hạn chế, cho nên, chủ thể chính tham gia vào hoạt động mua bán nợ xấu vẫn là các AMC thuộc các TCTD.

Bên cạnh thực trạng báo động của tình hình nợ xấu trong hệ thống TCTD, hoạt động mua bán nợ xấu trên thị trường chưa thực sự hiệu quả và giải quyết được tận gốc vấn đề có nguyên nhân rất lớn xuất phát từ các quy định của pháp luật hiện hành. Hiện nay có rất nhiều quy định pháp luật Việt Nam điều chỉnh quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ với bên mua nợ là VAMC và các chủ thể khác đang gây ra nhiều tranh cãi, thậm chí có nhiều quy định khó áp dụng trong thực tiễn như những quy định của Nghị định 34/2015/NĐ-CP về công cụ trái phiếu, trái phiếu đặc biệt còn nhiều hạn chế cho TCTD nắm giữ, đồng thời thiếu cơ chế bảo lãnh của Chính phủ hay NHNN, quy định của Nghị quyết số 42/2017/QH14 cho phép VAMC mua được mua nợ xấu theo giá trị thị trường và thanh toán bằng tiền nhưng thiếu phương án hiệu quả để huy động vốn cho VAMC.

Cùng với đó, mặc dù các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ban hành hàng loạt các văn bản pháp luật nhằm đa dạng hóa các chủ thể tham gia mua bán nợ xấu

³ Ủy ban Giám sát Tài chính Quốc gia: Báo cáo tổng quan thị trường tài chính năm 2016, 2017

trên thị trường, ngoài các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp, pháp luật đã trao quyền cho chính các TCTD tham gia mua bán nợ xấu của các TCTD khác, hay các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, đặc biệt là cơ chế pháp lý cho sự ra đời của mô hình doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, tuy nhiên, quy định về mức vốn pháp định và điều kiện với người quản lý, người điều hành khi thành lập Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ trong Nghị định 69/2016/NĐ-CP không phù hợp với thực tế.

Những quy định này vô hình chung là rào cản đối với hoạt động mua bán nợ xấu, cũng như tác động tiêu cực tới tâm lý của TCTD khi buộc phải lựa chọn phương án bán nợ xấu cho VAMC hay các chủ thể khác. Vì vậy, để phát huy hơn nữa vai trò cũng như hiệu quả trong hoạt động của VAMC và các chủ thể mua nợ khác trong thực tiễn, cần phải xây dựng hệ thống pháp luật điều chỉnh các quan hệ mua bán nợ xấu đồng bộ và hoàn chỉnh, qua đó để nâng cao hiệu quả thực thi của các quy định này.

Xuất phát từ những lý do nêu trên, việc lựa chọn đề tài: “*Pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam*” làm luận án tiến sĩ là việc làm cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn.

2. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

2.1. Mục đích nghiên cứu

Làm sáng tỏ những vấn đề lý luận cơ bản về mua bán nợ xấu và pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, từ đó làm cơ sở cho việc đánh giá sự phù hợp cũng như những hạn chế, tồn tại của các quy định pháp luật hiện hành về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam; chỉ ra những nguyên nhân của những hạn chế, tồn tại của pháp luật thực định, từ đó đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật, có tính đến việc đảm bảo sự phù hợp giữa pháp luật với yêu cầu thực tiễn mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam.

2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

- Phân tích làm rõ các tiêu chí phân loại nợ xấu, vai trò của các chủ thể tham gia mua bán nợ xấu, giá mua bán nợ xấu, phương thức mua bán nợ xấu, công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu... Sở dĩ cần làm rõ những vấn đề này là vì đây là những vấn đề then chốt nhưng đang tồn tại nhiều quan điểm trái chiều giữa các TCTD, NHNN và các cơ quan có thẩm quyền. Vì vậy, việc làm sáng rõ các vấn đề trên sẽ tạo cơ sở để các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng và hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD.

- Đánh giá thực trạng pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam và thực tiễn áp dụng các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD thời gian qua: thành tựu và những hạn chế, khó khăn còn gặp phải trong quá trình áp dụng pháp luật, đồng thời tìm ra nguyên nhân của những hạn chế, khó khăn đó làm cơ sở đề xuất các giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật.

- Đề xuất những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam trong thời gian tới.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng nghiên cứu

- Các quan điểm khoa học pháp lý về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD;

- Các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD;

- Thực tiễn thi hành các quy định của pháp luật Việt Nam về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD;

- Kinh nghiệm xây dựng và thực tiễn thi hành pháp luật điều chỉnh quan hệ mua bán nợ xấu nhằm giải quyết tình trạng nợ xấu tăng cao trong hệ thống ngân hàng ở một số nước trong khu vực Đông Nam Á và Đông Á có điều kiện, hoàn cảnh gần giống với Việt Nam.

3.2. Phạm vi nghiên cứu

- Về nội dung: Luận án nghiên cứu các vấn đề lý luận về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD và thực trạng các quy định của pháp luật Việt Nam về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, trong đó xác định:

Thứ nhất, tập trung vào nghiên cứu các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD đối với khách hàng.

Trước tiên có thể thấy rằng, pháp luật Việt Nam không có sự phân biệt giữa các khoản nợ xấu phát sinh từ nghiệp vụ cụ thể của hoạt động cấp tín dụng như phát sinh từ hoạt động cho vay, bảo lãnh, bao thanh toán hay chiết khấu giấy tờ có giá... Tuy nhiên, căn cứ vào thực tiễn hoạt động của hệ thống TCTD thấy rằng, cho vay chiếm tỷ trọng đặc biệt lớn trong cơ cấu dư nợ tín dụng, đồng thời đây cũng là hoạt động phát sinh nợ xấu lớn nhất⁴. Vì vậy, việc tập trung nghiên cứu các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD là cần thiết, phù hợp với thực tiễn.

Thứ hai, tập trung vào nghiên cứu các quan hệ mua bán nợ xấu phát sinh giữa TCTD (giữ vai trò là bên bán nợ xấu) với các tổ chức, cá nhân mua nợ (giữ vai trò là bên mua nợ xấu). Nói cách khác, luận án chỉ nghiên cứu quan hệ mua bán nợ xấu trên thị trường sơ cấp giữa các TCTD bán nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua các khoản nợ xấu đó.

Các khoản nợ phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD đối với khách hàng được xếp hạng từ nợ nhóm 1 tới nợ nhóm 5 (trong đó nợ nhóm 1 và nhóm 2 không phải là nợ xấu; nợ nhóm 3, 4 và 5 là nợ xấu) đều có thể trở thành đối tượng của quan hệ mua bán, tuy nhiên, các khoản nợ nhóm 1 và nhóm 2 ít mức độ rủi ro hơn nợ xấu nên các nhà làm luật thường để cho luật dân sự điều chỉnh. Riêng nợ xấu có mức độ ảnh hưởng rất lớn tới nền kinh tế và đời sống xã hội nên nhận được sự quan tâm đặc biệt của các nhà làm luật. Vì vậy, luận án tập trung nghiên cứu về quan hệ mua bán nợ xấu là phù hợp.

⁴ Xem thêm Phụ lục 1

Thứ ba, nội dung của pháp luật về mua bán nợ xấu bao gồm rất nhiều nhóm quy định khác nhau, tuy nhiên, trong phạm vi nghiên cứu, luận án tập trung giải quyết năm nhóm quy định về: đối tượng mua bán, chủ thể mua bán, phương pháp xác định giá mua bán, phương thức mua bán và công cụ thanh toán trong giao dịch mua bán nợ xấu. Việc tập trung nghiên cứu năm nhóm quy định này không phải là việc làm ngẫu nhiên hay tùy tiện mà xuất phát từ bài học kinh nghiệm của một số quốc gia đã phải đối mặt với nợ xấu từ hoạt động cho vay của các ngân hàng. *Một là*, về đối tượng mua bán, pháp luật các nước quy định về nợ xấu không giống nhau. Vì vậy, việc nghiên cứu quy định này của Việt Nam trong mối quan hệ với quy định tương ứng của một số nước có điều kiện, hoàn cảnh khá tương đồng với Việt Nam để tìm lời giải đáp là việc làm cần thiết. *Hai là*, về chủ thể mua bán, hiện còn có quan điểm khác nhau về vị trí, vai trò, yêu cầu năng lực chuyên môn, năng lực tài chính và mức độ điều luyện trong quản trị kinh doanh... của các công ty quản lý tài sản của các TCTD thuộc sở hữu nhà nước (gọi tắt: AMCs tập trung) và thuộc sở hữu tư nhân (gọi tắt: AMCs phi tập trung). Vấn đề đặt ra là nên cho phép tất cả các AMCs tham gia vào thị trường mua bán nợ xấu sơ cấp; hay chỉ cho phép một trong hai loại AMCs này; trường hợp nào thì việc tham gia của AMCs tập trung có lợi hơn AMCs phi tập trung và ngược lại... Vì lẽ đó, vấn đề chủ thể được tham gia vào thị trường mua bán nợ cũng cần phải được nghiên cứu kỹ lưỡng để tìm ra câu trả lời hữu ích nhất, thiết thực nhất cho thị trường mua bán nợ xấu non trẻ của Việt Nam. *Ba là*, về phương pháp xác định giá mua bán khoản nợ xấu hiện cũng có những cách khác nhau (giá mua bán nợ xấu sẽ được xác định theo giá thị trường hay giá trị trên sổ sách kế toán của khoản nợ). Xuất phát từ tính rủi ro cao của hoạt động mua bán nợ xấu, việc tìm ra phương pháp thích hợp để xác định giá cả của khoản nợ xấu trong giao dịch mua bán nợ xấu của Việt Nam là việc làm có ý nghĩa. *Bốn là*, về phương thức mua bán nợ xấu, thực tiễn hoạt động mua bán nợ xấu ở Việt Nam và thế giới đều ghi nhận hai phương thức cơ bản là thỏa thuận và đấu giá. Tuy nhiên pháp luật có cần thiết phải can thiệp vào việc lựa chọn phương thức mua bán của các bên hay không? Phương thức nào đảm bảo được đầy đủ quyền lợi của các bên, đồng thời góp phần thúc đẩy nhanh quá trình xác lập và thực hiện giao dịch mua

bán nợ xấu là vấn đề quan trọng cần làm sáng tỏ. *Năm là*, về công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu, cả công cụ trái phiếu đặc biệt và tiền đều tác động trực tiếp tới tâm lý của TCTD khi bán nợ xấu nhưng lại thiếu đi giải pháp phát huy hiệu quả của hai công cụ này. Mỗi công cụ thanh toán này đều có thể phát huy vai trò to lớn khi được đặt vào trong những quan hệ mua bán nợ xấu phù hợp, vì vậy cần phải được nghiên cứu thấu đáo.

Cũng cần lưu ý rằng mặc dù luận án nghiên cứu về pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của TCTD nhưng trong bối cảnh các AMC tập trung được phép tham gia mua bán nợ xấu và thậm chí còn là chủ thể thường xuyên trong các giao dịch mua bán nợ xấu. Do các AMC phi tập trung ở Việt Nam quá yếu về năng lực tài chính, việc nhà nước sử dụng các biện pháp hành chính song song với điều chỉnh bằng pháp luật để can thiệp vào các giao dịch mà một bên chủ thể là các doanh nghiệp nhà nước này là điều khó tránh khỏi. Một khi đã phải tuân theo mệnh lệnh hành chính, dù ở mức độ nào đi chăng nữa, rõ ràng là khó có thể nói các chủ thể tham gia giao dịch được tự do về ý chí. Vì vậy trong nhiều trường hợp, khó có thể nhìn nhận các giao dịch loại này dưới góc độ quan hệ hợp đồng. Vì lẽ đó, luận án không nghiên cứu pháp luật điều chỉnh hợp đồng mua bán nợ xấu với tư cách là một chế định dân luật mà nghiên cứu pháp luật ngân hàng điều chỉnh loại quan hệ xã hội này. Có lẽ không cần bàn luận nhiều ở đây về vấn đề luật ngân hàng bao gồm cả bộ phận luật công (điều chỉnh những quan hệ xã hội giữa NHNN với các TCTD) và bộ phận luật tư (điều chỉnh những quan hệ xã hội giữa các TCTD với nhau và với đối tác trong kinh doanh và với khách hàng...).

- Về thời gian: Luận án tập trung nghiên cứu các quy định của pháp luật hiện hành về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD. Trong trường hợp cần thiết, các quy định đã hết hiệu lực thi hành sẽ được viện dẫn nhằm làm sáng tỏ sự phù hợp của pháp luật hiện hành với những yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn.

- Về không gian: Luận án nghiên cứu các quy định của pháp luật thực định về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam. Bên cạnh đó, trong quá trình nghiên cứu, khi cần, các quy định tương ứng của pháp luật cũng như kinh nghiệm thực thi pháp luật của một số nước có điều kiện gần giống Việt Nam

như Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc... sẽ được viện dẫn nhằm làm sáng tỏ một số vấn đề còn khúc mắc trong các quy định của pháp luật Việt Nam.

4. Phương pháp nghiên cứu

Để làm sáng tỏ mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu, luận án được thực hiện trên cơ sở phương pháp luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, trong đó trọng tâm dựa trên phương pháp duy vật biện chứng và phương pháp duy vật lịch sử để nghiên cứu các vấn đề lý luận về đối tượng mua bán nợ xấu, chủ thể mua bán nợ xấu, giá mua bán nợ xấu, phương thức mua bán nợ xấu và công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu. Đồng thời, các chủ trương, chính sách của Đảng trong việc hoàn thiện và nâng cao hiệu quả thực thi của pháp luật điều chỉnh quan hệ mua bán nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD là cơ sở lý luận quan trọng để luận án đánh giá sự phù hợp của pháp luật và xây dựng các giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD.

Bên cạnh đó, trong quá trình nghiên cứu, luận án sử dụng một số phương pháp nghiên cứu cụ thể sau đây:

- Phương pháp phân tích: Phương pháp này được sử dụng để nghiên cứu những vấn đề lý luận nổi cộm về mua bán nợ xấu và những ưu điểm, hạn chế, tồn tại của pháp luật về mua bán nợ từ hoạt động cho vay của các TCTD. Trên cơ sở đó, đánh giá sự phù hợp của thực trạng pháp luật vào quá trình áp dụng trên thực tiễn.

- Phương pháp thống kê: Phương pháp này được sử dụng để thu thập các thông tin về những hoạt động mua bán nợ xấu đã được VAMC và các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ thực hiện nhằm đánh giá những thành tựu đã đạt được và những vướng mắc còn tồn tại khi áp dụng các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD.

- Phương pháp chuyên gia: Phương pháp này được sử dụng để lấy ý kiến đánh giá của các chuyên gia về ngân hàng, đặc biệt là các chuyên gia về rủi ro tín dụng và các chuyên gia pháp lý về ngân hàng làm cơ sở để đề xuất các giải pháp hoàn thiện các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của

các TCTD ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay trong Chương 4 của Luận án. Trong quá trình nghiên cứu, tác giả đã có những trao đổi trực tiếp xoay quanh những nội dung cốt lõi của luận án với những nhà khoa học, chuyên gia trong lĩnh vực ngân hàng và luật ngân hàng, như GS. TS. Nguyễn Văn Tiến, TS. Nguyễn Thái Hà, TS. Bùi Hữu Toàn, TS. Vũ Văn Cương.

- Phương pháp so sánh luật học: được sử dụng nhằm học hỏi những kinh nghiệm làm luật và thực thi pháp luật của nước ngoài phù hợp với hoàn cảnh và điều kiện của Việt Nam, từ đó nghiên cứu tìm kiếm giải pháp hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trong nước. Thông qua phương pháp này, luận án chỉ ra được cơ sở dẫn tới sự ra đời của các Nghị quyết tạo hành lang pháp lý cho công ty mua bán nợ quốc gia tại các nước Thái Lan, Hàn Quốc, Trung Quốc từ đó có những so sánh, liên hệ với thực tiễn ở Việt Nam.

5. Những đóng góp mới của luận án

Là một công trình khoa học nghiên cứu chuyên sâu, có hệ thống, toàn diện về pháp luật mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam, luận án có những đóng góp mới chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, những nghiên cứu của luận án đã giải quyết khá đầy đủ và toàn diện những vấn đề lý luận về mua bán nợ xấu và pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD.

Thứ hai, luận án đã làm sáng tỏ sự khác biệt giữa khái niệm nợ xấu (Bad Debt) với khái niệm các khoản cho vay không hiệu quả (Nonperforming loans), đồng thời chỉ ra các tiêu chí xác định về mặt định lượng và định tính làm cơ sở xác định nợ xấu được pháp luật Việt Nam quy định đã tiến sát chuẩn mực quốc tế về nợ xấu được IMF, Basel thừa nhận. Đây là cơ sở quan trọng để hiểu đúng và thống nhất về bản chất của nợ xấu giữa các TCTD, NHNN và các cơ quan có thẩm quyền.

Thứ ba, luận án đã chỉ ra vai trò, cũng như thế mạnh và hạn chế của các chủ thể tham gia mua nợ xấu của các TCTD trên thị trường sơ cấp, từ các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp như VAMC, DATC cho tới các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ hay các tổ chức, cá nhân là các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Sự đa dạng của các chủ thể tham gia thị trường mua bán nợ xấu góp phần quan trọng vào việc xây dựng thị trường mua bán nợ xấu trong tương lai, với vai trò chủ đạo của VAMC.

Thứ tư, luận án làm rõ sự cần thiết phải xây dựng phương án mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu được định giá tại thời điểm mua bán, vừa thể hiện bản chất của quan hệ mua bán trong nền kinh tế thị trường, vừa hạn chế rủi ro đối với bên mua nợ, đặc biệt đối với VAMC, khi nguồn vốn được sử dụng để mua nợ xấu xuất phát từ nguồn vốn được cấp từ NSNN.

Thứ năm, luận án đã chứng minh được vai trò chủ đạo của phương thức thỏa thuận trong việc xác lập và thực hiện giao dịch mua bán nợ xấu và thúc đẩy nhanh quá trình “thu gom” nợ xấu từ TCTD bán nợ sang VAMC.

Thứ sáu, luận án đã chứng minh được những hạn chế, tồn tại của công cụ trái phiếu, trái phiếu đặc biệt, cũng như sự cần thiết phải chuyển đổi sang công cụ thanh toán bằng tiền trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ và VAMC.

Thứ bảy, trên cơ sở những hạn chế, tồn tại của các quy định hiện hành, luận án đã đưa ra những giải pháp nhằm hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

6. Ý nghĩa lý luận và thực tiễn của luận án

- Luận án là công trình nghiên cứu khoa học chuyên sâu, có hệ thống và toàn diện để giải quyết những vấn đề lý luận cốt lõi và thực tiễn về mua bán nợ xấu và pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD.

- Luận án là nguồn tài liệu hữu ích đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc đánh giá hiệu quả của các quy định pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, làm cơ sở cho việc hoàn thiện pháp luật trong thời gian tới.

- Luận án còn là nguồn tài liệu có giá trị đối với các cơ sở nghiên cứu khoa học, giảng dạy, học tập về mua bán nợ xấu và pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD.

- Với những cơ sở lý luận và thực tiễn được rút ra từ quá trình nghiên cứu, mỗi giải pháp và kiến nghị liên quan tới pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD được luận án đưa ra có giá trị tham khảo đối với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong quá trình hoàn thiện pháp luật, đặc biệt là quá trình xây dựng thị trường mua bán nợ xấu.

7. Kết cấu của luận án

Với mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu đã đặt ra, ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục các công trình đã công bố có liên quan tới luận án, danh mục tài liệu tham khảo, bảng từ viết tắt, phụ lục, nội dung của luận án được kết cấu thành bốn chương như sau:

- Chương 1: Tổng quan tình hình nghiên cứu pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng
- Chương 2: Những vấn đề lý luận về mua bán nợ xấu và pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng
- Chương 3: Thực trạng pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam
- Chương 4: Giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay.

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN TÌNH HÌNH NGHIÊN CỨU PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

1.1. Khái quát về tình hình nghiên cứu ở trong và ngoài nước

1.1.1. Tình hình nghiên cứu ở trong nước

Mặc dù quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở nước ta đã hình thành từ những năm 1999, 2000 khi các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp trực thuộc Vietcombank và Vietinbank chính thức được thành lập, tuy nhiên, vấn đề này chỉ thực sự nhận được sự quan tâm của các chuyên gia kinh tế và pháp lý kể từ thời điểm Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) được thành lập năm 2013 để giải quyết khối nợ xấu khổng lồ của hệ thống ngân hàng.

Bên cạnh những công trình nghiên cứu chuyên sâu, liên quan trực tiếp tới nội dung của luận án, có thể nhận thấy rằng, nợ xấu và mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là đề tài nghiên cứu nhận được nhiều sự quan tâm của các nhà nghiên cứu ở các góc độ tiếp cận khác nhau. Mức độ quan tâm này ngày càng trở nên rõ nét từ sau năm 2013 trở lại đây, khi Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) được thành lập. Những công trình này đã cung cấp những luận cứ khoa học và thực tiễn cho việc triển khai nghiên cứu đề tài như sau:

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về nợ xấu – đối tượng của hoạt động mua bán:

Trước tiên có thể kể tới luận án tiến sĩ kinh tế “*Quản lý nợ xấu tại ngân hàng thương mại Việt Nam*” của Nguyễn Thị Hoài Phương, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2012.

Có thể thấy rằng luận án đã hệ thống một số vấn đề lý luận về nợ xấu và quản lý nợ xấu tại các NHTM, bao gồm việc tìm hiểu các quan điểm khác nhau về nợ xấu, cách nhận biết, phân loại, đo lường cũng như quản lý nợ xấu.

Cụ thể, thông qua việc tiếp cận các nguyên tắc của Hiệp ước Basel II trong hoạt động quản trị rủi ro tín dụng ngân hàng, tác giả đã chỉ ra được những chuẩn mực quốc tế trong việc đưa ra tiêu chí để xác định một khoản nợ được xếp vào nhóm nợ xấu. Trên cơ sở đó, tác giả đã có sự vận dụng các nguyên tắc của Basel II

để so sánh với các tiêu chí phân loại các nhóm nợ ở Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành. Từ đó, tác giả nhấn mạnh về sự cần thiết phải sớm thể chế hóa các nguyên tắc cơ bản của Basel II vào việc phân loại nợ ở Việt Nam.

Ngoài ra, thông qua việc thu thập và phân tích thực trạng nợ xấu tại 5 NHTM lớn ở Việt Nam (bao gồm: Agribank, Vietinbank, BIDV, VCB và ACB) giai đoạn 2005 – 2011, tác giả đã đi sâu tìm hiểu nguyên nhân dẫn đến tình trạng nợ xấu tăng cao, cơ cấu nợ xấu tại các ngân hàng và các giải pháp quản lý nợ xấu đã được các ngân hàng này sử dụng nhằm giải quyết vấn đề nợ xấu. Qua đó, tác giả đã chỉ ra rằng mua bán nợ là một giải pháp quan trọng để giải quyết vấn đề nợ xấu vốn đã được sử dụng rất thành công tại các nước: Hàn Quốc, Trung Quốc, Thái Lan giai đoạn 1997 – 1999 nhưng không được các NHTM ở trong nước quan tâm thỏa đáng.

Trong bài viết *“Giải quyết nợ xấu bằng hoạt động mua bán nợ: một số kinh nghiệm châu Á giai đoạn 1998-2004”* của TS. Lê Thanh Tùng, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, Số 3+4 (372+373), năm 2013, thông qua việc nghiên cứu về cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực bắt nguồn từ Thái Lan năm 1997, sau đó lan sang các nước khác trong khu vực Đông Nam Á (Malaysia, Indonesia) và các nước Đông Á (Trung Quốc, Hàn Quốc) đã đẩy tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng của các nước này lên cao gây ra những hệ lụy tiêu cực tới sự tồn tại an toàn của hệ thống ngân hàng và đời sống xã hội, bài viết đã tập trung tổng kết kinh nghiệm của một số quốc gia châu Á giai đoạn 1998 – 2004 trong giải quyết nợ xấu bằng hoạt động mua bán nợ.

Qua các bài học kinh nghiệm trong việc xử lý nợ xấu của các công ty mua bán nợ quốc gia ở các nước bị khủng hoảng như TAMC ở Thái Lan; IBRA ở Indonesia; Danaharta ở Malaysia; Huarong, Cinda, Orient và Great Wall ở Trung Quốc; KAMCO ở Hàn Quốc, bài viết đã khẳng định, hoạt động mua bán nợ xấu là giải pháp quan trọng và hữu hiệu nhất để xử lý nhanh chóng và tận gốc vấn đề nợ xấu tăng cao trong hệ thống ngân hàng.

Bên cạnh đó, bài viết đã chỉ ra được các phương thức mua bán nợ xấu cơ bản đã được các công ty mua bán nợ quốc gia ở các nước sử dụng, đồng thời lý giải

được những yếu tố về quan điểm chính trị, mục tiêu chính sách, thực trạng của thị trường đã tác động trực tiếp tới quyết định lựa chọn phương thức mua bán nợ xấu của các công ty này. Chẳng hạn, TAMC, KAMCO mua nợ xấu theo giá trị thị trường, tức là có tính tới mức độ rủi ro và khả năng thu hồi vốn thực tế khi mua nợ xấu của các ngân hàng, trong khi bốn công ty mua bán nợ quốc gia của Trung Quốc vì mục tiêu bơm vốn cho bốn ngân hàng quốc doanh nên mua nợ xấu theo giá trị sổ sách, tức là bằng 100% giá trị ghi sổ của khoản nợ, không tính tới mức độ rủi ro và khả năng thu hồi vốn thực tế của khoản nợ. Trên cơ sở đó, bài viết đã phân tích được những ưu điểm và hạn chế của mỗi phương thức mua bán nợ đã được áp dụng ở các nước, làm bài học kinh nghiệm trong giải quyết nợ xấu ở Việt Nam hiện nay.

Cùng với đó, trong nội dung của bài viết “*Nợ xấu của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam: nguyên nhân và một số giải pháp*” của ThS. Nguyễn Thị Thanh Tú, Nguyễn Hồng Nhung, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, Số 3+4 (372+373), năm 2013, hai tác giả đã phân tích được khá sắc nét khái niệm nợ xấu phát sinh trong hoạt động của các TCTD dưới góc độ kinh tế và pháp lý. Đồng thời thông qua những so sánh về phương pháp định tính và định lượng trong việc phân loại nợ ở Việt Nam với phương pháp phân loại nợ của Ủy ban Basel II, Ngân hàng trung ương Châu Âu ECB, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, hai tác giả đã chỉ ra được sự tương đồng nhất định và xu hướng hội nhập của NHNN trong quyết tâm đưa các chuẩn mực quốc tế vào việc phân loại nợ ở Việt Nam.

Ngoài ra, hai tác giả cũng đã chỉ ra được nguyên nhân hình thành nợ xấu trong hoạt động ngân hàng ở Việt Nam thời gian qua bắt nguồn tổng thể từ những nguyên nhân khách quan từ sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới tác động tiêu cực tới nền kinh tế trong nước và những nguyên nhân chủ quan xuất phát trực tiếp từ những khoản cho vay dưới chuẩn tập trung nhiều vào mảng cho vay và thế chấp bằng bất động sản. Trên cơ sở đó, bài viết đã đưa ra được một số giải pháp quan trọng nhằm giải quyết tình trạng nợ xấu hiện nay, từ yêu cầu hoàn thiện các quy định của pháp luật có liên quan cho tới việc nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng, trong đó, mua bán các khoản nợ xấu giữa các TCTD được nhìn nhận như một giải pháp hữu hiệu có thể hướng tới.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu về các chủ thể của hoạt động mua bán nợ xấu:

Trong bài viết “*Hiện trạng thị trường mua bán nợ Việt Nam và chính sách phát triển*” của tác giả Đào Duy Huân, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 8(18), năm 2013, tác giả đã chứng minh được tính tất yếu khách quan của hoạt động mua bán nợ phát sinh từ hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng, đồng thời coi đó là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự hình thành thị trường mua bán nợ ở Việt Nam. Trên cơ sở phân tích về thực trạng của thị trường, tác giả chỉ ra những vấn đề cần được giải quyết khi hướng tới xây dựng thị trường mua bán nợ thông qua vai trò trung tâm của công ty mua bán nợ trực thuộc NHNN, đó là: công ty mua bán nợ khi mua nợ xấu của NHTM chỉ làm giảm tỷ lệ nợ xấu trên sổ sách chứ không thực sự xóa bỏ được nợ xấu; công ty mua bán nợ sẽ làm gì khi tiếp nhận các khoản nợ xấu từ các TCTD và trở thành chủ sở hữu của khoản nợ xấu; công ty mua bán nợ sau khi mua nợ xấu có tiếp tục bán lại cho các công ty có nhu cầu hay tự mình xử lý các khoản nợ xấu đó. Đây là những vấn đề rõ ràng mang tính thời sự đến thời điểm hiện nay, vì mặc dù VAMC đã đi vào hoạt động một thời gian nhưng hiệu quả hoạt động vẫn là một dấu hỏi khi chưa giải quyết được những yêu cầu, đòi hỏi then chốt trên.

Trên cơ sở các số liệu thống kê được về tỷ lệ nợ xấu và tổng giá trị nợ xấu của hệ thống ngân hàng, bài viết đã chứng minh sự tồn tại của công ty mua bán nợ trực thuộc Bộ Tài chính (DATC) và công ty mua bán nợ và khai thác tài sản trực thuộc các NHTM (AMC) không phát huy hiệu quả khi quy mô vốn của các chủ thể này quá nhỏ bé so với khối nợ xấu khổng lồ của hệ thống TCTD và phạm vi hoạt động bị bó hẹp trong giới hạn nhất định, như DATC bị giới hạn khi chỉ được mua các khoản nợ xấu của các NHTMNN và NHTMCP do Nhà nước nắm giữ cổ phần chi phối, còn các AMC bị hạn chế khi chỉ giải quyết được các khoản nợ xấu trong hệ thống, ít có khả năng tiếp cận các khoản nợ xấu của các TCTD khác.

Với ThS Đào Thị Hồ Hương, trong bài viết “*Bàn về hướng xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam*”, Tạp chí Ngân hàng, số 4, năm 2013, dưới góc độ lý luận về xử lý nợ từ hoạt động cho vay của các TCTD, tác giả có

những cách nhìn tương đối mới về thực trạng nợ xấu đang tồn tại trong hệ thống ngân hàng và những giải pháp được hướng đến nhằm xử lý thực trạng này.

Trong đó, công trình nghiên cứu này đã phân tích được vai trò của công ty mua bán nợ quốc gia và công ty quản lý nợ trực thuộc các NHTM trong việc xử lý nợ xấu. Mỗi loại chủ thể có những ưu điểm và hạn chế trong việc tiếp cận và xử lý các khoản nợ xấu. Tuy nhiên để hoạt động của những chủ thể này phát huy hiệu quả, tác giả đã khẳng định trao quyền lực và nguồn lực tài chính đủ mạnh cùng với những tháo gỡ về mặt pháp lý là những giải pháp cần thực hiện ngay.

Bên cạnh đó, về cơ chế mua bán nợ, tác giả khẳng định, công ty mua bán nợ quốc gia nên tập trung mua nợ của các NHTM, tuy nhiên thay vì thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt, công ty mua bán nợ quốc gia nên thanh toán bằng các loại trái phiếu, tín phiếu, giấy chứng nhận mua nợ,... một mặt giúp các ngân hàng làm sạch bảng cân đối kế toán, một mặt có thể sử dụng các loại giấy tờ đặc biệt này vay tái cấp vốn tại NHNN.

Bài viết “*Bàn thêm về một số giải pháp xử lý nợ xấu trong bối cảnh hiện nay*” của tác giả Cảnh Chí Hoàng, Tạp chí Tài chính, Tháng 7/2017 (Số 660), tác giả đã nhấn mạnh sự cần thiết của hoạt động mua bán nợ xấu, bên cạnh các giải pháp xử lý nợ xấu khác nhằm giải quyết nợ xấu tăng cao của hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, để mua bán nợ xấu thực sự phát huy hiệu quả tác giả cũng chỉ ra vai trò trọng tâm cần trao cho VAMC với những ưu thế và đặc quyền của mình, VAMC hoàn toàn có thể giải quyết tình trạng nợ xấu và đưa chỉ số nợ xấu của hệ thống ngân hàng về ngưỡng an toàn. Tuy nhiên, trong nỗ lực giải quyết nợ xấu, một mình VAMC có vẻ như không đủ, vì vậy tác giả cũng đề xuất các giải pháp nhằm cải thiện hiệu quả hoạt động của DATC và các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp trực thuộc các ngân hàng.

Thứ ba, các công trình nghiên cứu về phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu

Đầu tiên có thể kể tới bài viết “*Thị trường mua bán nợ - Góc nhìn từ lý thuyết cung cầu*” của ThS. Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Thị Hương Thanh, Tạp chí Ngân hàng, số 4 năm 2014.

Trước tiên phải khẳng định đây là một công trình nghiên cứu tương đối tổng thể về mua bán nợ từ hoạt động cho vay của các TCTD với các nội dung cơ bản như khái niệm mua bán nợ, chủ thể tham gia mua bán nợ, công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ, giá mua bán nợ.

Về giá mua bán nợ, thông qua việc đánh giá nhu cầu thực tế của thị trường và thực tiễn mua bán nợ trong thời gian qua, hai tác giả đã khẳng định đây là một trong những yếu tố cản trở sự phát triển của hoạt động mua bán nợ. Do chưa có sự thống nhất về định giá các khoản nợ nên có sự chênh lệch lớn giữa giá chào mua và giá chấp nhận bán. Cụ thể, thực tiễn hoạt động mua bán nợ xấu cho thấy, việc mua bán nợ (chủ yếu được tiến hành bởi công ty mua bán nợ thuộc Bộ Tài chính DATC), giá mua bán nợ dao động từ 35 – 40% giá trị nợ gốc, tức là giá trị khoản nợ đã được tính toán dựa trên khả năng thu hồi vốn thực tế. Chính cách thức xác định giá mua nợ này cản trở DATC tiếp cận tới các khoản nợ tại các NHTMNN khi chủ thể này chỉ bán nợ theo giá trị ghi sổ của khoản nợ, do liên quan tới vấn đề vốn Nhà nước và trách nhiệm quản lý.

Bên cạnh đó, khi nhận định về vai trò của các chủ thể trên thị trường mua bán nợ, hai tác giả đã chỉ ra được những vai trò nhất định của các AMC hiện nay. Sự tồn tại của các chủ thể này trong một thời gian dài đã không đem lại hiệu quả trong nỗ lực giải quyết tình trạng nợ xấu tăng cao của hệ thống ngân hàng do chỉ tập trung xử lý nợ của ngân hàng mẹ, không có khả năng tiếp cận các khoản nợ của các TCTD khác.

Có thể kể thêm bài viết của TS Hoàng Xuân Hòa, Ths Trần Kim Anh “*Vấn đề nợ xấu và một số giải pháp*”, Tạp chí Ngân hàng, số 4 (2013). Trong bài viết này, hai tác giả khẳng định việc mua bán nợ xấu của công ty mua bán nợ công phải được tiến hành theo giá trị phù hợp, tức là có tính tới sự khấu hao giá trị của khoản nợ. Lý giải cho nhận định này, nhóm tác giả chỉ ra hai lý do: (1) mua bán nợ theo

giá thị trường là phương án tối ưu nhất hạn chế những rủi ro về mặt đạo đức, đặc biệt khi các khoản nợ xấu có tài sản bảo đảm là bất động sản bị thâm định quá cao trong thời kỳ bong bóng bất động sản, (2) phương án này sẽ không gây ra những bức xúc lớn đối với người dân khi phải dùng tiền ngân sách, tức tiền đóng góp của người dân để cứu hệ thống ngân hàng.

Thứ tư, các công trình nghiên cứu về phương thức mua bán nợ xấu

Trong bài viết “*Thị trường mua bán nợ - Góc nhìn từ lý thuyết cung cầu*” của ThS. Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Thị Hương Thanh, Tạp chí Ngân hàng, số 4 năm 2014, hai tác giả chỉ ra được các phương thức mua bán nợ điển hình mà các bên có thể lựa chọn như bán nợ thông qua trung tâm bán đấu giá, chủ nợ tự bán đấu giá, các bên mua bán nợ thông qua môi giới hoặc các bên mua bán nợ thỏa thuận việc mua bán nợ. Mỗi phương thức được tiến hành theo những cách thức khác nhau với những ưu điểm và hạn chế nhất định. Tuy nhiên, khi nhìn vào các phương thức mua bán nợ thực tế đang được DATC áp dụng thấy rằng DATC bị hạn chế bởi những quy định “ngặt nghèo” của pháp luật, như DATC mua nợ theo thỏa thuận hoặc theo chỉ định của Thủ tướng Chính phủ theo phương thức thỏa thuận, đấu thầu, đấu giá theo quy định.

Đối với các công ty mua bán nợ xấu chuyên nghiệp trên thị trường, mua nợ xấu thông qua phương thức đấu giá được coi là phương thức giữ vai trò chủ đạo. Quan điểm này được nhiều tác giả phân tích làm rõ như “*Bàn về hiệu quả xử lý nợ xấu ngân hàng*” của tác giả Hoàng Thị Duyên, Tạp chí Tài Chính, Số 638, tr. 95-97; “*Ngành ngân hàng với nhiệm vụ xử lý nợ xấu: Nhìn lại giai đoạn 2011-2014 và một số khuyến nghị*”, của tác giả Tô Ngọc Hưng, Tạp chí Ngân hàng, số 3+4, tr.29-38; “*Nợ xấu trong hệ thống ngân hàng thương mại: Thực trạng và giải pháp xử lý*” của tác giả Đoàn Thị Hồng Nga, Tạp chí Tài chính, số 613, tr.30-31.

Bên cạnh phương thức đấu giá thông qua các trung tâm đấu giá chuyên nghiệp, các tác giả cũng chỉ ra rằng, các bên mua bán nợ hoàn toàn có thể lựa chọn phương thức tự thỏa thuận như trong bài viết “*Hợp đồng mua, bán nợ của tổ chức tín dụng theo pháp luật Việt Nam hiện hành - Một số vướng mắc, bất cập và đề*

xuất, kiến nghị” của tác giả Khúc Thị Phương Nhung, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số 3/2018, tr. 38-42; “*Giải pháp phát triển thị trường mua - bán nợ*”, của tác giả Trần Thị Kim Oanh, Tạp chí Kinh Tế và Dự báo, số 18, tr.18-20. So với đấu giá, phương thức này ít tốn kém hơn, thời gian thực hiện có thể nhanh chóng hơn nếu cả hai bên đều có thiện chí. Tuy nhiên, phương thức này đòi hỏi các bên có những chuyên gia đủ năng lực để đánh giá và thẩm định giá trị của khoản nợ xấu cũng như tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.

Thứ năm, các công trình nghiên cứu về công cụ thanh toán trong giao dịch mua bán nợ xấu

Trong bài viết: “*Pháp luật về phát hành trái phiếu và trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản để mua lại nợ xấu của các tổ chức tín dụng*” của TS. Nguyễn Minh Hằng và ThS. Hoàng Văn Thành, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số tháng 4 (313) năm 2018, hai tác giả khẳng định tầm quan trọng của công cụ trái phiếu bên cạnh công cụ trái phiếu đặc biệt trong quan hệ mua bán nợ xấu của VAMC với các TCTD.

Trước tiên, các tác giả đưa ra những hạn chế của công cụ trái phiếu đặc biệt đã gây nhiều khó khăn cho hoạt động VAMC mua nợ xấu của các TCTD, như: (1) trái phiếu đặc biệt không được phép chuyển nhượng; (2) TCTD chỉ được sử dụng trái phiếu đặc biệt để đề nghị vay tái cấp vốn tại NHNN; (3) TCTD phải trích lập dự phòng rủi ro trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt. Chính những hạn chế này của trái phiếu đặc biệt đã tạo tiền đề cho sự ra đời của công cụ trái phiếu.

Tuy nhiên, các tác giả cũng chỉ ra được những hạn chế cần xem xét liên quan tới công cụ trái phiếu và trái phiếu đặc biệt khi không được sự bảo lãnh của Chính phủ hay NHNN. Chính những hạn chế này đã không tạo ra sức hút với các TCTD khi lựa chọn phương án bán nợ xấu cho VAMC.

Đánh giá về công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu sẽ được công ty mua bán nợ do Nhà nước thành lập áp dụng, trong bài viết “*Bàn về hướng xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam*”, của ThS Đào Thị Hồ Hương, Tạp chí Ngân hàng, số 4, năm 2013, tác giả khẳng định “các ngân hàng sẽ

không nhận được tiền, mà chỉ nhận được một loại giấy tờ có giá như trái phiếu, tín phiếu, giấy chứng nhận mua nợ” [38,34]. Như vậy, theo quan điểm của tác giả, mua nợ xấu bằng việc phát hành giấy tờ có giá là công cụ thanh toán cơ bản nhất. Công cụ thanh toán này ít tạo ra áp lực với NSNN, đồng thời hỗ trợ quá trình điều hành của Chính phủ và Ngân hàng trung ương.

Như vậy, đối với các công trình nghiên cứu ở trong nước, hầu hết các nhà nghiên cứu đã chứng minh được sự tương đồng của pháp luật Việt Nam với các chuẩn mực quốc tế về phân loại nợ xấu, cũng như sự cần thiết phải thành lập công ty mua bán nợ hoạt động với nguồn vốn được cấp từ NSNN. Bên cạnh đó, để đảm bảo hoạt động của công ty này thực sự hiệu quả, cần thiết phải xây dựng cơ chế hoạt động đặc thù. Đồng thời, khi đánh giá về phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu và công cụ thanh toán, các nhà nghiên cứu đều cho rằng, mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách bằng việc phát hành trái phiếu đặc biệt sẽ giúp đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu, vì phương pháp này đảm bảo được đầy đủ nhất lợi ích của các TCTD khi bán nợ xấu cho công ty mua bán nợ của Nhà nước.

Tuy nhiên, những công trình nghiên cứu đã công bố còn tồn tại nhiều điểm hạn chế, như vẫn còn nhiều nhà nghiên cứu có sự nhầm lẫn giữa khái niệm “nợ xấu” và “nợ khó đòi”, đồng thời chưa có những luận giải khoa học về nguyên nhân dẫn đến tình trạng áp dụng không thống nhất phương pháp phân loại nợ xấu giữa các TCTD và NHNN. Bên cạnh đó, mặc dù bước đầu chứng minh được sự cần thiết và vai trò của công ty mua bán nợ của Nhà nước trong việc mua bán nợ xấu, tuy nhiên các nhà nghiên cứu chưa chứng minh được vai trò của chủ thể này trong việc hình thành thị trường mua bán nợ xấu, cũng như chưa có những nhìn nhận thấu đáo về tầm quan trọng của các công ty mua bán nợ tư nhân.

1.1.2. Tình hình nghiên cứu ở ngoài nước

Giống như một quy luật tất yếu của quá trình phát triển, khi hệ thống ngân hàng phát triển quá nóng cộng với những khoản cho vay dưới chuẩn tập trung vào thị trường bất động sản đã dẫn tới tình trạng nợ xấu tăng cao nhanh chóng gây bất ổn cho hệ thống ngân hàng và nền kinh tế. Khủng hoảng ở khu vực Đông Á và

Đông Nam Á giai đoạn năm 1997 – 2004 hay nước Mỹ năm 2008 là những minh chứng rõ nét cho quy luật này. Trước diễn biến bất ổn của hệ thống ngân hàng, rất nhiều các công trình nghiên cứu tập trung vào việc phân tích lý luận và thực trạng pháp luật về mua bán nợ xấu, trên cơ sở đó từng bước đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả pháp luật trong việc giải quyết vấn đề nợ xấu.

Thứ nhất, các công trình nghiên cứu về nợ xấu – đối tượng của hoạt động mua bán

Đầu tiên có thể kể tới Báo cáo số 115 năm 2002 của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) được thực hiện bởi nhóm tác giả Guonan Ma và Ben S C Fung: “*Các công ty quản lý tài sản của Trung Quốc*”⁵. Trong công trình nghiên cứu này, nhóm tác giả nhận thấy trong khi ở các quốc gia châu Á khác, nợ xấu là kết quả của quá trình sụp đổ thị trường tài chính và bong bóng bất động sản thì ở Trung Quốc, nguyên nhân gây ra nợ xấu là do cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, khi hoạt động của các NHTMNN tựa như những cơ quan hành chính Nhà nước, có nhiệm vụ cho vay theo chỉ định cho các công ty và dự án Nhà nước vốn làm ăn kém hiệu quả, thậm chí thua lỗ. Những khoản vay này cũng không qua quy trình phân tích tín dụng chặt chẽ nên rủi ro tín dụng là điều không tránh khỏi. Việc nhóm tác giả Guonan Ma và Ben S C Fung chỉ ra được những nguyên nhân căn bản dẫn đến sự hình thành nợ xấu có ý nghĩa thực tiễn lớn đối với các nhà lập pháp ở Trung Quốc cũng như Việt Nam.

Một công trình nghiên cứu chuyên sâu khác về nợ xấu có thể kể tới: “*Các khoản cho vay không hiệu quả và Các công ty quản lý tài sản ở Trung Quốc: Những thách thức đối với pháp luật và quản lý để xử lý và thu hồi nợ hiệu quả.*”⁶ của thạc sĩ luật học LI Jiangfeng, Trường Luật xuyên quốc gia, Đại học Bắc Kinh, năm 2013. Về cách thức phân loại nợ, tác giả cho rằng vẫn chưa có tiêu chuẩn về phân loại nợ được áp dụng thống nhất giữa tất cả các nước trên thế giới, việc phân loại nợ

⁵ Guonan Ma and Ben S C Fung (2002), “China’s asset management corporations”, BIS Working Papers, No 115

⁶ LI Jiangfeng: “Non-Performing Loans and Asset Management Companies in China: Legal and Regulatory Challenges for Achieving Effective Debt Resolution and Recovery, Peking University School of Transnational Law, 2013.

xấu chủ yếu phụ thuộc vào khung pháp lý của cơ chế phân loại nợ tại các quốc gia khác nhau. Mặc dù 90 ngày thường được coi là cơ sở của việc phân loại giữa các khoản vay được đánh giá là nợ thông thường hay nợ xấu, nhưng đây không phải là một tiêu chuẩn phổ quát hay ràng buộc đối với tất cả các nước trên thế giới. Góc nhìn này của tác giả khá đồng nhất với phương pháp phân loại nợ được Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc ban hành năm 2001, khi các ngân hàng được chủ động trong việc xếp loại nợ xấu mà không bắt buộc phải theo mốc quá hạn 90 ngày của thông lệ quốc tế.

Cách thức tiếp cận về nợ xấu của LI Jiangfeng rất có ý nghĩa vì về nguyên tắc, cách thức phân loại nợ xấu được Quỹ tiền tệ quốc tế IMF hay Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (BCBS) đưa ra chỉ mang tính tham khảo, không bắt buộc các quốc gia phải tuân theo. Tuy nhiên, tác giả cũng nhận định, việc xây dựng cơ chế phân loại nợ thống nhất, phù hợp với các chuẩn mực quốc tế sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động đánh giá thực trạng nợ xấu của hệ thống ngân hàng cũng như nâng cao công tác quản lý, điều hành của ngân hàng trung ương.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu về chủ thể mua bán nợ xấu

Cũng trong Báo cáo số 115 năm 2002 của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) được thực hiện bởi nhóm tác giả Guonan Ma và Ben S C Fung: “*Các công ty quản lý tài sản của Trung Quốc*”, sau khi có những đánh giá khái quát về nguyên nhân hình thành nợ xấu, nhóm tác giả khẳng định quá trình xử lý nợ xấu ở Trung Quốc gắn trực tiếp với các biện pháp cải cách được thực hiện bởi Chính phủ nhằm chuyển đổi nền kinh tế Trung Quốc từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế kinh tế thị trường cũng như quá trình tái cấu trúc các doanh nghiệp nhà nước. Chính vì vậy, thay vì chỉ thành lập một công ty mua bán nợ như các quốc gia khác, Trung Quốc đã phải thành lập tới bốn công ty (bốn AMC), với nguồn vốn được cấp từ Bộ Tài chính là 3%, vốn tín dụng của Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) là 14% và từ phát hành trái phiếu là 83% [101,15]. Nhóm tác giả nhận mạnh, cơ cấu nguồn vốn cho hoạt động của các AMC được cân đối rất hợp lý và được coi là một bài học quý cho các nước khác.

Tuy nhiên, hiệu quả hoạt động của bốn AMC này không như mong đợi. Nguyên nhân chính được nhóm tác giả chỉ ra đó là xuất phát từ cơ chế quản lý chồng chéo mà Chính phủ Trung Quốc đã xây dựng cho các công ty này. Cụ thể, bốn AMC này chịu sự quản lý điều tiết của Bộ Tài chính, PBoC, Ủy ban chứng khoán Trung Quốc (CSRC); chịu sự kiểm tra, giám sát của Ủy ban quản lý và giám sát các tài sản nhà nước, Cục Kiểm toán Nhà nước và Bộ Thương mại. Với cơ chế quản lý như vậy, hoạt động của bốn AMC bị mất đi tính chủ động, sáng tạo, linh hoạt, đồng thời giảm hiệu quả xử lý nợ xấu khi phải có trách nhiệm giải trình và xin phép quá nhiều cơ quan. Điều này trái ngược với cách thức quản lý các AMC tại các nước như Hàn Quốc, Nhật Bản, Thái Lan,...

Trong công trình nghiên cứu *“Các khoản cho vay không hiệu quả và Các công ty quản lý tài sản ở Trung Quốc: Những thách thức đối với pháp luật và quản lý để xử lý và thu hồi nợ hiệu quả.”* của thạc sĩ luật học LI Jiangfeng, khi xem xét về vai trò của công ty mua bán nợ trên thị trường, tác giả đã nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc thành lập tới bốn công ty mua bán nợ của Nhà nước năm 1999. Vì khác với các nước chỉ thành lập một công ty mua bán nợ của Nhà nước, khối nợ xấu khổng lồ đã buộc Chính phủ nước này phải thành lập bốn AMC. Đồng thời, cả bốn công ty này đều hoạt động dưới mô hình công ty TNHH một thành viên với sự tạo dựng vốn ban đầu từ Bộ Tài chính, sau đó là nguồn vay của PBoC và phát hành trái phiếu đặc biệt. Theo đánh giá của tác giả, đây chính là nguyên nhân lý giải cho việc tại sao từ năm 1999 – 2003, bốn AMC mua nợ xấu theo giá trị sổ sách bằng việc phát hành trái phiếu đặc biệt chứ không phải theo giá trị thực tế của khoản nợ. Qua quá trình phân tích, tác giả cũng tìm thấy một nguyên nhân nữa ảnh hưởng tới phương thức này đó là việc Chính phủ theo đuổi mục tiêu duy trì tăng trưởng ở tốc độ cao và cải tổ hệ thống ngân hàng quốc doanh [105,103].

Thứ ba, các công trình nghiên cứu về phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu

Một công trình nghiên cứu về nợ xấu ở Malaysia và Thái Lan rất đáng chú ý đó là Báo cáo số 398 năm 2012 của Masahiro Inoguchi đến từ Đại học Kyoto Sangyo, Nhật Bản: *“Các khoản cho vay không hiệu quả và các công ty quản lý tài sản*

công ở Malaysia và Thái Lan”⁷ Tác giả nhấn mạnh, để giải quyết cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 ảnh hưởng tới nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, Chính phủ Malaysia đã thành lập công ty quản lý tài sản (Danaharta) năm 1998. Công ty này mua các khoản nợ xấu theo giá trị thị trường, trên cơ sở thẩm định của kiểm toán viên độc lập. Việc Danaharta lựa chọn mua nợ xấu của các ngân hàng theo giá trị thị trường dựa trên sự minh bạch về thông tin nợ xấu và sự chuẩn mực về xếp hạng nợ xấu được các ngân hàng thực hiện giúp quá trình thẩm định giá trị nợ xấu của kiểm toán viên độc lập nhanh chóng và hiệu quả [106,4].

Riêng ở Thái Lan, quan điểm điều hành của Chính phủ có điểm khác biệt so với Malaysia, theo đó trọng trách giải quyết nợ xấu được trao cho các công ty mua bán nợ tư nhân, bên cạnh việc thành lập Cơ quan tái cấu trúc tài chính (FRA) năm 1998 để xử lý các vấn đề của các công ty tài chính. Phải mãi đến năm 2001, Thái Lan mới chính thức thành lập Công ty quản lý tài sản công (TAMC) khi nhận thấy hiệu quả của các công ty mua bán nợ tư nhân và FRA không hiệu quả. Theo đánh giá của tác giả, tình trạng nợ xấu của Thái Lan có thể đã được giải quyết nhanh chóng hơn nếu TAMC được thành lập ngay từ đầu [106,15].

Về tình hình nợ xấu ở các nước sử dụng đồng tiền chung Euro, một nghiên cứu của Quỹ tiền tệ quốc tế IMF do nhóm tác giả Shekhar Aiyar, Wolfgang Bergthaler, Jose M. Garrido, Anna Ilyina, Andreas Jobst, Kenneth Kang, Dmitriy Kovtun, Yan Liu, Dermot Monaghan và Marina Moretti thực hiện năm 2015 có tên: “*Chiến lược giải quyết những khoản cho vay có vấn đề của châu Âu*”⁸ chỉ ra rằng, sự thiếu đồng bộ về cơ chế pháp lý chính là nguyên nhân dẫn đến tình trạng kém hiệu quả trong việc xử lý nợ xấu tăng cao do sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu năm 2008. Đầu tiên, nhóm tác giả nhận thấy thành lập các công ty mua bán nợ tập trung và phát triển thị trường mua bán nợ không phải là giải pháp ưu tiên được Chính phủ của các nước trong khu vực EU lựa chọn. Những giải pháp hướng tới đầu tiên đó là tái cơ cấu hệ thống ngân hàng và doanh nghiệp, áp dụng cơ

⁷ Masahiro Inoguchi: “Nonperforming loans and public asset management companies in Malaysia and Thailand”, No. 398, 2012.

⁸ Shekhar Aiyar, Wolfgang Bergthaler, Jose M. Garrido, Anna Ilyina, Andreas Jobst, Kenneth Kang, Dmitriy Kovtun, Yan Liu, Dermot Monaghan, and Marina Moretti: “A Strategy for Resolving Europe’s Problem Loans”, IMF, 2015

chế phá sản ngân hàng và những gói tài trợ tài chính của Chính phủ. Vì vậy cơ cấu thị trường mua bán nợ rất nhỏ với sự tham gia bởi liên doanh giữa các ngân hàng, các nhà đầu tư. Nghiên cứu cũng chỉ ra rằng, mặc dù các ngân hàng được phép thành lập các công ty mua bán nợ tuy nhiên thị trường mua bán nợ rất hạn chế và gần như không thể hình thành. Nguyên nhân của hiện trạng này được chỉ ra bao gồm: (1) Thông tin tín dụng không đầy đủ về khách hàng vay; (2) thiếu giấy phép và các chế độ quy định để cho phép các tổ chức phi ngân hàng sở hữu và quản lý nợ xấu; (3) định giá quá cao tài sản thế chấp và thị trường bất động sản thiếu tính thanh khoản; (4) giá trị thu hồi thấp, một phần do thủ tục tố tụng quá dài tại tòa án; và (5) không trích lập đủ quỹ dự phòng nợ xấu [111,22].

Vì vậy, chỉ đến khi các công ty quản lý tài sản do Nhà nước thành lập hoạt động từ nguồn vốn lấy từ NSNN, hiệu quả xử lý nợ xấu mới tăng lên và thị trường mua bán nợ xấu mới được hình thành, ví dụ ở Hungary, Ireland, Latvia, Slovenia và Tây Ban Nha. Kinh nghiệm của SAREB ở Tây Ban Nha là một bài học. SAREB được thành lập như một phương tiện tập trung cho việc mua tài sản của các ngân hàng Tây Ban Nha với giá thấp hơn giá ghi sổ của khoản nợ. So với các giải pháp khác, nghiên cứu chỉ ra việc thành lập các AMC có ưu thế như: Tập trung nợ vào AMC giúp giảm chi phí dự phòng rủi ro, đặc biệt là khi các khoản vay nằm rải rác trong hệ thống ngân hàng, tài sản thế chấp cầm cố cho nhiều chủ nợ và giá trị nợ xấu lớn hơn nhiều so với khả năng tự xử lý của các ngân hàng [111,30].

Thứ tư, các công trình nghiên cứu về phương thức mua bán nợ xấu

Trong báo cáo số 115 năm 2002 của Ngân hàng Thanh toán Quốc tế (BIS) được thực hiện bởi nhóm tác giả Guonan Ma và Ben S C Fung: “*Các công ty quản lý tài sản của Trung Quốc* và công trình nghiên cứu “*Các khoản cho vay không hiệu quả và Các công ty quản lý tài sản ở Trung Quốc: Những thách thức đối với pháp luật và quản lý để xử lý và thu hồi nợ hiệu quả.*” của thạc sĩ luật học LI Jiangfeng, các tác giả không có nhiều phân tích về phương thức mua bán nợ xấu được bốn công ty mua bán nợ xấu do Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc thành lập. Các phương thức mua bán nợ xấu không được phân tích trong các công trình này bởi phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu được cả bốn công ty này sử dụng là mua

bán nợ theo giá trị sổ sách. Vì vậy, mua bán nợ xấu mang dáng dấp của hoạt động chuyển nợ từ bốn NHTM quốc doanh sang bốn công ty mua bán nợ.

Khác với phương pháp xác định giá của các công ty mua bán nợ Trung Quốc, giá mua bán nợ xấu được các công ty mua bán nợ xấu ở Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc và các nước sử dụng đồng tiền chung Châu Âu xác định theo giá trị thị trường vì vậy phương thức mua bán nợ xấu được sử dụng chủ yếu thông qua đấu giá như trong công trình nghiên cứu của nhóm tác giả Shekhar Aiyar, Wolfgang Bergthaler, Jose M. Garrido, Anna Ilyina, Andreas Jobst, Kenneth Kang, Dmitriy Kovtun, Yan Liu, Dermot Monaghan và Marina Moretti: *“Chính sách giải quyết nợ của châu Âu”* ở các nước Hungary, Ireland, Latvia, Slovenia và Tây Ban Nha hay Báo cáo số 398 năm 2012 của Masahiro Inoguchi đến từ Đại học Kyoto Sangyo, Nhật Bản: *“Các khoản cho vay không hiệu và các công ty quản lý tài sản công ở Malaysia và Thái Lan”*. Sự phát triển của các trung tâm đấu giá chuyên nghiệp có tác động mạnh mẽ thúc đẩy các bên nhanh chóng giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán nợ xấu.

Thứ năm, các công trình nghiên cứu về công cụ thanh toán trong giao dịch mua bán nợ xấu

Trong bài nghiên cứu về *“Các công ty quản lý tài sản của Trung Quốc”*, nhóm tác giả Guonan Ma và Ben S C Fung chỉ ra, với cơ cấu nguồn vốn hoạt động của bốn AMC có tới 83% nguồn vốn từ việc phát hành trái phiếu, công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu bằng việc phát hành trái phiếu đặc biệt là công cụ cơ bản và tối ưu nhất. Nhận định này cũng nhận được sự đồng tình của tác giả LI Jiangfeng trong bài nghiên cứu: *“Các khoản cho vay không hiệu quả và Các công ty quản lý tài sản ở Trung Quốc: Những thách thức đối với pháp luật và quản lý để xử lý và thu hồi nợ hiệu quả”*.

Không chỉ ở Trung Quốc, những nghiên cứu của các tác giả về mua bán nợ xấu ở Thái Lan, Malaysia, EU cũng chỉ ra, mua bán nợ xấu bằng phát hành trái phiếu đặc biệt là phương án hiệu quả nhất, phù hợp với tình hình ngân sách của các quốc gia nhất. Nghiên cứu của Masahiro Inoguchi chỉ ra nguồn vốn được cấp từ

ngân sách cho hoạt động của các AMC ở Thái Lan và Malaysia rất thấp, chủ yếu từ phát hành trái phiếu của AMC (Thái Lan là 90%, Malaysia là 60%). Hay như trong công trình nghiên cứu của nhóm tác giả Shekhar Aiyar, Wolfgang Bergthaler, Jose M. Garrido, Anna Ilyina, Andreas Jobst, Kenneth Kang, Dmitriy Kovtun, Yan Liu, Dermot Monaghan và Marina Moretti: “*Chiến lược giải quyết những khoản cho vay có vấn đề của châu Âu*” ở các nước Hungary, Ireland, Latvia, Slovenia và Tây Ban Nha cũng cho thấy, mua bán nợ xấu bằng phát hành trái phiếu là phương án quan trọng nhất được lựa chọn.

Bên cạnh đó, để đảm bảo công cụ thanh toán là trái phiếu đặc biệt do công ty mua bán nợ của Nhà nước có tính thanh khoản cao và được các ngân hàng chấp nhận, các công trình này chỉ ra rằng cần phải xây dựng cơ chế bảo lãnh của Chính phủ hoặc ngân hàng trung ương. Theo đó, ở Trung Quốc, trái phiếu do các AMC phát hành do Bộ Tài chính bảo lãnh, ở Malaysia do Chính phủ, ở Thái Lan do ngân hàng trung ương, và ở các nước EU cũng do ngân hàng trung ương.

Như vậy, hầu hết các công trình nghiên cứu của các tác giả trên thế giới đã bước đầu chỉ ra được tiêu chí quá hạn 90 ngày là cơ sở để xếp một khoản nợ vào nhóm nợ xấu, đồng thời, các công trình này cũng đã chỉ ra sự cần thiết phải thành lập công ty quản lý tài sản do NSNN cấp vốn và sự hỗ trợ của Chính phủ. Trong đó, công ty này sẽ tồn tại và hoạt động riêng lẻ hay với vai trò trung tâm bên cạnh các công ty mua bán nợ tư nhân tùy thuộc vào hiện trạng nợ xấu cũng như mục tiêu phát triển thị trường mua bán nợ của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, dù tồn tại như thế nào, hầu hết các công trình nghiên cứu đều chỉ ra được tầm quan trọng của các chủ thể này đối với việc giải quyết nợ trong hệ thống ngân hàng thuộc vào thể chế chính trị, điều kiện phát triển kinh tế và thực trạng nợ xấu của hệ thống ngân hàng.

Bên cạnh đó, khi nghiên cứu về phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu, các công trình đã chỉ ra có hai phương pháp được các quốc gia lựa chọn: một là mua bán theo giá trị ghi sổ, hai là mua bán theo giá trị thị trường. Theo đó, tùy thuộc vào mục tiêu xử lý nợ xấu của từng quốc gia, phương pháp mua bán nợ xấu theo giá trị ghi sổ hay giá trị thị trường sẽ được lựa chọn. Các phương pháp này có tác động quan trọng tới phương thức mua bán nợ xấu được các bên lựa chọn.

Ngoài ra, một nội dung quan trọng cũng nhận được sự đồng thuận của các nhà nghiên cứu đó là về công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu. Theo đó, các nhà nghiên cứu cho rằng, để giảm áp lực lên NSNN, cần thiết phải phát hành trái phiếu làm công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa công ty mua bán nợ hoạt động từ nguồn vốn cấp từ ngân sách với các ngân hàng, thay vì thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt như các quan hệ mua bán tài sản thông thường. Những lập luận và đánh giá này có ý nghĩa thực tiễn, là bài học có giá trị không chỉ đối với các nhà nghiên cứu ở trong nước, mà còn có giá trị đối với các nhà lập pháp trong công tác xây dựng pháp luật cho hoạt động của VAMC.

1.2. Đánh giá khái quát về tình hình nghiên cứu liên quan tới các nội dung cơ bản của luận án

Thông qua việc nghiên cứu và đánh giá những công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước liên quan trực tiếp tới nội dung của luận án, có thể rút ra một số kết luận như sau:

Thứ nhất, về các công trình nghiên cứu liên quan tới đối tượng của quan hệ mua bán nợ xấu

Hầu hết các công trình nghiên cứu đều có chung quan điểm trong việc phân loại nợ xấu. Theo đó, dựa trên phương pháp phân loại nợ được các tổ chức uy tín trên thế giới đưa ra như của Ủy ban Basel II, Ngân hàng trung ương Châu Âu ECB, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, nợ xấu cơ bản được xác định dựa trên hai yếu tố là: nợ quá hạn trên 90 ngày và khả năng trả nợ đáng ngờ. Tác giả Nguyễn Thị Tú khẳng định: “Về cơ bản một khoản nợ được coi là nợ xấu khi quá hạn trả lãi và/hoặc gốc trên 90 ngày, hoặc các khoản lãi chưa trả từ 90 ngày trở lên đã được nhập gốc, tái cấp vốn hoặc chậm trả theo thỏa thuận, hoặc các khoản phải thanh toán đã quá hạn 90 ngày nhưng có lý do chắc chắn để nghi ngờ về khả năng khoản vay sẽ được thanh toán đầy đủ” [88,7]. Quan điểm này cũng nhận được sự ủng hộ của các nhà nghiên cứu khác khi đưa ra cách thức phân loại nợ trong hoạt động ngân hàng, như trong các công trình nghiên cứu của tác giả Trà Đình Thử, Nguyễn Thị Hoài Phương, Phạm Thị Thương. Khi nghiên cứu về vấn đề này, các nhà nghiên cứu trên thế giới cũng có chung quan điểm về cơ sở để xác định nợ xấu, đồng thời còn chỉ ra những

khoản nợ xấu này được hình thành chủ yếu từ quan hệ hợp đồng cho vay giữa ngân hàng và khách hàng.

Sự thống nhất này đạt được từ góc độ lý luận của các nhà nghiên cứu cho tới góc độ xây dựng pháp luật thực định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Mặc dù các nhà khoa học trong nước và ngoài nước khá nhất trí về phương pháp phân loại nợ nhưng trên thực tế, các nhà hoạt động thực tiễn ở Việt Nam lại dường như chưa có sự đồng thuận trong cách hiểu và vận dụng phương pháp này. Thực tiễn chỉ ra rằng, khi phân loại nợ và xếp một khoản nợ vào nhóm nợ xấu, bản thân giữa các NHTM nói riêng và TCTD nói chung đang tồn tại những cách hiểu và vận dụng không thống nhất. Thêm vào đó, giữa TCTD và NHNN dường như cũng đang tồn tại vấn đề tương tự. Trong khi NHNN muốn áp dụng triệt để các chuẩn mực quốc tế về phương pháp phân loại nợ theo cơ sở quá hạn 90 ngày thì các TCTD vì những lợi ích riêng của mình lại cố gắng trì hoãn hoặc lựa chọn phương pháp phân loại nợ khác. Đây thực sự là vấn đề lớn nhưng lại chưa được nhiều công trình nghiên cứu tiếp cận và giải quyết. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, luận án một mặt củng cố cơ sở lý luận về phân loại nợ xấu, mặt khác đưa ra các cơ sở xếp hạng các nhóm nợ xấu thống nhất giữa các TCTD.

Thứ hai, về các công trình nghiên cứu liên quan tới chủ thể tham gia mua bán nợ xấu

Nếu như các công trình nghiên cứu về đối tượng của quan hệ mua bán nợ xấu cho thấy có sự tương đồng trong quan điểm của các nhà nghiên cứu về phương pháp phân loại nợ, các công trình nghiên cứu về chủ thể tham gia mua bán nợ vẫn còn rất nhiều các quan điểm trái chiều. Sự bất đồng quan điểm này không chỉ gắn với vấn đề như chủ thể nào được tham gia vào hoạt động mua bán nợ xấu ngân hàng mà còn gắn với vai trò của từng loại chủ thể ra sao trên thị trường mua bán nợ; nếu Nhà nước thành lập các công ty mua bán nợ tập trung thì các chủ thể này sẽ hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần hay công ty TNHH một thành viên; nguồn vốn được lấy từ đâu để hoạt động... Nguyên nhân chủ yếu dẫn đến những quan điểm khác biệt giữa các nhà nghiên cứu xuất phát từ sự phụ thuộc của tác giả liên quan tới thể chế chính trị của quốc gia, điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, thậm chí là sự

khác biệt giữa các giai đoạn phát triển của thị trường mua bán nợ khi chưa có sự can thiệp của Nhà nước với giai đoạn khi đã có sự can thiệp của Nhà nước.

Với các nhà nghiên cứu ở trong nước có thể dễ dàng chia các công trình nghiên cứu ra làm hai phần với mốc sự kiện đặc biệt là sự ra đời của VAMC năm 2013. Nếu như trước khi VAMC được thành lập, hầu hết sự tập trung của các nhà nghiên cứu hướng vào công ty mua bán nợ thuộc Bộ Tài chính (DATC) và các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc các TCTD (AMC), đồng thời bắt đầu đưa ra các khuyến nghị đối với mô hình của công ty mua bán nợ tập trung khi Nhà nước thành lập, thì sau khi VAMC ra đời, các nhà nghiên cứu gần như hoàn toàn bỏ rơi vai trò của các chủ thể này đối với thị trường. Đây là một sai lầm, bởi thực tiễn ở Thái Lan, Malaysia, Indonesia, Trung Quốc đã chỉ ra, sự tồn tại của công ty mua bán nợ do Nhà nước thành lập chỉ ở một giai đoạn lịch sử nhất định với sứ mệnh chung là giải quyết nhanh chóng tình trạng nợ xấu tăng cao ở quốc gia đó. Sự tồn tại này mang tính định hướng thị trường nhằm phát huy hiệu quả hoạt động của các công ty mua bán nợ tư nhân hướng tới việc thành lập thị trường mua bán nợ xấu.

Trong bài viết *“Hiện trạng thị trường mua bán nợ Việt Nam và chính sách phát triển”*, thông qua việc phân tích vai trò của DATC và hơn 20 AMC trên thị trường, tác giả nhấn mạnh đến tầm quan trọng của việc xây dựng quy chế pháp lý đặc thù để phát huy hiệu quả hơn nữa hoạt động của các chủ thể này. Trong khuyến nghị của mình, tác giả khẳng định: “Để hình thành thị trường mua bán nợ xấu, việc thành lập công ty mua bán nợ trực thuộc NHNN rất quan trọng” [32,23]. Khi công ty này ra đời sẽ mang tính định hướng cho sự phát triển của thị trường. Tuy nhiên, tác giả lại không chỉ ra được mô hình hoạt động, phương án mua bán nợ xấu của chủ thể này.

Cũng nghiên cứu về vai trò của công ty mua bán nợ do Nhà nước thành lập, tác giả Đào Thị Hồ Hương tập trung nhấn mạnh tới vai trò của Chính phủ trong việc tạo ra quyền lực đủ mạnh và cơ chế hoạt động đủ linh hoạt cho chủ thể này nếu muốn phát huy hiệu quả của hoạt động mua bán nợ xấu của NHTM. Theo đó, tác giả khẳng định: *“Công ty quản lý tài sản (AMC) được hình thành phải có định hướng và quyền lực rõ ràng. Quyền lực của AMC phải được giao với nguồn ngân*

sách nhất định và thời hạn cụ thể” [38,33]. Đây là quan điểm rất phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam hiện nay.

Đây cũng là quan điểm được hầu hết các nhà nghiên cứu trên thế giới ủng hộ. Ở Trung Quốc, vai trò của các công ty quản lý tài sản của Nhà nước vô cùng quan trọng. Như trong nghiên cứu của hai tác giả Guonan Ma và Ben S C Fung khẳng định năm 1999, Trung Quốc thiết lập bốn AMC nhằm tiếp thu, quản lý và xử lý nợ xấu từ bốn NHTM quốc doanh lớn. Nguồn lực tài chính bốn AMC ban đầu bao gồm ba yếu tố sau đây: 10 tỷ nhân dân tệ vốn được cung cấp bởi Bộ Tài chính cho mỗi AMC, một khoản vay mới là 548 tỷ nhân dân tệ từ PBoC, và 846 tỷ nhân dân tệ trái phiếu do các AMC phát hành (với lãi suất 2,25 %). Mặc dù không được quy định rõ ràng, các trái phiếu đã mặc nhiên được bảo đảm bởi Bộ Tài chính [101,12]. Hay như ở khu vực sử dụng đồng tiền chung Euro, nghiên cứu của nhóm tác giả đến từ Quỹ tiền tệ quốc tế IMF kết luận khi đánh giá vai trò của các AMC được thành lập ở các nước như Hungary, Ireland, Latvia, Slovenia và Tây Ban Nha. Chỉ đến khi các AMC được thành lập, hiệu quả xử lý nợ xấu mới thực sự phát huy và thị trường mua bán nợ xấu mới bắt đầu hình thành.

Như vậy, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã có những phân tích cụ thể để làm sáng tỏ vai trò của các công ty mua bán nợ với nguồn vốn lấy từ NSNN trong việc xử lý tình trạng nợ xấu và định hướng phát triển thị trường mua bán nợ. Tuy nhiên, về hình thức pháp lý và nguồn vốn hoạt động của mô hình này cũng như chính sách bảo lãnh của Chính phủ hoặc ngân hàng trung ương đảm bảo cho hoạt động mua bán nợ xấu chưa được các tác giả nghiên cứu thấu đáo. Ngoài ra, hầu như các tác giả không có những nhìn nhận đúng về vai trò quan trọng của các công ty mua bán nợ tư nhân trong việc xây dựng thị trường mua bán nợ xấu tập trung. Vì vậy, đây sẽ là một trong các vấn đề cốt lõi được luận án tập trung nghiên cứu.

Thứ ba, về các công trình nghiên cứu liên quan tới phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu

Hầu hết các công trình nghiên cứu đều chỉ ra có hai phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu được lựa chọn, đó là xác định theo giá trị thị trường hoặc theo giá trị ghi sổ. Hai phương pháp xác định giá này được xác lập trong những quan hệ mua bán nợ khác nhau với sự tham gia của các chủ thể khác nhau. Theo đó, việc mua bán nợ xấu theo giá trị ghi sổ của khoản nợ được xác lập khi các công ty mua bán nợ do Nhà nước thành lập mua nợ xấu của hệ thống ngân hàng, còn việc mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường được xác lập chủ yếu bởi quan hệ mua bán có sự tham gia của công ty mua bán nợ tư nhân hoặc công ty mua bán nợ của Nhà nước khi không chịu áp lực về thực hiện mục tiêu quản lý nhà nước về tiền tệ, tín dụng, ngân hàng.

Một trong những quốc gia thực hiện triệt để nhất nguyên tắc mua bán nợ xấu theo giá trị trên sổ sách kế toán là Trung Quốc. Một nghiên cứu của tác giả LI Jiangfeng cho thấy năm 1999, khi bốn AMC Huarong, Cinda, Orient và Great Wall được thành lập, cả bốn AMC mua nợ xấu theo giá trị sổ sách bằng việc phát hành trái phiếu đặc biệt chứ không phải theo giá trị thực tế của khoản nợ. Qua quá trình phân tích, tác giả tìm thấy nguyên nhân ảnh hưởng tới phương thức này đó mục đích của Chính phủ Trung Quốc hướng tới bên cạnh việc đưa tỷ lệ nợ xấu về ngưỡng an toàn còn nhằm bơm vốn cho bốn ngân hàng quốc doanh để duy trì tốc độ tăng trưởng của nền kinh tế. Kết quả nghiên cứu này cũng nhận được sự đồng thuận của hai tác giả Guonan Ma và Ben S C Fung trong bài *“Các công ty quản lý tài sản của Trung Quốc”*.

Đối với các nhà nghiên cứu trong nước, trước khi VAMC ra đời, hầu hết các công trình nghiên cứu đều nhấn mạnh tới tầm quan trọng của việc thành lập công ty mua bán nợ sử dụng vốn NSNN. Ở đó, các tác giả định hướng công ty này sẽ mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường, tức là dựa trên giá trị thực tế của nợ xấu tại thời điểm giao kết, chứ không theo giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu như trong bài viết *“Bàn về hướng xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam”*. Nguyên nhân được các tác giả lý giải cho đề xuất này vì phương án này không gây áp lực lên ngân sách vốn đã rất eo hẹp ở Việt Nam và phản ánh đúng bản chất của quan hệ mua bán trên thị trường.

Đối với các quốc gia như Thái Lan, Malaysia, Hàn Quốc hay khu vực EU, mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường là phương án phổ biến nhất. Ở các quốc gia này giá mua trung bình dao động từ khoảng $\frac{1}{3}$ đến $\frac{1}{2}$ giá trị sổ sách của khoản nợ xấu. Nhìn chung, phương pháp định giá theo giá trị thị trường hạn chế được rủi ro về mặt đạo đức cũng như tâm lý bức xúc của xã hội khi sử dụng tiền nộp thuế của người dân để giải quyết vấn đề nợ xấu.

Như vậy, hầu hết các công trình nghiên cứu đều thống nhất có hai phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu, gồm mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường và theo giá trị sổ sách. Tùy thuộc vào điều kiện kinh tế - xã hội của mỗi quốc gia, áp lực đối với NSNN cũng như mục tiêu theo đuổi của Chính phủ khi mua bán nợ xấu của hệ thống ngân hàng, phương pháp mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường hay giá trị sổ sách sẽ được lựa chọn. Tuy nhiên các công trình này chưa làm rõ được những điều kiện mà các khoản nợ xấu phải thỏa mãn để công ty mua bán nợ lựa chọn việc mua bán theo giá trị thị trường hay giá trị sổ sách.

Bên cạnh đó, nguyên tắc xác định giá nợ xấu theo giá trị thị trường cũng cần được nghiên cứu làm sáng tỏ thêm. Việc mua nợ xấu bằng $\frac{1}{3}$ hay $\frac{1}{2}$ hay một tỷ lệ khác của khoản nợ xấu cần được làm rõ bằng những luận chứng cụ thể. Đây là yêu cầu quan trọng mà các công trình đã nghiên cứu chưa giải quyết thấu đáo.

Thứ tư, về các công trình nghiên cứu liên quan tới phương thức mua bán nợ xấu

Các công trình nghiên cứu của các tác giả trong và ngoài nước đều chỉ ra hai phương thức cơ bản các bên có thể lựa chọn bao gồm thỏa thuận hoặc thông qua đấu giá. Việc lựa chọn phương thức mua bán nào chịu sự ảnh hưởng rất lớn bởi phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu, bên cạnh yếu tố về nguồn vốn được sử dụng để thanh toán trong quan hệ mua bán này. Theo đó, phương thức mua bán nợ xấu thông qua đấu giá được lựa chọn khi các bên mua bán theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu. Việc sử dụng phương thức này có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo quyền lợi và hạn chế rủi ro đối với các bên.

Đối với các quan hệ mua bán nợ xấu sử dụng phương pháp xác định giá theo giá trị sổ sách của khoản nợ xấu như ở Trung Quốc, các công trình đều khẳng định, thỏa thuận là phương pháp chính vì việc mua bán nợ giống như việc chuyển giao nợ xấu từ TCTD bán nợ sang các công ty mua nợ xấu hoạt động từ NSNN.

Thứ năm, về các công trình nghiên cứu liên quan tới công cụ thanh toán trong giao dịch mua bán nợ xấu

Để đảm bảo quan hệ mua bán nợ xấu thực sự phát huy hiệu quả, yêu cầu xây dựng được phương án mua bán với công cụ thanh toán vừa có tính thanh khoản cao, được các ngân hàng chấp nhận, vừa tránh áp lực đối với NSNN vô cùng quan trọng. Với yêu cầu này, hầu hết các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đều có chung quan điểm, đó là thay vì thanh toán trực tiếp cho các ngân hàng bán nợ xấu bằng tiền mặt, công ty mua bán nợ sẽ phát hành trái phiếu đặc biệt để thanh toán cho các ngân hàng.

Trong bài nghiên cứu về “*Các công ty quản lý tài sản của Trung Quốc*”, nhóm tác giả Guonan Ma và Ben S C Fung chỉ ra, với cơ cấu nguồn vốn hoạt động của bốn AMC được cấp từ ngân sách rất nhỏ, khả năng thanh toán trực tiếp cho các ngân hàng bán nợ xấu bằng tiền mặt là bất khả thi. Vì vậy việc phát hành trái phiếu làm công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu là công cụ cơ bản và tối ưu nhất. Nhận định này cũng nhận được sự đồng tình của tác giả LI Jiangfeng trong bài nghiên cứu: “*Các khoản cho vay không hiệu quả và Các công ty quản lý tài sản ở Trung Quốc: Những thách thức đối với pháp luật và quản lý để xử lý và thu hồi nợ hiệu quả*”.

Không chỉ ở Trung Quốc, những nghiên cứu của các tác giả về mua bán nợ xấu ở Thái Lan, Malaysia, EU cũng chỉ ra, mua bán nợ xấu bằng phát hành trái phiếu đặc biệt là phương án hiệu quả nhất, phù hợp với tình hình ngân sách của các quốc gia nhất. Nghiên cứu của Masahiro Inoguchi chỉ ra nguồn vốn được cấp từ ngân sách cho hoạt động của các AMC ở Thái Lan và Malaysia rất thấp, mà chủ yếu từ phát hành trái phiếu của AMC này. Hay như trong công trình nghiên cứu của nhóm tác giả Shekhar Aiyar, Wolfgang Bergthaler, Jose M. Garrido, Anna Ilyina,

Andreas Jobst, Kenneth Kang, Dmitriy Kovtun, Yan Liu, Dermot Monaghan và Marina Moretti: “Chiến lược giải quyết những khoản cho vay có vấn đề của châu Âu” ở các nước Hungary, Ireland, Latvia, Slovenia và Tây Ban Nha cũng cho thấy, mua bán nợ xấu bằng phát hành trái phiếu là phương án quan trọng nhất được lựa chọn.

Trong khi đó, đối với các công trình nghiên cứu ở trong nước, hầu hết các tác giả đều nhấn mạnh tới vai trò của việc phát hành trái phiếu đặc biệt của VAMC làm công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu như trong bài viết của ThS Đào Thị Hồ Hương “Bàn về hướng xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam”, TS Hoàng Xuân Hòa, Ths Trần Kim Anh “Vấn đề nợ xấu và một số giải pháp” hay của Lê Thị Thu Thủy, Đỗ Minh Tuấn “Nợ xấu ngân hàng dưới khía cạnh pháp lý”.

Tuy nhiên có một vấn đề chưa được các công trình nghiên cứu trong nước làm rõ, đó là yếu tố nào đảm bảo cho tính thanh khoản của các trái phiếu đặc biệt do công ty mua bán nợ do Nhà nước thành lập phát hành? Đó là dựa trên sự bảo lãnh của Chính phủ hay ngân hàng trung ương? Nếu như ở Trung Quốc, trái phiếu do bốn AMC phát hành được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính, Malaysia là Chính phủ, Thái Lan là ngân hàng trung ương, các nước EU là ngân hàng trung ương, thì ở Việt Nam, trái phiếu của VAMC có cần được bảo lãnh không? Nếu có, đó là cơ quan nào? Đây là câu hỏi cần sớm tìm lời giải nếu muốn nhanh chóng giải quyết vấn đề nợ xấu của hệ thống ngân hàng ở Việt Nam. Trong phạm vi nghiên cứu của luận án, đây sẽ là một nội dung quan trọng được tập trung giải quyết.

1.3. Câu hỏi nghiên cứu và giả thuyết nghiên cứu

1.3.1. Câu hỏi nghiên cứu

Đề tài nghiên cứu được thực hiện để tìm câu trả lời cho câu hỏi: “*Quy định pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng ở Việt Nam có những hạn chế nào cần khắc phục để đảm bảo mảng pháp luật này thực sự thúc đẩy việc giải quyết nợ xấu một cách triệt để và hiệu quả tại hệ thống các tổ chức tín dụng ở Việt Nam?*” Để tìm đáp án cho câu hỏi này, luận án sẽ nghiên cứu để tìm câu trả lời cho một số câu hỏi nhỏ sau:

- Nợ xấu hình thành trực tiếp từ hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng, tuy nhiên có phải tất cả các khoản nợ khách hàng không thanh toán được đầy đủ gốc và lãi khi đến hạn đều được coi là nợ xấu? Cần phải dựa vào những tiêu chí về thời hạn trả nợ quá hạn hay dựa vào sự đánh giá của TCTD về khả năng trả nợ của khách hàng để xác định một khoản nợ là nợ xấu?

- Khi quyết định bán nợ xấu nhằm thu hồi vốn và đưa tỷ lệ nợ xấu về mức an toàn tối thiểu, TCTD có thể lựa chọn bán nợ xấu cho bất kỳ chủ thể nào có nhu cầu và năng lực tài chính phù hợp hay buộc phải bán nợ xấu cho công ty quản lý tài sản do Nhà nước thành lập?

- Nhằm bảo vệ quyền lợi của các bên trong quan hệ mua bán nợ xấu, giá mua bán nợ xấu trong mọi giao dịch cần được xác định theo giá trị thị trường hay tùy từng trường hợp, các bên có thể lựa chọn một cách linh hoạt phương pháp xác định giá theo giá trị sổ sách hoặc giá trị thị trường?

- Để xác lập quan hệ mua bán nợ xấu, việc lựa chọn phương thức thỏa thuận hay đấu giá do các bên toàn quyền quyết định hay theo chịu sự chỉ đạo của Nhà nước?

- Để đảm bảo quan hệ mua bán nợ xấu thực chất và giải quyết triệt để, tận gốc nợ xấu của TCTD, công cụ thanh toán (tiền hoặc giấy tờ có giá) nên được sử dụng linh hoạt trong các giao dịch mua bán nợ xấu hay phải sử dụng công cụ thanh toán bằng tiền trong mọi trường hợp?

1.3.2. Giả thuyết nghiên cứu

Trên cơ sở nghiên cứu Luật Ngân hàng Nhà nước, Luật các TCTD, Bộ luật Dân sự và Luật Thương mại cùng các văn bản hướng dẫn thi hành các đạo luật này, luận án đặt ra hai giả thuyết nghiên cứu để phủ kín hết các khả năng có thể xảy ra như sau:

(1) Để giải quyết hiệu quả tình trạng nợ xấu từ hoạt động cho vay của TCTD cần có quy chế pháp lý phù hợp điều chỉnh hoạt động này, theo đó: những khoản nợ quá hạn trên 90 ngày và những khoản nợ được TCTD đánh giá khó có khả năng thu hồi đầy đủ gốc và lãi cần được xem là nợ xấu; tất cả các tổ chức, cá nhân có nhu cầu

và có năng lực tài chính đều được phép tham gia mua bán nợ xấu; giá trị trên sổ sách kế toán hoặc giá trị thị trường của các khoản nợ xấu có thể sử dụng linh hoạt làm giá mua bán nợ xấu trong từng trường hợp; các bên có toàn quyền lựa chọn phương thức thỏa thuận hay đấu giá để xác lập quan hệ mua bán nợ xấu; các công cụ thanh toán (tiền hoặc giấy tờ có giá) được sử dụng linh hoạt trong các giao dịch mua bán nợ xấu.

(2) Để giải quyết hiệu quả tình trạng nợ xấu từ hoạt động cho vay của TCTD cần có quy chế pháp lý phù hợp điều chỉnh hoạt động này, theo đó tất cả các khoản nợ quá hạn mà con nợ không thanh toán được cả gốc và lãi cần được xem là nợ xấu; ngoài các công ty mua bán nợ thuộc sở hữu nhà nước, các cá nhân, tổ chức khác không được phép mua nợ xấu của TCTD; phương pháp xác định giá mua bán theo giá trị thị trường phải được sử dụng trong tất cả các giao dịch mua bán nợ xấu; nhà nước can thiệp vào tất cả các giao dịch mua bán nợ xấu buộc các chủ thể tham gia giao dịch phải sử dụng phương thức đấu giá để xác lập quan hệ mua bán nợ xấu; và giấy tờ có giá là công cụ thanh toán duy nhất được phép sử dụng trong giao dịch mua bán nợ xấu.

Kết luận chương 1

Các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đã giải quyết được một số nội dung cơ bản của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD bao gồm nợ xấu, chủ thể tham gia quan hệ mua bán, phương thức mua bán, giá mua bán nợ xấu và công cụ thanh toán.

Thứ nhất, hầu hết các công trình nghiên cứu về đối tượng của quan hệ mua bán nợ xấu đều có sự thống nhất về các tiêu chí phân loại nợ xấu. Theo đó, dựa trên phương pháp phân loại nợ được các tổ chức uy tín trên thế giới đưa ra như Ủy ban Basel II, Ngân hàng trung ương Châu Âu ECB, Quỹ tiền tệ quốc tế IMF, nợ xấu cơ bản được xác định dựa trên hai yếu tố là: nợ quá hạn trên 90 ngày và khả năng trả nợ đáng ngờ. Trên cơ sở đó các công trình đã chỉ ra được sự thống nhất giữa lý luận và pháp luật thực định về phân loại và xếp hạng nợ xấu sẽ tạo tiền đề thuận lợi cho công tác nghiên cứu và hoạch định chính sách của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Thứ hai, các công trình nghiên cứu về chủ thể tham gia mua bán nợ xấu vẫn còn rất nhiều các quan điểm trái chiều. Trong đó, có thể kể tới những quan điểm khác nhau về chủ thể được tham gia vào hoạt động mua bán nợ xấu cũng như vai trò của từng loại chủ thể trên thị trường mua bán nợ. Hầu hết các công trình đều cho rằng vai trò của công ty mua bán nợ tập trung hoạt động từ NSNN rất quan trọng nhưng chưa đưa ra những cơ sở và giải pháp để phát huy tầm quan trọng của chủ thể trên trong việc mua bán nợ xấu của các TCTD, cũng như thúc đẩy việc hình thành thị trường mua bán nợ.

Thứ ba, nghiên cứu về phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu, các công trình nghiên cứu đều chỉ ra có hai phương pháp, đó là mua bán theo giá trị thị trường (tức là dựa trên kết quả định giá đối với giá trị thực tế của khoản nợ xấu) và mua bán theo giá trị sổ sách (tức là giá mua nợ xấu được tính theo giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu). Hai phương pháp này được xác lập trong những quan hệ mua bán nợ khác nhau với sự tham gia của các chủ thể khác nhau. Trong đó, phương pháp xác định giá mua nợ theo giá trị sổ sách được sử dụng trong việc thúc đẩy hoạt động

“gom nợ xấu” mặc dù tiềm ẩn nhiều rủi ro cho công ty mua bán nợ tập trung so với phương pháp xác định giá mua nợ theo giá trị thị trường.

Thứ tư, nghiên cứu về phương thức mua bán nợ xấu, các công trình đều chỉ ra thỏa thuận và đấu giá là hai phương thức chủ yếu được các bên mua bán lựa chọn. Mỗi phương thức đều có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Tuy nhiên, với tính chất phức tạp của đối tượng mua bán, đấu giá là phương thức mua bán đảm bảo được quyền lợi và hạn chế rủi ro tốt nhất cho các bên.

Thứ năm, nghiên cứu về công cụ thanh toán trong giao dịch mua bán nợ xấu, các công trình nghiên cứu chỉ ra rằng, để đảm bảo quan hệ mua bán nợ xấu thực sự phát huy hiệu quả, yêu cầu xây dựng được phương án mua bán với công cụ thanh toán vừa có tính thanh khoản cao, được các ngân hàng chấp nhận, vừa tránh áp lực đối với NSNN vô cùng quan trọng. Với yêu cầu này, hầu hết các công trình nghiên cứu ở trong và ngoài nước đều có chung quan điểm, đó là thay vì thanh toán trực tiếp cho các ngân hàng bán nợ xấu bằng tiền, công ty mua bán nợ sẽ phát hành trái phiếu đặc biệt để thanh toán cho các ngân hàng.

Mặc dù có những đóng góp nhất định trong việc làm sáng tỏ những nội dung cơ bản của quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, tuy nhiên cũng phải thấy rằng, những nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở những thống kê và phân tích sơ lược, chưa có những luận chứng khoa học thuyết phục, như: vai trò của công ty mua bán nợ hoạt động từ nguồn vốn được cấp bởi NSNN trong mối tương quan với các công ty mua bán nợ tư nhân và sự hình thành thị trường mua bán nợ; xây dựng phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu hiệu quả vừa giải quyết được yêu cầu xử lý nợ xấu nhanh chóng, vừa đảm bảo nguyên tắc của thị trường; hay cơ chế bảo lãnh của Chính phủ, ngân hàng trung ương đối với trái phiếu đặc biệt được phát hành làm công cụ thanh toán thay cho việc chi trả tiền. Đây sẽ là những nội dung quan trọng được luận án tập trung giải quyết.

CHƯƠNG 2

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ MUA BÁN NỢ XẤU VÀ PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG

2.1. Những vấn đề lý luận về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng

2.1.1. Khái niệm nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng

Trong nền kinh tế thị trường, sự xuất hiện của nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ngày càng trở nên phổ biến. Đặc biệt trong những năm gần đây, khi nền kinh tế lâm vào tình trạng khủng hoảng, nợ xấu không ngừng tăng lên gây ra những tác động tiêu cực tới hoạt động của các doanh nghiệp nói chung và các TCTD nói riêng. Vì vậy, nợ xấu không phải vấn đề của riêng một TCTD hay của riêng bất kỳ quốc gia nào, ngày nay, nợ xấu là vấn đề chung của các nước có nền kinh tế vận hành theo cơ chế thị trường. Đương nhiên, cũng không có một quốc gia, một TCTD hay một khách hàng nào mong muốn nợ xấu vì những tác động tiêu cực mà nó mang lại. Khi nợ xấu phát sinh đồng nghĩa với một khối tài sản lớn nằm bất động tại TCTD, ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của TCTD, khách hàng vay và của cả nền kinh tế. Đối với TCTD, bên cạnh nguồn vốn không thể thu hồi gốc và lãi như thỏa thuận, TCTD còn phải sử dụng tài sản có để trích lập dự phòng rủi ro với các tỷ lệ khác nhau tùy thuộc vào nhóm nợ mà khoản nợ xấu đó rơi vào, từ đó làm giảm nguồn vốn khả dụng của TCTD, đồng nghĩa giảm khả năng cung ứng vốn đối với nền kinh tế. Đối với khách hàng vay, để một khoản vay của TCTD quá hạn trở thành nợ xấu có nghĩa tên của họ sẽ được đưa vào “danh sách đen” hay ở Việt Nam là Trung tâm thông tin tín dụng ngân hàng CIC, đồng nghĩa với việc họ sẽ không thể tiếp cận thêm bất kỳ nguồn vốn vay nào khác của hệ thống TCTD, làm cho tình hình tài chính “xấu” càng thêm “xấu”. Đối với nền kinh tế, nợ xấu tồn đọng từ quan hệ cho vay của TCTD đối với khách hàng như “cục máu đông” làm “tắc nghẽn dòng chảy vốn” thông qua vai trò trung gian của hệ thống TCTD, tác động tiêu cực tới mọi mặt của đời sống xã hội.

Từ đây dễ thấy rằng, áp lực giải quyết vấn đề nợ xấu trong hoạt động của các TCTD quan trọng như thế nào. Tuy nhiên, để có thể giải quyết triệt để, tận gốc vấn đề này, trước tiên cần phải hiểu nợ xấu là gì? Bản chất của nợ xấu có hoàn toàn “xấu” hay không? Khi đã hiểu được những vấn đề, những giải pháp xử lý nợ xấu được đưa ra mới thực sự phát huy hiệu quả.

Về phương diện ngôn ngữ học thuần túy, từ điển Cambridge định nghĩa, nợ xấu là khoản nợ hoặc những khoản nợ rất có thể không được hoàn trả.⁹ Cách hiểu này về “nợ xấu” cơ bản đã giành được sự nhất trí bởi các nhà tài chính học và kinh doanh học mặc dù các nhà khoa học trong cả hai lĩnh vực chuyên ngành hẹp này đều lý giải thuật ngữ “nợ xấu” kỹ lưỡng hơn so với các nhà ngôn ngữ học thuần túy. Theo từ điển tài chính, nợ xấu là khoản nợ từ việc bán chịu (credit sale) mà bên chủ nợ không có khả năng thu hồi. Một khoản nợ trở thành nợ xấu khi bên chủ nợ đã hết sức nỗ lực để thu hồi nợ nhưng vẫn chưa thu hồi được khoản nợ đó. Thông thường, hiện tượng này diễn ra khi con nợ tuyên bố phá sản hoặc khi việc cố gắng tiếp tục thu hồi nợ sẽ làm cho bên chủ nợ phải chịu những phí tổn lớn hơn cả bản thân giá trị khoản nợ. Khi đó, chủ nợ thường phải xoá nợ và coi đó là một khoản chi phí trong kinh doanh để nhằm giảm bớt thu nhập chịu thuế mặc dù việc làm này thường dẫn tới hao hụt dòng tiền hết sức cần thiết để duy trì hoạt động kinh doanh bình thường của chủ nợ.¹⁰

Theo từ điển kinh doanh, nợ xấu là khoản nợ không có khả năng thu hồi và được xử lý như khoản lỗ. Chủ nợ có thể dùng một trong hai phương pháp để xoá nợ ra khỏi doanh thu bán hàng: (1) bằng cách khấu trừ vào doanh thu khoản tiền không thể thu hồi trong giai đoạn kế toán những khoản nợ được coi là không thể thu hồi; (2) bằng cách khấu trừ một khoản tiền ước tính vào doanh thu trong từng giai đoạn kế toán rồi điều chỉnh bất kỳ khoản thừa hoặc thiếu nào vào giai đoạn kế toán tiếp theo. Tỷ lệ giữa những thất thoát vốn vì nợ xấu và các khoản bán chịu là một chỉ số

⁹ <https://dictionary.cambridge.org/dictionary/english/bad-debt>. Truy cập ngày 13/8/2019

¹⁰ Farlex Financial Dictionary. © 2012 Farlex, Inc. trl <https://financial-dictionary.thefreedictionary.com/bad+debt>. Truy cập ngày 13/8/2019

về chất lượng thu hồi nợ của chủ nợ và hiệu quả của những nỗ lực giám sát bán chịu của chủ nợ.¹¹

Như vậy, mặc dù các nhà tài chính học và kinh doanh học định nghĩa “nợ xấu” chi tiết hơn các nhà ngôn ngữ học, nhưng điểm chung của cả ba định nghĩa trên là ở chỗ đều thừa nhận “nợ xấu” là những khoản nợ không có khả năng được hoàn trả hay khó có thể thu hồi. Chỉ có điều, các nhà tài chính học dường như ngoài việc chỉ ra một thuộc tính không thể tách rời của nợ xấu là “khó thu hồi” còn quan tâm tới cả những tình huống trong đó một khoản nợ có khả năng trở thành “nợ xấu” (khi con nợ phá sản hoặc khi chi phí chủ nợ bỏ ra để thu hồi nợ trở nên quá lớn) và tới cả cách thức hạch toán những khoản nợ xấu nhằm giảm bớt nghĩa vụ thuế của chủ nợ; trong khi đó, các nhà kinh doanh học, mặc dù cũng đề cao thuộc tính “khó thu hồi” của nợ xấu và cũng quan tâm tới cách hạch toán các khoản nợ xấu, nhưng lại hướng tới mục đích nhằm nâng cao chất lượng thu hồi nợ và tăng cường hiệu quả giám sát việc bán chịu của chủ nợ - tức nâng cao chất lượng quản trị kinh doanh. Nói cách khác cả ba định nghĩa trên đều nhất trí về thuộc tính cơ bản của “nợ xấu” (những khoản nợ khó thu hồi) nhưng định nghĩa của các nhà ngôn ngữ học chỉ dừng lại ở việc chỉ ra thuộc tính cơ bản của nợ xấu mà không quan tâm tới các khía cạnh khác của nợ xấu như các nhà tài chính học và kinh doanh học; trong khi đó, ngoài việc chỉ ra bản chất của nợ xấu, các nhà tài chính học và kinh doanh học còn quan tâm tới cách thức để hạch toán các khoản nợ xấu mặc dù mục đích của việc hạch toán này của họ không giống nhau: hoặc nhằm giảm nghĩa vụ thuế hoặc nhằm nâng cao hiệu quả quản trị kinh doanh. Dựa vào các nét đặc thù mà các nhà ngôn ngữ học, tài chính học và kinh doanh học chỉ ra trong từng định nghĩa nợ xấu tương ứng nói trên, có thể hiểu, theo nghĩa tài chính - kinh doanh, *nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là những khoản tiền TCTD đã cho khách hàng vay nhưng khó có khả năng thu hồi, do vậy cần được khấu trừ vào doanh thu hoặc coi là một khoản chi phí trong kinh doanh nhằm giảm bớt nghĩa vụ thuế cho các TCTD, đồng thời nâng cao chất lượng quản trị kinh doanh của các TCTD.*

¹¹ <http://www.businessdictionary.com/definition/bad-debt.html>. Truy cập ngày 13/8/2019.

Dưới góc độ pháp lý, nợ xấu là tài sản cho vay khó thu hồi của TCTD thể hiện dưới dạng quyền tài sản: một loại quyền định giá được bằng tiền và có thể mua đi bán lại trên một thị trường đặc biệt – thị trường nợ xấu. Nợ xấu bắt nguồn từ một khoản tiền TCTD cấp cho khách hàng vay sử dụng trong khoảng thời hạn nhất định theo sự thỏa thuận của các bên và khi hết thời hạn này, TCTD có quyền thu hồi số tiền đã cấp nhưng gặp khó khăn ở khâu thu hồi vốn và lãi. Giá trị của quyền tài sản này phụ thuộc vào số tiền TCTD đã cấp cho khách hàng và số lãi xác định theo lãi suất đã được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng giữa TCTD và khách hàng. Vì quyền tài sản này có thể chuyển giao trong các giao dịch dân sự nên TCTD hoàn toàn có thể bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Tuy nhiên, do nợ xấu là những khoản nợ khó thu hồi và tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao nên giá mua bán cần được tính toán lại theo những phương pháp xác định giá phù hợp nhằm đảm bảo quyền lợi của các bên. Như vậy, nợ xấu không phải là thứ tài sản bỏ đi, không có giá trị hay “hoàn toàn xấu” như tên gọi của loại nợ này ngụ ý, nếu được đánh giá đúng, nợ xấu có thể trở thành “mặt hàng” tiềm năng trên thị trường và mua bán nợ xấu có thể trở thành ngành nghề kinh doanh mang lại lợi nhuận lớn đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Cũng dưới góc độ pháp lý, nợ xấu còn được hiểu là nghĩa vụ pháp lý không được thực hiện. Đó là nghĩa vụ của khách hàng vay phải trả gốc và lãi cho TCTD. Nghĩa vụ này phát sinh trên cơ sở hợp đồng vay vốn đã được xác lập giữa TCTD và khách hàng. Về nguyên tắc, nghĩa vụ này phát sinh kể từ thời điểm hợp đồng vay vốn đáo hạn nhưng không được khách hàng vay thực hiện đúng và đầy đủ, nhưng điều đó không có nghĩa, mọi nghĩa vụ trả nợ không đúng hạn đều là nợ xấu. Mọi khoản nợ chỉ được đánh giá là nợ xấu khi khách hàng không thực hiện được nghĩa vụ của mình sau một khoảng thời gian nhất định hoặc bản thân TCTD nhận định khách hàng khó có khả năng trả nợ do bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán hay chủ doanh nghiệp bỏ trốn.

Nghĩa vụ trả nợ là của khách hàng gắn liền với quyền thu hồi nợ của TCTD. Vì vậy, TCTD có thể tự mình thu hồi thông qua các nghiệp vụ khác nhau hoặc cũng có thể chuyển giao quyền thu hồi nợ này cho một bên thứ ba khi xác lập quan hệ

mua bán nợ xấu. Khi TCTD bán nợ xấu của khách hàng cho bên mua nợ, nghĩa vụ trả nợ của khách hàng được chuyển giao sang bên mua nợ, với tư cách là chủ sở hữu mới của khoản nợ. Nợ xấu là một loại tài sản trong giao dịch dân sự vì vậy TCTD có toàn quyền lựa chọn phương án bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, trừ trường hợp giữa TCTD và khách hàng vay đã có thỏa thuận trước đó về việc không bán nợ xấu.

Thông qua những phân tích trên có thể hiểu, nợ xấu từ hoạt động cho vay của TCTD là một loại quyền tài sản hình thành khi nghĩa vụ trả nợ của khách hàng đối với TCTD không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ sau một khoảng thời gian luật định hoặc được TCTD nhận định khách hàng rất có thể không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Vậy, nói tới nợ xấu từ hoạt động cho vay của TCTD theo nghĩa pháp lý là nói tới những khoản nợ ngân hàng thỏa mãn ba điều kiện sau: (1) khách hàng (con nợ) không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với TCTD (chủ nợ); (2) việc trì hoãn thực hiện nghĩa vụ trả nợ đã vượt quá một khoảng thời gian luật định; và (3) chủ nợ nhận thấy nguy cơ không có khả năng thu hồi nợ ở thời điểm nghĩa vụ trả nợ bị trì hoãn tới ngưỡng thời gian nói trên. Như vậy, so với định nghĩa “nợ xấu” dưới góc độ tài chính và kinh doanh, định nghĩa “nợ xấu” theo nghĩa pháp lý mặc dù cũng nhất trí về thuộc tính quá hạn của khoản nợ nhưng dường như không đề cao những khía cạnh hạch toán khoản nợ và mục đích giảm bớt chi phí cũng như tăng cường hiệu quả quản trị kinh doanh của chủ nợ (TCTD). Thay vào đó, các nhà luật học đề cao bản chất pháp lý của nợ xấu bằng cách nhìn nhận nợ xấu dưới góc độ pháp lý, là: quyền tài sản của chủ nợ; là nghĩa vụ trả nợ không được thực hiện bởi con nợ; là quyền thu hồi nợ của chủ nợ. Và những quyền cũng như nghĩa vụ này luôn phải được nhìn nhận gắn với một ngưỡng thời gian luật định nào đó mà nếu chưa tới ngưỡng đó thì khoản nợ chưa thể coi là “nợ xấu”.

2.1.2. Khái niệm mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng

Cùng với sự phát triển của hoạt động ngân hàng, nợ xấu hình thành như quy luật tất yếu và gây ra những ảnh hưởng tiêu cực đến sự an toàn của hệ thống TCTD.

Chính vì vậy, nhiệm vụ trọng tâm được hệ thống TCTD hướng tới là giải quyết nợ xấu nhằm đưa tỷ lệ nợ xấu về mức an toàn tối thiểu. Về nguyên tắc, khi các khoản cho vay không được khách hàng thanh toán đầy đủ và đúng hạn, TCTD có thể sử dụng kỹ thuật nghiệp vụ thu hồi nợ như bán đấu giá tài sản bảo đảm để thu hồi nợ hoặc chứng khoán hóa nợ xấu, tức là chuyển nợ xấu thành phần vốn góp vào doanh nghiệp hoặc bán nợ xấu cho các công ty mua bán nợ hoặc bán nợ xấu cho tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua nợ.

So với các giải pháp khác mà bản thân TCTD phải tự thu hồi nợ xấu, bán nợ xấu cho các công ty mua bán nợ hoặc tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua nợ có thể được xem là giải pháp xử lý nợ xấu nhanh chóng và hiệu quả. Sở dĩ giải pháp này được đánh giá là có khả năng giải quyết nhanh chóng và hiệu quả hơn vì khi quan hệ mua bán nợ xấu được xác lập thông qua việc giao kết hợp đồng mua bán nợ xấu, nợ xấu sẽ được chuyển giao từ TCTD bán nợ sang bên mua nợ, thay vì TCTD phải tự mình xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Nhờ đó, TCTD bán nợ nhanh chóng thu hồi được phần vốn và tiếp tục phục vụ cho hoạt động kinh doanh.

Dưới góc độ pháp luật dân sự, mua bán nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD là một bộ phận của mua bán tài sản vì nợ xấu là tài sản hay cụ thể hơn là quyền tài sản. Điều đó có nghĩa, quan hệ này được hình thành trên cơ sở thống nhất ý chí giữa bên bán nợ và bên mua nợ, theo đó, bên bán nợ (là TCTD sở hữu nợ xấu) bán nợ xấu cho bên mua nợ (là tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua nợ). Quan hệ mua bán nợ xấu được xác định là quan hệ song vụ vì cả TCTD bán nợ xấu và tổ chức, cá nhân mua nợ đều có quyền và nghĩa vụ đối với nhau. Trong quan hệ mua bán nợ xấu, TCTD có nghĩa vụ chuyển giao khoản nợ xấu và có quyền yêu cầu bên mua nợ thanh toán tiền mua khoản nợ xấu đó, còn bên mua nợ có nghĩa vụ thanh toán giá trị khoản nợ xấu đã mua và có quyền nhận chuyển giao khoản nợ xấu từ bên bán nợ là các TCTD.

Như vậy, với tư cách một quan hệ mua bán tài sản trong các giao dịch dân sự, khoản nợ xấu được chuyển giao từ TCTD bán nợ sang tổ chức, cá nhân mua nợ. Sau khi mua nợ xấu, bên mua nợ trở thành chủ sở hữu mới của khoản nợ xấu và

được quyền đòi nợ từ con nợ. Sau khi bán nợ xấu, TCTD thu về được một khoản tiền nhất định và tiếp tục đầu tư vào hoạt động kinh doanh của mình.

Dưới góc độ pháp luật ngân hàng, mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là một giải pháp được sử dụng nhằm giải quyết tình trạng nợ xấu của hệ thống TCTD. Thông qua việc xác lập quan hệ mua bán, nợ xấu được chuyển giao từ TCTD sở hữu khoản nợ sang tổ chức, cá nhân mua nợ, qua đó giảm tỷ lệ nợ xấu của TCTD. So với các phương thức thu hồi nợ khác như bán đấu giá tài sản bảo đảm của con nợ, chuyển nợ thành vốn góp tại con nợ, mua bán nợ xấu giúp TCTD có khả năng thu hồi vốn nhanh và hiệu quả hơn. Tuy nhiên, kết quả đó chỉ đạt được khi khoản nợ xấu có đủ sức cuốn hút với các nhà đầu tư hoặc thỏa mãn những điều kiện nhất định mà bên mua nợ đặt ra. Điều này xuất phát từ tính chất đặc thù của khoản nợ xấu được chuyển giao. Nợ xấu hình thành khi khách hàng không thể thanh toán đầy đủ gốc và lãi các khoản vay tại TCTD. Vì vậy nợ xấu tiềm ẩn nguy cơ rủi ro lớn đối với bên mua nợ.

Trong khi đó, khi chuyển giao khoản nợ xấu và nhận thanh toán từ bên mua nợ, TCTD được xóa khoản nợ xấu trong bảng cân đối kế toán, đồng thời được giải phóng nguồn vốn bị đóng băng do nợ xấu và phần vốn trích lập dự phòng rủi ro. Như vậy, có thể thấy, mua bán nợ xấu có ý nghĩa rất lớn đối với hoạt động của các TCTD.

Tóm lại, thông qua việc phân tích quan hệ mua bán nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD từ những góc độ khác nhau, có thể thấy nội hàm của khái niệm này bao gồm những vấn đề sau đây:

- (1) Đối tượng chuyển giao: là các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD đối với khách hàng;
- (2) Chủ thể tham gia: là các TCTD bán nợ xấu (bên bán nợ) và các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua nợ xấu (bên mua nợ).

Từ đây, có thể hiểu mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD như sau: *Mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là việc chuyển nhượng khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD (bên bán nợ) đối với*

khách hàng sang cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua nợ (bên mua nợ) theo những phương thức do các bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật.

2.1.3. Đặc điểm mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng

Với cách hiểu trên về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD có thể rút ra một số đặc điểm của hoạt động này như sau:

Một là, mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của TCTD là hoạt động riêng có của nền kinh tế thị trường.

Với mỗi quốc gia, việc lựa chọn một mô hình kinh tế phù hợp để xây dựng có vai trò quan trọng thúc đẩy quốc gia đó đi lên hoặc tụt lại so với thế giới. Một quốc gia vận hành theo cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung thì mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh của các chủ thể đều chịu sự chi phối trực tiếp của Nhà nước. Ở đó, nợ xấu và mua bán nợ từ hoạt động cho vay của TCTD dường như là những khái niệm không hề tồn tại. Sự bảo hộ của Nhà nước với cơ chế bù đắp thua lỗ đối với các doanh nghiệp quốc doanh nói chung và ngân hàng quốc doanh nói riêng dẫn tới các khoản nợ được xử lý ngay từ trong “trúng nước”, vì vậy, các ngân hàng quốc doanh không phải băn khoăn xem phải bán các khoản nợ này cho ai, bán như thế nào để thu hồi phần vốn của mình.

Tuy nhiên, khi phát triển nền kinh tế thị trường, cơ chế bù lỗ của Nhà nước bị xóa bỏ, TCTD phải tự tìm cách xử lý các khoản nợ xấu đã phát sinh. Trong đó, bán nợ xấu là một trong những phương pháp TCTD có thể lựa chọn để nhanh chóng thu hồi phần gốc đã cho khách hàng vay. Với nguyên tắc cung – cầu của kinh tế thị trường, khi đã có “cung” bán nợ xấu từ TCTD ắt sẽ có “cầu” mua nợ xấu bởi các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Nợ xấu mặc dù tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao nhưng có khả năng mang lại lợi nhuận lớn, vì vậy, các khoản nợ xấu giao bán được đánh giá là có khả năng thu hồi càng cao thì “cầu” mua nợ xấu của các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ và các tổ chức, cá nhân không kinh doanh càng lớn. Trong nền kinh tế thị trường, hoạt động này ngày càng phát triển và trở thành một ngành nghề kinh doanh thu hút sự quan tâm lớn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Hai là, đối tượng của mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là loại hàng hoá đặc biệt

Dưới góc độ pháp luật dân sự, có thể thấy rằng các khoản nợ xấu được chuyển giao chính là một loại tài sản mà theo nghĩa thông thường, tài sản bao gồm tiền, vật, giấy tờ có giá và quyền tài sản, ở đó, nợ xấu được xem là một loại tài sản đặc biệt tồn tại dưới dạng quyền tài sản. Theo đó, nợ xấu là một nghĩa vụ nảy sinh từ hợp đồng tín dụng của TCTD với khách hàng, khi một bên có nghĩa vụ phải thanh toán cho phía bên kia một số tiền nhất định, nghĩa vụ đó được hình thành trên cơ sở hợp đồng vay tài sản giữa hai bên. Đồng thời cũng có thể hiểu nợ xấu là trách nhiệm pháp lý theo đó bên vay (khách hàng) có nghĩa vụ thanh toán với bên cho vay (TCTD) một khoản tiền nhất định theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết và thực hiện giữa hai bên. Như vậy, “nợ” ở đây là khoản phải trả xuất phát từ nguyên tắc cơ bản trong đời sống dân sự nói chung và ngân hàng nói riêng là có vay, có trả. Tuy nhiên, khi nghĩa vụ trả nợ này không được thực hiện theo đúng thỏa thuận làm cho khoản nợ này thành nợ “xấu”. Vậy nguyên nhân nào dẫn tới sự hình thành các khoản nợ xấu này? Câu trả lời thỏa đáng nhất cho câu hỏi này chính là sự mất khả năng thanh khoản của bên vay hay bên có nghĩa vụ trả nợ. Sự mất khả năng thanh khoản này có thể đến từ rất nhiều những lý do khác nhau bao gồm những lý do chủ quan từ quá trình quản lý và sử dụng vốn vay của bên vay hoặc đến từ những lý do khách quan như sự thay đổi chính sách của Nhà nước, sự đi xuống của thị trường, sự đóng băng của thị trường bất động sản hay sự khủng hoảng của nền kinh tế. Tất cả những nguyên nhân này tác động trực tiếp tới khả năng trả nợ của bên vay đối với TCTD và làm hình thành các khoản nợ xấu.

Tuy nhiên, không phải mọi khoản nợ xấu phát sinh từ việc ký kết và thực hiện hợp đồng tín dụng đều trở thành đối tượng của hoạt động mua bán nợ xấu giữa TCTD và tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Vì đối với các khoản nợ được đánh giá có khả năng thu hồi vốn cao, TCTD sẽ áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để thu hồi nợ gốc và lãi từ khách hàng thay vì bán cho các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Khi sử dụng nghiệp vụ thu hồi nợ, quan hệ giữa TCTD và khách hàng được giữ vững, bí mật thông tin tài chính của khách hàng được bảo đảm. Chính vì vậy, TCTD chỉ chấp nhận bán các khoản nợ có tính thanh

khoản thấp, khi thời hạn trả nợ gốc và lãi đã quá 91 ngày hay còn gọi là các khoản nợ xấu.

Như vậy, mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD tập trung vào những khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD và khách hàng không có khả năng thu hồi.

Ba là, TCTD luôn là một bên chủ thể tham gia giao dịch mua bán nợ xấu từ chính hoạt động cho vay của các TCTD (bên bán nợ) và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua nợ xấu (bên mua nợ)

Trên thị trường sơ cấp, TCTD sở hữu khoản nợ xấu phát sinh trong quá trình cho khách hàng vay để tìm kiếm lợi nhuận và cần giảm thiểu khối lượng nợ xấu bằng cách chuyển nhượng, vì vậy trở thành bên bán nợ, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu và tiềm lực tài chính để mua nợ xấu trở thành bên mua nợ. Vì đối tượng của giao dịch mua bán này là các khoản nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD nên các TCTD bao giờ cũng trở thành một bên chủ thể (bên bán nợ); tuy nhiên, bên mua nợ rất đa dạng, đó có thể là các TCTD được pháp luật cho phép thực hiện nghiệp vụ mua bán nợ (nếu được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép), các công ty mua bán nợ tập trung, các công ty kinh doanh nghiệp vụ mua bán nợ hoặc có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước có nhu cầu. Khả năng tham gia mua nợ của các chủ thể này chịu ảnh hưởng trực tiếp bởi quy mô nợ xấu trên thị trường cũng như mức độ can thiệp của chính phủ mỗi nước. Trong thời kỳ hệ thống TCTD phát triển ổn định, nợ xấu trên thị trường có quy mô nhỏ, các chính phủ sẽ để cho thị trường tự điều tiết thông qua vai trò của các công ty kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, còn khi thị trường bộc lộ những dấu hiệu tiêu cực, nợ xấu tăng cao đến mức báo động, các công ty mua bán nợ tập trung hoạt động với nguồn vốn được cấp từ NSNN sẽ được thành lập và tham gia mua nợ xấu của các TCTD. Tuy nhiên, tính chất đặc biệt của công ty mua bán nợ này làm cho sự tồn tại của nó trên thị trường hầu như chỉ mang tính tạm thời. Thông thường các công ty này sau khi hoàn thành xong sứ mệnh lịch sử của mình sẽ tự động giải thể, nhường hoạt động của thị trường cho các TCTD và các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp.

Bốn là, mua bán nợ xấu là hoạt động mang tính rủi ro cao.

Tính rủi ro của hoạt động này xuất phát tính chất đặc biệt của khoản nợ xấu là đối tượng mua bán giữa các bên. Nợ xấu hình thành khi khách hàng vay không thể thanh toán đầy đủ gốc và lãi khi đến hạn, thậm chí còn bị quá hạn dài. Vì vậy, khả năng thu hồi vốn của loại tài sản này rất thấp, thậm chí trong nhiều trường hợp không có khả năng thu hồi. Khi nợ xấu hình thành, rủi ro thuộc về các TCTD. Để ngăn chặn rủi ro, một mặt TCTD phải sử dụng tài sản của mình để trích lập dự phòng, một mặt phải dùng các phương thức khác nhau để xử lý rủi ro đó, trong đó, bán nợ xấu là một trong những phương thức chuyển rủi ro hiệu quả. Khi quan hệ mua bán nợ xấu được xác lập, rủi ro sẽ được chuyển từ TCTD bán nợ sang bên mua nợ hay có thể nói, khi quyết định mua nợ xấu của TCTD, bên bán nợ chấp nhận rủi ro về phía mình. Chính vì vậy, các nhà đầu tư tư nhân thường e ngại tham gia vào thị trường mua bán nợ xấu của các TCTD, trừ khi Nhà nước có chính sách ưu đãi đặc biệt để mời gọi họ tham gia đầu tư vào lĩnh vực này. Cho nên thông thường, ở nhiều quốc gia, Chính phủ phải bỏ ra nguồn vốn lớn từ NSNN để thành lập công ty mua bán nợ, từ đó trực tiếp giải quyết nợ xấu của hệ thống TCTD và dẫn dắt thị trường mua bán nợ xấu.

Năm là, về nguyên tắc, mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD được thực hiện theo nguyên tắc thị trường nhưng trong một số trường hợp đặc biệt, cần có sự can thiệp Nhà nước.

Mọi quan hệ mua bán đều phải được xây dựng dựa trên nguyên tắc cơ bản của thị trường, đó là quy luật cung – cầu; quy luật giá trị; quy luật cạnh tranh... Mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD cũng không nằm ngoài những nguyên tắc đó. Theo đó, việc mua bán nợ phải được xác lập và thực hiện trên cơ sở thỏa thuận giữa bên bán nợ và bên mua nợ. Có nghĩa là khi tham gia ký kết và thực hiện hợp đồng mua bán nợ xấu, các bên phải đảm bảo tôn trọng sự thỏa thuận, sự tự do ý chí, không bên nào được ép buộc hay lừa dối bên nào. Đồng thời, các bên có toàn quyền thỏa thuận về các khoản nợ xấu cụ thể được mua bán, giá mua bán, phương thức mua bán...

Tuy nhiên, xuất phát từ tính chất đặc biệt của loại tài sản là đối tượng mua bán trong giao dịch loại này, chủ thể tham gia và mục đích mua bán, quan hệ mua bán nợ chịu sự can thiệp của Nhà nước với những quy định mang tính bắt buộc các TCTD ở vào những điều kiện nhất định phải tuân theo. Theo nguyên tắc này, khi nền kinh tế có những dấu hiệu khủng hoảng làm cho tỷ lệ nợ xấu trên hệ thống ngân hàng tăng cao ảnh hưởng tiêu cực tới sự phát triển của nền kinh tế, tới niềm tin của người dân vào hệ thống ngân hàng và tới sự an toàn vốn của các ngân hàng, Nhà nước sẽ thành lập một hoặc một số công ty mua bán nợ đặc biệt để trực tiếp tham gia mua bán nợ xấu của các TCTD nhằm kéo mức nợ xấu của cả hệ thống TCTD về ngưỡng an toàn. Để hoạt động này phát huy hiệu quả tối đa thì các TCTD có tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ vượt mức an toàn tối thiểu sẽ buộc phải bán nợ xấu cho công ty mua bán nợ do Nhà nước thành lập.

Đây được coi là một trong những điểm đặc thù của quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD so với các quan hệ mua bán tài sản thông thường, không có sự can thiệp của nhà nước. Nói cách khác, trong một số giao dịch mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, các chủ thể tham gia giao dịch không hoàn toàn được tự do ý chí mà phải tuân theo chỉ đạo của nhà nước...

Sáu là, về mục đích, các chủ thể tham gia vào quan hệ mua bán nợ xấu nhằm tìm kiếm lợi nhuận hoặc kiểm soát và giới hạn tỷ lệ nợ xấu của các TCTD ở ngưỡng an toàn.

Trong quan hệ mua bán tài sản thông thường, cả bên mua và bên bán đều tham gia nhằm thỏa mãn những lợi ích nhất định của mình về vật chất hoặc tinh thần. Với các chủ thể kinh doanh, mục đích tìm kiếm lợi nhuận là động lực quan trọng thúc đẩy họ tham gia giao kết và thực hiện các quan hệ mua bán. Đối với quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, mục đích tìm kiếm lợi nhuận cũng không loại trừ, đặc biệt đối với các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ. Thông qua việc mua các khoản nợ xấu của các TCTD, bên mua nợ sẽ trở thành chủ sở hữu mới của khoản nợ xấu và có nhiều cơ hội để thu về khoản lợi nhuận lớn từ việc bán các khoản nợ xấu đó trên thị trường thứ cấp hoặc trực tiếp thu hồi nợ từ con nợ. Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ được coi là một ngành nghề kinh

doanh có mức độ tiềm ẩn rủi ro cao đối với bên mua nợ nhưng rủi ro càng cao thì lợi nhuận có khả năng mang lại càng lớn. Sự phát triển của hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế dẫn tới sự hình thành các khoản nợ xấu và nhu cầu mua nợ xấu của các TCTD để tìm kiếm lợi nhuận ngày càng phát triển. Đặc biệt với các quốc gia xây dựng được thị trường mua bán nợ, việc giao dịch các khoản nợ xấu được các nhà đầu tư thực hiện không khác gì mua bán cổ phiếu, trái phiếu trên thị trường vốn, ở đó, mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận được đặt ra như động lực thúc đẩy các chủ thể tham gia mua bán nợ xấu trên thị trường.

Tuy nhiên, tìm kiếm lợi nhuận không phải là mục đích duy nhất được bên mua và bên bán nợ xấu hướng tới khi xác lập quan hệ mua bán nợ xấu, đặc biệt, nếu quan hệ đó có sự tham gia của các công ty mua bán nợ tập trung hoạt động với nguồn vốn được cấp từ NSNN. Bản thân các TCTD nắm giữ nguồn lực tài chính lớn của cả xã hội, vì vậy, nếu nợ xấu của các TCTD không được kiểm soát sẽ gây ra những hậu quả tiêu cực đối với nền kinh tế và tới toàn xã hội. Trong trường hợp này, mục đích cơ bản và quan trọng nhất mà các chủ thể tham gia giao dịch hướng tới là đưa tỷ lệ nợ xấu của các TCTD về ngưỡng an toàn nhằm đảm bảo sự phát triển ổn định của hệ thống TCTD nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Bây là, hình thức pháp lý của quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là hợp đồng mua bán nợ xấu.

Hợp đồng mua bán nợ xấu là sự thỏa thuận bằng văn bản giữa bên bán nợ và bên mua nợ, theo đó, bên bán nợ chuyển quyền sở hữu khoản nợ, mà thực chất là quyền đòi nợ và các lợi ích khác sang cho bên mua nợ theo những điều kiện và trình tự, thủ tục do pháp luật quy định [70,23]. Có thể coi hợp đồng mua bán nợ xấu là cơ sở quan trọng để ghi nhận sự thỏa thuận của các bên và đảm bảo tính thực thi của những thỏa thuận đó. Thông thường, để được gọi là một hợp đồng mua bán nợ xấu, hợp đồng đó phải thỏa mãn những điều kiện sau đây:

- Đó phải là một văn bản ghi nhận sự thỏa thuận của các bên;
- Văn bản thỏa thuận đó được ký kết giữa hai bên chủ thể: bên mua nợ (tổ chức và cá nhân có nhu cầu) và bên bán nợ (TCTD sở hữu nợ xấu);

- Nội dung của hợp đồng ghi nhận thỏa thuận của các bên về việc chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ xấu theo phương pháp xác định giá do các bên thỏa thuận và các quyền, nghĩa vụ có liên quan từ bên bán nợ sang cho bên mua nợ, đồng thời thực hiện nghĩa vụ thanh toán bằng tiền hoặc giấy tờ có giá của bên mua nợ với bên bán nợ.

Như vậy, dưới góc độ pháp lý, sự thỏa thuận của các bên về việc chuyển quyền sở hữu khoản nợ xấu phải được thể hiện dưới hình thức văn bản. Việc thể hiện dưới các hình thức khác như lời nói hoặc hành vi pháp lý cụ thể sẽ làm cho thỏa thuận không có giá trị pháp lý.

Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo an toàn trong hoạt động ngân hàng, hợp đồng mua bán nợ xấu phải phù hợp với điều lệ, quy định nội bộ về hoạt động mua bán nợ xấu do các TCTD tự ban hành trên cơ sở quy định của pháp luật. Trong đó, quy định nội bộ về hoạt động mua bán nợ xấu xác định rõ về phân cấp thẩm quyền theo nguyên tắc phân định trách nhiệm giữa khâu thẩm định và quyết định mua bán nợ xấu; phương thức mua bán nợ xấu; quy trình mua bán nợ xấu; quy trình định giá khoản nợ xấu; quy trình bán đấu giá khoản nợ xấu trong trường hợp tự đấu giá khoản nợ xấu và quản trị rủi ro đối với hoạt động mua bán nợ xấu. Việc ban hành quy định nội bộ này là cơ sở cho việc giao kết hợp đồng mua bán nợ xấu trên thực tế của các TCTD.

Đối với các quan hệ mua bán nợ xấu phát sinh giữa TCTD bán nợ với bên mua nợ là công ty quản lý tài sản do Nhà nước thành lập, mặc dù chịu sự can thiệp của Nhà nước khi buộc TCTD có tỷ lệ nợ xấu vượt mức an toàn tối thiểu phải bán nợ, tuy nhiên, quan hệ này vẫn được xác lập dưới hình thức hợp đồng mua bán nợ xấu. Mặc dù hợp đồng mua bán nợ xấu vẫn chứa đựng đầy đủ những điều khoản về đối tượng của hợp đồng, về giá trị hợp đồng, về công cụ thanh toán...tuy nhiên, thực chất, hợp đồng này chỉ là hình thức để hợp pháp hóa sự can thiệp của Nhà nước vào hoạt động xử lý nợ xấu của TCTD.

2.1.4. Vai trò của mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng

a. Đối với các bên bán nợ xấu, hoạt động mua bán nợ xấu giúp các TCTD đưa tỷ lệ nợ xấu về mức an toàn, từ đó các TCTD có thể tiếp tục cung ứng vốn cho nền kinh tế thay vì dùng vốn đó để trích lập dự phòng rủi ro

Hiện nay có rất nhiều TCTD đang phải đối mặt với mức độ rủi ro tín dụng cao, trong đó rủi ro về nợ xấu, nợ khó đòi là một trong những yếu tố cần được kiểm soát chặt chẽ. Không ít trường hợp, tổn thất do các khoản nợ bị "ngâm" của các TCTD liên tục gia tăng, làm suy giảm năng lực cạnh tranh, thậm chí dẫn tới nguy cơ phá sản. Trong bối cảnh này, mua bán nợ xấu được coi là giải pháp quan trọng để TCTD giải quyết tình trạng bế tắc trong hoạt động thu hồi và xử lý nợ xấu.

Đối với các TCTD, vai trò của việc bán nợ xấu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu có thể được khái quát như sau:

Một là, khi bán nợ, TCTD giảm bớt được áp lực từ nợ xấu, đưa tỷ lệ nợ xấu về mức an toàn, góp phần làm sạch bảng cân đối tài sản.

Hoạt động kinh doanh của các TCTD chịu áp lực nặng nề của tỷ lệ nợ xấu bởi nó phản ánh trực tiếp “sức khỏe” của TCTD. Vì vậy, khi nợ xấu được bán cho các bên mua nợ góp phần quan trọng giúp giảm bớt áp lực cho các TCTD, đồng thời lấy lại hình ảnh và niềm tin của khách hàng đối với TCTD. Như trường hợp của Sacombank, số liệu nợ xấu của ngân hàng này ghi trong bản báo cáo tài chính năm 2016 vào khoảng 20.000 tỷ đồng, chiếm 6,9% dư nợ tín dụng đầy ngân hàng này vào top những ngân hàng có tỷ lệ nợ xấu cao nhất ngành ngân hàng. Tuy nhiên, với việc đẩy mạnh hoạt động bán nợ xấu cho VAMC, đến cuối năm 2018, nợ xấu của Sacombank chỉ còn khoảng 5.000 tỷ đồng, chiếm 2,11% dư nợ tín dụng, đáp ứng yêu cầu của NHNN về tỷ lệ bảo đảm an toàn tối thiểu¹².

Với tính chất của hoạt động kinh doanh mang tính rủi ro lớn, buộc các TCTD phải thực hiện việc trích lập dự phòng rủi ro bằng tài sản có đối với các khoản cho vay đã quá hạn thanh toán gốc và lãi. Thời gian quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi càng dài thì mức trích lập càng lớn. Mặc dù đã áp dụng trích lập dự phòng nhưng

¹² Số liệu Báo cáo tài chính năm 2016, 2018 của Ngân hàng Sacombank

những khoản nợ xấu vẫn nằm trong bảng cân đối tài sản của TCTD. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn vốn khả dụng của các TCTD, đồng thời giảm khả năng cung ứng vốn cho khách hàng. Chính vì vậy, bán nợ xấu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sẽ giúp các TCTD giảm bớt áp lực từ nợ xấu, giảm tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro, đồng thời góp phần làm sạch bảng cân đối kế toán.

Hai là, khi bán nợ xấu, TCTD có cơ hội nâng cao mức xếp hạng tín nhiệm.

Khi TCTD bán nợ xấu cho bên mua nợ sẽ kéo tỷ lệ nợ xấu giảm, đồng thời đẩy mức độ tín nhiệm của TCTD lên cao, từ đó sẽ góp phần nâng cao và củng cố lòng tin của người gửi tiền đối với các khoản tiền gửi tại TCTD. Như vậy, mức độ xếp hạng tín nhiệm ảnh hưởng trực tiếp tới uy tín và hình ảnh của TCTD qua đó tác động tới các hoạt động ngân hàng trên thị trường. Tỷ lệ nợ xấu tăng cao sẽ kéo mức xếp hạng tín nhiệm của TCTD xuống thấp và điều đó tác động tiêu cực tới tâm lý của người gửi tiền. Trong tình huống đó, những khách hàng đang gửi tiền tại TCTD sẽ không yên tâm về khoản tiền của họ và nảy sinh nhu cầu rút tiền trước hạn. Đối với những khách hàng tiềm năng chưa gửi tiền tại TCTD, mức xếp hạng tín nhiệm của TCTD thấp sẽ đẩy khách hàng đến với TCTD khác hoặc kênh đầu tư khác an toàn, ổn định hơn.

Ba là, khi bán nợ xấu, sẽ giúp cho khả năng luân chuyển vốn khả dụng của các TCTD được nhanh hơn, tăng hiệu quả sử dụng vốn, làm tăng khả năng lưu thông tiền tệ qua hệ thống TCTD.

Như đã phân tích, khi các khoản nợ gốc và lãi quá hạn, TCTD phải sử dụng tài sản của mình để trích lập dự phòng rủi ro, có nghĩa là một lượng vốn lớn của TCTD không được đưa vào kinh doanh. Khi nợ xấu được bán cho bên mua nợ, vốn trích lập dự phòng sẽ được giải phóng từ đó làm tăng vốn khả dụng của TCTD, đồng thời đảm bảo vai trò luân chuyển vốn của TCTD trên thị trường. Theo số liệu từ Báo cáo tài chính của Sacombank năm 2016, 2018, sau khi bán được một lượng lớn nợ xấu cho VAMC, dư nợ tín dụng của ngân hàng này tăng từ 199.000 tỷ đồng lên 256.000 tỷ đồng.

Như vậy, khi bán nợ xấu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua nợ, TCTD

có khả năng xoay vòng vốn tốt hơn, hiệu quả hơn, từ đó không những giảm áp lực trong hoạt động kinh doanh mà còn có thể thúc đẩy tăng trưởng tín dụng, nâng cao lợi nhuận kinh doanh của TCTD.

b. Đối với bên mua nợ, hoạt động mua bán nợ xấu mở ra một lĩnh vực kinh doanh mới, tạo điều kiện để các chủ thể mua nợ tìm kiếm lợi nhuận

Mục tiêu trước hết mà bất kỳ chủ thể kinh doanh nào cũng muốn đạt được đó là tìm kiếm lợi nhuận, hoạt động mua bán nợ xấu cũng không loại trừ mục tiêu đó. Mặc dù tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao nhưng nợ xấu có khả năng mang lại lợi nhuận lớn cho bên mua nợ. Vì vậy, khi hoạt động mua bán nợ xấu phát triển và thị trường mua bán nợ xấu được hình thành, hoạt động của bên mua nợ trở thành hoạt động nghề nghiệp và mua nợ trở thành ngành nghề đầu tư có tỷ suất lợi nhuận cao, thu hút sự quan tâm của các cá nhân, tổ chức. Bên cạnh các ngành nghề đầu tư truyền thống như sản xuất hàng hóa, cung ứng dịch vụ, các nhà đầu tư sẽ có thêm lựa chọn là mua bán nợ xấu của các TCTD. Đây chính là những nguyên nhân dẫn tới sự ra đời của loại hình kinh doanh mới ở Việt Nam, các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ theo quy định của Nghị định 69/2016/NĐ-CP hay sự quan tâm của các đối tác nước ngoài với các khoản nợ xấu được giao bán của các TCTD.

Như vậy, mua bán nợ xấu phát triển và trở thành một lựa chọn mới cho các nhà đầu tư khi lựa chọn ngành nghề kinh doanh ưa mạo hiểm để tìm kiếm những khoản lợi nhuận lớn hơn. Tuy nhiên, với tính chất rủi ro của khoản nợ xấu đòi hỏi bên mua nợ không những có nguồn vốn lớn mà còn phải có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế dày dặn hơn so với kinh doanh các ngành nghề khác.

c. Đối với nền kinh tế, mua bán nợ xấu giúp khơi thông dòng vốn chảy vào khu vực sản xuất kinh doanh, thúc đẩy nền kinh tế phát triển

Dưới góc độ kinh tế vĩ mô, hoạt động mua bán nợ xấu của các TCTD có vai trò quan trọng trong việc cởi những nút thắt đối với nền kinh tế, khơi thông dòng vốn và thúc đẩy các chủ thể kinh doanh phát triển. Khi nợ xấu tăng cao, TCTD phải tăng mức trích lập dự phòng rủi ro từ đó làm giảm nguồn vốn cung ứng ra nền kinh tế. Đồng thời sự gia tăng của nợ xấu buộc TCTD phải nâng cao điều kiện cấp tín

dụng và giảm hạn mức cấp tín dụng đối với khách hàng, từ đó cũng làm giảm khả năng tiếp cận vốn của khách hàng. Hệ quả tiêu cực của quá trình này là ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động của doanh nghiệp, các nhà đầu tư cũng như các chủ thể kinh doanh khác do sự hạn hẹp của các khoản tiền vay có thể tiếp cận từ phía các TCTD, từ đó kéo theo sự suy giảm tăng trưởng của nền kinh tế.

Đồng thời, việc xử lý các khoản nợ xấu thông qua hoạt động mua bán giữa bên bán nợ và bên mua nợ được coi là một giải pháp quan trọng để đối phó với tình trạng nợ xấu tăng cao. Từ đó nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống TCTD nói riêng và của nền kinh tế nói chung. Kể từ khi thành lập vào tháng 10/2013 đến hết ngày 31/12/2017, VAMC đã mua 26.221 khoản nợ xấu của 16.269 khách hàng tại các TCTD, với tổng dư nợ gốc nội bảng là 307.932 tỷ đồng, giá mua nợ là 277.755 tỷ đồng, qua đó đưa tỷ lệ nợ xấu của ngành ngân hàng giảm từ 3,61% của năm 2013 xuống còn 2,18% vào cuối năm 2017¹³.

Bên cạnh đó, như đã phân tích, khi hoạt động mua bán nợ xấu phát triển sẽ thúc đẩy quá trình hình thành thị trường mua bán nợ xấu. Sự hình thành của thị trường mua bán nợ xấu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với quá trình ngăn chặn, đẩy lùi và xử lý nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD. Nhà nước sẽ không cần phải can thiệp mạnh mẽ vào vấn đề xử lý nợ xấu tại hệ thống TCTD mà để cho thị trường tự điều tiết theo những quy luật của kinh tế thị trường. Khi đó, nền kinh tế nói chung và hệ thống TCTD nói riêng có cơ hội thu hút những nguồn vốn thực lớn của các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức ở cả trong và ngoài nước tham gia vào quá trình giải quyết nợ xấu của các TCTD.

2.2. Những vấn đề lý luận pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng

2.2.1. Khái niệm pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng

Trên góc độ quản lý của Nhà nước, việc hình thành các quy định của pháp luật điều chỉnh hoạt động mua bán nợ xấu bắt nguồn từ nhu cầu quản lý xã hội,

¹³ Thống kê của Ủy ban giám sát tài chính quốc gia năm 2016, 2017

quản lý kinh tế nói chung và quản lý hoạt động tài chính - ngân hàng nói riêng. Trong quá trình hoạt động của TCTD, sự hình thành của các khoản nợ xấu là điều khó tránh khỏi và rủi ro mà những khoản nợ xấu mang lại là những nguy cơ tiềm tàng mà bất kỳ TCTD nào cũng phải tìm cách giải quyết. Nếu TCTD không bán nợ xấu hoặc không bán được nợ xấu, tức là giao dịch mua bán nợ xấu không được xác lập, rủi ro của nợ xấu thuộc về TCTD. Đó là rủi ro về vốn khi dòng vốn bị “đóng băng” trong khi TCTD phải sử dụng tiền của mình để trích lập rủi ro, từ đó làm giảm khả năng cung ứng vốn của TCTD. Đó là rủi ro về xếp hạng tín nhiệm, ảnh hưởng trực tiếp tới hình ảnh của TCTD đối với người gửi tiền và khách hàng tiềm năng khác. Khi đó, để ngăn chặn những nguy cơ rủi ro về nợ xấu, TCTD phải tính tới các phương án khác như xử lý tài sản bảo đảm thông qua nghiệp vụ phát mại tài sản, kiện con nợ ra tòa nhờ cơ quan công quyền can thiệp hoặc trực tiếp tham gia vào quản lý vốn của con nợ thông qua công cụ hoán nợ thành phần vốn góp. Dưới khía cạnh thời gian thu hồi vốn và rủi ro tiềm tàng, mỗi phương án đó đều có những hạn chế nhất định so với phương án bán nợ xấu cho bên mua nợ có nhu cầu, bởi khi giao dịch mua bán nợ xấu được xác lập, nợ xấu nhanh chóng được chuyển giao cho bên mua nợ, đồng nghĩa rủi ro được chuyển giao từ TCTD sang bên mua nợ. Cùng với việc chuyển giao nợ xấu, TCTD nhanh chóng thu về được một khoản tiền nhất định để tiếp tục phục vụ cho hoạt động của mình, mở rộng khả năng cho vay khi không còn phải duy trì khoản dự phòng rủi ro.

Đối với nền kinh tế, nếu giao dịch mua bán nợ xấu không tồn tại, những hệ lụy có thể gây ra sẽ rất lớn. Đầu tiên có thể kể tới việc thiếu đi một ngành nghề kinh doanh mặc dù tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao nhưng rất thu hút các nhà đầu tư vì có khả năng mang lại lợi nhuận. Nợ xấu là một loại tài sản có thể giao dịch trên thị trường có thể mang lại lợi ích cho cả TCTD bán nợ và bên mua nợ nếu được đánh giá đúng giá trị. Quan trọng hơn nữa, khi nợ xấu không được chuyển giao trong quan hệ mua bán đồng nghĩa với dòng vốn “bất động”, từ đó làm giảm khả năng cung ứng vốn của hệ thống TCTD, nền kinh tế sẽ bị đói vốn và hoạt động của các doanh nghiệp sẽ bị đình trệ.

Như vậy, hoạt động mua bán nợ xấu có vai trò đặc biệt quan trọng đối với TCTD, giúp TCTD ngăn chặn những nguy cơ rủi ro và có khả năng giải quyết nhanh chóng, triệt để vấn đề nợ xấu, đồng thời cũng có những tác động rất mạnh mẽ tới nền kinh tế và hoạt động của các doanh nghiệp.

Do mua bán nợ xấu là hoạt động mang tính rủi ro cao, có ảnh hưởng tới lợi ích của nhiều chủ thể nên để giảm thiểu những rủi ro tiềm ẩn đó, cần có pháp luật điều chỉnh lĩnh vực hoạt động này nhằm hướng các quan hệ mua bán nợ xấu đi theo đúng quỹ đạo mong muốn của nhà nước, bảo vệ tối đa lợi ích hợp pháp của các chủ thể và thực sự đem lại lợi ích cho nền kinh tế. Như vậy, sự can thiệp của Nhà nước thông qua pháp luật là yêu cầu tất yếu để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên được thực hiện đầy đủ, đồng thời ngăn chặn những rủi ro có thể mang lại đối với nền kinh tế. Thông qua sự can thiệp của Nhà nước, các quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ và bên mua nợ hình thành và phát triển theo những định hướng được Nhà nước đặt ra.

Đối tượng chuyển giao trong quan hệ mua bán nợ xấu là các khoản nợ xấu, tức là các khoản nợ có khả năng thu hồi vốn rất thấp. Về bản chất, các khoản nợ xấu là một loại tài sản, tức là có thể trở thành đối tượng của các giao dịch dân sự. Mặc dù là một loại giao dịch dân sự, quan hệ mua bán nợ xấu không thể thuần túy điều chỉnh bằng pháp luật dân sự do tính phức tạp của loại tài sản là hàng hoá trong quan hệ này và nguy cơ rủi ro lớn của loại hàng hoá đặc biệt này đem lại cho bên mua. Vì vậy cần phải có các quy định pháp luật riêng hay các quy định pháp luật chuyên ngành mà cụ thể là pháp luật ngân hàng để điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội đặc thù này bên cạnh luật chung là luật dân sự.

Như vậy, sự hình thành các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động mua bán nợ xấu của các chủ thể mua bán nợ xấu trên thị trường, hạn chế rủi ro đối với các bên mua bán nợ xấu, góp phần giữ vững sự phát triển của hệ thống ngân hàng, đồng thời qua đây, Nhà nước tác động và định hướng sự phát triển của thị trường mua bán nợ xấu. Có thể dễ dàng nhận thấy, việc ban hành các quy định của pháp luật điều chỉnh quan hệ mua bán nợ xấu mang tính tất yếu khách quan.

Thông qua những phân tích trên có thể đưa ra kết luận *pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là hệ thống các quy định pháp luật do Nhà nước ban hành điều chỉnh quan hệ mua bán nợ xấu giữa các TCTD (bên bán nợ) với các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp, các tổ chức, cá nhân mua nợ xấu (bên mua nợ) nhằm giải quyết tình trạng nợ xấu tăng cao của hệ thống TCTD, khôi phục khả năng cho vay của các TCTD, từ đó khơi thông nguồn vốn đổ vào các hoạt động sản xuất kinh doanh, định hướng hoạt động mua bán nợ xấu theo những mục tiêu mà Nhà nước đặt ra.*

Từ khái niệm trên có thể nhận thấy, pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD có những vai trò sau đây:

Thứ nhất, pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD góp phần tạo dựng sân chơi bình đẳng cho các bên tham gia mua bán nợ xấu, qua đó bảo vệ quyền lợi chính đáng của các bên và đảm bảo nghĩa vụ của các bên phải được thực hiện.

Sự bình đẳng của các chủ thể trong quan hệ mua bán nợ xấu là yêu cầu tiên quyết trong việc xây dựng quy chế pháp lý điều chỉnh lĩnh vực này, đặc biệt khi quan hệ này có sự tham gia của các công ty mua bán nợ tập trung, hoạt động với những đặc quyền được Nhà nước trao cho. Thông thường, khi nợ xấu nằm trong tỷ lệ cho phép, các chủ thể tham gia mua bán nợ xấu được pháp luật ghi nhận và đảm bảo đầy đủ quyền bình đẳng. Theo đó, cả bên bán nợ và bên mua nợ đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong việc xác lập và thực hiện quan hệ mua bán nợ xấu. Các TCTD mặc dù chịu sức ép của việc thu hồi nợ và giảm tỷ lệ nợ xấu nhưng vẫn được chủ động trong việc lựa chọn khoản nợ xấu để bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, cũng như thỏa thuận về giá, phương thức mua bán hay công cụ thanh toán...

Trong thời kỳ nợ xấu tăng cao có nguy cơ gây đổ vỡ hệ thống TCTD, pháp luật trao cho các công ty mua bán nợ tập trung hoạt động bằng nguồn vốn ngân sách nhiều đặc quyền. Tuy nhiên, trong sân chơi này, các TCTD vẫn được pháp luật đảm bảo đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình, đồng thời không làm mất đi sự bình đẳng trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán nợ xấu với công ty mua bán

nợ do Nhà nước thành lập. Theo đó, TCTD được quyền thỏa thuận với công ty mua bán nợ tập trung về những khoản nợ xấu cụ thể để bán, thỏa thuận về giá bán nợ xấu, về phương thức mua bán nợ xấu...

Thứ hai, pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD đảm bảo các công ty mua bán nợ tập trung sử dụng đúng, minh bạch nguồn vốn của NSNN.

Thực tế cho thấy, việc thành lập các công ty mua bán nợ tập trung hoạt động với nguồn vốn từ NSNN là yêu cầu tất yếu đối với mỗi quốc gia khi tình hình nợ xấu ngân hàng tăng cao trong khi các công ty mua bán nợ tư nhân không phát huy được vai trò của mình. Nhưng cũng chính vì sử dụng vốn được cấp từ NSNN dẫn tới những phản đối không nhỏ của một bộ phận doanh nghiệp và người dân, khi họ cho rằng, sử dụng tiền thuế của người dân và doanh nghiệp đóng góp để “gỡ khó” cho các TCTD là không thực sự công bằng. Đặc biệt khi các khoản nợ xấu được hình thành phần nhiều do các TCTD chạy đua lợi nhuận và thực hiện các khoản cho vay dưới chuẩn. Vì vậy, họ cho rằng bản thân TCTD phải tự chịu trách nhiệm trong việc giải quyết những hậu quả do mình gây ra.

Trước những sức ép lớn từ người dân và doanh nghiệp như vậy, pháp luật phải được xây dựng ra sao nhằm đảm bảo hoạt động của các công ty mua bán nợ tập trung minh bạch, công khai và hiệu quả. Chỉ khi pháp luật đáp ứng được những yêu cầu này, NSNN mới được sử dụng hiệu quả, không bị các đối tượng có quyền và nghĩa vụ liên quan lợi dụng để thực hiện hành vi trục lợi.

Như vậy, với vai trò quan trọng trong việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD sẽ tạo ra môi trường pháp lý cần thiết định hướng hoạt động cho các chủ thể, tạo ra các chuẩn mực xử sự chung cho các chủ thể tham gia hoạt động này. Nhằm đưa các quan hệ mua, bán nợ vào đúng quỹ đạo mong muốn, Nhà nước đã định ra các quy chế pháp lý cần thiết về việc cấp giấy phép hoạt động cho chủ thể mua bán nợ, xác định quyền và nghĩa vụ cho các chủ thể này, cũng như các chế tài pháp lý đối các hành vi

vi phạm pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho các bên tham gia giao dịch mua bán nợ, góp phần ổn định xã hội và phát triển kinh tế.

Thứ ba, pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD mang tính “dọn dẹp”, sắp xếp lại thị trường mua bán nợ.

Bản thân các quy định của pháp luật được ban hành đều mang tính định hướng phát triển các quan hệ xã hội theo mục tiêu do Nhà nước đặt ra. Các quy định này có thể làm hình thành các quan hệ xã hội mới hoặc sắp xếp lại các quan hệ xã hội khi các quan hệ đã tồn tại trước đó không phát huy được giá trị mà Nhà nước mong muốn. Trong quan hệ mua bán nợ xấu, sự gặp gỡ giữa TCTD bán nợ xấu và bên mua nợ là nhu cầu tất yếu khách quan. Tuy nhiên, các quan hệ này khi chưa được điều chỉnh bởi các quy định riêng biệt có thể phát triển theo mục tiêu khác nhau, với những chuẩn mực khác nhau. Khi các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ra đời, thị trường mua bán nợ xấu được sắp xếp lại và định hình một cách rõ nét với sự đa dạng của các chủ thể tham gia mua nợ xấu của TCTD, trong đó trọng tâm được đặt vào công ty mua bán nợ tập trung do Nhà nước thành lập. Khi đó, thị trường mua bán nợ hình thành và trở thành chìa khóa để giải quyết tình trạng nợ xấu của các TCTD.

2.2.2. Các yếu tố ảnh hưởng tới pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng

Pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD nói riêng và pháp luật nói chung là sự phản ánh đầy đủ nhất ý chí của Nhà nước thông qua hoạt động xây dựng pháp luật. Thông thường, pháp luật mang tính định hướng và dẫn dắt các quan hệ xã hội theo những mục đích nhất định được Nhà nước đặt ra. Tuy nhiên, với những đặc trưng riêng của mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, pháp luật trong lĩnh vực này vừa mang tính định hướng thị trường, vừa mang yếu tố đi sau thị trường, thể hiện “tính dọn dẹp” và “thiết lập lại trật tự”. Điều này được thể hiện bởi sự ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế, chính trị, lợi ích và hội nhập tới pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD như sau:

Thứ nhất, sự ảnh hưởng của yếu tố kinh tế

Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin thì hai yếu tố pháp luật và kinh tế có mối quan hệ biện chứng với nhau, trong đó, pháp luật là yếu tố thuộc kiến trúc thượng tầng, còn kinh tế thuộc về yếu tố cơ sở hạ tầng. Pháp luật được sinh ra trên cơ sở hạ tầng và bị phụ thuộc vào kinh tế. Sự phụ thuộc đó thể hiện rằng kinh tế là yếu tố quyết định toàn bộ nội dung, hình thức, cơ cấu và sự phát triển của pháp luật.

Đối với pháp luật nói chung và pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD nói riêng, sự ảnh hưởng của yếu tố kinh tế đến quá trình hình thành các quy phạm pháp luật cụ thể được thể hiện rất rõ nét.

Sự ảnh hưởng của yếu tố kinh tế tới sự hình thành pháp luật được thể hiện ở yếu tố như mô hình nền kinh tế đang vận hành, cũng như thực trạng của nền kinh tế của mỗi quốc gia.

Mỗi quốc gia trên con đường phát triển của mình đều phải lựa chọn một mô hình kinh tế phù hợp với chế độ chính trị, văn hóa, tôn giáo...của quốc gia đó. Mỗi mô hình kinh tế có tác động nhiều mặt tới hoạt động xây dựng và thực thi pháp luật.

Khi nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD tăng cao, các nước vận hành theo nền kinh tế thị trường sẽ ưu tiên và tôn trọng các quy luật của thị trường. Các quy định của pháp luật được ban hành chủ yếu mang tính điều tiết và định hướng thị trường thay vì tạo cơ sở pháp lý cho sự can thiệp của các cơ quan nhà nước thông qua các quyết định hành chính. Khi đó, pháp luật sẽ ghi nhận và củng cố vai trò của các công ty mua bán nợ tư nhân hoạt động theo nguyên tắc của thị trường thay vì tập trung thành lập các công ty mua bán nợ hoạt động với nguồn vốn từ NSNN.

Ngược lại, đối với các quốc gia có nền kinh tế thị trường chưa đầy đủ, Nhà nước sử dụng pháp luật để can thiệp vào thị trường không phải hiếm. Vì vậy, để giải quyết tình trạng nợ xấu của hệ thống TCTD, Nhà nước sẵn sàng ra tay can thiệp phá vỡ các nguyên tắc của thị trường. Lúc này pháp luật là cơ sở pháp lý tạo dựng hành lang cho sự can thiệp của Nhà nước, được thể hiện thông qua các quy định trao “quyền lực” cho các công ty mua bán nợ tập trung do Nhà nước thành lập, áp dụng nguyên tắc mua bán hành chính.

Bên cạnh đó, thực trạng phát triển của nền kinh tế cũng được coi là yếu tố quyết định trực tiếp tới sự hình thành các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD vì như đã phân tích, đặc trưng của pháp luật trong lĩnh vực này ít mang tính định hướng mà thường đuổi theo diễn biến của nền kinh tế, tức là kinh tế thay đổi thì pháp luật thay đổi theo. Sự ảnh hưởng này có thể được chia thành hai thời kỳ như sau: (1) trong thời kỳ kinh tế phát triển ổn định, tỷ lệ nợ xấu trên hệ thống nằm trong ngưỡng an toàn, nội dung pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD không phải là trọng tâm, vì các TCTD không chịu áp lực phải hạ tỷ lệ nợ xấu về ngưỡng thấp hơn bằng mọi giá. Vì vậy, với sự chủ động của mình, các TCTD hướng tới các quan hệ mua bán nợ thông thường nhằm mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận. Chính thực tiễn và nhu cầu của thị trường đã tác động trực tiếp tới các quy định của pháp luật. (2) Thời kỳ nợ xấu tăng cao gây bất ổn cho sự an toàn của hệ thống và ảnh hưởng tới nền kinh tế, nội dung pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD lúc này có sự biến đổi nhanh chóng nhằm phù hợp với thực tiễn và yêu cầu của nền kinh tế. Tùy thuộc vào nguyên nhân hình thành nợ xấu và những tác động của nợ xấu đến nền kinh tế, hệ thống các TCTD, những quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu sẽ được ban hành như một giải pháp xử lý nợ xấu của Nhà nước.

Thứ hai, sự ảnh hưởng của yếu tố chính trị

Theo lý luận của Chủ nghĩa Mác – Lênin, pháp luật là sự thể chế các đường lối, chủ trương, chính sách và quan điểm lãnh đạo của đảng cầm quyền. Hay có thể nói thông qua Nhà nước và pháp luật, giai cấp thống trị quản lý và điều tiết mọi hoạt động của đời sống xã hội theo định hướng và mục tiêu mà mình theo đuổi. Vì vậy, mỗi quốc gia theo một thể chế chính trị khác nhau, pháp luật luôn được xây dựng rất khác biệt.

Đối với các quan hệ mua bán nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD, các quan điểm chính trị, thái độ của nhà nước, chính sách theo đuổi của đảng cầm quyền thể hiện rõ trong các quy định do Nhà nước ban hành. Vì vậy, trong khi hệ thống lý thuyết về quan hệ mua bán nợ xấu được các tổ chức tài chính, kế toán quốc tế thống nhất xoay quanh các nội dung cơ bản như: đối tượng chuyển

giao trong quan hệ mua bán nợ xấu, chủ thể tham gia trong quan hệ mua bán nợ xấu, phương thức tiến hành mua bán nợ xấu, phương thức xác định giá của khoản nợ xấu...là chuẩn mực cho việc xây dựng pháp luật thực định tại mỗi quốc gia thì tùy thuộc vào quan điểm chính trị và chính sách theo đuổi ở mỗi quốc gia, các vấn đề này được quy định có sự khác biệt rõ rệt.

Một trong những yếu tố quan trọng quyết định nội dung của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là mục tiêu chính trị được hướng tới khi xây dựng pháp luật. Nếu chỉ vì mục tiêu kinh tế thuần túy, giải cứu hệ thống ngân hàng trước nguy cơ bất ổn do tỷ lệ nợ xấu tăng cao: phương án mua nợ xấu theo giá trị thị trường hay giá trị thực tế của nợ xấu sẽ được áp dụng. Còn trong trường hợp hoạt động này nhằm phục vụ các mục tiêu chính trị: phương án mua nợ xấu theo giá trị sổ sách sẽ được áp dụng. Ví dụ điển hình cho nhận định này là việc giải quyết tình trạng nợ xấu ở Trung Quốc giai đoạn 1999 – 2004. Lúc này, mục tiêu chính trị đặt ra cho Ngân hàng Nhân dân Trung Quốc (PBoC) là giải quyết tình trạng nợ xấu tăng cao kết hợp với cải tổ hệ thống doanh nghiệp quốc doanh thông qua việc bơm vốn cho các ngân hàng quốc doanh tham gia mua bán nợ xấu trên thị trường. Vì vậy, thay vì lựa chọn phương án mua nợ xấu theo giá trị thị trường, các công ty quản lý tài sản tập trung mua nợ xấu của các NHTM quốc doanh theo giá trị sổ sách [101,32].

Ngoài các yếu tố trên, lợi ích mà Nhà nước muốn bảo vệ cũng tác động trực tiếp tới quan điểm xây dựng pháp luật về mua bán nợ xấu. Như đã phân tích, nợ xấu tăng cao sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới nền kinh tế nói chung và hoạt động của hệ thống TCTD nói riêng. Lúc này các quy định được Nhà nước ban hành phải dựa trên sự tính toán thiệt hơn giữa lợi ích chung của cả nền kinh tế, của toàn xã hội với lợi ích của các TCTD bán nợ xấu. Nếu quan tâm nhiều hơn tới lợi ích chung của cả nền kinh tế, của toàn xã hội, lợi ích của TCTD sẽ ảnh hưởng, quyền và lợi ích hợp pháp của TCTD có thể bị thu hẹp. Nếu quan tâm nhiều hơn tới lợi ích của TCTD, lợi ích chung của cả nền kinh tế, của toàn xã hội sẽ bị ảnh hưởng.

Như vậy, nội dung của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD phụ thuộc vào các quan điểm, thái độ chính trị, mục tiêu và chính sách điều hành của Nhà nước cũng như lợi ích mà Nhà nước muốn bảo vệ.

Thứ ba, sự ảnh hưởng của yếu tố lợi ích

Với tư cách là chủ thể trung gian của nền kinh tế, TCTD giữ vai trò cực kỳ quan trọng trong hoạt động điều tiết nguồn vốn của toàn xã hội. Vì vậy, khi hoạt động của TCTD gặp bất ổn làm nợ xấu tăng cao đã gây tác động tiêu cực tới sự phát triển của nền kinh tế cũng như tâm lý của người dân, đồng thời trực tiếp đe dọa sự an toàn của hệ thống TCTD. Từ đó dẫn tới khi xây dựng các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải đánh giá cũng như cân đo đong đếm những lợi ích hay giá trị cần được ưu tiên bảo vệ, bởi khi nợ xấu tăng cao vượt ngưỡng an toàn tối thiểu, pháp luật sẽ không thể đồng thời bảo đảm lợi ích của TCTD và lợi ích của nền kinh tế ở mức cao nhất như thời kỳ TCTD phát triển ổn định, nợ xấu nằm trong mức an toàn.

Chính vì vậy, cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải đặt lên bàn cân để tính toán xem lợi ích của TCTD hay lợi ích chung của nền kinh tế cần được ưu tiên đảm bảo, từ đó là cơ sở xây dựng các quy định pháp luật. Lúc này, với sứ mệnh là chủ thể quản lý và đảm bảo sự phát triển của kinh tế, xã hội, Nhà nước sẽ phải ưu tiên những lợi ích chung của toàn xã hội. Điều đó đồng nghĩa TCTD phải hy sinh những lợi ích nhất định để phục vụ cho nhiệm vụ giữ vững sự ổn định của nền kinh tế.

Với sự ưu tiên đảm bảo lợi ích của nền kinh tế, các quy định của pháp luật được xây dựng nhằm tạo dựng hành lang pháp lý cho sự can thiệp trực tiếp của Nhà nước vào hoạt động mua bán nợ xấu trên thị trường. Sự can thiệp này không còn là “bàn tay vô hình” thông qua các quy luật của kinh tế thị trường mà đã trở thành các “công cụ hành chính” buộc TCTD phải tuân theo. Đó có thể là biện pháp can thiệp buộc các TCTD có tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ vượt ngưỡng an toàn tối thiểu phải bán nợ xấu cho công ty mua bán nợ do Nhà nước thành lập, tức là hạn chế quyền lựa chọn phương án thu hồi vốn và hạn chế quyền lựa chọn bên mua nợ của các TCTD. Sự hạn chế này chắc chắn sẽ ảnh hưởng tới lợi ích của TCTD, tuy nhiên lại

được xem là cần thiết nhằm bảo đảm lợi ích chung của nền kinh tế, khi mà trước đó, pháp luật đã tạo điều kiện cho các TCTD chủ động xử lý nợ xấu nhưng không đem lại hiệu quả.

Mặc dù áp lực của tình hình nợ xấu buộc Nhà nước phải tạo dựng hành lang pháp lý ưu tiên bảo vệ lợi ích chung của nền kinh tế, nhưng điều đó không có nghĩa lợi ích của TCTD không được pháp luật quan tâm bảo vệ. Theo đó, trong trường hợp phải bán nợ xấu cho công ty mua bán nợ xấu của Nhà nước, TCTD vẫn được quyền lựa chọn những khoản nợ xấu cụ thể là đối tượng của hợp đồng mua bán nợ xấu. Ngoài ra, trong giới hạn, TCTD vẫn được bảo đảm quyền thỏa thuận về giá mua bán nợ, quyền và nghĩa vụ trong hợp đồng mua bán nợ xấu...

Như vậy, việc kết hợp hài hòa giữa lợi ích chung của nền kinh tế và lợi ích của các TCTD trên cơ sở có sự ưu tiên đảm bảo lợi ích chung của nền kinh tế có ý nghĩa quan trọng trong việc xây dựng và nâng cao tính khả thi của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD.

Thứ tư, sự ảnh hưởng của yếu tố hội nhập

Trong xu hướng hội nhập của nền kinh tế thế giới hiện nay, pháp luật của mỗi quốc gia luôn có hướng vận động theo các quy chuẩn được thừa nhận chung trên toàn thế giới. Đặc biệt, đối với các quốc gia đang phát triển và tham gia sâu rộng vào tiến trình hội nhập quốc tế, cũng như thông qua việc ký kết các hiệp định thương mại song phương, hiệp định đa phương hay hiệp định khu vực. Vì vậy, pháp luật quốc gia sẽ luôn có xu hướng thay đổi nhằm đảm bảo sự tương thích với những thỏa thuận chung đã ký kết. Pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD cũng không nằm ngoài xu hướng đó. Tuy nhiên, tùy thuộc vào mức độ ràng buộc của các quy chuẩn quốc tế mà mức độ tác động của quá trình hội nhập tới nội dung của pháp luật về mua bán nợ xấu có sự khác nhau.

Một là, đối với các điều ước quốc tế mà các quốc gia ký kết hoặc tham gia

Về hiệu lực pháp lý, các cam kết quốc tế mà một quốc gia ký kết hoặc tham gia thông thường được ưu tiên áp dụng trước văn bản quy phạm pháp luật của quốc gia, trừ Hiến pháp khi có những quy định khác nhau về cùng một vấn đề. Chính vì

vậy, các nội dung cam kết này có ảnh hưởng rất lớn khi xây dựng các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Một trong những cam kết mà các quốc gia phải tuân thủ khi gia nhập hoặc ký kết các điều ước quốc tế là mở cửa thị trường tài chính – ngân hàng trong nước cho các nhà đầu tư ngoại, các tổ chức tài chính, TCTD nước ngoài. Trong quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, khi pháp luật quốc gia chưa chịu sự ảnh hưởng của các cam kết quốc tế, các chủ thể trực tiếp mua bán nợ trên thị trường là các TCTD sở hữu nợ xấu (giữ vai trò là bên bán nợ) với các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nước (giữ vai trò là bên mua nợ). Trên thị trường đó, khả năng mua bán nợ xấu của các nhà đầu tư ngoại bị hạn chế. Tuy nhiên, cùng với những cam kết về việc mở rộng thị trường, vai trò của các nhà đầu tư ngoại được đánh giá đầy đủ hơn và pháp luật đóng vai trò quan trọng trong việc tạo dựng hành lang pháp lý cho hoạt động của chủ thể này.

Hai là, đối với các quy chuẩn được các tổ chức phi chính phủ, tổ chức nghề nghiệp xây dựng và ban hành mang tính khuyến nghị đối với các quốc gia

Do các quy chuẩn này không mang tính pháp lý bắt buộc đối với các quốc gia nên mức độ tác động tới pháp luật của mỗi quốc gia có sự hạn chế nhất định hay có thể nói phụ thuộc hoàn toàn vào định hướng xây dựng của mỗi quốc gia. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa các quốc gia sẽ xây dựng pháp luật nói chung và pháp luật về mua bán nợ xấu nói riêng mà không tham khảo các quy chuẩn này. Thực tế cho thấy sự tương thích của pháp luật quốc gia với các quy chuẩn, các chuẩn mực quốc tế sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình hội nhập của mỗi quốc gia và kêu gọi các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào quá trình mua bán nợ xấu của quốc gia đấy.

2.2.3. Nội dung cơ bản của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng

Pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là một bộ phận của pháp luật về mua bán tài sản trong quan hệ dân sự nói chung nên quá trình

xây dựng các quy định này tập trung vào các vấn đề cơ bản, đặc trưng riêng có của lĩnh vực này như đối tượng mua bán, chủ thể mua bán, giá mua bán, phương thức mua bán, công cụ thanh toán. Trên cơ sở đó, có thể nhận thấy pháp luật điều chỉnh quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD chứa đựng những nội dung cơ bản sau đây:

Thứ nhất, nhóm quy định về đối tượng mua bán

Khác với các giao dịch dân sự hướng đến đối tượng là tài sản, giao dịch thương mại là hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đối tượng của quan hệ mua bán nợ xấu là các khoản nợ xấu, một loại quyền tài sản. Tính chất đặc biệt này được thể hiện ở chỗ, trước hết, các khoản nợ xấu phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng được ký kết giữa TCTD và khách hàng khi nghĩa vụ trả nợ không được thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ do khách hàng vay bị mất thanh khoản hoặc bị phá sản. Từ đó “các khoản nợ quá hạn” xuất hiện và có xu hướng trở thành “các khoản nợ xấu”, “nợ khó đòi”. Chính tính chất đặc biệt này tạo nên mức độ rủi ro rất lớn cho bên mua nợ khi mua các khoản nợ xấu của các TCTD.

Chính vì tính chất đặc biệt và mức độ rủi ro cao của nợ xấu nên việc xây dựng và thực hiện các tiêu chí định lượng và định tính trong phân loại nợ xấu có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Bởi chỉ khi nợ xấu được xác định chính xác và thống nhất, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới đánh giá đúng thực trạng của thị trường để từ đó có giải pháp điều chỉnh phù hợp. Bên cạnh đó việc phân loại nợ xấu khi đáp ứng được các tiêu chuẩn cơ bản sẽ giúp cho các TCTD tự chủ trong việc trích lập dự phòng rủi ro, cũng như có các phương án xử lý nợ hiệu quả.

Dưới góc độ lý luận, nợ xấu hay “bad debt” được hiểu là các khoản nợ dưới chuẩn, đã quá hạn thanh toán gốc, lãi và bị nghi ngờ về khả năng trả nợ lẫn khả năng thu hồi vốn. Trong đó, để xác định nội hàm của khái niệm này, có thể dựa vào phương pháp định tính và phương pháp định lượng thông qua các tiêu chí về thời hạn trả nợ quá hạn và khả năng thu hồi khoản nợ. Hiện nay đang tồn tại những cách hiểu về khái niệm này như sau:

Theo Ủy ban Basel về Giám sát ngân hàng (BCBS), một khoản nợ được coi là nợ xấu hay không có khả năng hoàn trả khi: ngân hàng nhận thấy người vay không có khả năng trả nợ đầy đủ và khoản vay đã quá hạn trả nợ trên 90 ngày [99].

Còn theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), trong Hướng dẫn tính toán các chỉ số lành mạnh tài chính tại các quốc gia (IFRS)2, IMF đưa ra định nghĩa về nợ xấu như sau: “một khoản vay được coi là nợ xấu khi quá hạn thanh toán gốc hoặc lãi 90 ngày hoặc hơn; khi các khoản lãi suất đã quá hạn 90 ngày hoặc hơn đã được vốn hóa, cơ cấu lại, hoặc trì hoãn theo thỏa thuận; khi các khoản thanh toán đến hạn dưới 90 ngày nhưng có thể nhận thấy những dấu hiệu rõ ràng cho thấy người vay sẽ không thể hoàn trả nợ đầy đủ (người vay phá sản). Sau khi khoản vay được xếp vào danh mục nợ xấu, nó hoặc bất cứ khoản vay thay thế nào cũng nên được xếp vào danh mục nợ xấu cho tới thời điểm phải xóa nợ hoặc thu hồi được lãi và gốc của khoản vay đó hoặc thu hồi được khoản vay thay thế [102].

Từ những cách hiểu trên có thấy được sự thống nhất tương đối trong quan niệm về nợ xấu giữa các định chế tài chính quốc tế. Sự thống nhất này có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy áp dụng thống nhất nguyên tắc xác định nợ xấu trong pháp luật của các quốc gia trên thế giới. Theo đó, một khoản nợ được coi là nợ xấu khi rơi vào các trường hợp sau đây: (1) đã quá hạn trả nợ gốc và lãi; (2) khách hàng vay vốn bị TCTD đánh giá là không có khả năng trả nợ.

Thứ hai, nhóm quy định về chủ thể mua bán nợ xấu

Giống như các quan hệ mua bán tài sản nói chung, mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD được hình thành trên cơ sở thống nhất ý chí giữa bên bán nợ và bên mua nợ. Trong hoạt động mua bán này, ngoài bên bán nợ và bên mua nợ là các chủ thể giữ vai trò quan trọng, cần phải kể tới vai trò của bên nợ, bên môi giới, tổ chức đấu giá và các bên có liên quan đến khoản nợ. Sự tham gia của các chủ thể này tuy hạn chế nhưng cũng đóng góp vào quá trình hình thành và thực hiện hoạt động mua bán nợ xấu giữa bên bán nợ và bên mua nợ.

Một là, bên bán nợ

Như đã phân tích, quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD được thực hiện thông qua việc chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ xấu từ bên bán nợ sang bên mua nợ. Như vậy, có thể hiểu rằng, bên bán nợ chính là bên sở hữu khoản nợ xấu muốn chuyển giao. Tuy nhiên, không phải bất kỳ cá nhân hay tổ chức nào cũng có thể trở thành bên bán nợ trong quan hệ mua bán này. Để trở thành bên bán nợ, một chủ thể phải thỏa mãn hai điều kiện sau đây:

(1) bên bán nợ phải là các TCTD;

(2) đang sở hữu khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay đối với khách hàng

Như vậy, với tư cách là tổ chức trung gian tài chính của nền kinh tế, thông qua các nghiệp vụ cấp tín dụng, TCTD luân chuyển vốn đến các cá nhân và doanh nghiệp có nhu cầu. Tuy nhiên, không phải trong mọi trường hợp, TCTD đều có thể thu hồi đầy đủ các khoản nợ gốc và lãi. Khi đó, với tư cách là “chủ nợ”, bản thân TCTD phải dùng mọi biện pháp để thu hồi được khoản nợ xấu đó. Nhưng cái khó của TCTD trong trường hợp này là không có đủ chuyên môn nghiệp vụ để tự mình giải quyết các khoản nợ xấu đó, vì vậy, bán nợ xấu cho các công ty mua bán chuyên nghiệp hoặc các cá nhân, tổ chức có nhu cầu được xem là giải pháp khả thi nhất.

Hai là, bên mua nợ

Giống như bên bán nợ, bên mua nợ là chủ thể không thể thiếu để hình thành quan hệ mua bán nợ xấu. Tuy nhiên, khác với bên bán nợ chỉ có thể là các TCTD, bên mua nợ có thể là các cá nhân hoặc tổ chức có nhu cầu mua nợ xấu từ bên bán nợ để trở thành chủ sở hữu mới của nợ xấu. Tùy thuộc quy định của mỗi nước, nhưng nói chung, để trở thành bên mua nợ trong quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, cần thỏa mãn những điều kiện sau đây:

(1) Là cá nhân, tổ chức trong nước hoặc cá nhân, tổ chức nước ngoài

(2) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ đối với cá nhân, có tư cách pháp nhân đối với tổ chức

(3) Có năng lực tài chính để mua nợ xấu (năng lực tài chính có thể được thể hiện thông quy định về vốn pháp định đối với các công ty kinh doanh hoạt động mua bán nợ xấu)

Như vậy, khi tham gia quan hệ mua bán nợ xấu, bên mua nợ hướng đến việc trở thành chủ sở hữu mới của khoản nợ, chấp nhận rủi ro mà khoản nợ xấu có thể mang lại, trên cơ sở đó khai thác giá trị, lợi nhuận từ khoản nợ xấu. Tuy nhiên, do các khoản nợ của khách hàng tại các TCTD phát sinh từ các khoản cho vay được bảo đảm chủ yếu bằng bất động sản mà phạm vi chủ thể được phép mua nợ đã ít nhiều bị hạn chế. Bởi mặc dù bên mua nợ có thể bao gồm cả cá nhân, tổ chức trong nước hoặc ở nước ngoài, tuy nhiên, tùy thuộc vào quy định của mỗi quốc gia về quyền liên quan tới bất động sản của tổ chức, cá nhân nước ngoài, phạm vi chủ thể của bên mua nợ có thể bị giới hạn.

Tùy thuộc vào sự phát triển của thị trường mua bán nợ xấu và thực trạng nợ xấu của hệ thống TCTD, bên mua nợ bao gồm các chủ thể sau đây:

❖ *Các công ty mua bán nợ xấu chuyên nghiệp*

Sự phát triển của thị trường mua bán nợ xấu của một quốc gia được đánh giá thông qua hoạt động và vai trò của các công ty mua bán nợ xấu chuyên nghiệp trên thị trường. Thông thường công ty mua bán nợ xấu do các TCTD bỏ 100% vốn thành lập để xử lý nợ xấu của chính TCTD đó đồng thời tham gia mua bán nợ xấu của các TCTD khác. Tuy nhiên, không phải TCTD nào cũng có thể thực hiện được hoạt động này. Hầu hết pháp luật của các nước đều quy định về quyền hoạt động kinh doanh và quyền góp vốn, mua cổ phần, thành lập công ty con cho các NHTM, hạn chế hơn ở các TCTD phi ngân hàng và bị cấm ở các loại hình TCTD khác. Dưới khía cạnh là một công ty con của ngân hàng thực hiện hoạt động mua bán nợ xấu chuyên nghiệp, mô hình này sẽ có một đặc trưng cơ bản như:

Về hình thức pháp lý: Công ty mua bán nợ xấu do TCTD bỏ 100% vốn thành lập được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu. Mô hình này cho phép các TCTD quản lý, điều hành một cách có hệ thống, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho việc xử lý nợ xấu của TCTD. Tuy nhiên, hạn

chế của mô hình này là vốn điều lệ phụ thuộc hoàn toàn vốn của chủ sở hữu; đồng thời phạm vi mua bán nợ tập trung vào các khoản nợ của TCTD mẹ, ít có khả năng giải quyết nợ các TCTD khác và toàn hệ thống.

Về phạm vi hoạt động: Phạm vi hoạt động chủ yếu của các công ty mua bán nợ là tiếp nhận và xử lý nợ, tài sản; bán đấu giá tài sản; quản lý và khai thác tài sản; cho thuê tài sản; mua bán nợ; ...

Về mục tiêu hoạt động: Mục tiêu hoạt động chủ yếu của công ty này là lành mạnh hóa tình hình tài chính của TCTD mẹ, đồng thời tham gia mua bán nợ xấu trên thị trường nhằm tìm kiếm lợi nhuận.

➤ *Các công ty mua bán nợ xấu do Nhà nước thành lập*

Trên thị trường mua bán nợ xấu, nếu sự hiện diện của các công ty mua bán nợ xấu chuyên nghiệp do các TCTD thành lập mang tính phổ biến thì sự tồn tại của công ty mua bán nợ xấu do Nhà nước thành lập (hay công ty mua bán nợ tập trung) mang tính thời điểm. Hay có thể nói công ty này chỉ được thành lập khi thị trường đòi hỏi sự xuất hiện của một chủ thể có đủ tầm xử lý nợ xấu của toàn hệ thống và sẽ tự giải thể khi hoàn thành sứ mệnh của mình. Tùy thuộc vào yêu cầu và mục tiêu cần hướng đến, Nhà nước sẽ thành lập một hoặc nhiều công ty mua bán nợ xấu. Các công ty này một mặt mua nợ xấu của các TCTD, một mặt là động lực thúc đẩy sự hình thành của thị trường mua bán nợ xấu.

Khi đó, mô hình này sẽ mang một số đặc trưng pháp lý sau đây:

Về hình thức pháp lý: Hầu hết các công ty mua bán nợ do Nhà nước thành lập đều được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên. Ngoài ra, tùy thuộc vào thực trạng của hệ thống ngân hàng mỗi quốc gia, công ty này còn có thể được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần. Việc lựa chọn loại hình hoạt động sẽ tác động trực tiếp tới năng lực tài chính của chủ thể này.

Về chủ sở hữu: Công ty mua bán nợ tập trung ra đời nhằm xử lý nợ xấu của cả hệ thống TCTD do Nhà nước là chủ sở hữu, góp 100% vốn. Khi xây dựng mô hình này, áp lực về vốn sẽ đè nặng lên ngân sách của các quốc gia, tạo ra khó khăn trong khả năng sử dụng đa dạng các công cụ thanh toán khi mua nợ xấu của TCTD.

Ngoài ra, khi được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, bên cạnh Nhà nước, vốn của công ty còn được góp với các NHTM có quy mô lớn trên thị trường.

Về đối tượng: Công ty mua bán nợ xấu do Nhà nước thành lập tập trung vào mua nợ xấu của các TCTD ở trong nước. Điều đó có nghĩa, công ty này không mua các khoản nợ xấu của các cá nhân hay các doanh nghiệp khác trong nền kinh tế, cũng như không mua nợ xấu của TCTD nước ngoài. Điều này xuất phát từ nguồn vốn được cấp cho loại hình công ty này từ NSNN.

Về mục tiêu hoạt động: Mục tiêu xuyên suốt quá trình tồn tại của loại hình này là đưa tỷ lệ nợ xấu của hệ thống TCTD về mức an toàn, tăng tính thanh khoản của các TCTD, góp phần đảm bảo sự phát triển lành mạnh của hệ thống ngân hàng.

➤ *Các cá nhân và tổ chức có nhu cầu mua nợ xấu*

Bên cạnh các TCTD và các công ty mua bán nợ xấu chuyên nghiệp, các cá nhân và tổ chức có nhu cầu mua nợ xấu giữ vai trò rất quan trọng. Đây là các chủ thể có năng lực về tài chính và họ nhận thấy khả năng tìm kiếm lợi nhuận từ các khoản nợ phát sinh trong hoạt động cho vay của các TCTD. Tuy nhiên, khả năng tham gia thực tế vào thị trường mua bán nợ xấu của các chủ thể này là một vấn đề bởi năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của họ rất hạn chế. Ngoài ra, khả năng này còn phụ thuộc rất lớn vào phạm vi trao quyền của pháp luật. Không phải pháp luật nước nào cũng tạo hành lang pháp lý đủ lớn cho chủ thể này tham gia.

Ba là, bên nợ, bên môi giới, tổ chức đấu giá

Trong quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, bên nợ chính là các tổ chức, cá nhân có khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của TCTD đã quá hạn nhưng chưa được thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ. Cũng giống như quan hệ mua bán thông thường trong nền kinh tế, quan hệ mua bán nợ xấu được hình thành hoàn toàn trên cơ sở thỏa thuận của bên bán nợ và bên mua nợ mà không phụ thuộc vào ý chí của bên nợ, tức là bên nợ không có quyền đồng ý hay phản đối việc xác lập và chuyển giao nghĩa vụ trả nợ từ TCTD sang bên mua nợ (chủ sở hữu mới của nợ xấu). Như vậy, khi nợ xấu được chuyển giao, quyền đòi nợ

thuộc về bên mua nợ, đồng nghĩa với việc nghĩa vụ trả nợ của bên nợ là nghĩa vụ đối với bên mua nợ chứ không phải với TCTD.

Tuy nhiên, trong trường hợp đặc biệt, khi bên nợ, ở thời điểm giao kết hợp đồng cho vay, có thỏa thuận với TCTD về việc không được mua, bán khoản nợ, khoản nợ đó sẽ không thể trở thành đối tượng giao dịch trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa bên bán nợ và bên mua nợ. Chính vì vậy, mặc dù không liên quan trực tiếp tới việc mua bán nợ xấu nhưng bên nợ vẫn giữ vai trò quan trọng trong xác lập và thực hiện quan hệ mua bán nợ xấu giữa bên bán nợ và bên mua nợ.

Ngoài bên bán nợ, bên mua nợ và bên nợ, bên môi giới, tổ chức định giá và tổ chức đấu giá cũng tham gia và có những đóng góp nhất định vào quá trình tiếp xúc, xác lập và thực hiện quan hệ mua bán nợ xấu giữa bên bán nợ và bên mua nợ.

Thứ ba, nhóm quy định về phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu

Về mặt lý thuyết, khi chúng ta coi mua bán nợ xấu là một bộ phận của hoạt động mua bán tài sản thông thường trên thị trường thì nguyên tắc cơ bản nhất để xác định giá mua bán nợ xấu là dựa trên sự thỏa thuận của các bên, hay có thể nói là “thuận mua vừa bán”. Tức giá mua bán nợ xấu là mức giá mà cả bên bán nợ và bên mua nợ đều có thể chấp nhận được. Trên cơ sở giá mua bán đó, bên bán nợ đã có cơ hội thu hồi được phần vốn đã bỏ ra ban đầu với tỷ lệ cao nhất, còn bên mua nợ nhìn thấy khả năng thu về khoản lợi nhuận chênh lệch từ số tiền mua nợ đã bỏ ra. Tất nhiên, không phải quan hệ mua bán nào các bên cũng có thể đạt được mục đích của mình, đặc biệt đối với quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD. Không giống các tài sản thông thường khác, việc xác định giá trị nợ xấu rất phức tạp, đòi hỏi các bên phải có năng lực thẩm định, định giá chuyên nghiệp. Trong trường hợp không thể tự mình định giá khoản nợ xấu, việc lựa chọn hình thức đấu giá để xác định giá của khoản nợ xấu được coi là giải pháp hiệu quả nhất. Ngoài ra, một trong những yếu tố gây khó khăn cho các bên trong việc xác định giá của khoản nợ xấu là khả năng thu hồi vốn và tính thanh khoản của khoản nợ xấu theo các nhóm nợ. Thông thường các khoản nợ xấu có khả năng thu hồi vốn lớn và tính thanh khoản cao thì giá mua bán sẽ theo sát giá trị sổ sách của khoản nợ xấu đó.

Còn đối với các khoản nợ xấu có khả năng thu hồi vốn nhỏ và tính thanh khoản thấp, giá mua bán sẽ rất thấp.

Như vậy, giống như các quan hệ mua bán tài sản trong quan hệ dân sự, giá mua bán nợ xấu có ý nghĩa quan trọng, mang tính mấu chốt trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa bên bán nợ và bên mua nợ. Tuy nhiên, nếu như trong các quan hệ mua bán nói chung, giá mua bán trong hợp đồng sẽ do các bên toàn quyền thỏa thuận, pháp luật không can thiệp vào thỏa thuận này của các bên, thì trong quan hệ mua bán nợ xấu, việc xác định giá mua bán nợ xấu không hề đơn giản và không phải trong mọi trường hợp pháp luật đều dành quyền tự do thỏa thuận cho các bên. Với các quan hệ mua bán nợ xấu có sự tham gia của công ty quản lý tài sản tập trung do Nhà nước thành lập, nhằm mục tiêu đưa tỷ lệ nợ xấu về mức an toàn, trong nhiều trường hợp pháp luật buộc TCTD phải bán nợ xấu cho công ty này. Khi đó, để đảm bảo quyền lợi của TCTD bán nợ cũng như bảo toàn nguồn vốn từ NSNN được cấp công ty quản lý tài sản tập trung, pháp luật cần thiết quy định về phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu.

Để xác định giá mua bán nợ xấu, pháp luật quy định hai phương pháp sau đây:

Một là, phương pháp định giá theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu

Đây là phương pháp cơ bản để xác định giá mua bán nợ xấu, vì các khoản nợ xấu dù được xếp vào nợ nhóm nào thì đều có rủi ro về khả năng thu hồi vốn, rất khó thu hồi đầy đủ theo giá trị sổ sách. Phương pháp này được sử dụng chủ yếu trong quan hệ mua bán nợ giữa TCTD sở hữu khoản nợ với các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp, các tổ chức, cá nhân có nhu cầu vì quan hệ giữa các chủ thể này được xây dựng dựa trên sự bình đẳng và sự chia sẻ về lợi ích. Đặc biệt, phương pháp xác định giá này góp phần đảm bảo an toàn, tránh rủi ro về vốn cho các bên.

Đối với các công ty mua bán nợ tập trung do Nhà nước thành lập nhằm giải quyết nợ xấu trong hệ thống ngân hàng, phương pháp này sẽ được sử dụng khi các công ty này có nguồn vốn hoạt động lớn, hoạt động hướng tới giải quyết triệt để, tận gốc nợ xấu của TCTD bởi lẽ phương pháp định giá này thường gắn liền với công cụ

thanh toán bằng tiền. Ngoài ra, áp dụng phương pháp này sẽ giúp các công ty mua bán nợ tập trung không tạo ra áp lực về thâm hụt ngân sách đối với các quốc gia.

Hai là, phương pháp định giá theo giá trị sổ sách của khoản nợ xấu

Định giá mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách của khoản nợ xấu cũng là một phương pháp điển hình được áp dụng trong quan hệ mua bán nợ xấu. Tuy nhiên phương pháp này hầu như không được sử dụng trong quan hệ mua bán nợ giữa TCTD sở hữu khoản nợ (bên bán) với các công ty mua bán nợ tư nhân (bên mua) bởi nguy cơ rủi ro rất lớn đối với bên mua nợ.

Như đã phân tích, các khoản nợ dù chưa bị xếp vào nhóm nợ xấu hay nằm trong nhóm nợ xấu đều có sự rủi ro về khả năng thu hồi vốn, rất khó để có thể thu hồi được toàn bộ vốn theo giá trị sổ sách của khoản nợ đó. Đặc biệt đối với hoạt động của các công ty mua bán nợ tư nhân hay các nhà đầu tư trong và ngoài nước có nhu cầu (giữ vai trò là bên mua nợ), với mục tiêu đảm bảo nguồn vốn và tìm kiếm lợi nhuận, sẽ rất khó để các chủ thể này chấp nhận mua nợ xấu theo giá trị sổ sách của khoản nợ xấu đó.

Vì vậy, phương pháp này được áp dụng chủ yếu đối với các quan hệ mua bán nợ xấu có sự tham gia của công ty mua bán nợ tập trung do Nhà nước thành lập nhằm thực hiện mục tiêu nhanh chóng hạ tỷ lệ nợ xấu về mức an toàn, ngăn nguy cơ đổ vỡ của hệ thống TCTD. Để áp dụng phương pháp này, các công ty mua bán nợ tập trung không cần thiết phải có nguồn vốn lớn như khi mua nợ xấu theo giá trị thị trường bởi công ty này sẽ thanh toán cho các TCTD bán nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt do mình phát hành thay vì thanh toán bằng tiền. Tuy nhiên để công cụ trái phiếu đặc biệt nhận được sự đồng thuận của TCTD bán nợ, đòi hỏi có sự bảo lãnh của Chính phủ hoặc ngân hàng trung ương của quốc gia đó.

Như vậy, mỗi phương thức xác định giá mua bán nợ xấu có một đặc trưng riêng, chỉ có thể áp dụng đối với những quan hệ mua bán nợ đặc thù. Việc nghiên cứu và làm sáng tỏ những đặc trưng này sẽ giúp cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xây dựng được phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu phù hợp với mục tiêu cần theo đuổi.

Thứ tư, nhóm quy định về phương thức mua bán

Về mặt thuật ngữ, phương thức mua bán nợ xấu được hiểu là cách thức mà các bên sử dụng để tiến hành việc mua bán nợ xấu. Các cách thức này sẽ do các bên thỏa thuận lựa chọn nhằm đạt được tối đa mục đích của mình, đồng thời hạn chế rủi ro đối với các bên. Thông thường, để tiến hành việc mua bán nợ xấu, các bên có thể thỏa thuận lựa chọn một trong các phương thức sau đây:

Một là, phương thức mua bán nợ xấu thông qua cơ chế thỏa thuận

Trong quan hệ mua bán nói chung và mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD nói riêng, thỏa thuận được coi là phương thức mua bán điển hình và phổ biến nhất. Theo phương thức này, quan hệ mua bán nợ xấu được xác lập thông qua sự thống nhất về mặt ý chí giữa các bên, bắt đầu từ việc TCTD bán nợ xấu lựa chọn bên mua nợ uy tín và có năng lực tài chính hoặc cũng có thể bắt đầu từ việc bên mua nợ chủ động tìm đến với TCTD bán nợ vì sự hấp dẫn của khoản nợ xấu được giao bán. Trên cơ sở đó, sau khi nhận thấy cơ hội hợp tác và tìm kiếm lợi ích, bên bán nợ và bên mua nợ sẽ xúc tiến các bước cụ thể để trực tiếp gặp gỡ đàm phán các nội dung của hợp đồng mua bán nợ xấu, từ đó tiến tới ký kết hợp đồng và chuyển giao quyền sở hữu khoản nợ xấu từ bên bán nợ sang bên mua nợ.

Như vậy, theo phương thức mua bán này, giá nợ xấu được xác định thông qua việc định giá giữa bên bán nợ và bên mua nợ hoặc thông qua vai trò của bên định giá chuyên nghiệp. Chính vì vậy, để việc tự định giá của các bên phản ánh đúng giá trị thực tế của nợ xấu tại thời điểm mua bán đòi hỏi cả bên bán nợ và bên mua nợ phải có năng lực chuyên môn cao vì việc định giá nợ xấu không đơn thuần như định giá tài sản thông thường. Trong trường hợp không thể tự định giá, lựa chọn một công ty định giá chuyên nghiệp được coi là giải pháp thay thế hoàn hảo cho sự lựa chọn của các bên. Đây được coi là sự khác biệt căn bản giữa phương thức mua bán nợ xấu bằng cơ chế thỏa thuận với phương thức đấu giá nợ xấu.

Thông thường, việc lựa chọn phương thức thỏa thuận hay đấu giá phụ thuộc vào sự lựa chọn của TCTD bán nợ xấu hoặc sự thỏa thuận giữa TCTD bán nợ và bên mua nợ. Tuy nhiên, trong trường hợp bên mua nợ là Công ty quản lý tài sản do

Nhà nước thành lập để giải quyết tình trạng nợ xấu tăng cao, phương thức thỏa thuận sẽ được ưu tiên lựa chọn. Điều này được thể hiện như sau:

Trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ và các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp hoặc các tổ chức, cá nhân có nhu cầu, việc lựa chọn phương thức thỏa thuận hay thông qua vai trò của bên môi giới được thực hiện theo sự thỏa thuận của các bên, tùy thuộc vào mức độ hấp dẫn của các khoản nợ xấu được TCTD giao bán. Trong quan hệ mua bán này, sự bình đẳng về địa vị pháp lý dẫn tới sự ngang bằng về quyền và nghĩa vụ giữa các bên. Đương nhiên không tồn tại tình trạng áp đặt ý chí hay buộc phải bán, buộc phải mua, cũng như buộc phải lựa chọn phương thức mua bán nợ xấu nào các bên phải tuân theo.

Trong quan hệ mua bán nợ xấu có sự tham gia của Công ty quản lý tài sản tập trung, do vai trò và sứ mệnh dọn dẹp thị trường nên để nhanh chóng đạt được mục tiêu của mình, công ty quản lý tài sản được trao những đặc quyền nhất định như buộc TCTD có tỷ lệ nợ xấu vượt ngưỡng an toàn tối thiểu phải bán nợ xấu, chính vì vậy, thỏa thuận là phương thức mua bán nợ xấu chủ đạo. Thông qua phương thức này, quan hệ mua bán nợ xấu giữa công ty quản lý tài sản và TCTD bán nợ nhanh chóng được xác lập và hợp đồng mua bán nợ xấu cũng nhanh chóng được ký kết. Trong quan hệ này, đấu giá không được lựa chọn vì trình tự, thủ tục rườm rà, mất nhiều thời gian và đặc biệt phương thức này chỉ được tiến hành khi có nhiều hơn một tổ chức đăng ký tham gia mua nợ xấu của TCTD. Đương nhiên, với sứ mệnh và đặc quyền của mình, công ty quản lý tài sản tập trung sẽ không ngang hàng với các bên mua nợ khác để cùng đấu giá bằng cách đưa ra các mức giá khác nhau nhằm mua được nợ xấu của TCTD.

Hai là, phương thức mua bán nợ thông qua đấu giá

Mua bán nợ xấu thông qua đấu giá các khoản nợ được xem là một phương thức mua bán phổ biến trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt là trong điều kiện phát triển như hiện nay. Thông qua thủ tục đấu giá, các khoản nợ xấu được định giá một cách khách quan và sát với giá trị thực của khoản nợ xấu đó tại thời điểm mua bán. Theo đó, để tiến hành phương thức mua bán này, thay vì gặp gỡ và đàm phán trực

tiếp về giá trị của khoản nợ xấu và các quyền, nghĩa vụ có liên quan, TCTD sẽ tự mình tiến hành đấu giá nợ xấu hoặc thông qua một tổ chức đấu giá chuyên nghiệp định giá giá trị của khoản nợ xấu làm cơ sở để chuyển giao khoản nợ xấu từ bên bán nợ sang bên mua nợ.

Tuy nhiên, như đã phân tích, phương thức đấu giá không tồn tại trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ với công ty quản lý tài sản do Nhà nước thành lập để xử lý nợ xấu tăng cao của hệ thống ngân hàng. Phương thức đấu giá chủ yếu được lựa chọn bởi TCTD bán nợ với các bên mua nợ là công ty mua bán nợ chuyên nghiệp khác hoặc các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước.

Thứ năm, nhóm quy định về công cụ thanh toán trong giao dịch mua bán nợ xấu

Công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của TCTD có ý nghĩa đặc biệt quan trọng, ảnh hưởng trực tiếp tới sự thành công của quá trình đàm phán, xác lập và thực hiện hợp đồng mua bán nợ giữa bên bán nợ và bên mua nợ. Công cụ thanh toán phản ánh năng lực tài chính của bên mua nợ, qua đó tác động trực tiếp tới tâm lý của TCTD khi quyết định bán nợ xấu. Thông thường, quan hệ mua bán nợ xấu được thanh toán bằng các công cụ sau đây:

Một là, thanh toán bằng trái phiếu, trái phiếu đặc biệt do bên mua nợ phát hành

Loại công cụ thanh toán này chủ yếu được áp dụng cho quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ với công ty mua bán nợ tập trung. Việc phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để thanh toán xuất phát từ quy mô khổng lồ của nợ xấu trong khi nguồn vốn được cấp cho các công ty mua bán nợ tập trung thường nhỏ bé và cũng nhằm giảm áp lực lên NSNN. Đối với các quốc gia, phương án khả thi nhất khi thành lập các công ty mua bán nợ tập trung vẫn là cấp nguồn vốn nhỏ tạo dựng ban đầu, sau đó cho phép công ty này phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu của hệ thống TCTD.

Bản chất của việc thanh toán bằng trái phiếu, trái phiếu đặc biệt là TCTD không được nhận tiền khi bán nợ xấu mà chỉ nhận được trái phiếu, trái phiếu đặc

biệt do công ty mua bán nợ tập trung phát hành. Vì vậy để đảm bảo hiệu quả của công cụ thanh toán này cần có chính sách hỗ trợ của Ngân hàng trung ương thông qua việc cho vay tái cấp vốn đối với TCTD sở hữu trái phiếu và bảo lãnh của Chính phủ đối với loại trái phiếu này.

Ngoài ra, vì mua bán nợ xấu được thanh toán bằng trái phiếu, trái phiếu đặc biệt, dù trực tiếp hay gián tiếp đều ảnh hưởng tới nguồn vốn được cấp từ NSNN, từ tiền thuế đóng góp của người dân và doanh nghiệp nên cần thiết phải đặt ra những điều kiện đối với khoản nợ xấu cần thỏa mãn. Các điều kiện đó có thể là: (1) nợ xấu phải phát sinh từ hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng; (2) đã quá hạn thanh toán trên 90 ngày; (3) có tài sản bảo đảm hợp pháp, không có tranh chấp; (4) bên nợ vẫn còn tồn tại (cá nhân), hoạt động (tổ chức) [61,33]. Những điều kiện này có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định khả năng xử lý khoản nợ xấu và thu hồi vốn sau khi mua của các TCTD, từ đó hạn chế rủi ro và thất thoát đối với NSNN.

Hai là, thanh toán bằng tiền

Đây là công cụ thanh toán phổ biến trong quan hệ mua bán nói chung và mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD nói riêng. Theo đó, khi bán nợ xấu cho bên mua nợ, TCTD được thanh toán trực tiếp bằng tiền của bên mua nợ, chứ không phải bằng trái phiếu, trái phiếu đặc biệt như trường hợp nói trên.

Thông thường công cụ thanh toán này được áp dụng trong quan hệ mua bán giữa TCTD với tổ chức, cá nhân mua nợ mà không phải là công ty mua bán nợ tập trung do Nhà nước thành lập. Tuy nhiên, trong một số trường hợp đặc biệt, khi khoản nợ xấu được đánh giá có khả năng thu hồi lớn và thỏa mãn các điều kiện nhất định khác, công ty mua bán nợ tập trung có thể mua nợ và thanh toán cho TCTD bằng tiền mà không phải trái phiếu, trái phiếu đặc biệt. Trong trường hợp này, với tính chất đặc biệt của nguồn vốn được hỗ trợ từ ngân sách, yêu cầu về điều kiện của khoản nợ xấu cần được quy định chặt hơn so với việc thanh toán bằng việc phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt. Theo đó, bên cạnh các điều kiện cơ bản cần bổ sung thêm các điều kiện như: (1) khoản nợ xấu có khả năng thu hồi vốn cao; (2) tài sản bảo đảm có khả năng phát mại cao; (3) con nợ phát sinh thu nhập, có tài sản

riêng (nếu như là cá nhân), hoạt động kinh doanh có lãi được thể hiện trên báo cáo tài chính được thẩm định (nếu như là tổ chức) [61,35].

Loại công cụ thanh toán này đòi hỏi bên mua nợ có năng lực tài chính vì vậy, yêu cầu đặt ra khi xây dựng quy chế pháp lý cho hoạt động mua bán nợ xấu là phải quy định những điều kiện chặt chẽ như năng lực chủ thể, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế và đặc biệt là vốn pháp định.

Kết luận chương 2

Trong nền kinh tế thị trường, nợ xấu phát sinh tự hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng là quy luật tất yếu khách quan. Khi nợ xấu gia tăng, nguy cơ bất ổn đối với hệ thống TCTD càng lớn. Vì vậy, xử lý nợ xấu thông qua hoạt động mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ với các bên mua nợ khác được xem là giải pháp có khả năng giải quyết nợ xấu nhanh chóng và hiệu quả. Mặc dù là một bộ phận của quan hệ mua bán nợ xấu nói chung nhưng quan hệ mua bán nợ xấu chứa đựng những đặc trưng riêng biệt như đối tượng mua bán mua bán là các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng, một loại quyền tài sản dưới góc độ dân sự; mua bán nợ xấu được xác lập trên nguyên tắc tự nguyện nhưng trong một số trường hợp có sự can thiệp của nhà nước khi buộc TCTD phải bán nợ xấu.

Ngoài ra, khi quan hệ mua bán nợ xấu được xác lập sẽ tác động tích cực với TCTD giúp hạ tỷ lệ nợ xấu, giảm tỷ lệ dự phòng rủi ro, khơi thông tín dụng, đồng thời nâng cao hình ảnh và xếp hạng tín nhiệm của TCTD. Bên cạnh đó, khi nợ xấu được giải quyết cũng ảnh hưởng tích cực tới hoạt động của doanh nghiệp, đời sống xã hội và nền kinh tế nói chung.

Ngoài ra, những tác động không hề nhỏ của hoạt động mua bán nợ xấu đối với hệ thống ngân hàng và nền kinh tế yêu cầu sự can thiệp mạnh mẽ của Nhà nước. Thông qua vai trò điều tiết của Nhà nước, quan hệ mua bán nợ xấu hình thành và phát triển trong khuôn khổ góp phần ổn định hệ thống ngân hàng, giữ vững niềm tin của người dân và nhà đầu tư vào chính sách điều hành của Nhà nước. Để thực hiện được mục tiêu đó, một mặt đòi hỏi cần thiết phải nghiên cứu và đánh giá những yếu tố như kinh tế, chính trị, lợi ích và hội nhập tác động trực tiếp tới quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD làm cơ sở xem xét sự hoàn thiện của pháp luật thực định và sự phù hợp khi áp dụng trên thực tiễn, một mặt mở rộng nghiên cứu các quy định của pháp luật điều chỉnh quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở các quốc gia có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng với Việt Nam trên cơ sở đó làm bài học kinh nghiệm cho việc hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam.

Mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là một bộ phận của quan hệ mua bán tài sản trong quan hệ dân sự. Tuy nhiên, khác với các quan hệ mua bán tài sản thông thường, đối tượng chuyển giao trong quan hệ mua bán nợ xấu là các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD. Tính chất đặc biệt này tác động trực tiếp tới khả năng tham gia vào quan hệ mua bán nợ xấu của các chủ thể, cụ thể là vai trò của bên bán nợ và bên mua nợ. Trong khi bên bán nợ chỉ là các TCTD sở hữu các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay với khách hàng thì bên mua nợ rất đa dạng, đó có thể là các công ty quản lý tài sản trực thuộc các TCTD (AMC), công ty mua bán nợ tập trung do Nhà nước thành lập hoạt động từ nguồn vốn của NSNN, các công ty kinh doanh dịch vụ mua bán nợ chuyên nghiệp hoặc các tổ chức, cá nhân có nhu cầu mua nợ. Sự đa dạng của bên mua nợ có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy hình thành thị trường mua bán nợ tập trung.

CHƯƠNG 3

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM

3.1. Quy định về đối tượng mua bán

3.1.1. Khái niệm nợ xấu

Quan hệ mua bán nợ xấu được hình thành trên cơ sở thỏa thuận giữa TCTD (bên bán nợ) với tổ chức, cá nhân có nhu cầu (bên mua nợ) về việc chuyển giao khoản nợ xấu từ TCTD bán nợ sang bên mua nợ. Không giống như các loại hàng hóa, dịch vụ thông thường, nợ xấu phát sinh khi TCTD cho khách hàng vay nhưng không được khách hàng trả gốc và lãi đầy đủ như đã thỏa thuận.

Khoản 8 Điều 3 Thông tư số 02/2013/TT-NHNN được sửa đổi bởi Thông tư số 09/2014/TT-NHNN (hay Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31/03/2014) giải thích: “*Nợ xấu (NPL) là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5*”, trong đó nợ nhóm 3 (nợ dưới tiêu chuẩn), nợ nhóm 4 (nợ nghi ngờ) và nợ nhóm 5 (nợ có khả năng mất vốn) trong bảng phân loại nợ theo phương pháp định lượng và phương pháp định tính.

Cụ thể, theo phương pháp định lượng nợ xấu được xác định dựa vào thời hạn trả nợ quá hạn như sau¹⁴:

“c. Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm: (i) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; (ii) Nợ gia hạn nợ lần đầu; ...

d) Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm: (i) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; (ii) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; (iii) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; ...

đ) Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm: (i) Nợ quá hạn trên 360 ngày; (ii) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; (iii) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; ...”.

¹⁴ Điều 10 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31/03/2014

Bên cạnh phương pháp định lượng, nợ xấu cũng được TCTD nhận diện theo phương pháp định tính dựa vào đánh giá của TCTD đối với khả năng trả nợ của khách hàng như sau¹⁵:

“c) Nhóm 3 (Nợ dưới tiêu chuẩn) bao gồm: Các khoản nợ được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá là không có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi khi đến hạn. Các khoản nợ này được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá là có khả năng tổn thất. Các cam kết ngoại bảng được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá là khách hàng không có khả năng thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo cam kết.

d) Nhóm 4 (Nợ nghi ngờ) bao gồm: Các khoản nợ được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá là có khả năng tổn thất cao. Các cam kết ngoại bảng mà khả năng khách hàng không thực hiện cam kết là rất cao,

đ) Nhóm 5 (Nợ có khả năng mất vốn) bao gồm: Các khoản nợ được tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đánh giá là không còn khả năng thu hồi, mất vốn. Các cam kết ngoại bảng mà khách hàng không còn khả năng thực hiện nghĩa vụ cam kết”.

Tuy nhiên, về nguyên tắc, TCTD chỉ được phân loại nợ xấu theo phương pháp định tính sau khi được NHNN chấp thuận bằng văn bản và phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây: (1) Có Hệ thống xếp hạng tín dụng nội bộ phù hợp với hoạt động kinh doanh, đối tượng khách hàng, tính chất rủi ro của khoản nợ và có thời gian thử nghiệm tối thiểu 01 năm; (2) Có chính sách dự phòng rủi ro theo quy định tại khoản 3 Điều 6 Thông tư này; (3) Có chính sách quản lý rủi ro tín dụng, mô hình giám sát rủi ro tín dụng, phương pháp xác định, đo lường rủi ro tín dụng (trong đó bao gồm cách thức đánh giá về khả năng trả nợ của khách hàng theo hợp đồng tín dụng, tài sản bảo đảm, khả năng thu hồi nợ) và quản lý nợ; (4) Phân định rõ ràng trách nhiệm, quyền hạn của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc (Giám đốc) trong việc phê duyệt, thực hiện và kiểm tra thực hiện Hệ thống xếp

¹⁵ Khoản 1 Điều 11 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31/03/2014

hạng tín dụng nội bộ và chính sách dự phòng của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và tính độc lập của các bộ phận quản lý rủi ro¹⁶.

Bên cạnh việc phân loại nợ xấu theo phương pháp định tính, sau khi được NHNN chấp thuận, TCTD vẫn phải đồng thời phân loại nợ theo phương pháp định lượng. Trong trường hợp việc phân loại nợ hai phương pháp mang lại những kết quả khác nhau, khoản nợ đó phải được phân loại vào nhóm có mức độ rủi ro cao hơn.

Những quy định này được cho là cần thiết nhằm đảm bảo việc phân loại và xếp hạng nợ xấu của các TCTD phản ánh thực chất mức độ rủi ro của khoản nợ, từ đó TCTD có giải pháp ngăn chặn rủi ro và xử lý nợ hiệu quả hơn.

Như vậy, theo quy định của pháp luật hiện hành, có hai tiêu chí cơ bản để nhận diện nợ xấu, đó là các khoản nợ đã quá hạn trả nợ từ 91 ngày trở lên hoặc các khoản nợ được TCTD đánh giá là không có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi khi đến hạn. Từ quy định về nợ xấu trên có thể thấy rằng *có sự tương đồng trong tiêu chí nhận diện nợ xấu của Việt Nam với tiêu chuẩn về nợ xấu được các tổ chức tài chính quốc tế thừa nhận.*

Theo Ủy ban Basel về Giám sát Ngân hàng (BCBS), khoản nợ bị coi là nợ xấu khi một trong hai hoặc cả hai điều kiện sau xảy ra: ngân hàng thấy người vay không có khả năng trả nợ đầy đủ khi ngân hàng chưa thực hiện hành động gì để cố gắng thu hồi; người vay đã quá hạn trả nợ trên 90 ngày [99]. Dựa trên hướng dẫn này, nợ xấu sẽ bao gồm toàn bộ các khoản cho vay đã quá hạn 90 ngày hoặc mặc dù khoản nợ chưa quá hạn đến 90 ngày nhưng có dấu hiệu hoặc có căn cứ cho thấy người đi vay không trả được nợ.

Theo Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), *“một khoản vay được coi là nợ xấu khi quá hạn thanh toán gốc hoặc lãi 90 ngày hoặc hơn; khi các khoản lãi suất đã quá hạn 90 ngày hoặc hơn đã được vốn hóa, cơ cấu lại, hoặc trì hoãn theo thỏa thuận; khi các khoản thanh toán đến hạn dưới 90 ngày nhưng có thể nhận thấy những dấu*

¹⁶ Khoản 2 Điều 11 Văn bản hợp nhất số 01/VBHN-NHNN ngày 31/03/2014

hiệu rõ ràng cho thấy người vay sẽ không thể hoàn trả nợ đầy đủ (người vay phá sản)” [102].

Như vậy, về mặt định lượng quan niệm nợ xấu của pháp luật Việt Nam và thông lệ quốc tế khá tương đồng, theo đó, các khoản nợ bị xếp vào nhóm nợ xấu khi đã quá hạn trả nợ gốc và lãi từ 90 ngày (91 ngày) trở lên đồng thời tính toán về khả năng trả nợ của khách hàng khi đến hạn, điều đó có nghĩa không chỉ xem xét khi đã có dấu hiệu rõ ràng về việc khách hàng không trả được nợ mà còn phải đánh giá tới các khả năng xảy ra thiệt hại trong tương lai.

Sự chuẩn hóa quốc tế các tiêu chí nhận diện nợ xấu của Thông tư 02/2013/TT-NHNN có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Để thu hút nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế hoặc các nhà đầu tư nước ngoài vào hoạt động mua bán và xử lý nợ xấu của các TCTD, minh bạch và chuẩn hóa quốc tế tiêu chí phân loại nợ xấu của các TCTD là yêu cầu không thể thiếu. Thực tiễn cho thấy, sự thiếu minh bạch trong các thông tin về nợ xấu và không đảm bảo các tiêu chí phân loại nợ xấu theo chuẩn mực quốc tế là những rào cản lớn nhất ngăn cản các tổ chức tài chính quốc tế hoặc các nhà đầu tư ngoại tham gia mua bán nợ xấu trên thị trường ở Việt Nam thời gian qua.

Tuy nhiên, quan niệm về nợ xấu của Thông tư 02/2013/TT-NHNN đang tạo ra sự nhầm lẫn giữa khái niệm nợ xấu (*Bad Debt*) với khái niệm các khoản cho vay không hiệu quả (*Non-performing loans*) khi viết tắt “Nợ xấu là NPL”. Trong khi nợ xấu được xác định thông qua thời hạn trả nợ đã quá từ 91 ngày trở lên hoặc được TCTD đánh giá là không có khả năng thu hồi nợ gốc và lãi khi đến hạn thì các khoản cho vay không hiệu quả (*Non-performing loans*) được nhận biết thông qua quy trình luân chuyển vốn vay từ TCTD đến khách hàng và hoạt động thu hồi vốn của TCTD không được như kỳ vọng. Sự không hiệu quả trong các khoản vay này (*NPLs*) có thể xuất phát từ những rủi ro trong quá trình sử dụng vốn của khách hàng như khách hàng đầu tư không hiệu quả, giải thể, phá sản... dẫn tới khả năng trả nợ gốc và lãi của khách hàng bị ảnh hưởng hoặc có thể xuất phát từ những rủi ro về chính sách, rủi ro về lãi suất, rủi ro về thị trường... từ đó làm giảm hiệu quả, lợi

nhuận từ những khoản cho vay mặc dù khách hàng có thể trả nợ gốc và lãi đúng hạn.

Chính vì vậy, việc viết tắt nợ xấu là NPL không những gây ra sự nhầm lẫn giữa khái niệm nợ xấu (Bad Debt) với khái niệm các khoản cho vay không hiệu quả (NPLs), mà còn ảnh hưởng trực tiếp tới việc nhận diện và xếp hạng nợ xấu của hệ thống TCTD và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, từ đó gây ra những sai lệch trong việc đưa ra giải pháp điều tiết thị trường của Chính phủ và NHNN.

Mới đây, NHNN đã ban hành Thông tư số 13/2018/TT-NHNN quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của NHTM, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, trong đó lần đầu tiên có sự nhận diện về các khoản cho vay không hiệu quả khi đưa ra khái niệm khoản cấp tín dụng có vấn đề, cụ thể khoản 19 Điều 3 giải thích: *“Khoản tín dụng có vấn đề do ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài quy định đảm bảo tối thiểu là khoản cấp tín dụng được phân loại vào nhóm nợ từ nhóm 2 trở lên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro”*. Quy định này được xem là một điểm tiến bộ trong cách tiếp cận về nợ xấu của NHNN, đồng thời là cơ sở tạo lập sự khác biệt giữa nợ xấu với các khoản cho vay có vấn đề (các khoản cho vay không hiệu quả) trong hoạt động của các TCTD.

3.1.2. Điều kiện để nợ xấu trở thành đối tượng mua bán

Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường, quan hệ mua bán nợ xấu được hình thành dựa trên sự thống nhất ý chí giữa bên bán nợ và bên mua nợ về việc chuyển giao khoản nợ xấu. Vì vậy, bên bán nợ và bên mua nợ có toàn quyền trong việc lựa chọn khoản nợ xấu cụ thể là đối tượng chuyển giao trong quan hệ mua bán này. Ngay cả đối với các TCTD có tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ vượt quá 3% buộc phải bán nợ xấu cho Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC) để đưa tỷ lệ nợ xấu xuống mức an toàn cũng được pháp luật đảm bảo quyền năng này. Theo đó, căn cứ vào tính chất của khoản nợ xấu, tình hình tài chính của con nợ, cộng với đánh giá về khả năng thu hồi tài sản từ khoản nợ xấu, TCTD sở hữu khoản

nợ xấu và các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sẽ xúc tiến việc mua bán thông qua việc ký kết hợp đồng mua bán nợ xấu.

Tuy nhiên, không phải mọi khoản nợ xấu đều có thể trở thành đối tượng mua bán. Theo Thông tư 09/2015/TT-NHNN, các khoản nợ xấu được mua, bán phải đáp ứng các điều kiện sau:

Một là, hồ sơ, chứng từ và các tài liệu có liên quan của khoản nợ được mua, bán, hợp đồng bảo đảm (nếu có) do bên bán nợ cung cấp phải phản ánh đầy đủ, chính xác thực trạng khoản nợ theo đúng quy định của pháp luật.

Việc đảm bảo điều kiện này có ý nghĩa quan trọng trong việc đưa ra cái nhìn chân thực, khách quan về tình trạng của khoản nợ xấu, đồng thời là cơ sở hình thành quyết định mua bán nợ của các bên. Thông qua những hồ sơ, chứng từ và các tài liệu liên quan của các khoản nợ, bên có nhu cầu mua nợ sẽ đánh giá được nguyên nhân hình thành khoản nợ, năng lực tài chính và khả năng trả nợ của khách hàng vay, từ đó đưa ra quyết định mua hay không mua khoản nợ và giá mua bằng bao nhiêu % giá trị khoản nợ.

Hai là, không có thỏa thuận bằng văn bản về việc không được mua, bán khoản nợ.

Mặc dù quan hệ mua bán nợ xấu được xác lập thông qua ý chí của TCTD bán nợ và tổ chức, cá nhân mua nợ, tuy nhiên trong trường hợp TCTD và khách hàng có thỏa thuận về việc không được mua bán khoản nợ thì khoản nợ đó không thể trở thành đối tượng của quan hệ mua bán nợ xấu. Điều kiện này được xây dựng trên cơ sở tôn trọng của pháp luật về sự thống nhất ý chí giữa TCTD và khách hàng trong quá trình ký kết hợp đồng tín dụng. Điều đó có nghĩa, đối với các khoản nợ này, TCTD buộc phải sử dụng các biện pháp nghiệp vụ thu hồi nợ truyền thống như xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi vốn chứ không thể bán cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu.

Ba là, khoản nợ không được sử dụng để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự tại thời điểm mua, bán nợ trừ trường hợp bên nhận bảo đảm đồng ý bằng văn bản về việc bán nợ.

Về bản chất, khoản nợ phát sinh từ hoạt động cho vay của TCTD là một loại tài sản. Vì vậy, TCTD hoàn toàn có quyền sử dụng khoản nợ làm tài sản bảo đảm cho việc thực hiện nghĩa vụ với một chủ thể khác. Tuy nhiên, để đảm bảo quyền lợi của bên có quyền trong quan hệ này, TCTD không được phép mang bán những khoản nợ này khi không có sự đồng ý của bên nhận bảo đảm. Quy định này được xem là cần thiết, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự về các biện pháp bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

Như vậy, để trở thành đối tượng của quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ và bên mua nợ, khoản nợ xấu phải thỏa mãn đồng thời các điều kiện cơ bản trên. Những điều kiện này có ý nghĩa quan trọng trong việc đảm bảo quyền và nghĩa vụ của bên bán nợ, bên mua nợ và bên nợ, đồng thời ngăn chặn những tranh chấp không đáng có giữa các bên trong quá trình giao kết và thực hiện hợp đồng mua bán nợ xấu.

3.1.3. Chuyển giao quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ xấu

Mua bán nợ xấu được xác lập thông qua hợp đồng mua bán nợ xấu giữa bên bán nợ là TCTD và bên mua nợ là các tổ chức, cá nhân mua nợ. Khi mua nợ xấu, việc chuyển giao các quyền và nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ xấu có ý nghĩa quan trọng quyết định khả năng xử lý nợ xấu đã mua của bên mua nợ. Khoản 1 Điều 13 Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định: *“Bên mua nợ trở thành người thế quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ của bên bán nợ kể từ thời điểm theo thỏa thuận tại hợp đồng mua, bán nợ”*. Đồng thời khoản 2 cũng quy định: *“Bên bán nợ chuyển giao quyền, nghĩa vụ liên quan đến khoản nợ cho bên mua nợ bao gồm cả quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm khoản nợ đó (nếu có). Việc chuyển giao quyền, nghĩa vụ đối với các biện pháp bảo đảm của khoản nợ phù hợp với quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm và các quy định khác có liên quan của pháp luật. Việc thực hiện đăng ký thay đổi bên nhận bảo đảm theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm”*.

Trong quan hệ mua bán nợ xấu có sự tham gia của VAMC (với tư cách là bên mua nợ), những quyền và nghĩa vụ này cũng được Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định cụ thể: *“Trong hoạt động mua, bán nợ giữa Công ty Quản lý tài*

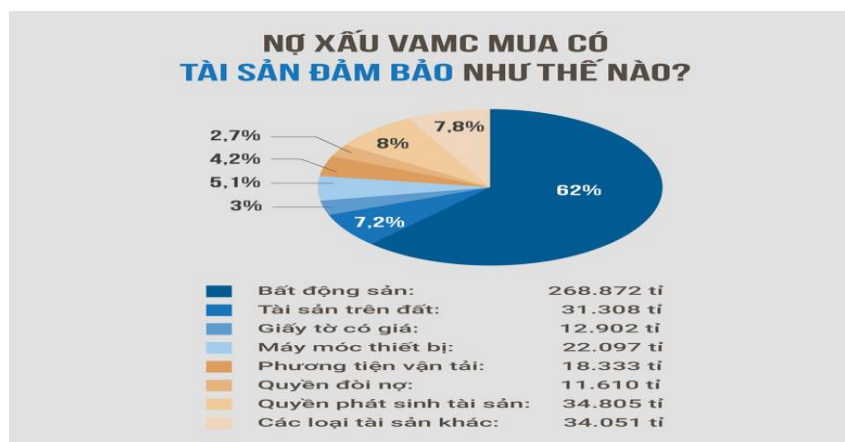
sản và tổ chức tín dụng, toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm và biện pháp bảo đảm khác cho khoản nợ xấu được bên bán nợ giữ nguyên hiện trạng và chuyển giao cho bên mua nợ theo hợp đồng mua, bán nợ”.

Quy định về việc chuyển giao các quyền và nghĩa vụ liên quan tới khoản nợ xấu, đặc biệt là chuyển giao tài sản bảo đảm được xem là phù hợp với các quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015 về việc thực hiện hợp đồng nói chung. Tuy nhiên, khi xét đến tư cách của các bên mua nợ và các quy định của Luật Đất đai năm 2013 thấy rằng đang tồn tại những mâu thuẫn gây khó khăn cho quá trình thu giữ tài sản bảo đảm để xử lý nợ xấu của bên mua nợ.

Theo các quy định tại Điều 174, 175, 176 Luật Đất đai năm 2013, tổ chức sử dụng đất chỉ được thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại TCTD được phép hoạt động tại Việt Nam. Quy định này vô hình chung tạo ra sự khó khăn cho hoạt động thu giữ tài sản bảo đảm của bên mua nợ vì hai lý do:

Một là, bên mua nợ xấu trong quan hệ mua bán nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD rất đa dạng, bao gồm các TCTD và các chủ thể không phải là TCTD như VAMC, DATC, công ty kinh doanh dịch vụ mua bán nợ và các tổ chức, cá nhân không có chức năng kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Hai là, theo thống kê của NHNN, trong giai đoạn 2013 - 2018, tổng số nợ xấu của các NHTM vào khoảng hơn 400.000 tỷ đồng, trong đó khoảng 62% tài sản bảo đảm cho các khoản nợ xấu này là bất động sản.



Nguồn: Thống kê của NHNN

Những vướng mắc này phần nào được giải quyết khi Quốc hội ban hành Nghị quyết số 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD, theo đó khoản 1 Điều 7 quy định: *“Bên bảo đảm, bên giữ tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có nghĩa vụ giao tài sản bảo đảm kèm theo đầy đủ giấy tờ, hồ sơ pháp lý của tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý theo thỏa thuận trong hợp đồng bảo đảm hoặc trong văn bản khác (sau đây gọi là hợp đồng bảo đảm) và quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm. Trường hợp bên bảo đảm, bên giữ tài sản không giao tài sản bảo đảm cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu để xử lý thì tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu được thu giữ tài sản bảo đảm theo quy định tại Điều này”*.

Tuy nhiên, phạm vi quy định về quyền thu giữ tài sản bảo đảm nói trên chỉ áp dụng với tổ chức mua bán, xử lý nợ xấu (tức là VAMC), không áp dụng với các bên mua nợ khác. Vì vậy, những quy định của Luật Đất đai năm 2013 đã hạn chế quyền nhận thế chấp bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất của các bên mua nợ không phải là TCTD hoặc VAMC và gây khó khăn cho hoạt động xử lý nợ xấu, không kích thích được việc mua bán, chuyển giao khoản nợ xấu giữa TCTD với các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua nợ, qua đó ảnh hưởng lớn đến hiệu quả của quá trình xử lý nợ xấu, ảnh hưởng đến việc hình thành, phát triển thị trường mua bán nợ.

3.2. Quy định về chủ thể mua bán nợ xấu

3.2.1. Bên bán nợ

Đối với hoạt động cho vay của các TCTD, sự hình thành các khoản nợ xấu gần như không thể tránh khỏi mặc cho các TCTD áp dụng các biện pháp phòng ngừa rủi ro chặt chẽ. Để xử lý các khoản nợ xấu này, TCTD có thể sử dụng phương pháp thu hồi nợ thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm của khách hàng hoặc lựa chọn phương án bán nợ xấu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu. Khi lựa chọn phương án bán nợ xấu, TCTD sẽ trở thành bên bán nợ trong quan hệ mua bán nợ xấu với bên mua nợ. Theo Điều 3 Thông tư 09/2015/TT-NHNN, bên bán nợ là TCTD sở hữu nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay, được bán cho bên mua nợ. Như vậy, để trở

thành chủ thể của quan hệ mua bán nợ xấu, bên bán nợ phải thỏa mãn các điều kiện sau:

(1) là TCTD được thành lập theo quy định của pháp luật;

(2) sở hữu nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay.

Với quy định này, chỉ có TCTD mới được tham gia với tư cách là bên bán nợ trên thị trường mua bán nợ sơ cấp. Các cá nhân và tổ chức khác chỉ có thể tham gia với tư cách là bên bán nợ trên thị trường thứ cấp, sau khi đã trở thành chủ sở hữu của khoản nợ xấu được các TCTD chuyển giao.

Về nguyên tắc, việc tham gia vào hoạt động mua bán nợ xấu với bên mua nợ thuộc quyền tự do ý chí của bên bán nợ, điều đó có nghĩa bên bán nợ được quyền lựa chọn bán hay không nợ xấu cho bên mua nợ. Quyền năng này của bên bán nợ được thể hiện trên khía cạnh: (1) được quyền lựa chọn khoản nợ xấu để bán cho bên mua nợ và (2) được quyền lựa chọn bên mua nợ. Hay có thể nói, trên cơ sở các quy định của pháp luật, TCTD được tự phân loại các khoản nợ xấu và đánh giá khả năng thu hồi nợ gốc và lãi. Trên cơ sở đó, TCTD được quyền lựa chọn khoản nợ xấu nào sẽ bán cho bên mua nợ, khoản nợ xấu nào sẽ áp dụng các biện pháp nghiệp vụ để thu hồi nợ. Trong mọi trường hợp, pháp luật sẽ không can thiệp buộc TCTD phải bán khoản nợ xấu này hay khoản nợ xấu khác. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa mọi khoản nợ xấu của TCTD đều có thể mang ra bán cho bên mua nợ vì cũng như mọi quan hệ mua bán khác, quan hệ mua bán nợ xấu được xác lập hay không phụ thuộc chủ yếu vào sức hấp dẫn của đối tượng mua bán, tức là sức hấp dẫn của các khoản nợ xấu. Bản thân bên mua nợ sẽ không bỏ tiền ra để mua các khoản nợ xấu không có khả năng thu hồi để rồi nhận rủi ro về mình. Vì vậy, TCTD phải cân nhắc, tính toán để lựa chọn khoản nợ xấu phù hợp bán cho bên mua nợ.

Bên cạnh quyền được lựa chọn khoản nợ xấu là đối tượng mua bán, TCTD còn được quyền lựa chọn bên mua nợ, tức là bán cho bên mua nợ này hay bên mua nợ khác là quyền của TCTD. Tuy nhiên, quyền năng này bị pháp luật hạn chế trong một số trường hợp nhất định.

Một là, TCTD không được bán nợ cho công ty con của chính TCTD đó, trừ trường hợp bán nợ cho công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của TCTD mẹ theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt¹⁷.

Theo quy định này, đối với các TCTD đã thành lập hoặc mua lại công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (hay các AMC), TCTD được phép bán nợ cho công ty con này theo phương án tái cơ cấu đã được NHNN phê duyệt. Đối với các TCTD chưa thành lập hoặc mua lại AMC, TCTD đó sẽ không được bán nợ xấu cho các công ty con của mình. Quy định này nhằm ngăn chặn tình trạng TCTD chuyển giao nợ xấu cho các công ty con để làm đẹp sổ sách kế toán, qua đó đảm bảo các báo cáo về tỷ lệ nợ xấu của các TCTD là thực chất, phản ánh chính xác thực trạng nợ xấu của TCTD.

Hai là, trong một số trường hợp nhất định, TCTD buộc phải bán nợ xấu cho bên mua nợ do pháp luật chỉ định nhằm đảm bảo sự an toàn của TCTD đó nói riêng và hệ thống TCTD nói chung. Cụ thể, khoản 1 Điều 21 Thông tư 19/2013/TT-NHNN quy định: *“TCTD có tỷ lệ nợ xấu từ 3% so với tổng dư nợ tín dụng trở lên phải bán nợ cho Công ty Quản lý tài sản (VAMC)”*.

Quy định này đặt ra hai lựa chọn, theo đó, (1) đối với các TCTD có tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ dưới 3%, quyền tự do ý chí của TCTD được pháp luật bảo đảm tối đa, TCTD được quyền lựa chọn bán nợ xấu hay không bán nợ xấu, bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản (VAMC) hay bán cho các bên mua nợ khác; (2) đối với các TCTD có tỷ lệ nợ xấu từ 3% trên tổng dư nợ tín dụng trở lên phải bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản (VAMC) nhằm đưa tỷ lệ nợ xấu của TCTD về mức an toàn (dưới 3%). Điều đó có nghĩa, TCTD phải xác định giá trị nợ xấu trên tổng dư nợ vượt ngưỡng an toàn tối thiểu được pháp luật cho phép làm cơ sở xác định giá trị nợ xấu phải bán cho VAMC. Trong trường hợp này, bán nợ xấu cho VAMC là nghĩa vụ của TCTD.

Như vậy, TCTD có thể vừa bán nợ xấu cho Công ty Quản lý tài sản (VAMC) vừa bán nợ xấu cho các bên mua nợ khác nhưng phải chịu sự ràng buộc nhiều hơn

¹⁷ Khoản 7 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN

khi có tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ vượt mức an toàn tối thiểu. Mặc dù quy định này hạn chế sự tự do ý chí của TCTD nhưng được xem là cần thiết, nhằm tránh những nguy cơ bất ổn cho TCTD và cả hệ thống TCTD.

3.2.2. Bên mua nợ

Giống như bên bán nợ, bên mua nợ là chủ thể không thể thiếu để hình thành quan hệ mua bán nợ xấu. Tuy nhiên, nếu như bên bán nợ chỉ có thể là các TCTD, thì bên mua nợ được pháp luật quy định rất đa dạng, đó có thể là các cá nhân hoặc tổ chức có nhu cầu mua khoản nợ xấu từ bên bán nợ để trở thành chủ sở hữu mới của khoản nợ xấu.

Theo khoản 4 Điều 3 Thông tư 09/2015/TT-NHNN, bên mua nợ bao gồm:

- *TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được NHNN chấp thuận hoạt động mua nợ.*
- *Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC).*
- *Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC).*
- *Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc các TCTD (AMC).*
- *Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.*
- *Tổ chức, cá nhân khác.*

Trong đó, mỗi chủ thể khi tham gia vào quan hệ mua bán nợ xấu với bên bán nợ thể hiện những đặc trưng sau đây:

a. Các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài được Ngân hàng Nhà nước cho phép thực hiện chấp thuận hoạt động mua nợ

TCTD không chỉ tham gia vào quan hệ mua bán nợ xấu với tư cách bên bán nợ, khi thỏa mãn những điều kiện nhất định, TCTD có thể tham gia với tư cách là bên mua nợ. Cụ thể, khoản 3 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định: “TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài chỉ được mua nợ khi được Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chấp thuận hoạt động mua nợ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD, Giấy phép thành lập của chi nhánh ngân hàng nước ngoài và có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%, trừ trường hợp mua nợ theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt”.

Như vậy, trừ trường hợp mua nợ xấu theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt, TCTD có thể trở thành bên mua nợ khi thỏa mãn hai điều kiện: (1) được NHNN cho phép thực hiện hoạt động mua nợ trong Giấy phép và (2) có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%. Bên cạnh đó, TCTD khi mua nợ xấu cũng phải tuân thủ các quy định pháp luật về bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD.

Trường hợp này chủ yếu phát sinh với các TCTD chưa thành lập hoặc mua lại AMC, vì đối với các TCTD đã thành lập AMC, mọi hoạt động liên quan tới việc mua bán nợ xấu của TCTD đều được chuyển giao cho công ty chuyên nghiệp này. TCTD tham gia mua nợ xấu của các TCTD khác nhằm mục đích chủ yếu là tìm kiếm lợi nhuận như một nghiệp vụ kinh doanh thông thường, vì bản chất nợ xấu cũng là một loại tài sản, có khả năng phát sinh lợi nhuận cao nếu TCTD đánh giá chính xác về giá trị và khả năng thu hồi vốn của khoản nợ xấu.

Trước tiên phải thấy rằng, quy định của Thông tư 09/2015/TT-NHNN cho phép TCTD được quyền mua nợ xấu của các TCTD khác là một bước đột phá trong nỗ lực đa dạng hóa các chủ thể mua nợ xấu trên thị trường mua bán nợ. So với các bên mua nợ khác, các TCTD khi tham gia với tư cách bên mua nợ sẽ có ưu thế lớn vì hiểu rất rõ về quá trình phát sinh nợ xấu từ các khoản cho vay đối với khách hàng. Bên cạnh đó, các TCTD cũng có ưu thế rõ ràng trong việc tiếp cận thông tin về các khoản cho vay, các thông tin của khách hàng trên cổng Trung tâm thông tin tín dụng trực thuộc NHNN (CIC) so với các bên mua nợ khác. Đồng thời khi trực tiếp tham gia mua nợ xấu của TCTD khác, TCTD gặp rất nhiều thuận lợi khi tiếp cận và xử lý tài sản bảo đảm của con nợ có liên quan tới bất động sản theo quy định tại các Điều 174, 175, 176 Luật Đất đai năm 2013 như đã phân tích ở trên. Những ưu thế vượt trội này có ý nghĩa rất lớn trong việc giúp các TCTD tiếp cận và xử lý các khoản nợ xấu của các TCTD khác khi mua nợ.

Như đã phân tích, khoản 3 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định về điều kiện được sự cho phép của NHNN trong nội dung của Giấy phép và tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ nằm trong ngưỡng an toàn tối thiểu TCTD cần thỏa mãn để có thể mua nợ xấu của TCTD.

Thứ nhất, về điều kiện TCTD phải được sự cho phép của NHNN trong nội dung của Giấy phép. Có thể khẳng định ngay rằng, quy định này được xem là cần thiết và phù hợp với nguyên tắc hoạt động của các TCTD được quy định trong Luật các TCTD năm 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017. Theo đó, Điều 90 quy định: “Ngân hàng Nhà nước quy định cụ thể phạm vi, loại hình, nội dung hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác của tổ chức tín dụng trong Giấy phép cấp cho từng tổ chức tín dụng. Tổ chức tín dụng không được tiến hành bất kỳ hoạt động kinh doanh nào ngoài các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác ghi trong Giấy phép được Ngân hàng Nhà nước cấp cho tổ chức tín dụng”.

Về trình tự, thủ tục đề nghị NHNN chấp thuận, khoản 7 Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định: “*Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có nhu cầu được chấp thuận hoạt động mua nợ lập 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 6 Thông tư này gửi qua đường bưu điện hoặc nộp trực tiếp cho Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng)*”.

Bộ hồ sơ gồm: (i) Đơn đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ theo mẫu tại Phụ lục số 01 đính kèm Thông tư này¹⁸; (ii) Nghị quyết của Hội đồng quản trị (Hội đồng thành viên) của tổ chức tín dụng thông qua việc đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ; văn bản và bản dịch của ngân hàng mẹ do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Trong thời hạn 40 (bốn mươi) ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ngân hàng Nhà nước xem xét chấp thuận hoạt động mua nợ cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bằng Quyết định sửa đổi, bổ sung Giấy phép. Văn bản này là một bộ phận không tách rời của Giấy phép. Trường hợp từ chối, Ngân hàng Nhà nước thông báo bằng văn bản cho tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và nêu rõ lý do”.

Thứ hai, TCTD muốn mua nợ xấu phải có tỷ lệ nợ xấu trên tổng dư nợ nằm trong ngưỡng an toàn tối thiểu (dưới 3%).

¹⁸ Xem thêm Phụ lục số 04

Đây được coi là điều kiện tiên quyết nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động của các TCTD. Bản thân nợ xấu luôn chứa đựng những nguy cơ bất ổn cho TCTD sở hữu vì vậy quy định về tỷ lệ nợ xấu nằm trong ngưỡng an toàn tối thiểu TCTD cần đáp ứng khi đề nghị NHNN chấp thuận hoạt động mua bán nợ xấu là cần thiết.

Tuy nhiên, những điều kiện trên chưa thể hạn chế hết những rủi ro TCTD có thể gặp phải khi mua nợ xấu của TCTD khác vì chưa quy định về nguồn vốn TCTD được sử dụng thể hiện hoạt động này. Về nguyên tắc, nếu coi mua nợ xấu như một nghiệp vụ cấp tín dụng, TCTD có thể sử dụng vốn tự có hoặc vốn huy động để mua nợ xấu. Tuy nhiên, cần nhìn nhận rằng mua nợ xấu về bản chất giống như hoạt động đầu tư vì tiềm ẩn nguy cơ rủi ro cao. Vì vậy, pháp luật nên đặt ra quy định về loại vốn TCTD được phép sử dụng để thực hiện hoạt động này.

b. Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)

Ở Việt Nam, do chịu ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới, từ giữa năm 2011, nhiều TCTD rơi vào tình trạng nợ xấu tăng nhanh, thanh khoản yếu kém, khả năng sinh lời suy giảm, tăng trưởng tín dụng cho nền kinh tế khó khăn. Nợ xấu ngành ngân hàng liên tục tăng cao, vào thời điểm 30/09/2012 lên đến 17,21% tổng dư nợ tín dụng¹⁹. Trong bối cảnh đó, Chính phủ và NHNN phải chịu áp lực lớn là phải có một giải pháp tổng thể, mạnh mẽ để khơi thông dòng tín dụng, xử lý nhanh nợ xấu, bảo đảm an toàn, hiệu quả cho hoạt động của hệ thống TCTD. Kinh nghiệm xử lý nợ xấu của các nước trên thế giới chỉ ra rằng, việc thành lập Công ty Quản lý tài sản (AMC) tầm cỡ quốc gia là giải pháp đóng vai trò đặc biệt quan trọng trong xử lý nợ xấu tại nhiều nước trên thế giới [96,159]. Chính vì vậy, ngày 18 tháng 5 năm 2013, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 53/2013/NĐ-CP về thành lập, tổ chức và hoạt động Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (viết tắt là VAMC). Ngày 31/05/2013, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 843/QĐ-TTg về việc phê duyệt đề án “Xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng” và đề án “Thành lập Công ty Quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam”. Trên cơ sở đó, ngày 27/06/2013, Thống đốc NHNN đã ra Quyết định số 1459/QĐ-NHNN thành lập Công ty Quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC).

¹⁹ Số liệu báo cáo của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2013

Đồng thời, ngày 6/9/2013, Thống đốc NHNN đã ban hành Thông tư số 19/2013/TT-NHNN tạo hành lang pháp lý cho hoạt động mua bán nợ xấu của VAMC.

So với hoạt động mua nợ xấu của các chủ thể khác, VAMC có một quy chế pháp lý điều chỉnh riêng thể hiện ở một số đặc trưng sau đây:

Một là, về chủ sở hữu của VAMC

VAMC là doanh nghiệp đặc biệt thuộc sở hữu Nhà nước. Đặc điểm này giúp VAMC có “những quyền năng” khi thực hiện hoạt động mua nợ xấu của các TCTD. Tuy nhiên, hạn chế của VAMC khi thuộc sở hữu của Nhà nước là chịu sự chi phối và can thiệp của Nhà nước khi thực hiện việc mua bán nợ xấu trên thị trường, hay có thể nói VAMC giống như một công cụ hành chính của cơ quan công quyền nhằm can thiệp vào thị trường. Chính vì vậy, hoạt động của VAMC được xem là một công cụ điều hành chính sách nhiều hơn là một công cụ kinh tế nhằm giải quyết triệt để nợ xấu của các TCTD. Vì vậy, các quan hệ mua bán nợ xấu giữa VAMC và các TCTD có sự méo mó nhất định, chưa hoàn toàn tuân theo các quy luật của thị trường. Tuy nhiên, bài học thực tiễn từ quá trình giải quyết nợ xấu ở các nước Đông Á và Đông Nam Á trong cuộc khủng hoảng năm 1997 cho thấy, sự can thiệp này của Nhà nước vào thị trường hết sức cần thiết giúp giải quyết nhanh chóng tình trạng nợ xấu tăng cao trong hệ thống ngân hàng.

Hai là, về hình thức pháp lý của VAMC

Theo khoản 2 Điều 3 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP: “*Công ty Quản lý tài sản là doanh nghiệp đặc thù, được tổ chức dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ và chịu sự quản lý nhà nước, thanh tra, giám sát của Ngân hàng Nhà nước.*”

Như vậy, giống như các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp đã tồn tại trên thị trường như Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC) hay các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản (AMC) trực thuộc các TCTD, VAMC là doanh nghiệp đặc biệt hoạt động dưới hình thức công ty TNHH một thành viên.

Thực tế chỉ ra không chỉ có Việt Nam, việc tổ chức công ty mua bán nợ quốc gia, hoạt động dưới hình thức công ty TNHH một thành viên đã từng được áp dụng rất thành công tại một số nước như Thái Lan, Indonesia, Malaysia.

Ở Thái Lan, khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 đã gây nhiều tác động nặng nề lên hệ thống tài chính, đặc biệt là khu vực ngân hàng. Nợ xấu của khu vực ngân hàng liên tục gia tăng, cuối năm 1997 đạt mức cao kỷ lục 46% trên tổng dư nợ tín dụng. Tại thời điểm đó, Chính phủ Thái Lan liên tục trì hoãn thành lập công ty mua bán nợ quốc gia vì sợ gây áp lực cho ngân sách quốc gia. Khi đó, giải pháp được Chính phủ Thái Lan hướng đến là khuyến khích các ngân hàng tư nhân thành lập các AMC, để các ngân hàng tự giải quyết nợ xấu của mình thông qua nghiệp vụ mua bán và xử lý nợ của các AMC. Trong hai năm 1998 và 1999, có 12 AMC được thành lập. Tuy nhiên, 12 AMC hoạt động không hiệu quả. Vì vậy đến năm 2001, Chính phủ Thái Lan buộc phải thành lập công ty mua bán nợ quốc gia TAMC. Theo Mục 4 Nghị định khẩn về thành lập Công ty quản lý tài sản Thái Lan ngày 22 tháng 8 năm 1998²⁰, TAMC được thành lập dưới hình thức Công ty TNHH một thành viên do Bộ Tài chính là đại diện chủ sở hữu. Theo Mục 9 Nghị định khẩn về thành lập Công ty quản lý tài sản Thái Lan ngày 22 tháng 10 năm 1997²¹, nguồn vốn được Chính phủ Thái Lan cấp ban đầu là 1,000 triệu Baht. Cùng với sự ra đời của 4 công ty mua bán nợ phi tập trung của Nhà nước trước đó, TAMC đã giải quyết được cơ bản tình trạng nợ xấu trong hệ thống ngân hàng tại Thái Lan.

Như vậy, giống với TAMC ở Thái Lan, VAMC ở Việt Nam thuộc sở hữu nhà nước. Vì vậy, quy mô vốn hoạt động VAMC lớn hay nhỏ phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn vốn được cấp từ NSNN. Trong khi, để giải quyết số nợ xấu khổng lồ của hệ thống ngân hàng, đòi hỏi nguồn vốn của VAMC rất lớn.

Đây thực sự là một vấn đề của Việt Nam, bởi lẽ khoảng chục năm trở lại đây, NSNN luôn rơi vào tình trạng bội chi, do rất nhiều các nguyên nhân khách quan và chủ quan khác nhau. Chính vì vậy, để trích một khoản tiền lớn từ ngân sách cấp vốn cho VAMC thực sự là một bài toán khó. Vì vậy, khi VAMC ra đời năm 2013, số

²⁰ Section 4, Emergency Decree on the Asset Management Company, B.E. 2541 (1998)

²¹ Section 9, Emergency Decree on the Asset Management Corporation, B.E. 2540 (1997)

vốn được cấp từ ngân sách chỉ có 500 tỷ VND. Mặc dù Chính phủ đã ban hành Nghị định số 34/2015/NĐ-CP theo đó nâng mức vốn điều lệ của VAMC thành 2.000 tỷ VND. Tuy nhiên, con số 2.000 tỷ này chẳng thấm vào đâu với tổng mức nợ xấu của toàn hệ thống ước tính vào khoảng 308.000 tỷ VND [12]. Chính vì nguồn vốn được cấp từ ngân sách rất nhỏ nên ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng mua nợ xấu của VAMC. Từ đó đòi hỏi Chính phủ và NHNN phải có thêm các giải pháp hỗ trợ để giúp VAMC có khả năng thu mua nợ trên thực tế.

Ba là, về nội dung hoạt động của VAMC.

VAMC được sinh ra với sứ mệnh là giải quyết tình trạng nợ xấu tăng cao của hệ thống TCTD, vì vậy hoạt động của VAMC tập trung chủ yếu vào việc mua, bán và xử lý nợ xấu của các TCTD. Điều đó có nghĩa nội dung hoạt động của VAMC rất đặc biệt. Sự đặc biệt này thể hiện ở việc VAMC chỉ mua bán nợ xấu phát sinh từ nghiệp vụ cấp tín dụng của các TCTD ở trong nước.

Như vậy, với đặc trưng này, VAMC khác biệt so với các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp khác đang tồn tại trên thị trường như DATC, AMC hay các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, theo đó, VAMC chỉ mua các khoản nợ xấu, tức là các khoản nợ nhóm 3, 4 và 5, trong khi các chủ thể khác mua bán tất cả các khoản nợ, từ nợ nhóm 1 tới nợ nhóm 5. Điều này được thể hiện ở trên hai phương diện sau đây:

(1): VAMC chỉ mua các khoản nợ xấu được xếp hạng từ nợ nhóm 3, 4 và 5.

Tại thời điểm thành lập, theo Nghị định 53/2013/NĐ-CP và Thông tư 19/2013/TT-NHNN, các khoản nợ xấu của TCTD được VAMC mua không bị giới hạn về nghiệp vụ phát sinh nợ xấu cũng như thời điểm hình thành nợ xấu. Tuy nhiên, kể từ thời điểm Quốc hội ban hành Nghị quyết 42/2017/QH14, VAMC tập trung mua các khoản nợ xấu của các TCTD được hình thành và xác định là nợ xấu trước ngày 15 tháng 8 năm 2017. Đồng thời các khoản nợ xấu này phải phát sinh từ các nhóm hoạt động sau đây của các TCTD: *Cho vay; Cho thuê tài chính; Chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; Bao thanh toán; Cấp tín dụng dưới hình thức phát hành thẻ tín dụng; Trả thay theo cam kết*

ngoại bảng; Ủy thác cấp tín dụng; Hoạt động mua bán nợ; Hoạt động mua, ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết. Quy định về phạm vi nợ xấu được VAMC mua của các TCTD được xem là phù hợp và cần thiết nhằm đảm bảo hoạt động của VAMC hiệu quả. Quy định này của Nghị quyết 42/2017/QH14 đã bao hàm gần như đầy đủ các hoạt động cấp tín dụng làm phát sinh nợ xấu của các TCTD. Tuy nhiên, việc quy định cả nợ xấu phát sinh từ nhóm hoạt động như cho thuê tài chính, bao thanh toán, chiết khấu giấy tờ có giá... không cần thiết vì thực tế cho thấy, cơ cấu nợ xấu của các TCTD xuất phát chủ yếu từ nghiệp vụ cho vay nên VAMC chỉ cần tập trung vào mua bán nợ xấu của các TCTD phát sinh từ hoạt động cho vay đã đủ giải quyết tình trạng nợ xấu trên hệ thống ngân hàng. Bên cạnh đó, thực tiễn pháp luật của các nước khác cũng giới hạn phạm vi nợ xấu được Công ty quản lý tài sản tập trung mua của các ngân hàng, tổ chức tài chính là các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay. Điều 2-2, Nghị định số 15511 ngày 19/11/1997 của Tổng thống Hàn Quốc về việc thành lập Công ty quản lý tài sản Hàn Quốc KAMCO, sửa đổi bởi Nghị định số 15761 ngày 01/4/1998 quy định phạm vi các khoản nợ xấu được KAMCO mua bao gồm: (1) các khoản vay được xác định là nợ xấu theo tiêu chuẩn, điều kiện được đưa ra bởi Ủy ban dịch vụ tài chính, (2) các khoản vay khác được coi là đặc biệt cần thiết để cải thiện tính thanh khoản và tính lành mạnh của các tổ chức tài chính được công nhận bởi Ủy ban quản lý²².

(2): VAMC chỉ mua nợ xấu phát sinh trong hoạt động của các TCTD ở trong nước, không mua nợ xấu của các TCTD nước ngoài, cũng như không mua nợ xấu của các doanh nghiệp khác không phải là TCTD ở trong nước. Khoản 1 Điều 4 Nghị định 53/2013/NĐ-CP quy định VAMC mua nợ xấu của các TCTD Việt Nam, là TCTD được thành lập và hoạt động theo quy định của Luật các tổ chức tín dụng, trừ TCTD 100% vốn nước ngoài, TCTD liên doanh. Phạm vi TCTD được VAMC khoanh vùng là các TCTD Việt Nam được xem là hợp lý và tương đồng với mục đích, sứ mệnh thành lập VAMC, đồng thời phù hợp với phạm vi mua nợ xấu của

²² Xem thêm Phụ lục số 02

mô hình này ở các nước khác. Theo Điều 2 Nghị định số 15511 ngày 19/11/1997 của Tổng thống Hàn Quốc về việc thành lập Công ty quản lý tài sản Hàn Quốc KAMCO, được sửa đổi bởi Nghị định số 15761 ngày 01/4/1998 liệt kê 28 tổ chức kinh doanh tài chính thuộc phạm vi KAMCO tập trung mua nợ xấu. Việc xác định phạm vi như vậy nhằm đảm bảo hoạt động của KAMCO giải quyết tình trạng nợ xấu tăng cao trong hệ thống ngân hàng²³.

Bốn là, về mục đích hoạt động của VAMC

VAMC được thành lập với sứ mệnh lịch sử, đó là công cụ đặc biệt của Nhà nước nhằm góp phần xử lý nhanh nợ xấu, lành mạnh hóa tài chính, giảm thiểu rủi ro cho các TCTD, doanh nghiệp và thúc đẩy tăng trưởng tín dụng hợp lý cho nền kinh tế.

Là loại hình doanh nghiệp đặc biệt hoạt động với 100% vốn được cấp từ NSNN, VAMC được thành lập và hoạt động không phải vì mục tiêu lợi nhuận mà hướng đến việc giải quyết tình trạng nợ xấu của các TCTD, đồng thời đưa tỷ lệ nợ xấu này xuống mức an toàn tối thiểu, qua đó đảm bảo sự an toàn và phát triển lành mạnh của hệ thống TCTD. Ngoài ra, sự tồn tại của VAMC còn mục đích quan trọng trong việc thúc đẩy và là cầu nối trong việc phát triển thị trường mua, bán nợ xấu ở Việt Nam. Mặc dù các AMC ra đời ở Việt Nam từ những năm 1999, 2000 nhưng hoạt động lại thiếu hiệu quả và không có tính kết nối. Sự ra đời của VAMC được coi là một trong những giải pháp được Chính phủ và NHNN hướng tới nhằm kết nối các công ty mua, bán nợ chuyên nghiệp trên thị trường, là cơ sở xây dựng thị trường mua, bán nợ xấu ở Việt Nam.

Mặc dù đã có những đóng góp tích cực cho thị trường mua bán nợ nhưng hoạt động của VAMC thiếu tính linh hoạt, đồng thời chịu sự chi phối và can thiệp quá lớn của Nhà nước khi thực hiện việc mua bán nợ xấu trên thị trường. Do nguồn vốn hoạt động của VAMC được cấp từ ngân sách nên việc mua nợ xấu của các TCTD và xử lý nợ xấu đã mua chịu sự chi phối chặt chẽ của các quy định liên quan tới việc quản lý và sử dụng vốn Nhà nước tại các doanh nghiệp. Đồng thời, những

²³ Xem thêm Phụ lục số 02

trách nhiệm của người quản lý và điều hành VAMC trong việc đảm bảo không làm thất thoát nguồn vốn Nhà nước được cấp được coi là cản trở trong nỗ lực thúc đẩy hoạt động của VAMC.

Bên cạnh đó các quy định của Nghị định 53/2013/NĐ-CP và Nghị định 34/2015/NĐ-CP không đề cập tới thời hạn tồn tại của VAMC, từ đó làm ảnh hưởng tới nhận định của các TCTD đối với định hướng phát triển thị trường mua bán nợ của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy, để phát huy hơn nữa vai trò của VAMC, việc trước tiên Chính phủ và NHNN cần phải xác định thời hạn tồn tại của VAMC. Nếu VAMC chỉ tồn tại nhằm giải quyết nhất thời tình trạng nợ xấu tăng cao trong hệ thống ngân hàng, đến khi đưa nợ xấu của toàn hệ thống về mức an toàn tối thiểu (dưới 3% trên tổng dư nợ), VAMC sẽ tự giải thể giống như IBRA (Indonesia) đã chấm dứt hoạt động năm 2004, DANAHARTA (Malaysia) năm 2005 và TAMC (Thái Lan) năm 2011. Khi đó, để tránh sự rút lui của VAMC khỏi thị trường có thể gây ra sự xáo trộn và tạo độ “hẫng” cho các chủ thể khác, đặc biệt là với các AMC trực thuộc các TCTD và các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, NHNN cần nhanh chóng có giải pháp nhằm khơi thông hoạt động của các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, vì khi VAMC hoàn thành sứ mệnh của mình, thị trường ngân hàng sẽ mang một diện mạo hoàn toàn mới, ở đó, mua bán nợ xấu không phải là nghĩa vụ của các TCTD nhằm đảm bảo sự an toàn mà là một ngành nghề kinh doanh thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

c. Công ty TNHH mua bán nợ Việt Nam (DATC)

Ở Việt Nam, DATC là Công ty đầu tiên mang tầm quốc gia của Việt Nam về mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp. DATC ra đời theo Quyết định số 109/2003/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ngày 05/06/2003, với vốn điều lệ 2.000 tỷ VND do NSNN cấp và chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/01/2004, được công nhận doanh nghiệp Nhà nước hạng đặc biệt theo Quyết định số 55/2004/QĐ-TTg ngày 06/4/2004 của Thủ tướng Chính phủ với mục tiêu xử lý các khoản nợ tồn đọng và tài sản không cần dùng, chờ thanh lý, vật tư ứ đọng kém, mất phẩm chất (gọi tắt là nợ và tài sản tồn đọng) góp phần lành mạnh hoá tình hình tài chính doanh nghiệp, thúc đẩy quá trình sắp xếp và chuyển đổi doanh nghiệp nhà

nước. Đến ngày 27/01/2015, theo Quyết định số 119/QĐ-BTC, vốn điều lệ của DATC là 6.000 tỷ đồng.

Từ năm 2007, DATC hướng hoạt động vào trọng tâm chính là xử lý nợ xấu gắn với tái cơ cấu doanh nghiệp nhà nước. Tuy nhiên, các trường hợp nợ xấu DATC mua lại và xử lý đều có giá trị không lớn và chưa phải là các trường hợp phức tạp, chủ yếu mới chỉ xử lý về tài chính, trong khi việc tái cơ cấu hoạt động còn hạn chế. Kể từ khi thành lập cho đến nay, DATC đã thực hiện 118 phương án xử lý nợ với giá trị sổ sách là hơn 7.400 tỉ đồng, trung bình mỗi năm, công ty xử lý được 928 tỷ đồng nợ²⁴. Tuy nhiên, với sự gia tăng đột biến của nợ xấu ngân hàng trong thời gian qua, tốc độ xử lý của DATC rất hạn chế. Sự hạn chế này một mặt xuất phát từ sự thiếu mặn mà của các TCTD đối với khả năng mua nợ xấu của DATC, mặt khác vì thiếu cơ sở pháp lý cho DATC tham gia vào thị trường mua bán nợ xấu của các TCTD, bởi đối tượng DATC tập trung giải quyết là các “khoản nợ đọng”, “nợ xấu” của các doanh nghiệp nhà nước nói chung và NHTMNN nói riêng. Ngoài ra, DATC còn có những hạn chế cơ bản khác như mâu thuẫn giữa các mục tiêu hoạt động, rất khó đảm bảo vừa xử lý nhanh các khoản nợ, vừa đảm bảo lợi nhuận; Hạn chế trong quy định về sử dụng vốn đầu tư của DATC; Hạn chế về quyền áp dụng các biện pháp xử lý nợ xấu.

Như vậy, với kinh nghiệm và thế mạnh riêng có, nếu được tận dụng một cách hợp lý, DATC hoàn toàn có khả năng giải quyết hiệu quả tình trạng nợ xấu của hệ thống TCTD và giữ vai trò quan trọng trong thị trường mua bán nợ. Tuy nhiên, thực tế vai trò và sự tham gia các DATC vào quan hệ mua bán nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD không đáng kể. Khi VAMC ra đời như giải pháp trọng tâm được Chính phủ và NHNN lựa chọn để giải quyết tình trạng nợ xấu tăng cao của hệ thống TCTD, vai trò mua bán và xử lý nợ xấu của DATC càng mờ nhạt. Tuy cùng có chức năng xử lý nợ xấu cho các TCTD song cơ chế hoạt động của VAMC có nhiều thuận lợi, được bổ sung nhiều quy định đặc thù để hỗ trợ VAMC hoạt động có hiệu quả trong khi cơ chế mua nợ xấu của DATC là thỏa thuận, các TCTD có toàn quyền xem xét bán nợ xấu cho DATC hay không. Đối với VAMC, trong cơ

²⁴ DATC: Báo cáo tổng kết 15 năm hoạt động

chế hoạt động của VAMC quy định các TCTD có trách nhiệm bán nợ xấu cho VAMC khi có tỷ nợ xấu vượt ngưỡng 3% trên tổng dư nợ. Bên cạnh đó, trong khi VAMC được hỗ trợ thông qua một hệ thống pháp luật tương đối đầy đủ, có giá trị pháp lý cao (Nghị quyết của Quốc hội, Luật các tổ chức tín dụng, Nghị quyết của Tòa án nhân dân tối cao, Nghị định của Chính phủ, Thông tư, Thông tư liên tịch...) thì hoạt động của DATC mới được điều chỉnh tại các Thông tư của Bộ Tài chính và các quy định của pháp luật nói chung.

Chính vì vậy, để phát huy hiệu quả của DATC như VAMC theo quan điểm phát triển của Đảng, Nhà nước coi DATC và VAMC là 2 tổ chức cần thiết, song hành trong định hình mô hình xử lý nợ của nền kinh tế, trong đó, VAMC xử lý nợ từ góc độ xử lý nợ xấu của hệ thống TCTD - với tư cách là các chủ nợ, góp phần lành mạnh hóa tình hình tài chính của các TCTD, còn DATC không chỉ tham gia xử lý nợ xấu của các TCTD, mà còn thực hiện các hoạt động xử lý tài chính, hỗ trợ tái cơ cấu đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế và cá nhân (với tư cách là khách nợ) sau khi mua nợ; tham gia xử lý nợ theo chỉ đạo của Chính phủ trước tiên cần xây dựng quy chế pháp lý đủ mạnh cho hoạt động mua nợ của DATC.

d. Các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc các tổ chức tín dụng (gọi là AMC)

Công ty quản lý nợ và khai thác tài sản là một định chế đặc biệt và công cụ hữu ích để hỗ trợ phục hồi nền kinh tế do bị ảnh hưởng của nợ xấu và tái thiết hệ thống TCTD. Các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản ra đời, được giao những quyền hạn đặc biệt để hoàn thành sứ mệnh của mình trong một thời gian ngắn, cụ thể là: xử lý nợ xấu bằng cách mua, quản lý, xử lý nhằm tối đa hoá giá trị của những khoản nợ xấu hoặc tài sản để bán và thu hồi vốn.

Ở Việt Nam, các AMC trực thuộc các TCTD là một trong những chủ thể chủ yếu và đầu tiên tham gia vào hoạt động mua bán nợ xấu của các TCTD. Đây chính là các công ty con của các TCTD được thành lập ra để thực hiện hoạt động mua bán, xử lý các khoản nợ của chính các TCTD mẹ. Sự ra đời của mô hình này bắt nguồn từ những năm 1999, 2000 theo đề án ban đầu của NHNN để xử lý tài sản

trong vụ án Epco – Minh Phụng. Trong đó có thể kể tới sự ra đời của công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng Ngoại Thương Việt Nam năm 1999 và công ty TNHH Quản lý nợ và khai thác tài sản trực thuộc Ngân hàng Công thương Việt Nam năm 2000 [16,21]. Các công ty này là loại chủ thể chiếm số lượng lớn nhất và giữ vai trò quan trọng nhất trong các chủ thể tham gia vào việc mua nợ xấu của các TCTD.

Việc thành lập các AMC để xử lý nợ xấu được các TCTD đặc biệt quan tâm bởi mỗi TCTD có một chính sách, hệ thống và quy trình quản lý rủi ro khác nhau. Trong khi đó, tốc độ tăng trưởng về quy mô cũng như dư nợ tín dụng của các TCTD ngày càng tăng cao, việc xử lý nợ xấu đòi hỏi phải có bộ máy chuyên nghiệp thực hiện với tư cách là một doanh nghiệp có tư cách pháp nhân nhằm hỗ trợ TCTD về công tác quản lý nợ và khai thác tài sản. Bên cạnh đó, những hạn chế của Luật các TCTD 2010 đối với hoạt động kinh doanh bất động sản của các TCTD cũng là một động lực thúc đẩy các TCTD tập trung xây dựng và phát triển mô hình AMC.²⁵

Các AMC trực thuộc các TCTD có những đặc trưng sau đây:

Một là, về chủ sở hữu: Các AMC đều được thành lập bởi 100% vốn của TCTD. Điều này giúp AMC có khả năng tiếp cận các khoản nợ xấu của TCTD mẹ cực kỳ đơn giản, đồng thời được TCTD hỗ trợ lớn về mặt tài chính, nhân lực, chuyên môn và thương hiệu. Ngoài ra, ưu thế vượt trội của các AMC này so với VAMC hay DATC là không chịu sức ép và sự can thiệp từ phía các cơ quan công quyền. Vì vậy cơ chế ra quyết định của AMC nhanh chóng hơn rất nhiều.

Hai là, về hình thức pháp lý: Tất cả các AMC đều được tổ chức dưới hình thức công ty TNHH một thành viên do tổ chức là chủ sở hữu. Ưu điểm của mô hình là tính tập trung quyền lực cao, dễ quản lý và đưa ra các quyết định. Tuy nhiên, hạn chế của mô hình này là khả năng huy động vốn thấp, hay có thể nói nguồn vốn hoạt động của các AMC phụ thuộc hoàn toàn vào năng lực tài chính của TCTD mẹ, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng tiếp cận và xử lý các khoản nợ của các AMC.

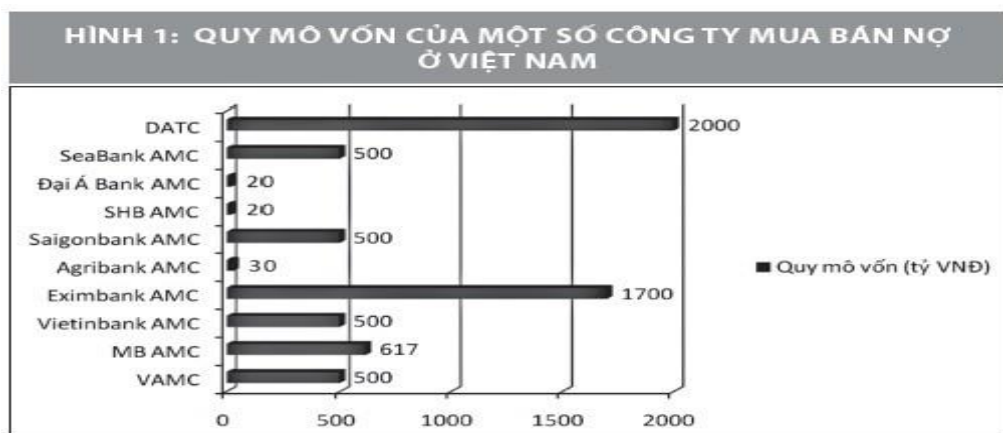
²⁵ Xem thêm: Điều 133 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010

Ba là, về đối tượng mua bán: Các AMC mua bán tất cả các khoản nợ phát sinh từ hoạt động cấp tín dụng của TCTD, bao gồm các khoản nợ từ nhóm 1 tới nhóm 5, không chỉ tập trung vào các khoản nợ xấu như VAMC. Sự đa dạng về đối tượng mua bán giúp các AMC có khả năng mở rộng hoạt động và phát huy vai trò quan trọng trong việc hình thành thị trường mua bán nợ.

Bốn là, về mục đích hoạt động: Nhằm chuyên nghiệp hoạt động quản lý, xử lý nợ quá hạn của TCTD mẹ; xử lý nhanh chóng các khoản nợ góp phần tạo dựng hệ thống tài chính lành mạnh. Bên cạnh đó, các AMC cũng hướng tới mục tiêu tìm kiếm lợi nhuận từ việc mua và bán các khoản nợ xấu của các TCTD khác trên thị trường.

Năm là, về nguyên tắc, các AMC tư nhân chỉ được mua nợ của TCTD khác khi TCTD mẹ có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%, trừ trường hợp mua nợ theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt²⁶.

Mặc dù hầu hết các ngân hàng lớn đều thành lập AMC, tuy nhiên tỷ lệ nợ xấu tại các ngân hàng vẫn có xu hướng tăng. Nguyên nhân được đưa ra giải thích cho thực trạng này là thiếu quy chế pháp lý để xây dựng một thị trường mua bán nợ tập trung, trong đó kết nối các AMC thành một hệ thống có sự liên kết chặt chẽ, chứ không phải là như thực tế hiện nay, đó là gần như AMC của TCTD nào thì mua bán nợ của TCTD đó, rất khó tiếp cận các khoản nợ của các TCTD khác, kể cả các TCTD đó chưa thành lập AMC của riêng mình.



Nguồn: Báo cáo thường niên và Báo cáo tài chính các ngân hàng, 2013

²⁶ Khoản 8 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN

Nhìn vào thống kê trên để thấy rằng, một trong những nguyên nhân được nhắc đến cho sự hạn chế của các AMC, đó là quy mô vốn của các AMC so với quy mô nợ xấu tại các ngân hàng rất nhỏ, từ đó ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng mua nợ của các ngân hàng khác. Tuy nhiên, khi nhìn sang một số nước trong cuộc khủng hoảng kinh tế năm 1997 mới thấy rằng, ngay tại các nước có cơ cấu kinh tế phát triển, quy chế pháp lý tương đối hoàn chỉnh như Thái Lan và Hàn Quốc, vai trò của các AMC tại các nước này cũng hết sức mờ nhạt. Thậm chí Trung Quốc còn không thành lập các AMC tư nhân trực thuộc NHTM [89].

Như vậy, thông qua thực trạng thị trường mua bán nợ tại Thái Lan và Việt Nam thời gian qua có thể khẳng định, để các AMC hoạt động hiệu quả hơn, chúng ta cần xây dựng một quy chế pháp lý phù hợp, trong đó đánh giá đúng vai trò của các AMC trên thị trường mua bán nợ xấu.

e. Các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ

Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ là chủ thể đặc biệt, được thành lập trong nỗ lực xây dựng thị trường mua bán nợ của Chính phủ và NHNN. Theo đó, loại hình doanh nghiệp này tập trung vào việc mua bán các khoản nợ xấu phát sinh trong hoạt động cho vay của các TCTD, với phạm vi hoạt động chủ yếu là *“kinh doanh dịch vụ mua bán nợ là việc thực hiện liên tục một hoặc một số hoạt động liên quan đến việc mua bán nợ nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm: Mua nợ, bán nợ, môi giới mua bán nợ, tư vấn mua bán nợ và dịch vụ sàn giao dịch nợ”*²⁷.

Như vậy, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ hứa hẹn là bên mua nợ chuyên nghiệp, có khả năng tiếp cận và thu hồi các khoản nợ xấu của các TCTD hiệu quả khi trở thành chủ sở hữu mới của khoản nợ xấu. So với VAMC, DATC, doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ chịu ít sự can thiệp của các cơ quan công quyền, đồng thời có khả năng tiếp cận nợ xấu của các TCTD đa dạng hơn.

Mặc dù được kỳ vọng là chủ thể sẽ giữ vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy hoạt động mua bán nợ xấu của các TCTD, tiến tới việc đa dạng hóa các chủ thể mua nợ xấu và hình thành thị trường mua bán nợ xấu trong thời gian sắp tới, tuy nhiên

²⁷ khoản 6 Điều 3 Nghị định 69/2016/NĐ-CP

những điều kiện để thành lập Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ được pháp luật quy định quá cao, gây cản trở tới mục tiêu được Chính phủ và NHNN đặt ra. Cụ thể Điều 5 và Điều 7 Nghị định 69/2016/NĐ-CP quy định các điều kiện sau đây:

- *Có mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng.*
- *Doanh nghiệp phải có quy chế quản lý nội bộ về tổ chức, quy định nội bộ về hoạt động kinh doanh dịch vụ mua bán nợ phù hợp với quy định của pháp luật*
- *Người quản lý của doanh nghiệp phải đáp ứng các điều kiện như: (1) Có đầy đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp; (2) Có trình độ học vấn từ đại học trở lên thuộc một trong các ngành: Kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhận; (3) Là người quản lý hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, pháp luật, định giá tài sản hoặc mua bán nợ; (4) Những người đã làm việc trong doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp phải đáp ứng thêm điều kiện: Không là người quản lý của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ đã bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp trong 03 năm trước liền kề.*

Quy định về mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng không thực sự phù hợp và đi ngược lại mục tiêu thúc đẩy cải cách hành chính, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục đăng ký kinh doanh mà Chính phủ đang theo đuổi. Khoản 1 Điều 7 Luật Đầu tư năm 2014 quy định: “Ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện là ngành, nghề mà việc thực hiện hoạt động đầu tư kinh doanh trong ngành, nghề đó phải đáp ứng điều kiện vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng”. Nhìn vào đây để thấy rằng, dịch vụ mua bán nợ là hoạt động kinh doanh thông thường, toàn bộ giao dịch không làm thay đổi nghĩa vụ trả nợ hay khoản nợ xấu, vì trong hoạt động này chỉ có sự thay đổi chủ thể thực hiện nghĩa vụ đó. Như vậy, cả chủ thể giao dịch lẫn đối tượng giao dịch đều không có ảnh hưởng tới các lợi ích công cộng nên không thể gắn với lý do “quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng” để hạn chế quyền đăng ký kinh doanh của các nhà đầu tư. Tuy

nhiên, quy định về vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu tại Nghị định 69/2016/NĐ-CP xuất phát từ Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư năm 2014, theo đó dịch vụ mua bán nợ được quy định tại mục số 36²⁸. Những quy định này vô hình chung đang mâu thuẫn với nguyên tắc xác định ngành nghề kinh doanh khi thành lập doanh nghiệp và đi ngược lại mục tiêu thúc đẩy cải cách, cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục đăng ký kinh doanh của Chính phủ.

Bên cạnh đó, quy định về người quản lý của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ phải có các tiêu chuẩn *“trình độ học vấn từ đại học trở lên thuộc một trong các ngành: Kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhận; Là người quản lý hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, pháp luật, định giá tài sản hoặc mua bán nợ”*. Trước tiên cần thấy rằng những điều kiện này chỉ phù hợp với các TCTD. Ngoài ra, quy định này có phần khắt khe và không phù hợp, vì xét cho cùng thì nợ xấu cũng là một loại tài sản, mua bán nợ xấu cũng là một bộ phận của mua bán tài sản dưới góc độ dân sự, đồng thời doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ không phải là TCTD, không có chức năng kinh doanh hoạt động ngân hàng như huy động tiền của xã hội hay cho vay, nên quy định người quản lý phải đáp ứng tiêu chuẩn gần như quản lý một TCTD chưa thật sự phù hợp.

f. Các tổ chức, cá nhân khác

Bên cạnh các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp, các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài đều có thể mua nợ xấu của các TCTD. Pháp luật hiện hành không quy định cụ thể về các điều kiện để các tổ chức, cá nhân mua nợ xấu của các TCTD như đối với các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ bởi các chủ thể này không mua nợ xấu của các TCTD một cách thường xuyên, liên tục như hoạt động kinh doanh nghề nghiệp, mà họ mua nợ xấu của các TCTD đối với từng trường hợp cụ thể, từng khoản nợ xấu cụ thể khi nhận thấy cơ hội tìm kiếm lợi nhuận từ các khoản nợ xấu đó.

²⁸ Xem thêm Phụ lục 04 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện

Lợi thế của các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài khi mua nợ xấu của các TCTD so với các chủ thể khác là có nguồn vốn dồi dào, có đủ khả năng thanh toán trực tiếp bằng tiền mặt cho các TCTD, phù hợp với nhu cầu của các TCTD khi quyết định bán nợ xấu. Tuy nhiên, trên thực tế, các TCTD lại không hề mặn mà khi lựa chọn phương án bán nợ xấu cho các tổ chức, cá nhân vì sự bảo mật thông tin trong hoạt động của các TCTD có thể sẽ bị phá vỡ [32,23]. Thực tế đó dẫn tới hiện trạng các TCTD chỉ bán nợ xấu khi tỷ lệ nợ xấu vượt ngưỡng an toàn tối thiểu, nhằm tránh bị NHNN áp dụng các biện pháp kiểm soát đặc biệt. Ngay cả trong trường hợp đó, lựa chọn của các TCTD là bán nợ xấu cho VAMC, chứ không phải các tổ chức, cá nhân khác.

Thực tiễn hoạt động mời gọi nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua bán nợ xấu của các TCTD ở Trung Quốc giai đoạn khủng hoảng những năm 1997 có thể coi là một bài học cho Việt Nam. Ở Trung Quốc, khối nợ xấu khổng lồ của bốn ngân hàng quốc doanh thực sự lôi cuốn các nhà đầu tư nước ngoài, tuy nhiên hầu hết họ đều nhanh chóng rút lui sau khi nhận thấy những rủi ro và rào cản từ quy chế pháp lý mà nước này đang áp dụng. Theo ghi nhận, trường hợp hiếm hoi mà nhà đầu tư ngoại mua nợ thành công tại Trung Quốc là Morgan Stanley. Năm 1999, được sự trợ giúp từ Tổ chức Tài chính quốc tế IFC trực thuộc IMF, một tập đoàn quốc tế được dẫn đầu bởi Morgan Stanley đã mua lại 4 trong số 5 nhóm tài sản được Trung Quốc rao bán với tổng số vốn lên tới 10,8 tỷ nhân dân tệ. Danh mục này bao gồm các khoản nợ dành cho 254 con nợ đến từ 18 tỉnh thành của Trung Quốc [96,158]. Trong khi đó, phần lớn khối nợ xấu khổng lồ của các ngân hàng được mua bán và xử lý bởi bốn công ty mua bán nợ tập trung và hầu như phải sử dụng nguồn ngân sách khi không huy động được vốn của các nhà đầu tư nước ngoài.

Đối với Việt Nam, kể từ khi VAMC ra đời, hoạt động mời gọi nhà đầu tư nước ngoài tham gia mua bán nợ xấu của hệ thống TCTD cũng đã được chú ý tới nhưng chưa thực sự được quan tâm đúng mực. Vì vậy, dường như một mình VAMC phải gồng mình gánh vác nhiệm vụ giải cứu khối nợ xấu khổng lồ của hệ thống TCTD.

Như vậy, khả năng tham gia vào hoạt động mua bán nợ xấu của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước phụ thuộc rất nhiều vào quan điểm điều hành và phát triển thị trường mua bán nợ của Nhà nước trong mỗi thời kỳ. Bên cạnh các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp, việc mở rộng quyền tham gia mua bán nợ xấu của các tổ chức, cá nhân không chuyên sẽ tạo ra rất nhiều tác động tích cực, thúc đẩy quan hệ mua bán nợ xấu công khai, minh bạch, đồng thời tạo ra sự đa dạng của các chủ thể trên thị trường mua bán nợ.

3.3. Quy định về phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu

Giống như mọi quan hệ mua bán tài sản, việc xác định giá mua bán nợ xấu có ý nghĩa quan trọng thúc đẩy các bên xác lập và thực hiện giao dịch mua bán nợ xấu. Tuy nhiên, với tính chất rủi ro của khoản nợ phát sinh khi khách hàng không có khả năng thanh toán đầy đủ gốc và lãi cho TCTD khi đến hạn, giá mua bán nợ xấu được xác định theo những phương pháp đặc biệt, bao gồm phương pháp xác định giá theo giá trị sổ sách và phương pháp xác định theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu.

3.3.1. Phương pháp xác định giá theo giá trị sổ sách của khoản nợ xấu

Giá trị sổ sách hay giá trị ghi sổ của khoản nợ xấu là số dư nợ gốc của khoản nợ xấu đang hạch toán nội bảng trên bảng cân đối kế toán của TCTD, bao gồm giá trị ghi sổ số dư nợ gốc, dư nợ lãi của khoản nợ và các nghĩa vụ tài chính khác liên quan đến khoản nợ (nếu có) đến thời điểm mua, bán nợ đối với các khoản nợ đang được hạch toán nội bảng, ngoại bảng; hoặc giá trị theo dõi trên sổ sách tại thời điểm xuất toán ngoại bảng hoặc tại thời điểm mua, bán nợ đối với khoản nợ đã xuất toán ra khỏi bảng cân đối kế toán²⁹.

Mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách là một trong những nguyên tắc xác định giá cơ bản được áp dụng rất thành công ở Trung Quốc trong giai đoạn 1999 - 2003 [69, 18]. Theo phương pháp này, giá mua bán nợ xấu được xác định theo giá trị ghi sổ số dư nợ gốc khách hàng vay chưa trả khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó. Phương pháp này không xem xét đến mức

²⁹ Xem thêm Điều 3 Thông tư 19/2013/TT-NHNN, Điều 3 Thông tư 09/2015/TT-NHNN

độ rủi ro hay giá trị thực tế của khoản nợ xấu tại thời điểm xác lập hợp đồng mua bán nợ xấu. Vì vậy, phương pháp xác định giá mua bán nợ này tiềm ẩn nguy cơ rủi ro lớn đối với bên mua nợ. Tuy nhiên, Trung Quốc có lý do đặc biệt để lựa chọn phương pháp xác định giá mua bán nợ theo giá trị sổ sách, đó là mục tiêu được Chính phủ nước này hướng đến thông qua mua nợ xấu của hệ thống ngân hàng không chỉ đơn thuần hạ tỷ lệ nợ xấu mà chủ yếu là để bơm vốn cho nền kinh tế, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh đang đình trệ của các doanh nghiệp, qua đó đẩy mạnh chỉ số tăng trưởng [69, 20].

Đối với hoạt động mua nợ của VAMC ở Việt Nam, khoản 2 Điều 1 Nghị định 18/2016/NĐ-CP sửa đổi Điều 14 Nghị định 53/2013/NĐ-CP quy định: *“Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị ghi sổ số dư nợ gốc khách hàng vay chưa trả đã được khấu trừ số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng cho khoản nợ xấu đó”*.

Theo phương pháp định giá này, giá mua nợ xấu của VAMC được xác định theo công thức: *“Giá mua bán nợ xấu = giá trị ghi sổ số dư nợ gốc – giá trị trích lập dự phòng”*. Mặt tích cực của phương pháp này đó là tác động trực tiếp tới tâm lý của TCTD bán nợ xấu. Thật khó để tìm được phương pháp nào thu lại được phần vốn từ nợ xấu đến như vậy đối với TCTD. Vì vậy, đương nhiên TCTD sẽ “hồ hởi” mang nợ xấu tới bán cho VAMC. Tuy nhiên, mặt trái của phương pháp này là những nguy cơ, rủi ro rất lớn đối với VAMC vì nợ xấu có khả năng thu hồi vốn rất thấp, thậm chí có nhiều khoản nợ xấu không có khả năng thu hồi vốn.

Vậy tại sao pháp luật cho phép VAMC định giá nợ xấu theo giá trị ghi sổ mà không tính tới giá trị thực tế của khoản nợ xấu đó tại thời điểm mua bán? Câu trả lời có lẽ xuất phát từ hai lý do sau đây:

Thứ nhất, nguyên nhân trực tiếp xuất phát từ định hướng thành lập VAMC được ban hành kèm theo Quyết định số 843/QĐ-TTg ngày 31 tháng 5 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Xử lý nợ xấu của hệ thống các tổ chức tín dụng” và Đề án “Thành lập Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam”, với mục tiêu xử lý nợ xấu “khẩn trương”, “phân đầu đến cuối năm 2015 xử

lý được cơ bản số nợ xấu”. Để đảm bảo được mục tiêu này rõ ràng phương pháp định giá nợ xấu theo giá trị sổ sách “làm” tốt hơn phương pháp định giá theo giá trị thị trường, vì (1) như đã phân tích, phương pháp này mang lại nhiều lợi ích cho TCTD bán nợ xấu hơn, từ đó họ chủ động, tích cực bán nợ xấu cho VAMC hơn thay vì tự xử lý nợ xấu hoặc thậm chí “che giấu” nợ xấu; (2) không cần phải tiến hành thủ tục đấu giá hay thuê tổ chức định giá chuyên nghiệp để xác định giá nợ xấu nên các bên có thể nhanh chóng ký kết và chuyển giao nợ xấu từ TCTD sang VAMC.

Thứ hai, do kinh nghiệm xử lý nợ xấu và hiệu quả khi áp dụng phương pháp này của Trung Quốc đã tác động lớn tới các nhà lập pháp ở Việt Nam. Những điểm tương đồng về nguyên nhân hình thành nợ xấu và mục tiêu xử lý nợ xấu được đặt ra khi thành lập các AMC tập trung ở Trung Quốc và Việt Nam càng thúc đẩy cơ chế xác định giá mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách được áp dụng triệt để. Nguyên nhân hình thành nợ xấu của cả Trung Quốc và Việt Nam đều xuất phát trực tiếp từ những khoản cho vay đầu tư vào thị trường bất động sản và các khoản cho vay không đảm bảo tiêu chuẩn đối với các doanh nghiệp, vì vậy, áp lực giải quyết nhanh tình trạng nợ xấu của hệ thống TCTD càng trở nên cấp bách; đi kèm với nguyên nhân gián tiếp từ sự ảnh hưởng của các cuộc khủng hoảng kinh tế bên ngoài vào nền kinh tế trong nước. Với Trung Quốc, cuộc khủng hoảng kinh tế khu vực năm 1997 đã kéo tốc độ tăng trưởng của nước này những năm 1997 – 1999 thấp hơn nhiều so với những năm trước đó³⁰.



³⁰ Nguồn: Cục thống kê quốc gia Trung Quốc

Với Việt Nam, sự ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới cũng góp phần đã tác động tiêu cực tới tốc độ tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng GDP. Theo thống kê, tăng trưởng tín dụng năm 2012 chỉ đạt 8,85% và năm 2013 là 12,52% kéo theo tốc độ tăng trưởng GDP năm 2012 đạt 5,25%, năm 2013 là 5,42%, thấp hơn rất nhiều so với các năm trước đó³¹.



Theo số liệu công bố tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển của VAMC tính từ khi thành lập năm 2013 đến hết ngày 31/12/2017, VAMC đã mua 307.932 tỷ đồng nợ gốc với giá mua nợ là 277.755 tỷ đồng.

Bảng 1: Kết quả mua nợ xấu theo giá trị sổ sách của VAMC từ 2013 – 2017

Đơn vị: Tỷ đồng

	2013	2014	2015	2016	2017
Dư nợ gốc	36.257	92.448	109.264	42.183	31.831
Giá mua	30.947	77.705	100.458	40.035	30.700

³¹ <https://baomoi.com/chu-ky-kinh-te-lan-nay-se-khac/c/25684482.epi>

Những kết quả này đã góp phần quan trọng giải phóng tình trạng đóng băng nợ xấu của hệ thống TCTD, qua đó đưa tỷ lệ nợ xấu của ngành ngân hàng giảm từ 3,61% của năm 2013 xuống còn 2,18% vào cuối năm 2017³², đồng thời, thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng GDP của Việt Nam lần lượt từ mức 12,52% và 5,42% lên 18,24% và 6,81%. Như vậy, mục tiêu bơm vốn cho hệ thống TCTD nhằm thúc đẩy tăng trưởng tín dụng và tăng trưởng GDP thông qua phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách là có cơ sở và phản ánh yêu cầu cấp thiết của thực tiễn, đồng thời cũng đã mang lại những kết quả tích cực đối với nền kinh tế nói chung của cả Trung Quốc và Việt Nam.

Mặc dù có vai trò nhất định trong mục tiêu giải quyết tình trạng nợ xấu của hệ thống TCTD, tuy nhiên, phương pháp này cũng gây ra những rủi ro lớn đối với VAMC vì suy cho cùng đây không phải là phương pháp phản ánh đúng giá trị của nợ xấu tại thời điểm mua bán. Khả năng để VAMC thu hồi được đầy đủ khoản nợ đã mua bằng giá mua xác định theo giá trị sổ sách dường như là không thể nên khi mua nợ xấu của TCTD, toàn bộ rủi ro về nợ xấu thuộc về VAMC. Chính vì vậy, để hạn chế rủi ro đối với VAMC, chỉ nên sử dụng phương pháp này ở giai đoạn đầu của quá trình xử lý nợ xấu nhằm làm sạch báo cáo tài chính của các TCTD, hạ tỷ lệ nợ xấu của hệ thống TCTD về mức an toàn tối thiểu bằng cách “gom” nợ xấu của hệ thống TCTD về VAMC và trao cho VAMC những quyền năng đặc biệt để xử lý khối nợ xấu đã mua. Khi mục tiêu này đã được thực hiện, cần thiết phải chuyển đổi phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách sang phương pháp xác định giá mua bán nợ theo giá trị thị trường vì đây là phương pháp phản ánh chính xác giá trị của nợ xấu tại thời điểm mua bán, từ đó đảm bảo tốt hơn quyền lợi của VAMC.

3.3.2. Phương pháp xác định giá theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu

Khác với phương pháp xác định giá theo giá trị sổ sách, phương pháp xác định giá theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu hay còn gọi là phương pháp định giá nợ xấu theo giá trị phù hợp có tính tới giá trị thực tế của khoản nợ xấu tại thời điểm mua bán khi xác định giá mua bán. Theo đó, tùy thuộc vào tính thanh khoản,

³² Báo cáo tổng kết 5 năm hoạt động của VAMC

mức độ rủi ro và khả năng thu hồi vốn của khoản nợ, bên bán nợ và bên mua nợ sẽ thỏa thuận về giá mua bán. Như vậy, so với phương pháp định giá theo giá trị sổ sách, phương pháp định giá theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu hạn chế được rủi ro cho bên mua nợ.

Thứ nhất, trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD (bên bán nợ) với công ty quản lý tài sản VAMC (bên mua nợ)

Khoản 2 Điều 14 Nghị định 53/2013/NĐ-CP quy định: “*Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của TCTD theo giá trị thị trường trên cơ sở thỏa thuận và giá trị khoản nợ xấu được đánh giá lại*”. Trên cơ sở này, Quyết định 618/QĐ-NHNN xây dựng hai nguyên tắc xác định giá trị thị trường của khoản nợ xấu như sau: (i) *Căn cứ kết quả định giá khoản nợ, tài sản bảo đảm; đánh giá khả năng phát mại tài sản bảo đảm hoặc triển vọng phục hồi khả năng trả nợ của khách hàng vay hoặc khả năng bán khoản nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản cho nhà đầu tư. Trường hợp xét thấy cần thiết, Công ty Quản lý tài sản tham khảo giá mua, bán các khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm có tính chất tương đồng trên thị trường (nếu có) để xác định giá mua nợ; (ii) Đàm phán, thỏa thuận với tổ chức tín dụng về việc mua nợ xấu trên cơ sở bảo đảm an toàn, hiệu quả hoạt động của Công ty Quản lý tài sản.*

Ngoài ra, Công ty Quản lý tài sản phải xây dựng phương án mua nợ theo giá trị thị trường để trình lên NHNN chấp thuận. Phương án này bao gồm tối thiểu các nội dung sau đây³³:

a) Phạm vi các khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường (được phân loại theo nhóm khách hàng vay, ngành, lĩnh vực, loại tài sản bảo đảm);

b) Tổng số dư nợ xấu dự kiến mua, nguồn vốn (tiền, trái phiếu, nguồn vốn khác) và điều kiện tài chính của Công ty Quản lý tài sản để mua nợ theo giá trị thị trường;

c) Kế hoạch phát hành trái phiếu để mua nợ xấu theo giá trị thị trường (nếu có);

d) Phân tích, đánh giá hiệu quả, rủi ro và khả năng thu hồi vốn mua nợ theo giá trị thị trường;

đ) Biện pháp bán, xử lý nợ và tài sản bảo đảm

³³ Khoản 14 Điều 1 Thông tư 14/2015/TT-NHNN

Trên cơ sở đó, căn cứ vào Phương án mua nợ theo giá trị thị trường đã được NHNN chấp thuận, năng lực tài chính, hiệu quả kinh tế và điều kiện thị trường, Công ty Quản lý tài sản quyết định và chịu trách nhiệm về việc mua khoản nợ xấu theo giá trị thị trường.

Để xác định giá trị thị trường của khoản nợ xấu, Nghị định 53/2013/NĐ-CP quy định: *“Trường hợp mua nợ xấu theo giá trị thị trường, Công ty Quản lý tài sản đánh giá lại giá trị khoản nợ xấu trên cơ sở khả năng thu hồi vốn và tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu; khi cần thiết, Công ty Quản lý tài sản thuê tổ chức tư vấn định giá khoản nợ xấu và tài sản bảo đảm”*. Bên cạnh đó, khoản 3 Điều 6 Nghị quyết 42/2017/QH14 quy định, khi mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường, VAMC và TCTD thống nhất lựa chọn tổ chức định giá độc lập. Trên cơ sở đó, giá mua bán nợ bằng giá trị định giá của tổ chức định giá độc lập.

Việc xác định giá nợ xấu thông qua tổ chức định giá độc lập nhằm đảm bảo nợ xấu được định giá độc lập, khách quan, sát theo giá trị thị trường nhằm tránh tình trạng tư lợi hoặc mắc ngoặc giữa VAMC và TCTD bán nợ xấu. Quy định này được coi là điều kiện tiên quyết đặt ra đối với các Công ty quản lý tài sản tập trung được Chính phủ các nước trao quyền giải quyết nợ xấu của hệ thống ngân hàng. Không chỉ Việt Nam, Thái Lan cũng đặt ra nguyên tắc này cho hoạt động của TAMC. Mục 21 Nghị định khẩn ngày 22/10/1997 quy định: *Khi tiến hành mua hoặc nhận chuyển nhượng tài sản của các tổ chức tài chính, TAMC tiến hành định giá thông qua tổ chức định giá độc lập hoặc cố vấn tài chính chuyên nghiệp, trong đó, giá mua hoặc chuyển nhượng không được cao hơn giá thẩm định của thị trường*³⁴.

Thứ hai, trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD (bên bán nợ) với các bên mua nợ khác.

Trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ và các bên mua nợ khác, Điều 12 Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định:

³⁴ Xem thêm Phụ lục số 04

Việc xác định giá mua, bán nợ đối với mua, bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với mua, bán nợ theo phương thức bán đấu giá được thực hiện như sau:

1. Giá mua, bán nợ, giá khởi điểm được xác định trên cơ sở giá trị ghi sổ khoản nợ, khoản lãi mà bên nợ sẽ phải trả trong tương lai, phân loại nhóm khả năng thu hồi của khoản nợ và giá trị tài sản bảo đảm (nếu có).

2. Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài có quyền thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện định giá mua, bán nợ đối với mua bán nợ theo phương thức thỏa thuận, giá khởi điểm đối với mua, bán nợ phương thức bán đấu giá để Hội đồng mua, bán nợ quyết định.

Như vậy, giá mua bán nợ xấu được xác định trên cơ sở thỏa thuận giữa bên bán nợ và bên mua nợ hoặc thuê tổ chức có chức năng thẩm định giá thực hiện định giá mua, bán nợ thông qua việc đánh giá các yếu tố như: (1) giá trị ghi sổ khoản nợ; (2) khoản lãi mà bên nợ sẽ phải trả trong tương lai; (3) phân loại nhóm khả năng thu hồi của khoản nợ và (4) giá trị tài sản bảo đảm.

Những quy định trên cho thấy, pháp luật đã có sự kế thừa quy định pháp luật của các quốc gia khác trong việc xây dựng phương án xác định giá mua bán nợ xấu. Tùy thuộc thực trạng nợ xấu cũng như mục tiêu theo đuổi mà mỗi quốc gia xây dựng phương án xác định giá mua bán nợ xấu khác nhau.

Đối với Trung Quốc, nguyên nhân gây ra nợ xấu của Trung Quốc là cơ chế kinh tế kế hoạch hóa tập trung, khi hoạt động của các NHTMNN như những cơ quan hành chính, có nhiệm vụ cho vay theo chỉ định cho các công ty và dự án Nhà nước vốn làm ăn kém hiệu quả, thậm chí thua lỗ. Vì thế, quá trình xử lý nợ xấu ở Trung Quốc gắn trực tiếp với các biện pháp cải cách được thực hiện bởi Chính phủ nhằm chuyển đổi nền kinh tế từ cơ chế kế hoạch hóa tập trung sang cơ chế thị trường. Chính vì vậy, nước này áp dụng phương pháp định giá nợ xấu theo giá trị sổ sách. Thông qua phương pháp này, nợ xấu của hệ thống TCTD vừa được giải quyết, trong khi lại được ngân sách bơm vốn để tiến hành hoạt động tái cơ cấu [101,46].

Đối với các quốc gia khác như Thái Lan, Hàn Quốc và Malaysia, phương pháp định giá nợ xấu theo giá trị thị trường hay giá trị phù hợp được áp dụng chủ yếu. Theo đó, các quốc gia này áp dụng giá mua trung bình dao động từ khoảng $1/3$ đến $1/2$ giá trị sổ sách của khoản nợ xấu. Mức giá này được xây dựng dựa trên mục tiêu mà Chính phủ các nước đặt ra cho các công ty quản lý tài sản tập trung, đó là hỗ trợ các ngân hàng vượt qua khủng hoảng, bao gồm hỗ trợ thanh khoản, tái cấu trúc ngân hàng và xử lý nợ xấu [106,27].

Như vậy, với việc quy định phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách hoặc giá trị thị trường của khoản nợ xấu, pháp luật đã quy định tương đối linh hoạt và phù hợp với nhu cầu đòi hỏi của thị trường. Mỗi phương pháp được sử dụng cho một quan hệ mua bán nợ xấu đặc thù nhằm phát huy tối đa vai trò của mỗi chủ thể khi mua bán nợ xấu của các TCTD trong các giai đoạn khác nhau. Tuy nhiên, để hạn chế rủi ro đối với VAMC, phương pháp xác định giá mua bán theo giá trị sổ sách chỉ nên áp dụng trong giai đoạn đầu của quá trình xử lý nợ xấu. Khi nợ xấu đã được “gom” về một đầu mới là VAMC để tập trung xử lý, cần thiết chuyển hẳn sang phương pháp xác định giá mua bán theo giá trị thị trường nhằm hạn chế rủi ro cho VAMC, đồng thời phản ánh đúng bản chất của quan hệ mua bán trong nền kinh tế thị trường.

3.4. Quy định về phương thức mua bán nợ xấu

Để tiến hành hoạt động mua bán nợ xấu, Điều 10 Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định các phương thức mua bán nợ các bên mua nợ có thể lựa chọn bao gồm: (1) Thỏa thuận; (2) Đấu giá. Trong đó mỗi phương thức gắn liền với quan hệ mua bán nợ xấu khác nhau.

3.4.1. Phương thức thỏa thuận

Phương thức thỏa thuận được tiến hành thông qua đàm phán trực tiếp giữa bên bán nợ và bên mua nợ hoặc gián tiếp thông qua bên môi giới. Để tiến hành việc mua bán theo phương thức này, bên bán nợ và bên mua nợ sẽ trực tiếp gặp gỡ, tiếp xúc và đàm phán về các nội dung cơ bản của hợp đồng như: khoản nợ cụ thể được mua bán, giá mua bán, phương thức thanh toán,... hoặc thông qua vai trò của bên môi giới làm cầu nối cho bên bán nợ và bên mua nợ gặp gỡ nhau.

Trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ xấu và bên mua nợ là doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, tổ chức, cá nhân không có chức năng kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, việc lựa chọn phương thức thỏa thuận hay đấu giá để xác lập quan hệ mua bán nợ hoàn toàn phụ thuộc vào ý chí của các bên. Pháp luật dân sự nói chung và các quy định của pháp luật về mua bán nợ nói riêng dành sự tôn trọng tối đa quyền thỏa thuận, tự lựa chọn của các bên mua bán nợ.

Trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ xấu với bên mua nợ là VAMC, phương thức thỏa thuận gắn liền với phương pháp mua nợ xấu theo giá trị sổ sách của khoản nợ xấu quy định tại Điều 7 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

Phương thức này được tiến hành theo trình tự sau đây³⁵:

Bước 1: TCTD rà soát các khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư 19/2013/TT-NHNN và lập hồ sơ đề nghị mua nợ gửi VAMC³⁶.

Bước 2: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị mua nợ của TCTD, VAMC phải tiến hành kiểm tra hồ sơ và yêu cầu TCTD bán nợ bổ sung hồ sơ khi cần thiết.

Bước 3: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, VAMC xem xét, thẩm định tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ và có văn bản trả lời TCTD về việc mua hoặc không mua các khoản nợ xấu. Trường hợp không mua nợ, văn bản trả lời phải nêu rõ lý do.

Bước 4: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản thông báo đồng ý mua nợ của VAMC, TCTD và VAMC tiến hành ký kết hợp đồng mua, bán nợ³⁷.

Bước 5: Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng mua, bán nợ, TCTD bán nợ phải thông báo cho khách hàng vay, bên có nghĩa vụ trả nợ, bên bảo đảm về nội dung bán nợ để biết và thực hiện nghĩa vụ với VAMC.

³⁵ Điều 17, 18 Thông tư 19/2013/TT-NHNN

³⁶ Xem thêm Phụ lục 6

³⁷ Xem thêm Phụ lục 7

Sau khi ký kết hợp đồng mua, bán nợ, VAMC tiếp tục kiểm tra, thu thập thông tin và đánh giá khách hàng vay, khoản nợ xấu, tính chính xác, trung thực của hồ sơ, tài liệu liên quan đến khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm.

Bên cạnh đó, phương thức thỏa thuận cũng được sử dụng để xác lập quan hệ hợp đồng khi VAMC mua nợ xấu của các TCTD theo phương pháp xác định giá nợ xấu theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu. Khoản 2 Điều 1 Nghị định 18/2016/NĐ-CP sửa đổi bổ sung Nghị định 53/2013/NĐ-CP quy định: “*Công ty Quản lý tài sản mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị thị trường trên cơ sở thỏa thuận và giá trị Khoản nợ xấu được đánh giá lại*”.

Việc mua nợ xấu theo phương thức này được VAMC tiến hành sau khi đã được NHNN chấp thuận Phương án mua nợ xấu theo giá trị thị trường, trong đó VAMC đã thực hiện các công việc như³⁸:

a) Đánh giá khoản nợ xấu đáp ứng các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều 23 Thông tư này;

b) Xác định giá trị thị trường của khoản nợ xấu, kể cả tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đó. Công ty Quản lý tài sản phải định giá hoặc thuê tổ chức có chức năng định giá độc lập xác định giá trị khoản nợ xấu;

c) Đánh giá hiệu quả kinh tế, rủi ro và khả năng thu hồi vốn mua khoản nợ xấu;

d) Phân tích, đánh giá thực trạng và triển vọng khoản nợ xấu, khách hàng vay, bên bảo đảm, bên có nghĩa vụ trả nợ và các điều kiện thỏa thuận mua nợ với tổ chức tín dụng bán nợ;

đ) Dự kiến các biện pháp khả thi xử lý nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu.

Sau khi thống nhất với TCTD bán nợ, VAMC và TCTD ký kết hợp đồng mua bán nợ xấu. Hợp đồng mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường phải được lập thành văn bản đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu của TCTD và pháp luật về hợp đồng nói chung.

³⁸ Khoản 4 Điều 1 Thông tư 09/2017/TT-NHNN sửa đổi bổ sung Thông tư 19/2013/TT-NHNN

Như vậy, để xác lập quan hệ mua bán nợ xấu, các bên có toàn quyền lựa chọn phương thức thỏa thuận mà không chịu bất kỳ sự can thiệp hay chỉ đạo nào của các cơ quan công quyền. So với phương thức đấu giá, thỏa thuận có khả năng bảo vệ các thông tin của TCTD tốt hơn vì các thông tin về khoản nợ xấu sẽ không phải thông báo công khai nhằm mời gọi các bên mua nợ xấu. Ngoài ra, phương thức thỏa thuận có thủ tục đơn giản nên có khả năng chuyển giao nợ xấu từ TCTD bán nợ sang bên mua nợ nhanh hơn, đồng thời chi phí ít tốn kém hơn nên được các bên ưu tiên lựa chọn khi xác lập quan hệ mua bán nợ xấu. Đối với VAMC, phương thức này giúp đẩy nhanh quá trình “gom” nợ xấu, đưa tỷ lệ nợ xấu của hệ thống TCTD về mức an toàn, phù hợp với mục tiêu của VAMC nên được áp dụng triệt để khi mua nợ xấu của TCTD.

3.4.2. Phương thức đấu giá

Phương thức đấu giá được tiến hành bằng cách bên bán nợ thuê tổ chức bán đấu giá chuyên nghiệp theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản hoặc tự tổ chức bán đấu giá khoản nợ. Mua bán nợ thông qua việc đấu giá các khoản nợ là một phương thức mua bán nợ điển hình. Sở dĩ như vậy vì các khoản tín dụng mà TCTD cấp cho khách hàng thông thường được đảm bảo bằng bất động sản. Vì vậy, thông qua hoạt động đấu giá của tổ chức đấu giá chuyên nghiệp, giá trị của tài sản đảm bảo sẽ được đánh giá một cách khách quan và sát giá thực tế nhất.

Theo Luật Đấu giá tài sản năm 2016, phương thức này được tiến hành theo trình tự, thủ tục đấu giá tài sản nói chung như sau:

Bước 1: Ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản

Theo Điều 33, TCTD có nợ xấu đấu giá ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản để thực hiện việc đấu giá tài sản. Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản phải được lập thành văn bản, được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự và quy định của Luật Đấu giá tài sản. Đồng thời khi ký kết hợp đồng, TCTD gửi cho tổ chức đấu giá các tài liệu liên quan đến khoản nợ xấu và chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của các tài liệu này.

Bước 2: Ban hành quy chế cuộc đấu giá

Theo đó, tổ chức đấu giá tài sản ban hành và thông báo công khai Quy chế cuộc đấu giá áp dụng cho từng cuộc đấu giá trước ngày niêm yết việc đấu giá tài sản. Quy chế này bao gồm những nội dung quy định tại khoản 2 Điều 34.

Bước 3: Niêm yết việc đấu giá tài sản

Tổ chức đấu giá tài sản phải niêm yết việc đấu giá tài sản tại trụ sở của tổ chức mình và nơi tổ chức cuộc đấu giá ít nhất là 07 ngày làm việc trước ngày mở cuộc đấu giá. Tổ chức đấu giá tài sản lưu tài liệu, hình ảnh về việc niêm yết đấu giá tài sản trong hồ sơ đấu giá.

Bước 4: Đăng ký tham gia đấu giá

Cá nhân, tổ chức đăng ký tham gia đấu giá thông qua việc nộp hồ sơ tham gia đấu giá hợp lệ và tiền đặt trước cho tổ chức đấu giá tài sản. Người tham gia đấu giá phải nộp tiền đặt trước. Khoản tiền đặt trước do tổ chức đấu giá tài sản và TCTD bán nợ xấu thỏa thuận, nhưng tối thiểu là năm phần trăm và tối đa là hai mươi phần trăm giá khởi điểm của khoản nợ xấu được đấu giá.

Bước 5: Tổ chức đấu giá

Sau khi thực hiện các thủ tục luật định, tổ chức cuộc đấu giá theo hình thức và phương thức đã lựa chọn theo quy chế ban hành và lập biên bản đấu giá được quy định Điều 40 đến Điều 44 Luật Đấu giá tài sản.

Bước 6: Ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc đấu giá, tổ chức đấu giá chuyển kết quả đấu giá tài sản, biên bản đấu giá, danh sách người trúng đấu giá cho TCTD bán nợ xấu để ký hợp đồng mua bán tài sản đấu giá. Hợp đồng mua bán này được ký kết giữa TCTD bán nợ xấu với người trúng đấu giá hoặc giữa người có tài sản đấu giá, người trúng đấu giá và tổ chức đấu giá nếu có thỏa thuận.

Như vậy, hiện nay các quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ với các bên mua nợ được thực hiện chủ yếu bằng phương thức thỏa thuận vì những ưu thế của phương thức này so với đấu giá. Tuy nhiên, khi thị trường mua bán nợ xấu hình thành, đặc biệt khi các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ (bao gồm cả các AMC thuộc các TCTD) hoạt động thành mạng lưới, phương thức đấu giá sẽ

được TCTD lựa chọn nhiều hơn. Khi đó, nợ xấu sẽ được giao dịch phổ biến trên thị trường, TCTD có nhiều sự lựa chọn về việc sẽ bán nợ xấu cho ai, bán theo phương thức nào.

3.5. Quy định về công cụ thanh toán trong giao dịch mua bán nợ xấu

Khi quyết định bán nợ xấu, bên cạnh mục đích giải phóng nợ xấu đang có, TCTD rất quan tâm tới việc sẽ nhận được gì từ bên mua nợ bởi điều này tác động trực tiếp tới tâm lý của TCTD, mà từ đó TCTD có thực sự tích cực, chủ động bán nợ xấu hay chỉ là việc làm mang tính nghĩa vụ. Hiện nay, công cụ thanh toán trong giao dịch mua bán nợ xấu bao gồm trái phiếu, trái phiếu đặc biệt và tiền. Mỗi công cụ đều có những vai trò nhất định và được sử dụng trong những giao dịch mua bán nợ xấu, đồng thời có khả năng tác động tới tâm lý muốn bán nợ xấu của các TCTD ở các mức độ khác nhau.

3.5.1. Thanh toán thông qua việc phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt

Theo quy định của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP, sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 34/2015/NĐ-CP và Nghị định số 18/2016/NĐ-CP việc phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt là công cụ thanh toán khi mua bán nợ xấu được áp dụng cho việc mua bán nợ xấu TCTD (bên bán nợ) với Công ty quản lý tài sản VAMC. Theo đó, khi mua nợ xấu của các TCTD, thay vì thanh toán trực tiếp bằng tiền, VAMC trao cho các TCTD trái phiếu, trái phiếu đặc biệt do mình phát hành.

Một là, VAMC phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu

Việc VAMC phát hành trái phiếu đặc biệt để thanh toán thay vì thanh toán trực tiếp bằng tiền xuất phát từ nguồn vốn hoạt động của VAMC quá nhỏ bé so với quy mô nợ xấu trên thị trường. Trong khi ở các quốc gia khác, phương án khả thi nhất khi thành lập các công ty mua bán nợ tập trung là cấp nguồn vốn nhỏ tạo dựng ban đầu, sau đó cho phép công ty này phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu của hệ thống TCTD.

Bản chất của việc thanh toán bằng phát hành trái phiếu đặc biệt là TCTD không được nhận thanh toán trực tiếp bằng tiền khi bán nợ xấu mà chỉ nhận được trái phiếu đặc biệt do công ty mua bán nợ tập trung phát hành. Vì vậy để đảm bảo

hiệu quả của công cụ thanh toán này đòi hỏi chính sách hỗ trợ của ngân hàng trung ương thông qua việc cho vay tái cấp vốn đối với TCTD sở hữu trái phiếu và bảo lãnh của Chính phủ đối với loại trái phiếu đặc biệt này [73,68].

Việc thanh toán cho các TCTD bán nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt được xem là phương thức được áp dụng phổ biến nhất đối với việc mua bán nợ xấu của các công ty quản lý tài sản do Nhà nước thành lập. Phương thức này đã được áp dụng rất thành công trong nỗ lực giải quyết nợ xấu ở các nước trong khu vực Đông Nam Á và Đông Á trong cuộc khủng hoảng tài chính năm 1997 như TAMC tại Thái Lan, KAMCO tại Hàn Quốc, IBRA tại Indonesia [20,130]. Loại công cụ thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt được ưu tiên lựa chọn thay vì thanh toán bằng tiền cho TCTD bán nợ xấu vì nguồn vốn được cấp từ NSNN cho các công ty này lại rất hạn chế.

Tại Hàn Quốc, Thái Lan và Malaysia, tài trợ trực tiếp từ Chính phủ là không đáng kể, chỉ chiếm từ 0.4% đến 20% tổng nguồn vốn cần thiết. Tại Trung Quốc, nguồn vốn cung cấp bởi Chính phủ chỉ chiếm khoảng 3% giá trị nợ xấu được chuyển giao; chỉ một phần trong nguồn tài trợ này là tiền mặt, còn lại tồn tại dưới dạng nhà xưởng, vật dụng và các tài sản khác sở hữu bởi các ngân hàng trước đó [69,17]. Trong khi đó, phát hành trái phiếu đặc biệt là phương pháp được Chính phủ các nước sử dụng để tạo vốn cho các AMC. Tại Hàn Quốc và Thái Lan, trái phiếu AMC chiếm hơn 90% tổng nguồn tài trợ cho AMC; con số này vào khoảng 60% tại Trung Quốc và Malaysia [69,20]. Tại Việt Nam, nguồn vốn ban đầu được cấp cho VAMC là 500 tỷ đồng, sau đó được nâng lên là 2.000 tỷ đồng³⁹, tuy nhiên số vốn này được xem là quá nhỏ bé so với quy mô nợ xấu của hệ thống TCTD [21,16]. Chính vì vậy, mua nợ xấu bằng việc phát hành trái phiếu đặc biệt là giải pháp khả thi so với việc thanh toán trực tiếp bằng tiền cho các TCTD bán nợ xấu.

Ở Việt Nam, chính thức đi vào hoạt động từ tháng 7/2013, sau 3 tháng khẩn trương kiện toàn tổ chức bộ máy, xây dựng các quy định, văn bản nội bộ đảm bảo hoạt động tuân thủ quy định pháp luật, ngày 01/10/2013, VAMC đã thực hiện mua khoản nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt đầu tiên, giá trị hơn 1.700 tỷ đồng của

³⁹ Khoản 2 Điều 1 Nghị định 34/2015/NĐ-CP

Agribank⁴⁰. Quá trình mua nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt được thực hiện qua các năm 2014, 2015, 2016 nhằm giảm nhanh nợ xấu toàn ngành xuống 3% theo Đề án 843/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ. Theo số liệu báo cáo hoạt động của VAMC tính từ năm 2013 đến hết ngày 31/12/2016, tương ứng giá mua nợ xấu là 245.924 tỷ đồng, VAMC đã phát hành 275.555 tỷ đồng trái phiếu đặc biệt.

Bảng 2: Kết quả mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt từ năm 2013 - 2017

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
1	Số khách hàng	963	5.304	9.772	832	414
2	Số khoản nợ	1.568	8.618	14.310	1.240	565
4	Dư nợ gốc nội bảng	36.257	92.448	109.264	42.183	32.377
5	Giá trị trái phiếu đặc biệt phát hành	30.947	77.705	100.458	40.035	31.831

Nguồn: Báo cáo hoạt động của VAMC các năm 2013-2017

Riêng trong năm 2017, VAMC đã mua 31.831 tỷ đồng nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt, vượt 27,2% kế hoạch được phê duyệt từ đầu năm. VAMC xây dựng và tổ chức thực hiện mua nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt hàng năm căn cứ vào Đề án cơ cấu lại hệ thống các TCTD giai đoạn 2011-2015 và 2016-2020, bám sát sự chỉ đạo của Chính phủ, của NHNN và thực tế nhu cầu bán nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt của TCTD. Theo đó, VAMC mua nợ bằng trái phiếu đặc biệt tăng qua các năm từ 2013 đến 2015 và giảm dần qua hai năm 2016, 2017. Việc TCTD bán nợ xấu bằng trái phiếu đặc biệt cho VAMC giảm từ 100.458 tỷ đồng năm 2015 xuống 31.831 tỷ đồng năm 2017 phản ánh áp lực đối với các TCTD trong xử lý nợ xấu theo hình thức này đã giảm [93].

Trong số các TCTD có khối lượng bán nợ xấu và đang nắm giữ trái phiếu đặc biệt lớn của VAMC có thể kể tới như Agribank, BIDV, Vietinbank. Những số liệu thống kê này cho thấy, hoạt động của các NHTMNN và NHTMCP do Nhà nước cổ phần chi phối bộc lộ nhiều bất ổn trong quy trình thẩm định và phê duyệt hồ sơ tín dụng của khách hàng. Đối với các ngân hàng này, quy trình phê duyệt và

⁴⁰ Báo cáo hoạt động của VAMC năm 2013

ký kết hợp đồng mua bán nợ xấu của VAMC cần được tiến hành chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật và tránh phản ứng của dư luận xã hội.

Bảng 3: Thống kê các ngân hàng nắm giữ trái phiếu đặc biệt lớn đến ngày 31/12/2016⁴¹

Đvt: triệu đồng						
STT	Ngân hàng	Mệnh giá trái phiếu tại VAMC (Tại 31/12/2016)	Mệnh giá trái phiếu tại VAMC (Tại 31/12/2015)	Chênh lệch	Dự phòng trái phiếu VAMC (Tại 31/12/2016)	Giá trị trái phiếu VAMC (Tại 31/12/2016)
1	Agribank	N/A	46.089.736	N/A		
2	BIDV	21.131.474	20.836.089	295.385	(5.654.756)	15.476.718
3	Vietinbank	9.156.273	10.341.901	(1.185.628)	(2.615.207)	6.541.066
4	Eximbank	7.029.500	6.230.410	799.090	(1.400.520)	5.628.980
5	Vpbank	4.136.200	4.520.639	(384.439)	(496.311)	3.639.889
6	Techcombank	2.922.058	3.741.995	(819.937)	(1.367.540)	1.554.518
7	VIBank	2.622.495	3.715.319	(1.092.824)	(839.000)	1.783.495
8	MBBank	3.404.718	4.047.501	(642.783)	(1.248.053)	2.156.665
9	ACB	1.486.633	1.882.770	(396.137)	(417.439)	1.069.194
10	Vietcombank	0	3.564.811	(3.564.811)		
	Tổng	51.889.351	104.971.171	(6.992.084)	(14.038.826)	37.850.525

Mặc dù được coi là giải pháp khả thi và phù hợp với thực tiễn ở Việt Nam, tuy nhiên, những quy định liên quan về loại công cụ thanh toán này đang được xem là trở ngại cho việc mua nợ xấu của các TCTD khi không đủ sức cuốn hút đối với các TCTD khi quyết định bán nợ xấu. Tình trạng này xuất phát từ những quy định về trái phiếu đặc biệt tại Nghị định 53/2013/NĐ-CP: “*Trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản phát hành để mua lại các khoản nợ xấu của tổ chức tín dụng và có các đặc điểm sau đây:*

a) Trái phiếu đặc biệt được phát hành dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử;

b) Mệnh giá trái phiếu đặc biệt có giá trị bằng giá mua của khoản nợ xấu được quy định tại Khoản 1 Điều 14 Nghị định này;

c) Trái phiếu đặc biệt được phát hành bằng đồng Việt Nam có lãi suất bằng 0% và thời hạn tối đa 05 năm. Trường hợp phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu của cả tổ chức tín dụng đang thực hiện phương án tái cơ cấu hoặc gặp khó khăn về tài chính thì thời hạn của trái phiếu đặc biệt tối đa không quá 10 năm.

⁴¹ Nguồn: Thống kê của VAMC

d) Trái phiếu đặc biệt được sử dụng để vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước.”

Thứ nhất, thời hạn của trái phiếu đặc biệt, trái phiếu đặc biệt được phát hành bằng đồng Việt Nam có lãi suất bằng 0% và thời hạn tối đa 05 năm. Trường hợp phát hành trái phiếu đặc biệt để mua nợ xấu của các TCTD đang thực hiện phương án tái cơ cấu hoặc gặp khó khăn về tài chính thì thời hạn của trái phiếu đặc biệt tối đa không quá 10 năm. Quy định về thời hạn tối đa của trái phiếu đặc biệt là 5 năm hay 10 năm được xem phù hợp khi tạo ra đủ thời gian cho VAMC sử dụng các giải pháp xử lý nợ xấu đã mua của TCTD.

Tuy nhiên, một vấn đề đặt ra, đó là kể cả đã bán nợ xấu cho VAMC, TCTD vẫn chưa hoàn toàn thoát khỏi khoản nợ xấu đó, bởi theo quy định sau 5 năm hoặc 10 năm đối với trường hợp đặc biệt, nếu VAMC không xử lý được khoản nợ xấu đã mua, VAMC sẽ trả lại TCTD đã bán. Điều đó có nghĩa, kể cả khi bán nợ xấu cho VAMC, TCTD vẫn bị “treo” khoản nợ xấu và hoàn toàn có thể phải nhận lại khoản nợ xấu đã bán. Dừng lại ở đây để thấy, việc VAMC mua nợ xấu của TCTD bằng trái phiếu đặc biệt chủ yếu nhằm giải quyết tình trạng nợ xấu trên bảng sổ sách hơn là thực tế, vì vậy, khó lôi cuốn TCTD tích cực, chủ động bán nợ xấu cho VAMC.

Thứ hai, về quyền và nghĩa vụ của TCTD khi sở hữu trái phiếu đặc biệt:
Điều 21 Nghị định 34/2015/NĐ-CP quy định:

1. Tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu đặc biệt có các quyền sau đây:

a) Sử dụng trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;

b) Được hưởng số tiền thu hồi nợ theo quy định tại Khoản 2 Điều 19 Nghị định này.

2. Tổ chức tín dụng sở hữu trái phiếu đặc biệt có các nghĩa vụ sau đây:

a) Trích lập dự phòng rủi ro hàng năm đối với trái phiếu đặc biệt vào chi phí hoạt động theo tỷ lệ không thấp hơn 20% mệnh giá trái phiếu trong thời hạn của trái phiếu đặc biệt để tạo nguồn xử lý nợ xấu khi được mua lại từ Công ty quản lý tài sản;

b) Sử dụng trái phiếu đặc biệt để mua lại theo giá trị ghi sổ các khoản nợ xấu được Công ty Quản lý tài sản mua bằng trái phiếu đặc biệt nhưng chưa được xử lý hoặc thu hồi toàn bộ vào thời điểm trái phiếu đặc biệt đến hạn theo quy định.

Những quy định về tỷ lệ trích lập dự phòng rủi ro và thời hạn nắm giữ trái phiếu đặc biệt cho thấy, gánh nặng về mặt tài chính của TCTD khi đã bán nợ xấu cho VAMC chỉ được giảm nhẹ một phần. So với mức trích lập dự phòng rủi ro 20%, 50% và 100% tương ứng với nợ nhóm 3, nhóm 4 và nhóm 5 khi TCTD không bán nợ xấu quy định ở Thông tư 02/2013/TT-NHNN, mức trích lập mỗi năm bằng 20% mệnh giá trái phiếu đặc biệt sau khi TCTD đã bán nợ xấu, đồng nghĩa với việc sau 5 năm, TCTD đã trích lập đủ 100% mệnh giá trái phiếu đặc biệt. Như vậy với TCTD, bán nợ xấu cho VAMC về thực chất không mang lại nhiều ý nghĩa.

Thứ ba, về khả năng chuyển nhượng, trái phiếu đặc biệt không được chuyển nhượng⁴². Điều đó có nghĩa, khi nhận trái phiếu đặc biệt từ VAMC, TCTD chỉ có thể sử dụng bằng cách mang trái phiếu tới NHNN để được tái cấp vốn.

Như vậy, khi bán nợ xấu cho VAMC, trong thời hạn 5 năm (trường hợp đặc biệt là 10 năm) nắm giữ, TCTD không được chuyển nhượng trái phiếu đặc biệt cho các TCTD hoặc các tổ chức, cá nhân khác, vì vậy, khả năng thanh khoản của trái phiếu đặc biệt rất thấp. Phương án duy nhất TCTD được quyền lựa chọn là sử dụng làm tài sản bảo đảm để vay tái cấp vốn tại NHNN. Tuy nhiên, phương án này cũng gặp trở ngại khi việc vay tái cấp vốn phụ thuộc vào mục tiêu điều hành chính sách tiền tệ quốc gia của NHNN trong mỗi thời kỳ. Đặc biệt trong thời kỳ NHNN thực hiện chính sách tiền tệ thắt chặt, hoàn toàn có khả năng trái phiếu đặc biệt phải “nằm yên một chỗ” tại TCTD. Đối với các chủ thể kinh doanh tiền tệ như TCTD, sự bất động của trái phiếu đặc biệt là điều TCTD không hề mong muốn.

Hai là, VAMC phát hành trái phiếu để mua nợ xấu

Xuất phát từ những hạn chế của công cụ trái phiếu đặc biệt như đã phân tích ở trên, ngày 28 tháng 08 năm 2015, NHNN đã ban hành Thông tư số 14/2015/TT-NHNN sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN, theo đó,

⁴² Khoản 9 Điều 1 Thông tư 14/2015/TT-NHNN

cho phép VAMC được phát hành trái phiếu để thanh toán cho các khoản nợ xấu mua của các TCTD.

Theo đó, trái phiếu phát hành trực tiếp cho TCTD bán nợ để mua nợ xấu theo giá trị thị trường (sau đây gọi là trái phiếu) là giấy tờ có giá có thời hạn do Công ty Quản lý tài sản phát hành trực tiếp cho TCTD bán nợ khi mua nợ xấu theo giá trị thị trường⁴³. Công ty Quản lý tài sản phát hành trái phiếu để thanh toán cho các TCTD bán nợ khi mua nợ xấu của các TCTD.

Loại trái phiếu này có đặc trưng như⁴⁴:

- *Một trái phiếu được phát hành tương ứng với một khoản nợ xấu được mua, bán.*
- *Mệnh giá trái phiếu có giá trị bằng giá mua, bán của khoản nợ xấu.*
- *Thời hạn của trái phiếu được xác định theo thỏa thuận giữa Công ty Quản lý tài sản và TCTD bán nợ, tối thiểu là 01 năm. Trường hợp số tiền thu hồi nợ chưa đủ để thanh toán trái phiếu khi trái phiếu đến hạn thanh toán, Công ty Quản lý tài sản quyết định gia hạn thời hạn của trái phiếu, tối đa không quá 03 năm, trừ trường hợp có sự đồng ý của tổ chức sở hữu trái phiếu.*

Ngoài ra, so với trái phiếu đặc biệt, công cụ trái phiếu mang đến những ưu điểm vượt trội cho TCTD bán nợ xấu như sau: (1) Trái phiếu được chuyển nhượng giữa NHNN với các TCTD và giữa các TCTD với nhau; (2) TCTD sở hữu trái phiếu không phải trích lập dự phòng rủi ro cho trái phiếu; (3) Xác định hệ số rủi ro của trái phiếu là 0% khi tính tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu của TCTD; (4) Được sử dụng trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để tái cấp vốn tại NHNN theo quy định của NHNN; được sử dụng trái phiếu để tham gia nghiệp vụ thị trường mở⁴⁵.

Tuy nhiên, tính đến hết năm 2017, VAMC chưa phát hành bất kỳ trái phiếu nào để mua nợ xấu của TCTD bởi (1) mặc dù có nhiều ưu điểm hơn công cụ trái phiếu đặc biệt nhưng công cụ trái phiếu vẫn có hạn chế lớn nên không nhận được sự

⁴³ Khoản 8a Điều 3 Thông tư số 14/2015/TT-NHNN

⁴⁴ Khoản 8, 9 Điều 1 Thông tư số 14/2015/TT-NHNN

⁴⁵ Khoản 10 Điều 1 Thông tư số 14/2015/TT-NHNN

quan tâm của TCTD bán nợ xấu; (2) phương án trọng tâm được VAMC lựa chọn vẫn là sử dụng trái phiếu đặc biệt và nguồn vốn khác.

Bảng 4: Kết quả mua nợ bằng trái phiếu từ năm 2015 - 2017

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Chỉ tiêu	2015	2016	2017
1	Dư nợ gốc nội bảng	109.264	42.183	32.377
2	Giá trị trái phiếu đặc biệt phát hành	100.458	40.035	31.831
3	Giá trị trái phiếu phát hành	0	0	0

Nguồn: Báo cáo thống kê của VAMC từ năm 2015 - 2017

Bên cạnh đó, khi đánh giá về công cụ trái phiếu và trái phiếu đặc biệt theo quy định của pháp luật hiện hành có thể nhận thấy, tính thanh khoản của các loại công cụ này vẫn thấp. Nếu như các nước như Trung Quốc, Hàn Quốc, Thái Lan, trái phiếu đặc biệt được bảo lãnh bởi Bộ Tài chính hoặc ngân hàng trung ương, thì trái phiếu và trái phiếu đặc biệt ở Việt Nam không có bất kỳ sự bảo lãnh nào [36,31]. Sự thiếu cơ chế bảo lãnh của Chính phủ hay NHNN đối với trái phiếu và trái phiếu đặc biệt xuất phát từ tình hình nợ công và thâm hụt NSNN ở Việt Nam thời gian qua. Vì vậy, để giảm áp lực lên tình trạng tăng cao của nợ công, phương án không quy định bảo lãnh đối với trái phiếu và trái phiếu đặc biệt được lựa chọn. Tuy nhiên, chính vì trái phiếu, trái phiếu đặc biệt ở Việt Nam không được bảo lãnh bởi bất kỳ chủ thể nào nên không tạo ra sự yên tâm cho các TCTD khi lựa chọn phương án bán nợ xấu cho VAMC, cho nên không tạo động lực cho TCTD chủ động, tích cực bán nợ xấu cho VAMC mà lựa chọn phương án này như “nghĩa vụ hành chính”. Vì vậy, các nhà làm luật cần cân nhắc thêm về vấn đề này để khuyến khích các TCTD bán nợ xấu cho VAMC.

3.5.2. Thanh toán bằng tiền

Công cụ thanh toán bằng tiền hiện nay đang tồn tại trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD với bên mua nợ là công ty quản lý tài sản VAMC hoặc với các bên mua nợ khác. Nếu như trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD và các bên mua nợ khác, việc thanh toán bằng tiền là nguyên tắc cơ bản, trừ trường hợp các

bên có thỏa thuận khác, thì trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD với VAMC, thanh toán bằng tiền là thách thức không hề nhỏ đối với VAMC, mặc dù đây là yếu tố quan trọng quyết định thành công của quan hệ mua bán nợ xấu.

Phương thức này được ghi nhận như một giải pháp nhằm thúc đẩy quá trình giải quyết nợ xấu tại các TCTD, bởi như đã phân tích, công cụ thanh toán bằng trái phiếu hay trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành không hẳn là mong muốn của TCTD khi bán nợ xấu. Bản thân các TCTD khi bán nợ xấu cho VAMC bên cạnh mục đích làm sạch bảng cân đối kế toán là thu hồi vốn từ khoản nợ xấu bằng nguồn vốn trực tiếp của VAMC.

Tuy nhiên, với những quy định của pháp luật hiện hành, phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt vẫn là công cụ thanh toán chủ yếu khi VAMC mua nợ xấu của các TCTD. Nguyên nhân của thực trạng này được giải thích ở một số khía cạnh sau đây:

Thứ nhất, xuất phát từ sự hạn chế về năng lực tài chính của VAMC. Tại thời điểm thành lập và đi vào hoạt động, VAMC được NSNN cấp 500 tỷ đồng, sau đó được nâng lên thành 2.000 tỷ đồng, nhưng rõ ràng số tiền này quá nhỏ để VAMC có thể mua nợ xấu và thanh toán bằng tiền.

Theo khoản 5 Điều 1 Quyết định số 618/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 4 năm 2016 của NHNN về việc xây dựng và triển khai Phương án mua nợ xấu theo giá trị thị trường của VAMC, bên cạnh vốn điều lệ được cấp, VAMC có thể sử dụng các nguồn sau đây: (1) *Xem xét, hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế theo nguyên tắc chia sẻ lợi ích và rủi ro (chi phí và lợi nhuận từ mua, xử lý nợ sẽ được chia theo tỷ lệ của các bên) để thu hút nguồn vốn và kinh nghiệm định giá, xử lý các khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường;* (2) *tiếp nhận các nguồn vốn ủy thác của các nhà đầu tư để mua nợ theo giá thị trường;* (3) *sử dụng nguồn vốn từ các quỹ được trích lập theo quy định của pháp luật hoặc các công cụ tài chính theo quy định của pháp luật để huy động nguồn vốn cho việc mua bán nợ theo giá thị trường.*

Tuy nhiên, để tiếp cận được các nguồn vốn hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế không hề đơn giản vì việc đánh giá nợ xấu ở Việt Nam chưa thực chất,

trong khi quy chế pháp lý chưa đầy đủ và đồng bộ. Bên cạnh đó, với mục đích “lấy thu bù chi” và phi lợi nhuận sẽ rất khó để VAMC lôi kéo được nguồn vốn ủy thác của các nhà đầu tư. Trong khi các kênh huy động vốn này không mấy khả thi thì việc sử dụng nguồn vốn từ các quỹ được trích lập theo quy định của pháp luật hoặc các công cụ tài chính để huy động nguồn vốn cũng không thể mang tới cho VAMC nguồn vốn thực đủ lớn để mua nợ xấu của các TCTD.

Thứ hai, trách nhiệm của VAMC trong việc bảo toàn nguồn vốn được cấp khi mua nợ xấu theo giá trị thị trường bằng tiền.

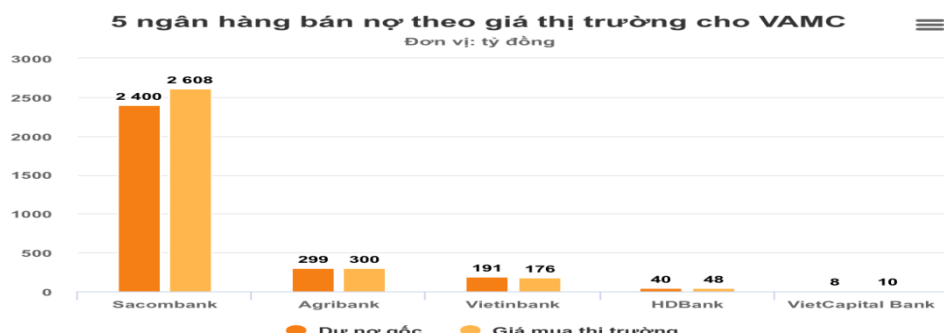
Ngoài các điều kiện nói chung của khoản nợ xấu được VAMC mua bằng công cụ trái phiếu, trái phiếu đặc biệt quy định tại khoản 1 Điều 16, Khoản 13 Điều 1 Thông tư 14/2015/TT-NHNN đặt ra các điều kiện bổ sung các khoản nợ xấu của TCTD cần thỏa mãn để được VAMC thanh toán bằng tiền bao gồm: (i) *Được Công ty Quản lý tài sản đánh giá có khả năng thu hồi đầy đủ số tiền mua nợ*; (ii) *Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có khả năng phát mại và (iii) Khách hàng vay có triển vọng phục hồi khả năng trả nợ*.

Bên cạnh đó, vì sử dụng chủ yếu vốn được cấp từ ngân sách để mua nợ xấu nên Quyết định số 618/QĐ-NHNN đặt ra: “*Công ty Quản lý tài sản chịu trách nhiệm về các quyết định mua bán nợ, đảm bảo việc sử dụng vốn an toàn, hiệu quả và lợi ích của Nhà nước*”. Trách nhiệm này vô hình chung tạo ra gánh nặng đối với bộ máy lãnh đạo và điều hành của VAMC trong việc đưa ra quyết định mua nợ xấu của các TCTD bằng tiền.

Đứng trước những khó khăn này, ngày 21 tháng 6 năm 2017, Quốc hội đã thông qua Nghị quyết 42/2017/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các TCTD. Nghị quyết này đã cho phép áp dụng nhiều chính sách mới (so với pháp luật hiện hành) đặc biệt là cho phép VAMC được chuyển đổi sang cơ chế mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường một cách thực chất. Theo đó, mở rộng các khoản nợ xấu VAMC được mua của các TCTD, bên cạnh các khoản nợ xấu đang được hạch toán nội bảng, VAMC được mua các khoản nợ xấu đã sử dụng dự phòng rủi ro đang hạch toán ngoại bảng và chuyển đổi các khoản nợ xấu mà VAMC đã mua bằng trái phiếu đặc

biệt sang mua theo giá trị thị trường. Đồng thời, việc cho phép chuyển khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt sang mua theo giá trị thị trường sẽ giúp tạo lập thị trường mua bán nợ xấu, bảo đảm nguyên tắc thị trường trong xử lý nợ xấu.

Trên cơ sở Nghị quyết 42/2017/QH14, VAMC đã mua được 3.142 tỷ đồng nợ xấu theo giá trị thị trường trong năm 2017 của 5 (năm) ngân hàng, trong đó, khoản nợ xấu đầu tiên được VAMC mua theo giá trị thị trường là khoản nợ xấu của Công ty TNHH Việt Thuận Thành tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) với giá 297,550 tỷ đồng. Khoản nợ này sau đó được VAMC bán đấu giá thành công với giá 301,150 tỷ đồng, thu về khoản chênh lệch là 3,6 tỷ đồng⁴⁶. Đặc biệt, NHTMCP Sài Gòn Thương Tín Sacombank là đối tác lớn nhất của VAMC trong thời gian đầu triển khai hình thức mua bán này, cụ thể Sacombank đã bán hai khoản nợ có dư nợ gốc 2.400 tỷ đồng cho VAMC với giá bán gần 2.608 tỷ đồng. Khoản nợ xấu có giá trị nhỏ nhất VAMC mua là của NHTMCP Bản Việt VietCapital, trị giá chưa đầy 10 tỷ đồng. Một khoản nợ xấu khác của NHTMCP Công Thương Việt Nam Vietinbank được VAMC mua với giá trị thấp hơn dư nợ gốc 191 tỷ đồng.



Những kết quả thành công bước đầu này cho thấy sự đúng đắn của việc chuyển đổi từng bước cơ chế mua nợ xấu theo giá trị sổ sách sang giá trị thị trường và thanh toán bằng tiền của VAMC theo Nghị quyết 42/2017/QH14. Đồng thời, những khoản tiền chênh lệch VAMC thu được khi bán đấu giá các khoản nợ xấu đã mua theo giá trị thị trường góp phần quan trọng nâng cao nguồn vốn thực của VAMC, qua đó có điều kiện để VAMC thúc đẩy mua nợ xấu của TCTD theo giá trị thị trường và thanh toán bằng tiền.

⁴⁶ Thông cáo báo chí của VAMC: <https://sbvamc.vn/index.php?f=news&do=detail&id=1135>

Kết luận chương 3

Thông qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD có thể thấy rằng các quy định này có sự kế thừa các kinh nghiệm của nước khác trên thế giới, đồng thời từng bước phù hợp với yêu cầu của thực tiễn. Tuy nhiên, dù cho Chính phủ và NHNN đã nỗ lực trong việc ban hành các quy định mới cho phù hợp với đòi hỏi của thực tiễn nhưng các quy định này vẫn bộc lộ những vướng mắc không hề nhỏ, hiệu quả áp dụng trên thực tế không cao.

1. Việc phân loại và xếp hạng nợ xấu có sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế, theo đó mốc thời gian 90 ngày, kể từ ngày khoản nợ đến hạn không được thanh toán là căn cứ quan trọng để xác định một khoản nợ là nợ xấu, nhưng không được áp dụng thống nhất giữa các TCTD từ đó tạo nên khó khăn cho việc đánh giá thực trạng nợ xấu trên thị trường ngân hàng, bên cạnh đó tạo ra những nghi hoặc đối với các nhà đầu tư trong và ngoài nước đối với những số liệu về tình trạng nợ xấu của hệ thống ngân hàng, ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động mời gọi các nhà đầu tư tham gia vào thị trường mua bán nợ xấu của NHNN và các cơ quan có thẩm quyền.

2. Các chủ thể được pháp luật trao quyền tham gia mua bán nợ xấu của các TCTD rất đa dạng nhưng hiệu quả không đáp ứng được như kỳ vọng do những vướng mắc trong quy định của pháp luật. Bên cạnh các công ty mua bán nợ chuyên nghiệp (VAMC, DATC và các AMC), pháp luật đã xây dựng cơ chế pháp lý mở rộng quyền tham gia mua bán nợ xấu của chính các TCTD, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, đặc biệt là các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ. Tuy nhiên, những quy định này của pháp luật còn nhiều vướng mắc khi chưa phản ánh đúng yêu cầu, đòi hỏi của thị trường.

3. Phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu được quy định linh hoạt, phù hợp với tính chất của mỗi quan hệ và mục đích của các bên tham gia quan hệ mua bán. Theo đó, hai phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu gồm mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách và giá trị thị trường của nợ xấu được sử dụng đồng thời giữa các TCTD (giữ vai trò là bên bán nợ) với các bên mua nợ tương ứng và phù hợp. Việc vận dụng linh hoạt hai phương pháp này chứng tỏ quá trình xây dựng pháp luật ở

Việt Nam đã có sự nghiên cứu và kế thừa kinh nghiệm của các nước trong khu vực như Thái Lan, Malaysia, Trung Quốc trong nỗ lực giải quyết tình trạng nợ xấu của hệ thống ngân hàng. Tuy nhiên, việc sử dụng hai phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu cần được nghiên cứu và chỉnh sửa nhằm phù hợp với những diễn biến mới của tình trạng nợ xấu trên hệ thống ngân hàng giai đoạn hiện nay.

4. Việc phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để thanh toán cho khoản nợ xấu mua của TCTD phù hợp với xu hướng chung trên thế giới và thực trạng ở Việt Nam nhưng bộc lộ nhiều hạn chế như không được bảo lãnh bởi Chính phủ hay NHNN khiến các TCTD không mặn mà. Công cụ thanh toán trực tiếp bằng tiền được TCTD kỳ vọng nhưng còn nhỏ lẻ, hạn chế về nguồn vốn của VAMC, tuy nhiên đây cần được xem là nút thắt quan trọng cần tháo gỡ để giải quyết tận gốc vấn đề nợ xấu của hệ thống ngân hàng.

Những mặt tích và hạn chế đó của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD chứng tỏ sự nỗ lực của Chính phủ và NHNN đã đạt được nhiều thành công nhất định, nhưng vẫn cần được tiếp tục nghiên cứu hoàn thiện trong thời gian tới.

CHƯƠNG 4

GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ MUA BÁN NỢ XẤU TỪ HOẠT ĐỘNG CHO VAY CỦA CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG Ở VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN HIỆN NAY

4.1. Yêu cầu cơ bản của việc hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam giai đoạn hiện nay

4.1.1. Đảm bảo sự phù hợp các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước

Đối với bất kỳ quốc gia nào, chính sách của Nhà nước luôn là một công cụ quan trọng để quản lý về mặt vĩ mô, điều chỉnh cơ cấu của nền kinh tế. Ở Việt Nam, do đặc thù của nền kinh tế gắn liền với quá trình đấu tranh giữ nước trong một thời gian dài, ở thời kỳ đó, Nhà nước điều tiết nền kinh tế theo cơ chế quản lý kinh tế tập trung, bao cấp. Trong cơ chế đó, các doanh nghiệp không thực sự có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh mà làm việc theo kế hoạch chi tiết Nhà nước giao. Trong lĩnh vực ngân hàng cũng không tồn tại khái niệm TCTD như hiện nay, chỉ có NHNN cùng chi nhánh ở các địa phương và các ngân hàng chuyên doanh trực thuộc. Các doanh nghiệp lúc bấy giờ đều do Nhà nước thành lập và đứng ra thực hiện quản lý một cách toàn diện. Vì vậy, nếu có kinh doanh thua lỗ thì Nhà nước sẽ can thiệp bằng các biện pháp hành chính như: sáp nhập doanh nghiệp, hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp, khoan nợ, giãn nợ và thậm chí là xóa nợ.

Sau Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VI tháng 12/1986, đất nước chuyển sang nền kinh tế thị trường, Nhà nước không còn quản lý nền kinh tế bằng mệnh lệnh như trước đây. Thay vào đó, Nhà nước hoạch định chính sách chung, quản lý ở tầm vĩ mô, tạo môi trường bình đẳng cho các thành phần kinh tế khác nhau trong mọi lĩnh vực kinh tế nói chung và lĩnh vực ngân hàng nói riêng. Nhà nước không còn giữ vai trò độc quyền, cho phép tất cả các thành phần kinh tế tham gia, nhằm đa dạng hóa các hình thức kinh doanh, điều đó đáp ứng nhu cầu mới và phù hợp với bước phát triển kinh tế thế giới đồng thời cũng nảy sinh những vấn đề hết sức khách quan trong nền kinh tế thị trường: nợ xấu và quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động

cho vay của các TCTD. Việc thực hiện chính sách kinh tế thị trường có sự quản lý của Nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa đặt ra nhiều yêu cầu cho hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật ngân hàng nói riêng, trong đó có pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD. Sự ra đời của DATC, các AMC, gần đây nhất là VAMC và hàng loạt các quy định pháp lý ra đời điều chỉnh hoạt động mua bán nợ xấu cũng chính là kết quả của quá trình đổi mới đó.

Có thể nói rằng, chính sách kinh tế của Nhà nước chi phối rất nhiều đến pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, đồng thời ảnh hưởng mạnh mẽ đến những nội dung pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD.

4.1.2. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu phù hợp với định hướng phát triển thị trường mua bán nợ

Trong những năm gần đây, các chủ thể tham gia thị trường tài chính quốc tế đang sử dụng rộng rãi nghiệp vụ mua bán nợ. Nghiệp vụ này có công dụng chính là làm tăng tính thanh khoản và tính hiệu quả trong việc đầu tư vốn trên thị trường của các nhà đầu tư. Ngoài ra, nghiệp vụ mua bán nợ còn được xem là công cụ để Nhà nước tiến hành điều tiết, kiểm soát các hoạt động tài chính, tiền tệ trong nền kinh tế nhằm hướng tới một nền kinh tế cường thịnh và phát triển ổn định. Lý do chính cho sự tồn tại của nghiệp vụ mua bán nợ trong điều kiện hiện nay chính là nhu cầu đa dạng hoá các hoạt động kinh doanh, xử lý những thua lỗ, yếu kém một cách tích cực bằng cách dịch chuyển nhanh chóng vốn đầu tư vào lĩnh vực vừa an toàn, vừa mang lại lợi nhuận cao. Cùng với sự phát triển ngày càng cao của các hoạt động kinh tế, việc mua bán nợ nói chung và nghiệp vụ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD nói riêng cũng ngày càng gia tăng ở nhiều nước trên thế giới, với sự tham gia của các định chế trung gian tài chính mà điển hình là các ngân hàng. Nghiệp vụ này không chỉ có sự tham gia tích cực của các định chế tài chính trung gian mà trên thực tế, các cơ quan nhà nước cũng tỏ ra rất quan tâm đến hoạt động này, đặc biệt là các cơ quan có chức năng quản lý tài chính và tiền tệ như NHNN, Bộ Tài chính.

Những năm trở lại đây, nền kinh tế rơi vào cuộc khủng hoảng, kéo theo đó là tình trạng nợ xấu tăng cao trong hệ thống các TCTD. Giải pháp quan trọng nhất là phải kiểm soát để không dẫn đến làm tăng nợ xấu, còn việc mua bán nợ xấu chỉ là giải pháp để xử lý hậu quả của thị trường tín dụng phát triển thiếu lành mạnh trong thời gian qua. Tuy nhiên, nợ xấu là một hệ quả tất yếu khó tránh khỏi trong bối cảnh nền kinh tế hiện nay mà Nhà nước và nền kinh tế phải giải quyết. Cho nên việc hình thành thị trường mua bán nợ là yếu tố quan trọng để thúc đẩy việc xử lý nợ xấu một cách nhanh chóng, thuận lợi và hiệu quả theo đúng cơ chế thị trường.

Điều kiện căn bản để thị trường mua bán nợ xấu có thể đi vào hoạt động đó là minh bạch hóa các thông tin về nợ xấu, vì chỉ khi các thông tin về nợ xấu đảm bảo tính minh bạch, công khai, khả năng tìm kiếm lợi nhuận và ngăn ngừa rủi ro mới được các chủ thể đạt được khi tiếp cận các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD.

Ngoài ra, để thị trường mua bán nợ xấu hình thành và phát triển, yêu cầu về sự đa dạng hóa các chủ thể có khả năng tham gia vào quan hệ mua bán nợ trở nên vô cùng cần thiết. Khi nợ xấu được chuyển giao từ TCTD bán nợ sang cho các bên mua nợ và trở thành chủ sở hữu mới của khoản nợ xấu, sự đa dạng của các chủ thể trên thị trường sẽ đảm bảo khả năng thanh khoản của khoản nợ xấu, với tính chất là một loại hàng hóa có khả năng mang lại lợi nhuận cao cho các nhà đầu tư. Với sự ra đời và hoạt động của VAMC, các AMC trực thuộc các TCTD, Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, có thể nhận thấy các chủ thể trên thị trường tương đối đa dạng, tuy nhiên khả năng mua bán nợ xấu thực tế của những chủ thể này mới có ý nghĩa trong việc thúc đẩy hoạt động của thị trường mua bán nợ xấu.

4.1.3. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu trên cơ sở đa dạng hóa nguồn vốn và chủ thể tham gia vào mua bán nợ xấu

Trước tiên cần phải thấy rằng, nợ xấu của hệ thống ngân hàng gây tác động tiêu cực đối với các TCTD nói riêng và đời sống xã hội nói chung, vì vậy, giải quyết nợ xấu thông qua hoạt động mua bán nợ không chỉ là nhiệm vụ của TCTD

hay NHNN. Cần thiết phải coi đây là nhiệm vụ của toàn xã hội, từ đó có kế hoạch và phương án huy động các chủ thể và các nguồn vốn khác nhau tham gia mua bán nợ xấu của các TCTD. Việc này một mặt giảm áp lực lên NSNN, mặt khác thúc đẩy hoạt động huy động vốn nhân rộng trong xã hội.

Đối với Việt Nam, việc sử dụng NSNN chỉ được xem là giải pháp tạm thời và nhằm giải quyết những yêu cầu cấp bách của việc xử lý nợ xấu hệ thống các TCTD. Việc sử dụng NSNN để mua nợ xấu sẽ gây áp lực rất lớn lên hoạt động của Chính phủ và NHNN, đồng thời tác động tiêu cực tới tâm lý xã hội, đặc biệt là các doanh nghiệp và người dân. Vì vậy, về lâu dài, yêu cầu chung đặt ra là xã hội hóa nguồn vốn được sử dụng để mua bán nợ xấu của các TCTD.

Việc xã hội hóa nguồn được sử dụng để mua bán nợ xấu của các TCTD cần hướng tới hai yêu cầu: (1) xã hội hóa nguồn vốn hoạt động của VAMC và (2) xã hội hóa nguồn vốn thông qua việc thúc đẩy các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước tham gia mua bán nợ xấu của các TCTD.

4.1.4. Yêu cầu hoàn thiện pháp luật trên cơ sở đảm bảo sự độc lập trong việc điều hành chính sách tiền tệ quốc gia của Ngân hàng Nhà nước

Bên cạnh việc thúc đẩy nguồn vốn hoạt động của VAMC để mua nợ xấu của các TCTD theo giá trị thị trường và thanh toán bằng tiền mặt cho các TCTD, việc sử dụng trái phiếu và trái phiếu đặc biệt để thanh toán cho các khoản nợ xấu mua của các TCTD vẫn giữ vai trò quan trọng. Để thúc đẩy các TCTD tích cực, chủ động bán nợ xấu cho VAMC, Chính phủ và NHNN đang nghiên cứu nhiều giải pháp nhằm gia tăng tính thanh khoản cho trái phiếu và trái phiếu đặc biệt. Tuy nhiên, hiện nay, sử dụng trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn tại NHNN vẫn được xem là lựa chọn có tính khả thi nhất đối với các TCTD. Việc sử dụng trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn tại NHNN sẽ giúp tăng nguồn vốn khả dụng cho các TCTD, từ đó thúc đẩy hoạt động cấp tín dụng đối với khách hàng. Tuy nhiên, trong chừng mực nào đấy, hoạt động này có thể phá vỡ việc điều hành chính sách tiền tệ quốc gia của NHNN.

Về mặt lý thuyết, hoạt động tái cấp vốn của NHNN liên quan trực tiếp tới quan điểm điều hành chính sách tiền tệ quốc gia trong mỗi thời kỳ. Đặc biệt, khi chính sách tiền tệ thắt chặt được áp dụng nhằm ngăn ngừa tình trạng lạm phát tăng cao, chính sách tái cấp vốn của NHNN cũng được điều chỉnh tương ứng. Chính vì vậy, khi lượng lớn trái phiếu, trái phiếu đặc biệt được phát hành cho các TCTD có nguy cơ gây phá vỡ việc điều hành chính sách tiền tệ của NHNN.

Từ đây đặt ra những yêu cầu cần được tính tới trong quá trình xây dựng pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD.

4.1.5. Đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế và cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng

Toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế là xu thế tất yếu và là đòi hỏi khách quan của quá trình hợp tác quốc tế. Xu thế này đang dần bao trùm lên hầu hết các lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực tài chính, ngân hàng. Cũng như các hiện tượng khác, xu thế toàn cầu hoá cũng có tính hai mặt. Một mặt, nó có tác dụng thúc đẩy quá trình hợp tác và phụ thuộc lẫn nhau giữa các lĩnh vực của các nền kinh tế. Mặt khác, nó cũng làm gia tăng cạnh tranh và đặt ra những thách thức đối với năng lực và trình độ của mỗi quốc gia. Chính điều này đòi hỏi mỗi quốc gia phải có những chủ trương, chính sách phù hợp để tham gia vào quá trình này.

So với hoạt động mua bán nợ trên thế giới, ở Việt Nam, mua bán nợ nói chung và mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD nói riêng chỉ thực sự nhận được sự quan tâm của Nhà nước và xã hội trong khoảng chục năm trở lại đây. Nhìn chung, trong quá trình xây dựng các quy phạm pháp luật về hoạt động này tại Việt Nam, các nhà làm luật của chúng ta đã tiếp thu được nhiều kinh nghiệm của các nước phù hợp với điều kiện kinh tế xã hội để từ đó có những quan điểm riêng cho hoạt động mua bán nợ xấu ở Việt Nam nhưng vẫn bảo đảm tính phù hợp với thông lệ quốc tế.

Theo các cam kết của Việt Nam khi gia nhập WTO năm 2007, và các Hiệp định đối tác thương mại xuyên Thái Bình Dương TPP, Hiệp định thương mại tự do FTA Việt Nam – EU, FTA Việt Nam với ASEAN, Hàn Quốc, Nhật Bản, Trung

Quốc,... bên cạnh các cam kết về mở cửa thị trường cho phép các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào hoạt động ngân hàng, cũng như sự hiện diện của các ngân hàng nước ngoài ở Việt Nam, chúng ta đang tiến tới việc đồng bộ hóa các quy định của pháp luật về phân loại nợ, chủ thể tham gia thị trường mua bán nợ, phương pháp xác định giá của khoản nợ,... theo sát chuẩn mực quốc tế.

Sự đồng bộ của pháp luật về mua bán nợ xấu với chuẩn mực quốc tế có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy hiệu quả mời gọi các nhà đầu tư nước ngoài tham gia vào quan hệ mua bán nợ xấu. Vì khi tạo ra sự đồng bộ, các nhà đầu tư nước ngoài sẽ không còn cảm thấy e ngại trước các bản báo cáo về tình trạng nợ xấu được ngân hàng trung ương hay chính các TCTD tự công bố, đồng thời sẽ cảm thấy tin tưởng hơn các hồ sơ, giấy tờ về các khoản nợ xấu được đưa ra mua bán. Những điều này quyết định trực tiếp tới thành công của quan hệ mua bán nợ xấu của TCTD với các nhà đầu tư nước ngoài.

Đây được xem là một trong những yêu cầu căn bản cần được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền nghiên cứu và xem xét trong quá trình xây dựng và ban hành pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD.

4.2. Một số giải pháp hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay

4.2.1 Sửa đổi quy định về khái niệm nợ xấu quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 09/2014/TT-NHNN

Để nâng cao hiệu quả các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay, yêu cầu về việc hoàn thiện quy định của pháp luật về nợ xấu giữ vai trò then chốt. Những quy định của pháp luật về chủ thể tham gia mua bán nợ xấu hay giá mua bán nợ xấu chỉ thực sự phát huy giá trị khi các quy định của pháp luật về nợ xấu được hiểu đúng bản chất và phù hợp với chuẩn mực quốc tế. Để thu hút nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế hoặc các nhà đầu tư trong và ngoài nước vào hoạt động mua bán và xử lý nợ xấu của các TCTD, minh bạch và chuẩn hóa quốc tế tiêu chí phân loại nợ xấu của các TCTD là yêu cầu không thể thiếu. Thực tiễn cho thấy, sự thiếu minh

bạch trong các thông tin về nợ xấu và không đảm bảo các tiêu chí phân loại nợ xấu theo chuẩn mực quốc tế là những rào cản lớn nhất ngăn cản các tổ chức tài chính quốc tế hoặc các nhà đầu tư ngoại tham gia mua bán nợ xấu trên thị trường.

Chính vì vậy, giải pháp trọng tâm cần được Chính phủ và NHNN tính đến trong thời gian tới là chuẩn hóa quốc tế tiêu chí phân loại nợ xấu của các TCTD quy định tại Thông tư 02/2013/TT-NHNN, sửa đổi, bổ sung tại Thông tư 09/2014/TT-NHNN, trong đó bắt đầu từ việc hiểu đúng về nợ xấu.

Khoản 8 Điều 3 Thông tư 02/2014/TT-NHNN giải thích: “*Nợ xấu (NPL) là nợ thuộc các nhóm 3, 4 và 5*”. Việc xác định nợ xấu theo phương pháp định tính và phương pháp định lượng, theo đó nợ xấu là các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi từ 91 ngày trở lên hoặc TCTD đánh giá không có khả năng thu hồi vốn phù hợp với chuẩn hóa quốc tế về nợ xấu được ban hành bởi Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (BCBS) hay Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF). Tuy nhiên việc viết tắt nợ xấu là NPL vô hình chung tạo ra sự nhầm lẫn giữa khái niệm nợ xấu và các khoản cho vay không hiệu quả vì nợ xấu tên tiếng Anh là “Bad debt”, còn NPL viết tắt của từ “Non-performing loan” có nghĩa là “khoản cho vay không hiệu quả”.

Chính vì vậy, để việc phân loại nợ xấu chính xác, phản ánh đúng hiệu quả hoạt động tín dụng của các TCTD trước tiên cần có cách hiểu đúng về nợ xấu.

Bên cạnh đó, để nâng cao sức hấp dẫn của thị trường mua bán nợ xấu của các TCTD ở Việt Nam hiện nay, Chính phủ và NHNN cần quyết tâm theo đuổi mục tiêu đưa việc phân loại nợ xấu của các TCTD phù hợp với chuẩn mực quốc tế, đồng thời áp dụng thống nhất trong toàn hệ thống. Trong đó, cần tập trung vào một số yêu cầu sau đây:

Một là, tiếp tục trao quyền chủ động gắn với tự chịu trách nhiệm cho các TCTD tự phân loại và xếp hạng nợ xấu theo phương pháp định tính và phương pháp định lượng. Tuy nhiên, cần đánh giá lại mối quan hệ giữa hai phương pháp này trong việc xác định tiêu chuẩn nợ xấu, theo đó trong hai tiêu chuẩn xếp hạng nợ xấu bao gồm các khoản nợ đã quá hạn thanh toán nợ gốc và lãi từ 91 ngày trở lên hoặc TCTD đánh giá không có khả năng thu hồi vốn, tiêu chuẩn nào phản ánh đúng bản

chất của khoản cho vay hơn cần được ưu tiên áp dụng trước. Khi đó, sẽ tránh được tình trạng TCTD lựa chọn phương pháp định lượng để không tính vào tỷ lệ nợ xấu các khoản cho vay chưa quá hạn thanh toán gốc và lãi từ 91 ngày trở lên nhưng cần phải đánh giá là không có khả năng thu hồi vốn. Trong khi đó, nếu phản ánh đúng bản chất của khoản cho vay này, TCTD cần lựa chọn phương pháp định tính để đưa khoản cho vay này vào nhóm nợ xấu, trên cơ sở đó có những giải pháp xử lý hiệu quả.

Hai là, cần tăng cường công tác kiểm tra, giám sát của NHNN đối với hoạt động phân loại và xếp hạng nợ xấu của hệ thống TCTD. Hiện nay, quy trình phân loại và xếp hạng nợ xấu của hệ thống TCTD được pháp luật quy định theo hướng trao quyền tự chủ và tự chịu trách nhiệm cho các TCTD. Theo đó, ít nhất mỗi quý một lần, trong 15 (mười lăm) ngày đầu tiên của tháng đầu tiên của mỗi quý, TCTD thực hiện việc phân loại nợ và gửi kết quả lên Trung tâm thông tin tín dụng CIC, ngoài thời gian này, TCTD tự phân loại nợ theo quy định nội bộ.

4.2.2. Sửa đổi quy định tại Điều 174, 175, 176 Luật Đất đai năm 2013 về quyền thu giữ tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất

Như đã phân tích ở Chương 3 các Điều 174, 175, 176 Luật Đất đai 2013 quy định, tổ chức sử dụng đất chỉ được thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại TCTD được phép hoạt động tại Việt Nam trong khi bên mua nợ xấu của TCTD không chỉ có TCTD, mà còn rất nhiều các chủ thể khác không phải là TCTD đã hạn chế quyền thu giữ tài sản bảo đảm, ảnh hưởng trực tiếp tới khả năng xử lý nợ xấu của các bên mua nợ không phải là TCTD. Nghị quyết số 42/2017/QH14 mới phần nào giải quyết được hạn chế này khi trao những đặc quyền cho VAMC. Tuy nhiên, quy định này đã tạo ra sự mâu thuẫn giữa Luật Đất đai năm 2013 và Nghị quyết số 42/2017/QH14, đồng thời tạo ra sự phân biệt trong hoạt động xử lý nợ xấu của các chủ thể trên thị trường, bao gồm cả DATC, công ty kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Vì vậy, cần thiết phải xem xét sửa đổi các quy định tại các Điều 174, 175, 176 Luật Đất đai 2013 theo hướng cho phép các bên mua nợ của các TCTD được

thế quyền của TCTD trong việc thu giữ các tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất. Quy định này sẽ giải quyết khó khăn, vướng mắc cho các bên mua nợ xấu khi mua các khoản nợ có tài sản bảo đảm là quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; thúc đẩy các cá nhân, tổ chức bên ngoài tham gia vào quá trình xử lý nợ xấu, qua đó đẩy nhanh quá trình xử lý nợ xấu theo mục tiêu của Chính phủ, NHNN, tạo điều kiện hình thành thị trường mua bán nợ.

4.2.3. Bổ sung điều kiện về nguồn vốn tổ chức tín dụng được sử dụng để mua nợ xấu của các tổ chức tín dụng khác quy định tại khoản 3 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN

Để giải quyết triệt để tình trạng nợ xấu của hệ thống TCTD, giải pháp trọng tâm cần được Chính phủ và NHNN hướng đến là phát triển thị trường mua bán nợ sơ cấp hoạt động theo cơ chế của thị trường, trong đó tập trung vào việc minh bạch hóa các thông tin về nợ xấu và đa dạng hóa các chủ thể mua nợ xấu của các TCTD. Việc đa dạng hóa các chủ thể mua nợ xấu của các TCTD giữ vai trò then chốt trong việc tháo gỡ những nút thắt của hoạt động xử lý nợ xấu của hệ thống TCTD. Ở đó, cần phải xác định rõ vai trò của mỗi chủ thể trên thị trường. VAMC mặc dù đóng góp vai trò cực kỳ quan trọng nhưng chỉ mang tính thời điểm, vai trò trọng tâm trong việc mua bán nợ xấu của các TCTD trên thị trường sơ cấp phải thuộc về các AMC trực thuộc các TCTD và các Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ. Vì vậy, Chính phủ và NHNN cần tập trung vào các giải pháp nhằm thúc đẩy hoạt động hiệu quả của các chủ thể này, bên cạnh việc tiếp tục phát huy vai trò của VAMC trong việc giải quyết nợ xấu của các TCTD.

Về nguyên tắc mua bán nợ, khoản 3 Điều 5 Thông tư 09/2015/TT-NHNN quy định, TCTD được mua nợ khi được NHNN chấp thuận hoạt động mua nợ tại Giấy phép thành lập và hoạt động của TCTD và có tỷ lệ nợ xấu dưới 3%, trừ trường hợp mua nợ theo phương án tái cơ cấu đã được phê duyệt. Những điều kiện này được xem là cần thiết nhằm đảm bảo sự an toàn cho các TCTD khi mua nợ xấu của các TCTD khác. Tuy nhiên, những điều kiện này vẫn chưa loại trừ hết các rủi ro

cho các TCTD khi không tính tới nguồn vốn TCTD được sử dụng để mua nợ xấu của các TCTD khác.

Nếu coi mua nợ xấu như một nghiệp vụ cấp tín dụng, TCTD có thể sử dụng đa dạng các nguồn vốn, từ vốn tự có tới các nguồn vốn huy động như vay tái cấp vốn của NHNN, vay trên thị trường liên ngân hàng, nguồn vốn huy động từ phát hành giấy tờ có giá hoặc thông qua việc nhận tiền gửi của các cá nhân, tổ chức trong xã hội. Tuy nhiên, đối với hoạt động mua nợ xấu, không thể coi như hoạt động cấp tín dụng của TCTD, cần thiết phải coi đây như hoạt động đầu tư giống hoạt động góp vốn, mua cổ phần vì mức độ rủi ro của hoạt động này. Từ đó, căn cứ vào nguyên tắc quy định tại khoản 1 Điều 103 và khoản 1 Điều 110 Luật các TCTD 2010, sửa đổi bổ sung năm 2017, cần thiết phải quy định TCTD chỉ được sử dụng vốn tự có bao gồm vốn điều lệ, các quỹ dự trữ và các khoản lợi nhuận không chia để mua nợ xấu của các TCTD khác.

Khi xét về bản chất và những rủi ro mà hoạt động mua bán nợ xấu có thể mang lại cho TCTD, thấy rằng pháp luật cần thiết bổ sung quy định về nguồn vốn TCTD được phép sử dụng để mua nợ xấu của các TCTD khác, theo hướng chỉ cho phép TCTD sử dụng vốn tự có, không được sử dụng các nguồn vốn huy động để mua nợ xấu của TCTD khác.

4.2.4. Sửa đổi quy định tại khoản 2 Điều 3 Nghị định 53/2013/NĐ-CP nhằm tăng khả năng huy động vốn của VAMC

Theo khoản 2 Điều 3 Nghị định 53/2013/NĐ-CP, VAMC hoạt động với hình thức pháp lý là công ty TNHH một thành viên do Nhà nước là chủ sở hữu, vì vậy, để tăng vốn cho VAMC, con đường chủ yếu vẫn là tăng nguồn cấp vốn từ NSNN. Theo Đề án tái cơ cấu các TCTD gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016-2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, theo đó đến năm 2020, vốn điều lệ của VAMC sẽ tăng lên 10.000 tỷ đồng. Trước tiên có thể thấy lộ trình tăng vốn cho VAMC phản ánh đúng nhu cầu thực tế nhằm nâng cao hiệu quả mua nợ xấu của VAMC trong thời kỳ hiện nay. Tuy nhiên, tăng vốn lên 10.000 tỷ đồng bằng phương án nào không hề đơn giản. Nhìn vào thực trạng NSNN ở nước ta hiện nay, đây rõ ràng là

giải pháp đặt ra nhiều khó khăn cho việc thực hiện trên thực tế. Ngay cả đối với những nước có nền kinh tế phát triển và NSNN dồi dào hơn chúng ta, thực tiễn cho thấy vốn từ NSNN chiếm tỷ lệ rất nhỏ trong nguồn vốn hoạt động của mô hình công ty mua bán nợ tập trung. Những phân tích này cho thấy, tăng vốn cho VAMC không phải là bài toán dễ có lời giải, mặc dù đây là yêu cầu cấp bách hiện nay.

Theo khoản 5 Điều 1 Quyết định số 618/QĐ-NHNN ngày 12/4/2016 của NHNN, bên cạnh vốn điều lệ được cấp, VAMC có thể sử dụng các nguồn sau đây: (i) Được xem xét, hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế theo nguyên tắc chia sẻ lợi ích và rủi ro (chi phí và lợi nhuận từ mua, xử lý nợ sẽ được chia theo tỷ lệ của các bên) để thu hút nguồn vốn và kinh nghiệm định giá, xử lý các khoản nợ xấu mua theo giá trị thị trường; (ii) được tiếp nhận các nguồn vốn ủy thác của các nhà đầu tư để mua nợ theo giá trị thị trường; (iii) được sử dụng nguồn vốn từ các quỹ được trích lập theo quy định của pháp luật hoặc các công cụ tài chính theo quy định của pháp luật để huy động nguồn vốn cho việc mua bán nợ theo giá trị thị trường.

Tuy nhiên, để tiếp cận được các nguồn vốn hợp tác với các tổ chức tài chính quốc tế không hề đơn giản vì việc đánh giá nợ xấu ở Việt Nam chưa thực chất, trong khi quy chế pháp lý chưa đầy đủ và đồng bộ. Bên cạnh đó, với mục đích phi lợi nhuận sẽ rất khó để VAMC lôi kéo được nguồn vốn ủy thác của các nhà đầu tư. Trong khi các kênh huy động vốn này không mấy khả thi thì việc sử dụng nguồn vốn từ các quỹ được trích lập theo quy định của pháp luật hoặc các công cụ tài chính theo quy định của pháp luật để huy động nguồn vốn cũng không thể mang tới cho VAMC nguồn vốn thực đủ lớn để mua nợ xấu của các TCTD. Chính vì vậy, vốn điều lệ được cấp từ NSNN vẫn là nguồn vốn chính để VAMC mua nợ từ các TCTD.

Trong trường hợp này, thu hút nguồn vốn của các tổ chức tài chính quốc tế hoặc các nhà đầu tư trong và ngoài nước thông qua việc cổ phần hóa VAMC có thể là một giải pháp mang tính cách mạng. Những giá trị tích cực mà chúng ta có thể dễ dàng nhận thấy thông qua con đường này chính là huy động được nguồn vốn lớn của các tổ chức tài chính quốc tế hoặc các nhà đầu tư, qua đó nâng cao năng lực mua nợ xấu theo giá trị thị trường của VAMC trong khi giảm tải được những áp lực

lên NSNN. Ngoài ra, khi các tổ chức tài chính quốc tế hoặc các nhà đầu tư tham gia đầu tư vốn vào VAMC, chúng ta còn có cơ hội để tận dụng kinh nghiệm mua bán nợ xấu cũng như năng lực chuyên môn của các chủ thể này. Tuy nhiên, để đảm bảo vai trò điều tiết của Nhà nước, việc cổ phần hóa VAMC nên thực hiện theo các giai đoạn với mức chào bán cổ phần khác nhau nhưng vẫn giữ tỷ lệ cổ phần chi phối của Nhà nước trong VAMC.

4.2.5. Bãi bỏ quy định về vốn pháp định và tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ tại Nghị định số 69/2016/NĐ-CP

Nghị định số 69/2016/NĐ-CP quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2016, tuy nhiên, theo số liệu của NHNN và Tổng cục thống kê, đến hết năm 2017, chưa có Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ nào được thành lập⁴⁷. Thực tế này làm ảnh hưởng tiêu cực tới mục tiêu đa dạng hóa các chủ thể mua bán nợ xấu trên thị trường tiến tới hình thành thị trường mua bán nợ xấu ở Việt Nam trong thời gian tới. Nguyên nhân của hiện trạng này xuất phát trực tiếp từ những quy định có phần khắt khe của Nghị định 69/2016/NĐ-CP về mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng và các quy định về tiêu chuẩn, điều kiện đối với người quản lý của doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ.

Từ đây, để tạo điều kiện cho việc thành lập doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ cần bãi bỏ quy định về mức vốn điều lệ, vốn đầu tư tối thiểu là 100 tỷ đồng tại khoản 2 Điều 5 và khoản 2 Điều 7 Nghị định 69/2016/NĐ-CP. Đồng thời đưa ngành nghề kinh doanh dịch vụ mua bán nợ ra khỏi Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại mục số 36, Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư. Vì như đã phân tích, những quy định này không phù hợp và đi ngược lại với nguyên tắc xác định ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại khoản 1 và khoản 4 Điều 7 Luật Đầu tư

⁴⁷ Số liệu báo cáo năm 2017 của Tổng cục Thống kê

năm 2014, điều kiện đầu tư kinh doanh phải được quy định phù hợp với mục tiêu “*vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*”.

Bên cạnh đó, cần xem xét bỏ quy định tại Điều b, c khoản 3 Điều 5 Nghị định 69/2016/NĐ-CP về tiêu chuẩn, điều kiện của người quản lý doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ. Những điều kiện về “*có trình độ học vấn từ đại học trở lên thuộc một trong các ngành: Kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhận và là người quản lý hoặc có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán, pháp luật, định giá tài sản hoặc mua bán nợ*” không cần thiết, có thể gây khó cho quá trình thành lập mô hình doanh nghiệp này. Doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ mua bán nợ không phải là TCTD, hoạt động không ảnh hưởng lợi ích của cộng đồng nên không cần đặt ra những điều kiện đối với người quản lý như đối với TCTD.

4.2.6. Bãi bỏ quy định cho phép VAMC mua nợ xấu của tổ chức tín dụng theo giá trị sổ sách tại Nghị định số 53/2013/NĐ-CP

Thực tiễn hoạt động xử lý nợ xấu của các công ty quản lý tài sản tập trung ở các nước như Thái Lan, Indonesia, Malaysia, Hàn Quốc, Trung Quốc, cũng như thực tiễn của hoạt động này ở Việt Nam trong những năm qua cho thấy, việc mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách của nợ xấu chỉ có ý nghĩa trong giai đoạn đầu của quá trình xử lý nợ xấu. Ở đó, với mục tiêu trọng tâm được hướng tới là nhanh chóng đưa tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng về mức an toàn tối thiểu, giá mua bán nợ xấu được xác định theo giá trị sổ sách của nợ xấu giúp các công ty mua bán nợ tập trung ở các nước và VAMC ở Việt Nam nhanh chóng thu tóm nợ xấu của hệ thống ngân hàng về một mối.

Tuy nhiên, sau khi giai đoạn đầu kết thúc, để quan hệ mua bán nợ xấu đi vào thực chất, phản ánh đúng bản chất của thị trường, giá mua bán nợ xấu phải được xác định theo giá trị thị trường của nợ xấu. Vì vậy, giải pháp trọng tâm cần được Chính phủ và NHNN triển khai nhanh chóng trong giai đoạn hiện nay là ***bỏ phương pháp***

xác định giá mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách tại Nghị định 53/2013/NĐ-CP, từ đó buộc VAMC phải mua nợ xấu theo giá trị thị trường.

Để triển khai giải pháp này hiệu quả, Chính phủ và NHNN cần tập trung vào việc xây dựng phương pháp xác định giá trị thị trường hay giá trị phù hợp của nợ xấu, trong đó có tính tới giá trị thực tế, cũng như những rủi ro của khoản nợ xấu tại thời điểm mua bán. Tất nhiên, sẽ không thể xây dựng một công thức chung cho tất cả các quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD và bên mua nợ vì mỗi khoản nợ có tính chất rủi ro khác nhau. Vì vậy, việc triển khai xây dựng phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu có ý nghĩa chủ yếu trong việc định hướng các bên mua bán nợ xác định giá mua bán nợ xấu phù hợp.

Qua quá trình nghiên cứu hoạt động mua bán nợ xấu của các nước trong khu vực đã áp dụng trong thời kỳ nợ xấu của hệ thống ngân hàng tăng cao, có một số hình mẫu mà các cơ quan nhà nước có thẩm quyền có thể xem xét và áp dụng vào Việt Nam như ở Hàn Quốc, Thái Lan.

Ở Hàn Quốc, KAMCO mua các khoản nợ xấu của các ngân hàng dựa trên các tiêu chí nhất định, bằng nhiều phương pháp khác nhau. Vào thời gian đầu, việc định giá nợ xấu của KAMCO được thực hiện dựa trên khả năng mất vốn của các khoản nợ, theo các quy định về an toàn vốn. Vào giai đoạn sau, KAMCO tiến hành định giá nợ xấu dựa trên đặc điểm của từng khoản nợ. Tính trung bình, KAMCO trả 36% giá trị sổ sách các khoản nợ xấu công ty này mua (tức được chiết khấu 64%). Các khoản nợ xấu có thể chấp có giá trung bình bằng 67% giá trị sổ sách, còn các khoản nợ xấu không có thể chấp có giá trị trung bình khoảng 11% giá trị sổ sách. Xét tổng thể thì KAMCO đã định giá cao hơn mức giá trung bình trong giai đoạn đầu. Sau đó, việc định giá sát với thị trường hơn, kích thích các công ty mua bán nợ xấu tư nhân tham gia mạnh hơn vào quá trình này [13,43].

Những hành động quyết đoán của KAMCO trong giai đoạn đầu đã giúp các công ty mua bán nợ xấu tư nhân của Hàn Quốc mạnh dạn hơn tham gia vào thị trường. Nếu như năm 1997, toàn bộ giá trị các thương vụ mua bán nợ xấu tại Hàn Quốc đều do KAMCO tiến hành thì con số này giảm xuống còn 58,15% vào năm

1998 và 2,81% vào năm 2000. Chính nhờ sự tham gia của các công ty mua bán nợ xấu tư nhân mà nợ xấu của Hàn Quốc đã giảm mạnh từ 17% tổng dư nợ vào tháng 3 năm 1998 xuống còn 2,3% vào cuối năm 2002 [13,42].

Đối với Thái Lan, quan điểm xử lý nợ xấu của nước này rất khác biệt. Mặc dù cuộc khủng hoảng tài chính châu Á năm 1997 đã gây nhiều tác động nặng nề lên hệ thống tài chính ở Thái Lan, đặc biệt là khu vực ngân hàng. Nợ xấu của khu vực ngân hàng liên tục gia tăng, cuối năm 1997 đạt mức cao kỷ lục 46% trên tổng dư nợ tín dụng. Tuy nhiên, Chính phủ Thái Lan quyết tâm không sử dụng hoàn toàn ngân sách để giải quyết tình trạng này, đồng thời không coi đây là nhiệm vụ của riêng Nhà nước, ở đó các ngân hàng có thể đứng ngoài cuộc quan sát. Chính vì vậy, phải mãi tới năm 2001, TAMC mới được thành lập sau khi cơ chế mua bán nợ xấu phân tán thông qua vai trò các AMC tư nhân không hiệu quả. TAMC ra đời và tập trung mua các khoản nợ xấu của các ngân hàng thông qua việc đánh giá giá trị thực tế của khoản nợ xấu và giá trị tài sản bảo đảm với giá bán mua trung bình là 33,2% giá trị sổ sách của khoản nợ xấu. Cùng với những giải pháp xử lý nợ xấu sau khi mua hiệu quả, TAMC góp phần quan trọng đưa tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng Thái Lan giảm rõ rệt xuống 12,9% năm 2003, 10% năm 2004 và tiếp tục giảm dần ở mức ổn định qua các quý từ năm 2005 đến nay [106,24].

Những bài học kinh nghiệm từ việc xây dựng phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu của những nước như Hàn Quốc hay Thái Lan cho thấy, phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu theo giá trị thị trường cần được coi là phương pháp trọng tâm hiện nay. Phương pháp xác định giá nợ xấu theo giá trị sổ sách đã phát huy được vai trò trong thời kỳ đầu khi VAMC mua nợ xấu của các TCTD nhằm nhanh chóng đưa tỷ lệ nợ xấu của toàn hệ thống TCTD xuống mức an toàn. Tuy nhiên, khi nợ xấu đã được khống chế ở mức an toàn, cần thiết trả quan hệ mua bán nợ xấu giữa VAMC và các TCTD về quan hệ mua bán của kinh tế thị trường, ở đó, giá mua bán được xác định theo giá trị thị trường của khoản nợ xấu, tức là có tính tới giá trị thực tế của khoản nợ xấu dựa trên thẩm định giá trị tài sản bảo đảm và khả năng thu hồi tài sản của khoản nợ xấu.

4.2.7. Sửa đổi các quy định hạn chế của công cụ trái phiếu đặc biệt quy định tại Điều 21 Nghị định 34/2015/NĐ-CP và Khoản 9 Điều 1 Thông tư 14/2015/TT-NHNN

Để mua nợ xấu của các TCTD, VAMC có thể sử dụng một trong hai công cụ bao gồm phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt hoặc sử dụng tiền làm công cụ thanh toán. Mỗi công cụ thanh toán đều chứa đựng những điểm tích cực và hạn chế nhất định, mà tùy thuộc vào tình hình thực tế, VAMC sẽ lựa chọn công cụ thanh toán phù hợp nhất. Ở đó, với những điều kiện hiện có của cán cân thu chi NSNN những năm qua và năng lực tài chính hạn chế của VAMC, phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt làm công cụ thanh toán vẫn giữ vai trò nhất định trong các quan hệ mua bán nợ xấu của VAMC và các TCTD.

Trong các quan hệ mua bán nợ xấu giữa VAMC và các TCTD hiện nay, hầu hết các TCTD khi bán nợ xấu đều nhận được trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành. Như đã phân tích, công cụ trái phiếu đặc biệt mang đến những hạn chế rất lớn cho TCTD nắm giữ như không được phép chuyển nhượng, TCTD chỉ được sử dụng trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn tại NHNN dẫn đến tính thanh khoản của trái phiếu đặc biệt rất thấp... Những tồn tại này tác động tiêu cực tới tâm lý của TCTD khi quyết định bán nợ xấu cho VAMC. Vì vậy, để tăng sức hấp dẫn của công cụ này, đòi hỏi NHNN cần xem xét trao cho TCTD nắm giữ loại công cụ này những quyền hạn như:

- (i) TCTD sở hữu trái phiếu đặc biệt được quyền chuyển nhượng với NHNN hoặc với các TCTD;
- (ii) TCTD sở hữu trái phiếu đặc biệt không phải trích lập dự phòng rủi ro trong thời gian nắm giữ trái phiếu đặc biệt;
- (iii) TCTD được sử dụng trái phiếu đặc biệt để tham gia nghiệp vụ thị trường mở.

4.2.8. Bổ sung quy định về bảo lãnh của Chính phủ hoặc Ngân hàng Nhà nước đối với trái phiếu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành

Như đã phân tích ở trên, kể cả trong trường hợp pháp luật trao cho công cụ trái phiếu đặc biệt những quyền hạn như công cụ trái phiếu thì vẫn chưa đủ sức cuốn hút các TCTD bán nợ xấu cho VAMC. Bản thân các TCTD khi lựa chọn phương án bán nợ xấu thay vì tự xử lý bằng nghiệp vụ thu hồi nợ đồng nghĩa với việc chấp nhận công khai những thông tin “có tính bảo mật” liên quan đến khoản nợ xấu, vì vậy, lợi ích trực tiếp TCTD mong muốn đạt được là xóa hẳn nợ xấu khỏi bảng cân đối kế toán và được thanh toán bằng tiền. Tuy nhiên, theo quy định của pháp luật hiện hành, trong trường hợp VAMC không thu hồi được vốn từ khoản nợ xấu đã mua, TCTD có nghĩa vụ nhận lại nợ xấu và trả VAMC trái phiếu, trái phiếu đặc biệt.

Vì vậy, nếu trái phiếu, trái phiếu đặc biệt được Chính phủ hoặc NHNN bảo lãnh, lợi ích của TCTD sẽ được đảm bảo. Theo đó, trong trường hợp VAMC không thu hồi được vốn từ khoản nợ xấu đã mua hoặc thu hồi nhỏ hơn giá mua nợ xấu, TCTD thay vì nhận lại nợ xấu sẽ được mang trái phiếu, trái phiếu đặc biệt đề nghị Chính phủ hoặc NHNN thanh toán. Đây được coi là giải pháp quan trọng thúc đẩy các TCTD tích cực, chủ động bán nợ xấu cho VAMC, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả xử lý nợ xấu của VAMC trong giai đoạn hiện nay.

4.2.9. Bổ sung các trường hợp cho phép VAMC thanh toán bằng tiền khi mua nợ xấu của tổ chức tín dụng

Việc bổ sung các quy định cho phép VAMC thanh toán bằng tiền khi mua nợ xấu của TCTD có ý nghĩa hết sức quan trọng, một mặt đảm bảo sự phù hợp của quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD và VAMC theo quan hệ mua bán của kinh tế thị trường, tạo sự bình đẳng với các quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD bán nợ xấu và các bên mua nợ khác như TCTD, AMC, Công ty Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ, các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, đồng thời tác động trực tiếp tới tâm lý của các TCTD khi bán nợ xấu cho VAMC. Tuy nhiên, quy định chỉ có thể đưa vào thực tiễn khi quan hệ mua bán nợ xấu đảm bảo các yêu cầu sau đây:

Một là, việc thanh toán bằng tiền của VAMC cho các TCTD bán nợ phải gắn liền với phương pháp xác định giá nợ xấu theo giá trị thị trường, vì chỉ có phương pháp này mới đảm bảo giá mua bán nợ xấu phản ánh thực chất giá trị của nợ xấu, hạn chế những rủi ro cho VAMC, đồng thời không làm thất thoát nguồn vốn từ NSNN được cấp cho VAMC.

Hai là, việc thanh toán bằng tiền của VAMC cho các TCTD bán nợ chỉ được áp dụng khi VAMC tích lũy được nguồn vốn lớn từ hoạt động huy động vốn của các tổ chức tài chính quốc tế cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước, đặc biệt là nguồn vốn thu từ hoạt động xử lý nợ xấu đối với các khoản nợ xấu đã mua của TCTD. Với sự ra đời của Nghị quyết 42 của Quốc hội, hoạt động xử lý nợ xấu của VAMC thông qua việc xử lý tài sản bảo đảm hoặc trực tiếp bán đấu giá nợ xấu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu hứa hẹn tạo ra nguồn tiền lớn cho VAMC. Từ đó có ý nghĩa quan trọng trong việc thúc đẩy VAMC sử dụng nguồn vốn này để thanh toán cho các quan hệ mua bán nợ xấu với TCTD bán nợ, qua đó biến quan hệ mua bán này trở nên thực chất, phù hợp với yêu cầu của thị trường.

Kết luận chương 4

Thông qua những phân tích về thực trạng của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam ở chương 3 cho thấy, mặc dù bước đầu đã đạt được những thành công nhất định nhưng những quy định này vẫn bộc lộ nhiều điểm hạn chế, từ đó làm giảm hiệu quả trong quá trình mua bán nợ xấu của các chủ thể. Chính vì vậy, yêu cầu về việc hoàn thiện các quy định của pháp luật là đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Tuy nhiên, quá trình hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam cần tính tới những yêu cầu như (1) đảm bảo sự phù hợp các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; (2) bám sát và có tính định hướng phát triển thị trường mua bán nợ; (3) không gây áp lực lên NSNN; (4) đảm bảo sự độc lập trong việc điều hành chính sách tiền tệ quốc gia của NHNN; và (5) đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế và cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng. Chỉ khi đảm bảo những yêu cầu này, việc chỉnh sửa, bổ sung các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền mới thực sự phát huy hiệu quả trên thực tế.

Trên cơ sở đó, việc hoàn thiện pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cần tập trung vào những quy định sau đây:

Một là, minh bạch các thông tin về nợ xấu và chuẩn hóa quốc tế tiêu chí phân loại nợ xấu của các TCTD. Thực tiễn phân loại nợ xấu của các TCTD thời gian qua cho thấy, vẫn còn sự thiếu nhất quán trong việc áp dụng phương pháp phân loại nợ xấu giữa các TCTD, giữa NHNN và TCTD từ đó dẫn tới các thông tin về nợ xấu của các TCTD bị các tổ chức tài chính quốc tế đánh giá là thiếu khách quan, không phản ánh chính xác thực trạng nợ xấu trên hệ thống TCTD, dẫn tới giảm sức hút đối với các nhà đầu tư nước ngoài vào thị trường mua bán nợ xấu ở Việt Nam. Vì vậy, Chính phủ và NHNN cần trao quyền chủ động hơn nữa cho các TCTD trong việc phân loại nợ xấu theo các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời xây dựng cơ chế giám sát

chặt chẽ đối với hoạt động này của TCTD để đảm bảo các chỉ số về tỷ lệ nợ xấu được đưa ra là thực chất, khách quan.

Hai là, nâng cao hiệu quả mua bán nợ xấu của các chủ thể trên thị trường, thông qua việc đa dạng hóa các loại hình được tham gia mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, trong đó tập trung phát huy hơn nữa vai trò của các Công ty mua bán nợ chuyên nghiệp trực thuộc các TCTD (AMC), bên cạnh việc giảm dần vai trò của VAMC trên thị trường cùng với chiều hướng giảm dần của tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng.

Ba là, từng bước chuyển đổi phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách sang giá trị thị trường của nợ xấu để đảm bảo quan hệ mua bán nợ xấu giữa các chủ thể phù hợp với các quy luật của kinh tế thị trường. Với xu hướng giảm dần của tỷ lệ nợ xấu và vai trò của VAMC trên thị trường, việc điều chỉnh phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu sang giá trị thị trường có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Phương pháp này vừa đảm bảo sự bình đẳng của các chủ thể trong quan hệ mua bán nợ xấu, vừa thúc đẩy, khuyến khích các TCTD bán nợ xấu cho VAMC.

Bốn là, nâng cao tính thanh khoản của các loại công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa các TCTD bán nợ và VAMC, trong đó cần tính tới việc tháo gỡ những hạn chế liên quan tới quy định về công cụ trái phiếu đặc biệt, đồng thời Chính phủ và NHNN cần xem xét đến việc bảo lãnh cho công cụ trái phiếu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành nhằm tạo sự tin tưởng đối với TCTD khi bán nợ xấu cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước khi đưa ra quyết định mua bán nợ xấu của các TCTD. Bên cạnh đó, từng bước thay thế công cụ trái phiếu, trái phiếu đặc biệt bằng tiền để thanh toán cho các TCTD bán nợ xấu như quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD với các bên mua nợ khác cần được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tính tới khi VAMC tạo dựng được nguồn vốn lớn, ổn định từ các nguồn huy động của các nhà đầu tư, tổ chức tài chính quốc tế, đặc biệt là nguồn thu từ hoạt động xử lý nợ xấu sau khi đã mua lại của các TCTD.

KẾT LUẬN CHUNG

Trong hoạt động của các TCTD, nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay đối với khách hàng có xu hướng gia tăng trong những năm trở lại đây mặc dù các TCTD đã siết chặt các điều kiện cho vay và áp dụng các biện pháp ngăn ngừa rủi ro. Xu hướng tiêu cực này buộc các TCTD phải đẩy mạnh các giải pháp xử lý nợ xấu, trong đó, bán nợ xấu cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu được coi là giải pháp có tính khả thi nhất, từ đó hình thành quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD (giữ vai trò là bên bán nợ) với các tổ chức, cá nhân (giữ vai trò là bên mua nợ).

Thông qua quá trình nghiên cứu đề tài ***“Pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam”*** có thể rút ra những kết luận sau đây:

1. Mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là một bộ phận của quan hệ mua bán tài sản trong đời sống kinh tế. Tuy nhiên, khác với các quan hệ mua bán tài sản thông thường, đối tượng chuyển giao trong quan hệ mua bán nợ xấu là các khoản nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD. Từ đó, có thể hiểu *Mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là việc chuyển nhượng nợ xấu phát sinh từ hoạt động cho vay của các TCTD (vai trò là bên bán nợ) đối với khách hàng sang cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu mua nợ (vai trò là bên mua nợ) theo những phương thức mua, bán do các bên thỏa thuận trên cơ sở quy định của pháp luật.*

2. Với tính chất là bộ phận của quan hệ mua bán tài sản trong đời sống kinh tế nhưng có đối tượng chuyển giao đặc biệt, mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD chứa đựng những dấu hiệu đặc trưng cơ bản như đối tượng mua bán nợ là các khoản nợ xấu, một loại quyền tài sản, phát sinh trên cơ sở thực hiện hợp đồng tín dụng giữa TCTD và khách hàng, khi khách hàng không thể thanh toán được gốc và lãi khi đến hạn. Vì vậy, mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD được coi là một trong những giải pháp TCTD có thể sử dụng để nhanh chóng thu hồi vốn gốc và lãi, bên cạnh các giải pháp khác như tự mình xử lý tài sản bảo đảm, chứng khoán các khoản nợ.

3. Để xây dựng các quy định của pháp luật điều chỉnh quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD phù hợp với những đòi hỏi của thực tiễn cần thiết nghiên cứu và đánh giá những tác động của các yếu tố như kinh tế, chính trị, lợi ích và hội nhập, làm cơ sở xem xét sự hoàn thiện của pháp luật thực định và sự phù hợp khi áp dụng trên thực tiễn, một mặt mở rộng nghiên cứu các quy định của pháp luật điều chỉnh quan hệ mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở các quốc gia có điều kiện kinh tế, xã hội tương đồng với Việt Nam trên cơ sở đó làm bài học kinh nghiệm cho việc hoàn thiện pháp luật ở Việt Nam.

4. Pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD là một bộ phận của pháp luật ngân hàng nói riêng và pháp luật dân sự nói chung, vì vậy, nội dung chính của pháp luật bao gồm những quy định về đối tượng mua bán, chủ thể mua bán, phương thức mua bán, giá mua bán, công cụ thanh toán. Việc chỉ ra những nội dung cốt lõi của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD dưới góc độ lý luận có ý nghĩa quan trọng trong việc đánh giá mức độ hoàn thiện của pháp luật thực định, đồng thời là thước đo để đánh giá sự phù hợp của những quy định được cơ quan nhà nước có thẩm quyền ban hành.

5. Thông qua việc nghiên cứu các quy định của pháp luật Việt Nam hiện hành về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD có thể thấy rằng giả thuyết nghiên cứu thứ nhất đúng, điều này được thể hiện cụ thể ở những vấn đề sau:

Một là, việc phân loại và xếp hạng nợ xấu có sự tương thích với các chuẩn mực quốc tế, theo đó mốc thời gian 90 ngày, kể từ ngày khoản nợ đến hạn không được thanh toán là căn cứ quan trọng để xác định một khoản nợ là nợ xấu, nhưng không được áp dụng thống nhất giữa các TCTD từ đó tạo nên khó khăn cho việc đánh giá thực trạng nợ xấu trên thị trường ngân hàng.

Hai là, các chủ thể được pháp luật trao quyền tham gia mua bán nợ xấu của các TCTD rất đa dạng nhưng hiệu quả không đáp ứng được như kỳ vọng do những vướng mắc trong quy định của pháp luật. Hoạt động của VAMC còn thiếu linh hoạt, trong khi các AMC thuộc các TCTD hoạt động đơn lẻ, thiếu tính kết dính. Cùng với

đó, khả năng mời gọi các nhà đầu tư nước ngoài rất hạn chế do những thông tin về nợ xấu ở Việt Nam chưa thực sự minh bạch.

Ba là, phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu được quy định linh hoạt, phù hợp với tính chất của mỗi quan hệ và mục đích của các bên tham gia quan hệ mua bán. Theo đó, hai phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu gồm mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách và giá trị thị trường của nợ xấu được sử dụng đồng thời giữa các TCTD (giữ vai trò là bên bán nợ) với các bên mua nợ tương ứng và phù hợp. Việc vận dụng linh hoạt hai phương pháp này chứng tỏ quá trình xây dựng pháp luật ở Việt Nam đã có sự nghiên cứu và kế thừa kinh nghiệm của các nước. Tuy nhiên, việc sử dụng hai phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu cần được nghiên cứu và chỉnh sửa nhằm phù hợp với những diễn biến mới của tình trạng nợ xấu trên hệ thống ngân hàng giai đoạn hiện nay.

Bốn là, phương thức thỏa thuận giữ vai trò quan trọng trong việc xác lập quan hệ mua bán nợ xấu, đồng thời thúc đẩy quá chuyển “thu gom” nợ xấu từ TCTD về VAMC, qua đó góp phần đưa tỷ lệ nợ xấu của hệ thống ngân hàng nhanh chóng về mức an toàn tối thiểu. Tuy nhiên, khi tình trạng nợ xấu cơ bản được giải quyết, phương thức đấu giá cần được sử dụng song song với phương thức thỏa thuận, đặc biệt khi thị trường mua bán nợ xấu hình thành.

Năm là, việc phát hành trái phiếu, trái phiếu đặc biệt để thanh toán cho khoản nợ xấu mua của TCTD phù hợp với xu hướng chung trên thế giới và thực trạng ở Việt Nam nhưng bộc lộ nhiều hạn chế như không được bảo lãnh bởi Chính phủ hay NHNN khiến các TCTD không mặn mà. Công cụ thanh toán trực tiếp bằng tiền được TCTD kỳ vọng nhưng còn nhỏ lẻ, tuy nhiên đây cần được xem là nút thắt quan trọng cần tháo gỡ để giải quyết tận gốc vấn đề nợ xấu của hệ thống ngân hàng.

6. Mặc dù bước đầu đã đạt được những thành công nhất định nhưng những quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam vẫn bộc lộ nhiều điểm hạn chế, từ đó làm giảm hiệu quả trong quá trình mua bán nợ xấu của các chủ thể. Chính vì vậy, yêu cầu về việc hoàn thiện các quy định của pháp luật là đòi hỏi cấp thiết hiện nay. Tuy nhiên, quá trình hoàn thiện

pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam cần tính tới những yêu cầu như (1) đảm bảo sự phù hợp các quy định của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD với chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; (2) bám sát và có tính định hướng phát triển thị trường mua bán nợ; (3) không gây áp lực lên NSNN; (4) đảm bảo sự độc lập trong việc điều hành chính sách tiền tệ quốc gia của NHNN; và (5) đáp ứng các yêu cầu hội nhập quốc tế và cam kết của Việt Nam trong lĩnh vực ngân hàng.

7. Để nâng cao hiệu quả của pháp luật về mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD ở Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cần tập trung vào những quy định sau đây:

Một là, hiểu đúng bản chất của nợ xấu và chuẩn hóa quốc tế tiêu chí phân loại nợ xấu của các TCTD. Ở đó, phải phân biệt rõ sự khác nhau giữa nợ xấu (bad debt) và các khoản cho vay không hiệu quả (NPLs). Chính phủ và NHNN cần trao quyền chủ động hơn nữa cho các TCTD trong phân loại nợ xấu theo các tiêu chuẩn quốc tế, đồng thời xây dựng cơ chế giám sát chặt chẽ đối với hoạt động này của TCTD để đảm bảo các chỉ số về tỷ lệ nợ xấu được đưa ra là thực chất, khách quan.

Hai là, nâng cao hiệu quả mua bán nợ xấu của các chủ thể trên thị trường, thông qua việc đa dạng hóa các loại hình được tham gia mua bán nợ xấu từ hoạt động cho vay của các TCTD, trong đó tập trung phát huy hơn nữa vai trò của các Công ty mua bán nợ chuyên nghiệp trực thuộc các TCTD (AMC), bên cạnh việc giảm dần vai trò của VAMC trên thị trường cùng với chiều hướng giảm dần của tỷ lệ nợ xấu trong hệ thống ngân hàng.

Ba là, từng bước chuyển đổi phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu theo giá trị sổ sách sang giá trị thị trường của nợ xấu để đảm bảo quan hệ mua bán nợ xấu giữa các chủ thể phù hợp với các quy luật của kinh tế thị trường. Với xu hướng giảm dần của tỷ lệ nợ xấu và vai trò của VAMC trên thị trường, việc điều chỉnh phương pháp xác định giá mua bán nợ xấu sang giá trị thị trường có ý nghĩa thực tiễn to lớn. Phương pháp này vừa đảm bảo sự bình đẳng của các chủ thể trong quan hệ mua bán nợ xấu, vừa thúc đẩy, khuyến khích các TCTD bán nợ xấu cho VAMC.

Bốn là, nâng cao tính thanh khoản của các loại công cụ thanh toán trong quan hệ mua bán nợ xấu giữa các TCTD bán nợ và VAMC, trong đó cần tính tới việc tháo gỡ những hạn chế liên quan tới quy định về công cụ trái phiếu đặc biệt, đồng thời Chính phủ và NHNN cần xem xét đến việc bảo lãnh cho công cụ trái phiếu, trái phiếu đặc biệt do VAMC phát hành nhằm tạo sự tin tưởng đối với TCTD khi bán nợ xấu cũng như các nhà đầu tư trong và ngoài nước khi đưa ra quyết định mua bán nợ xấu của các TCTD. Bên cạnh đó, từng bước thay thế công cụ trái phiếu, trái phiếu đặc biệt bằng tiền để thanh toán cho các TCTD bán nợ xấu như quan hệ mua bán nợ xấu giữa TCTD với các bên mua nợ khác cần được các cơ quan nhà nước có thẩm quyền tính tới khi VAMC tạo dựng được nguồn vốn lớn, ổn định từ các nguồn huy động của các nhà đầu tư, tổ chức tài chính quốc tế, đặc biệt là nguồn thu từ hoạt động xử lý nợ xấu sau khi đã mua lại của các TCTD.

DANH MỤC CÔNG TRÌNH KHOA HỌC CỦA TÁC GIẢ
LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN

1. Hoàng Văn Thành (2013), “*Một số vấn đề pháp lý về hợp đồng mua bán nợ trong hoạt động ngân hàng*”, Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng, số 139, tr. 22-27.
2. Hoàng Văn Thành (2017), “*Nâng cao vai trò của bên mua nợ xấu hướng tới xây dựng thị trường mua bán nợ sơ cấp ở Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng, số 186, tr. 44-52.
3. Hoàng Văn Thành (2017), “*Một số vấn đề về cơ chế mua bán nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)*”, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 53, tr. 66-72.
4. Hoàng Văn Thành, Nguyễn Minh Hằng (2018), “*Pháp luật về phát hành trái phiếu và trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản để mua lại nợ xấu của các tổ chức tín dụng*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số tháng 4 (313), tr. 30-33.
5. Hoàng Văn Thành, Nguyễn Hải Yến (2018), “*Thực trạng pháp luật về xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng ở Việt Nam hiện nay và kiến nghị hoàn thiện*”, Tạp chí Luật học, Số 7/2018, tr.62-71.
6. Hoàng Văn Thành, Nguyễn Minh Hằng (2019), “*Giải pháp nào cho bài toán cơ cấu lại hệ thống ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu và đáp ứng các tiêu chuẩn của Basel II tới năm 2020*”, Tạp chí Nghề luật, số 5/2018, tr 38-43.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

A. Tài liệu trong nước

1. Lê Hoàng Anh (2015), “*Ảnh hưởng của các cú sốc kinh tế vĩ mô đến nợ xấu ở Việt Nam*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 16, tr.81-84.
2. Phan Thị Quỳnh Anh (2017), “*Giải pháp quản lý nợ xấu tại các ngân hàng thương mại*”, Tạp chí Tài chính, Tháng 4/2017 (655), tr. 39-40.
3. Bộ Tài chính (2017), *Thông tư số 53/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 5 năm 2017 hướng dẫn thi hành Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ*.
4. Hoàng Quỳnh Chi (2018), “*Những vấn đề cần lưu ý khi kiểm sát việc giải quyết các vụ án, vụ việc liên quan đến việc thí điểm xử lý nợ xấu theo Nghị quyết số 42/2017/QH14 của Quốc Hội*”, Tạp chí Kiểm sát, Số 7/2018, tr. 3 - 9.
5. Nguyễn Thị Diệu Chi (2014), “*Nợ xấu của hệ thống ngân hàng Việt Nam và giải pháp*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 23(583), tr.35-37.
6. Chính phủ (2012), *Nghị định số 53/2012/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam*
7. Chính phủ (2015), *Nghị định số 34/2015/NĐ-CP ngày 31 tháng 03 năm 2015 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam*.
8. Chính phủ (2016), *Nghị định số 18/2016/NĐ-CP ngày 18 tháng 3 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 53/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam*.
9. Chính phủ (2016), *Nghị định số 69/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ mua bán nợ*.
10. Chính phủ (2017), *Nghị định số 61/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2017 quy định chi tiết việc thẩm định giá khởi điểm của khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của*

khoản nợ xấu và việc thành lập Hội đồng đấu giá nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu đối với khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu có giá trị lớn.

11. Đào Ngọc Chuyên, Phạm Thị Ngát (2010), “*Một số khó khăn trong xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại*”, Tạp chí Ngân hàng, Số 18 (9/2010), tr. 49 - 51.
12. Cơ quan thanh tra giám sát ngân hàng (2015), *Số liệu nợ xấu tính đến hết năm 2015*.
13. Nguyễn Thị Thu Cúc (2015), “*Kinh nghiệm xử lý nợ xấu của Hàn Quốc và Thái Lan trong khủng hoảng tài chính – tiền tệ năm 1997*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 02 (586), tr.42-44.
14. Vũ Sỹ Cường (2014), “*Mua bán nợ xấu, tái cơ cấu doanh nghiệp: Nhìn từ thực trạng thị trường đến vai trò của DATC*”, Tạp chí Tài chính, số 9 (599), tr.46-49.
15. Nguyễn Trọng Du (2015), *Xử lý nợ xấu - Kinh nghiệm quốc tế và bài học cho Việt Nam*”, Tạp chí Ngân hàng, số chuyên đề, tr.144-154.
16. Mỹ Dung (2004), “*Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp: Công cụ xử lý nợ của doanh nghiệp*”, Tạp chí Tài chính, số 3, tr.20-27.
17. Lê Trọng Dũng (2015), “*Khoảng trống của pháp luật Việt Nam về mua bán nợ*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật, Số 8/2015, tr. 56 - 64.
18. Hoàng Thị Duyên (2016), “*Bàn về hiệu quả xử lý nợ xấu ngân hàng*”, Tạp chí Tài Chính, Số 638, tr. 95-97.
19. Đảng Cộng sản Việt Nam (2005), *Văn kiện Đảng thời kỳ đổi mới (Đại hội VI, VII, VIII, IX): Về phát triển kinh tế, xã hội*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
20. Nguyễn Tiến Đông (2015), “*Kinh nghiệm xử lý nợ xấu ở một số nước và bài học đối với Việt Nam*”, Tạp chí Ngân hàng, số chuyên đề, tr.129-133.
21. Nguyễn Xuân Điền (2016), “*Có nên dùng ngân sách nhà nước để xử lý nợ xấu?*”, Tạp chí Tài chính, Tháng 10/2016, Kỳ 2, tr. 15-17.
22. Bùi Đức Giang (2013), “*Pháp luật về xử lý tài sản bảo đảm là quyền đòi nợ*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật. Số 5/2013, tr. 43 – 49.
23. Trương Thị Đức Giang (2014), “*Quản lý nợ xấu từ hai cuộc khủng hoảng 1997 và 1998 của một số quốc gia: Bài học cho các Ngân hàng thương mại Việt Nam*”, Tạp chí Kinh tế Châu Á – Thái Bình Dương, số 417, tr.40-42.

24. Võ Thanh Hà (2016), “*Bàn về tái cơ cấu doanh nghiệp qua phương thức mua bán nợ*”, Tạp chí Tài chính, tháng 6 (635), tr.31-32.
25. Trần Thị Hồng Hạnh (2015), “*Xử lý nợ xấu từ góc độ tranh tụng pháp lý*”, Tạp chí Ngân hàng, số chuyên đề, tr.46-54.
26. Nguyễn Minh Hằng, Hoàng Văn Thành (2018) “*Pháp luật về phát hành trái phiếu và trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản để mua lại nợ xấu của các tổ chức tín dụng*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số tháng 4 (313) năm 2018, tr 30 - 33.
27. Nguyễn Minh Hằng, Hoàng Văn Thành (2018), “*Giải pháp nào cho bài toán cơ cấu lại hệ thống ngân hàng gắn với xử lý nợ xấu và đáp ứng các tiêu chuẩn của Basel II tới năm 2020*”, Tạp chí Nghề luật, số 5/2018, tr 38-43
28. Nguyễn Thị Thu Hằng (2013), “*Nợ xấu ngân hàng Việt Nam: Một năm nhìn lại*”, Tạp chí Ngân hàng, số 6, năm 2013, tr. 20-26.
29. Trọng Hiếu (2014), “*Mua bán nợ, ngại nhất rủi ro chính sách*”, Tạp chí Đầu tư và Chứng khoán, số 8 (1416), tr.20-21.
30. Hoàng Xuân Hòa, Trần Kim Anh (2013), “*Vấn đề nợ xấu và một số giải pháp*”, Tạp chí Ngân hàng, số 4 (2013), tr. 23-26.
31. Cảnh Chí Hoàng (2017), “*Bàn thêm về một số giải pháp xử lý nợ xấu trong bối cảnh hiện nay*”, Tạp chí Tài chính, Tháng 7/2017 (Số 660), tr. 71-72
32. Đào Duy Huân (2013), “*Hiện trạng thị trường mua bán nợ Việt Nam và chính sách phát triển*”, Tạp chí Phát triển và Hội nhập, số 8(18), tr. 21-26.
33. Nguyễn Mạnh Hùng (2014), “*Xử lý nợ xấu các tổ chức tín dụng và một số khuyến nghị*”, Tạp chí Ngân hàng, số 16, tr.13-16.
34. Hoàng Thị Thanh Huyền (2015), “*Nút thắt trong xử lý nợ xấu của các ngân hàng thương mại Việt Nam*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 02 (586), tr.22-24.
35. Nguyễn Đắc Hưng, “*Giải pháp xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam hiện nay*”, Tạp chí Cộng sản, số 2/2015, tr. 65-70.
36. Tô Ngọc Hưng (2015), “*Ngành ngân hàng với nhiệm vụ xử lý nợ xấu: Nhìn lại giai đoạn 2011-2014 và một số khuyến nghị*”, Tạp chí Ngân hàng, số 3+4, tr.29-38.
37. Trần Thị Lan Hương (2014), “*Giải pháp xử lý nợ xấu của một số nước và bài học cho Việt Nam*”, Tạp chí Tài chính, số 11 (601), tr.60-61.

38. Đào Thị Hồ Hương (2013), “*Bàn về hướng xử lý nợ xấu của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam*”, Tạp chí Ngân hàng, số 4, năm 2013, tr. 32-35.
39. Đỗ Thị Ngọc Lan (2016), “*Thị trường mua - bán nợ xấu tại Hàn Quốc và một số đề xuất đối với Việt Nam*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 3, tr.77-79.
40. Nguyễn Hoàng Long (2016), “*Tìm lời giải cho bài toán nợ xấu của ngân hàng*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 8, tr.27-29.
41. Lã Thị Phương Mai (2015), “*Đề xuất thêm giải pháp xử lý nợ xấu tại các ngân hàng thương mại Việt Nam*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 17, tr.43-35.
42. Nguyễn Danh Nam (2015), “*Gỡ rối pháp lý trong giải quyết nợ xấu*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 13, tr.4-6.
43. Đoàn Thị Hồng Nga (2015), “*Nợ xấu trong hệ thống ngân hàng thương mại: Thực trạng và giải pháp xử lý*”, Tạp chí Tài chính, số 613, tr.30-31.
44. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (1999), *Quyết định số 140/1999/QĐ-NHNN ngày 19 tháng 4 năm 1999 ban hành Quy chế mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng.*
45. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2005), *Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 ban hành Quy định về việc phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro tín dụng trong hoạt động ngân hàng của tổ chức tín dụng.*
46. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2006), *Quyết định số 59/2006/QĐ-NHNN ngày 21 tháng 12 năm 2006 ban hành Quy chế mua, bán nợ của các tổ chức tín dụng.*
47. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2013), *Thông tư số 02/2013/TT-NHNN ngày 21 tháng 01 năm 2013 quy định về phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.*
48. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2013), *Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.*
49. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2013), *Thông tư số 20/2013/TT-NHNN ngày 9 tháng 9 năm 2013 quy định về cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.*

50. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2015), *Thông tư số 09/2015/TT-NHNN ngày 17 tháng 7 năm 2015 quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*.
51. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2015), *Thông tư số 14/2015/TT-NHNN ngày 28 tháng 08 năm 2015 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam*.
52. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), *Quyết định số 618/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 4 năm 2016 về việc xây dựng và triển khai phương án mua nợ theo giá trị thị trường của Công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam*.
53. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), *Thông tư số 08/2016/TT-NHNN ngày 16 tháng 06 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam*.
54. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2017), *Thông tư số 09/2017/TT-NHNN ngày 14 tháng 8 năm 2017 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 9 năm 2013 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam*.
55. Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2018), *Thông tư số 13/2018/TT-NHNN ngày 18 tháng 05 năm 2018 quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài*.
56. Khúc Thị Phương Nhung (2018), “*Hợp đồng mua, bán nợ của tổ chức tín dụng theo pháp luật Việt Nam hiện hành - Một số vướng mắc, bất cập và đề xuất, kiến nghị*”, Tạp chí Khoa học Kiểm sát, Số 3/2018, tr. 38 - 42.
57. Trần Thị Kim Oanh (2014), “*Giải pháp phát triển thị trường mua – bán nợ*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 18, tr.18-20.

58. Dương Hồng Phương (2015), “*Nợ xấu và hướng kiểm soát xử lý trong ngành ngân hàng Việt Nam*”, Tạp chí Ngân hàng, số 13, tr.11-15.
59. Hà Thị Thu Phương (2017), “*Chính sách mới xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng*”, Tạp chí Tài chính, Tháng 8/2017, Số 663, tr. 41-42
60. Nguyễn Hoài Phương (2016), “*Nợ xấu và mô hình xử lý nợ xấu của ngân hàng thương mại ở Việt Nam*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 3/2016, tr. 26-30.
61. Nguyễn Hoài Phương (2016), “*Một số giải pháp xử lý nợ xấu trong hệ thống ngân hàng thương mại tại Việt Nam*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 9/2016, tr.33 - 36.
62. Nguyễn Thị Hoài Phương (2012), luận án tiến sĩ kinh tế “*Quản lý nợ xấu tại ngân hàng thương mại Việt Nam*”, Trường Đại học Kinh tế quốc dân, năm 2012.
63. Quốc hội (2010), *Luật các Tổ chức tín dụng*.
64. Quốc hội (2015), *Bộ luật Dân sự*.
65. Quốc hội (2016), *Luật Đấu giá tài sản*.
66. Quốc hội (2017), *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật các Tổ chức tín dụng*.
67. Quốc hội (2017), *Nghị Quyết số 42/2017/NQ/QH14 về thí điểm xử lý nợ xấu của các tổ chức tín dụng*.
68. Đỗ Thị Thu Quỳnh (2014), “*Bàn thêm về các giải pháp xử lý nợ xấu*”, Tạp chí Tài chính, số 11 (601), tr.55-56.
69. Lê Thanh Tâm (2015), “*Xử lý nợ xấu theo mô hình công ty quản lý tài sản: Từ kinh nghiệm quốc tế tới thực tiễn tại Việt Nam*”, Tạp chí Ngân hàng, số 19, tr.15-21.
70. Hoàng Văn Thành (2013), “*Một số vấn đề pháp lý về hợp đồng mua bán nợ trong hoạt động ngân hàng*”, Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng, số 139, tr. 22-27.
71. Hoàng Văn Thành (2017), “*Nâng cao vai trò của bên mua nợ xấu hướng tới xây dựng thị trường mua bán nợ sơ cấp ở Việt Nam*”, Tạp chí Khoa học và Đào tạo ngân hàng, số 186, tr. 44-52.
72. Hoàng Văn Thành (2017), “*Một số vấn đề về cơ chế mua bán nợ xấu của công ty quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (VAMC)*”, Tạp chí Nhân lực khoa học xã hội, số 53, tr. 66-72.

73. Hoàng Văn Thành, Nguyễn Hải Yến (2018), “*Thực trạng pháp luật về xử lý nợ xấu của tổ chức tín dụng ở Việt Nam hiện nay và kiến nghị hoàn thiện*”, Tạp chí Luật học, Số 7/2018, tr.62-71.
74. Phan Thị Hồng Thảo (2014), “*Nợ xấu: Nhìn từ khía cạnh thông tin bất cân xứng*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 7 (567), tr.18-20.
75. Kiều Hữu Thiện (2015), “*Thực trạng hoạt động của VAMC và những vấn đề đặt ra*”, Tạp chí Ngân hàng, số 2, tr.2-5.
76. Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Thị Hương Thanh (2014), “*Thị trường mua bán nợ - Góc nhìn từ lý thuyết cung cầu*”, Tạp chí Ngân hàng, Số 4/2014, tr. 17 - 22, 30
77. Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), *Quyết định số 618/QĐ-NHNN ngày 12 tháng 4 năm 2016 về việc xây dựng và triển khai Phương án mua nợ xấu theo giá trị thị trường của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam*.
78. Phạm Thị Giang Thu (2016), “*Một số ý kiến về Dự thảo Nghị định quy định điều kiện kinh doanh mua bán nợ*”, Tạp chí Nhà nước và Pháp luật. Số 4/2016, tr. 81- 84.
79. Nguyễn Thị Thu Thu (2014), “*Hoạt động mua bán nợ của VAMC thời gian qua – Thực trạng và kiến nghị*”, Tạp chí Ngân hàng, số 18, tr.28-31.
80. Thủ tướng Chính phủ (2012), *Quyết định số 254/QĐ-TTg ngày 01 tháng 03 năm 2012 về việc ban hành Đề án cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng giai đoạn 2011 – 2015*.
81. Thủ tướng Chính phủ (2017), *Quyết định số 1058/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2017 Phê duyệt Đề án: “Cơ cấu lại hệ thống các tổ chức tín dụng gắn với xử lý nợ xấu giai đoạn 2016 – 2020”*.
82. Trần Thị Ngọc Thúy (2015), “*Xử lý nợ xấu tại các tổ chức tín dụng và những vấn đề đặt ra*”, Tạp chí Tài chính, số 3 (605), tr.83-84.
83. Đỗ Thị Thủy (2016), “*Gỡ vướng cho hoạt động mua, bán nợ*”, Tạp chí Tài chính, tháng 5/2016, kỳ 2, tr.125-126.
84. Lê Thị Thu Thủy và Đỗ Minh Tuấn (2015), “*Nợ xấu ngân hàng dưới khía cạnh pháp lý*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, số 11/2015, tr. 36-41.

85. Phạm Mạnh Thường (2006), “*Xử lý nợ tồn đọng thúc đẩy cổ phần hóa: yêu cầu đổi mới Công ty mua bán nợ và tài sản tồn đọng của doanh nghiệp*”, Tạp chí Tài chính, số 12, tr.27-29.
86. Đào Minh Tú (2018), “*Hàn Quốc: Kinh nghiệm cơ cấu lại ngân hàng và xử lý nợ xấu*”, Tạp chí Cộng sản, số 2/2018, tr. 101-106
87. Nguyễn Thị Thanh Tú, Nguyễn Hồng Nhung (2013), “*Nợ xấu của các tổ chức tín dụng ở Việt Nam: nguyên nhân và một số giải pháp*”, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, Số 3+4 (372+373) , tr. 49-54.
88. Nguyễn Thị Tú, “*Pháp luật về mua bán nợ xấu của ngân hàng thương mại ở Việt Nam*”, Luận văn thạc sĩ luật học, Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2013
89. Lê Thanh Tùng (2013), “*Giải quyết nợ xấu bằng hoạt động mua bán nợ: một số kinh nghiệm châu Á giai đoạn 1998-2004*”, Tạp chí Thị trường tài chính tiền tệ, Số 3+4 (372+373).
90. Nguyễn Thị Lương Trà (2017), “*Đấu giá nợ xấu, tài sản bảo đảm nợ xấu của công ty quản lý tài sản thuộc các tổ chức tín dụng Việt Nam*”, Tạp chí Dân chủ và Pháp luật, Số chuyên đề Thi hành Luật Đấu giá tài sản, tr. 79 – 89.
91. Chu Thị Minh Trí (2015), “*Xử lý nợ xấu trong quá trình cơ cấu lại các tổ chức tín dụng*”, Tạp chí Kinh tế và Dự báo, số 02 (586), tr.16-18.
92. Nhật Trung (2015), “*Xử lý nợ xấu ngân hàng – Kinh nghiệm của Ai-len và một số quốc gia khác*”, Tạp chí Ngân hàng, số chuyên đề, tr.164-171.
93. Đoàn Thái Sơn (2015), “*Những thay đổi cơ bản của cơ chế mua bán, xử lý nợ xấu của VAMC theo Nghị định 34/2015/NĐ-CP*”, Tạp chí Ngân hàng, số 7, tr.22-24.
94. VAMC (2018), Nhìn lại 5 năm phát triển của VAMC
<https://sbvamc.vn/index.php?f=news&do=detail&id=1172>
95. Đinh Thị Thanh Vân (2012), “*So sánh nợ xấu, phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng của Việt Nam và thông lệ quốc tế*”, Tạp chí Ngân hàng, số 19, tháng 10/2012, tr. 5-12.

96. Đinh Thị Thanh Vân (2015), “*So sánh kinh nghiệm xử lý nợ xấu của các ngân hàng châu Á và bài học cho hệ thống ngân hàng Việt Nam*”, Tạp chí Ngân hàng, số chuyên đề, tr.155-163.
97. Thùy Vinh (2014), “*Nhiều ngân hàng kỳ vọng quá nhiều vào bán nợ xấu cho VAMC*”, Tạp chí Đầu tư chứng khoán, số 61 (1469), tr.23.

B. Tài liệu nước ngoài

98. ACAF (2010), ACAP Advisory Public Company Limited Annual Registration Statement
99. Basel Committee on Banking Supervision 2002:
<https://www.bis.org/bcbs/index.htm?m=3%7C14>
100. David Woo (2000), “*Two approaches to resolving nonperforming assets during financial crises*”, IMF working paper, WP/00/33.
101. Guonan Ma and Ben S C Fung (2002), “*China’s asset management corporations*”, BIS Working Papers, No 115.
102. IMF’s Compilation Guide on Financial Soundness Indicators, 2004
103. Jessica Petersson and Isac Wadman, “*Non Performing Loans - The markets of Italy and Sweden*”, Uppsala University, Sweden, 2004.
104. Korean Presidential (1997), *Decree No. 15511 on establishment Korea asset management corporation*, Nov. 19, 1997.
105. LI Jiangfeng: “*Non-Performing Loans and Asset Management Companies in China: Legal and Regulatory Challenges for Achieving Effective Debt Resolution and Recovery*”, Peking University School of Transnational Law, 2013.
106. Masahiro Inoguchi: “*Nonperforming loans and public asset management companies in Malaysia and Thailand*”, No. 398, 2012.
107. Mwanza Nkusu (2010), “*Nonperforming Loans and Macroeconomic Vulnerabilities in Advanced Economies*”, IMF working paper, WP/11/161
108. Raphael Espinoza, Ananthakrishnan Prasad (2010), “*Nonperforming Loans in the GCC Banking System and their Macroeconomic Effects*”, IMF working paper, WP/10/224.

109. Royal Command of His Majesty King Bhumibhol Adulyadej (1997), *Emergency Decree on the Asset Management Company*, B.E. 2540 (1997), Oct. 22, 1997.
110. Royal Command of His Majesty King Bhumibhol Adulyadej (1998), *Emergency Decree on the Asset Management Company*, B.E. 2541 (1998), Aug. 22, 1998.
111. Shekhar Aiyar, Wolfgang Bergthaler, Jose M. Garrido, Anna Ilyina, Andreas Jobst, Kenneth Kang, Dmitriy Kovtun, Yan Liu, Dermot Monaghan, and Marina Moretti: "*A Strategy for Resolving Europe's Problem Loans*", IMF, 2015.
112. SOČUVKOVÁ, ALŽBETA (2012): "*Nonperforming Loans in China: Do We (Still) Need to Worry?*" Master thesis. Charles University in Prague, Faculty of Social Sciences, Institute of Economic Studies, 2012, 101 pages, Supervisor: PhDr. Adam Geršl, Ph.D.

PHỤ LỤC

Phụ lục số 01

Bảng tổng hợp thông tin nợ xấu của các ngân hàng⁴⁸

Đvt: tỉ đồng

STT	Ngân hàng	Tỷ lệ nợ xấu		Cho vay KH			Nợ xấu		
		30/9/2018	31/12/2017	30/9/2018	31/12/2017	% +/-	30/9/2018	31/12/2017	% +/-
1	SCB	0,52%	0,45%	301.009	266.501	12,9%	1.551	1.191	30,2%
2	Bac A Bank	0,71%	0,63%	60.978	55.488	9,9%	431	352	22,7%
3	Nam A Bank	0,80%	1,95%	45.386	36.346	24,9%	365	708	-48,5%
4	ACB	0,84%	0,70%	220.939	198.513	11,3%	1.850	1.390	33,1%
5	Kienlongbank	1,02%	0,84%	27.405	24.686	11,0%	278	207	34,3%
6	Vietcombank	1,18%	1,14%	627.951	543.434	15,6%	7.424	6.209	19,6%
7	LienVietPostBank	1,32%	1,07%	115.195	100.621	14,5%	1.524	1.074	41,9%
8	SeABank	1,36%	1,57%	77.461	70.526	9,8%	1.051	1.109	-5,2%
9	VietinBank	1,36%	1,14%	891.617	790.688	12,8%	12.127	9.011	34,6%
10	HDBank	1,50%	1,52%	120.893	104.497	15,7%	1.812	1.583	14,4%
11	MBBank	1,57%	1,20%	204.885	184.188	11,2%	3.218	2.218	45,1%
12	VietBank	1,68%	1,35%	32.330	28.713	12,6%	544	387	40,4%
13	BIDV	1,76%	1,62%	968.752	866.885	11,8%	17.042	14.064	21,2%
14	NCB	1,95%	1,17%	34.773	32.111	8,3%	678	376	80,2%
15	Techcombank	2,05%	1,61%	166.939	160.849	3,8%	3.428	2.584	32,7%
16	Eximbank	2,07%	2,27%	98.577	101.324	-2,7%	2.038	2.298	-11,3%
17	Maritime Bank	2,49%	2,23%	39.981	36.213	10,4%	994	806	23,3%
18	VIB	2,50%	2,49%	90.748	79.864	13,6%	2.272	1.987	14,4%
19	OCB	2,66%	1,79%	53.716	48.183	11,5%	1.428	865	65,2%
20	SHB	2,75%	2,33%	197.030	198.291	-0,6%	5.422	4.624	17,3%
21	PG Bank	4,49%	3,23%	21.101	21.421	-1,5%	947	691	37,1%
22	VPBank	4,70%	3,39%	200.075	182.666	9,5%	9.401	6.200	51,6%
Tổng		1,65%	1,45%	4.597.742	4.132.008	11,3%	75.826	59.934	26,5%

⁴⁸ Nguồn: DB tổng hợp

DECREE ON THE ACT ON THE EFFICIENT DISPOSAL OF NON-PERFORMING ASSETS, ETC. OF FINANCIAL INSTITUTIONS AND THE ESTABLISHMENT OF KOREA ASSET MANAGEMENT CORPORATION

Presidential Decree No. 15511, Nov. 19, 1997
Amended by Presidential Decree No. 15761, Apr. 1, 1998
Presidential Decree No. 16234, Apr. 9, 1999
Presidential Decree No. 16476, Jul. 23, 1999
Presidential Decree No. 16604, Nov. 27, 1999
Presidential Decree No. 16709, Feb. 14, 2000
Presidential Decree No. 16757, Mar. 24, 2000
Presidential Decree No. 16821, May 29, 2000
Presidential Decree No. 17791, Dec. 5, 2002
Presidential Decree No. 17816, Dec. 26, 2002
Presidential Decree No. 19299, Jan. 27, 2006
Presidential Decree No. 20653, Feb. 29, 2008

Article 1 (Purpose)

The purpose of this Decree is to provide for matters delegated by the Act on the Efficient Disposal of Non-Performing Assets, etc. of Financial Institutions and the Establishment of Korea Asset Management Corporation and necessary matters concerning the enforcement thereof. *<Amended by Presidential Decree No. 16709, Feb. 14, 2000; Presidential Decree No. 19299, Jan. 27, 2006>*

Article 2 (Scope of Institutions Conducting Financial Business)

“Such other institutions as prescribed by Presidential Decree from among those conducting financial businesses under other Acts” as mentioned in item (i) of subparagraph 1 of Article 2 of the Act on the Efficient Disposal of Non-Performing Assets, etc. of Financial Institutions and the Establishment of Korea Asset Management Corporation (hereinafter referred to as the “Act”) means any of the following: *<Amended by Presidential Decree No. 15761, Apr. 1, 1998; Presidential Decree No. 16234, Apr. 9, 1999; Presidential Decree No. 16476, Jul. 23, 1999; Presidential Decree No. 16604, Nov. 27, 1999; Presidential Decree No. 16709, Feb. 14, 2000; Presidential Decree No. 16757, Mar. 24, 2000; Presidential Decree No. 16821, May 29, 2000; Presidential Decree No. 17791, Dec. 5, 2002; Presidential Decree No. 19299, Jan. 27, 2006; Presidential Decree No. 20653, Feb. 29, 2008>*

1. Cooperatives under the Act on Agricultural Cooperatives;
2. Fisheries cooperatives under the Act on Fisheries Cooperatives;
3. Deleted; *<Presidential Decree No. 16757, Mar. 24, 2000>*
4. Branch offices or agencies of foreign financial institutions authorized under Article 58 (1) of the Banking Act;
5. Insurance companies under the Insurance Business Act;

⁴⁹ Trích Nghị định số 15511, ngày 19/11/1997

6. Mutual savings banks under the Act on Mutual Savings Banks;
7. Deleted; <Presidential Decree No. 16476, Jul. 23, 1999>
8. Merchant banks under the Merchant Banks Act;
9. Credit cooperatives and the federation thereof under the Credit Cooperatives Act;
10. Securities companies under the Securities and Exchange Act;
11. Credit guarantee funds established under the Credit Guarantee Fund Act;
12. Specialized credit financial business companies licensed or registered under the Specialized Credit Financial Business Act;
13. Korea Technology Credit Guarantee Fund under the Korea Technology Credit Guarantee Fund Act;
14. Deleted; <Presidential Decree No. 16234, Apr. 9, 1999>
15. Small and medium start-up investment companies under the Support for Small and Medium Enterprise Establishment Act;
16. Community credit cooperatives under the Community Credit Cooperatives Act;
17. Asset management companies and private equity funds under the Indirect Investment Asset Management Business Act;
18. Companies established by financial institutions in items (a) through (h) of subparagraph 1 of Article 2 of the Act to acquire or liquidate bonds, which are deemed by the Financial Services Commission necessary to take over the bonds held by a concerned company for efficient liquidation of non-performing loans;
19. Financial institutions for liquidation under Article 36-3 of the Depositor Protection Act;
20. Local-level credit guarantee foundations under the Local-Level Credit Guarantee Foundation Act;
21. Forestry cooperatives and the federation thereof under the Forestry Cooperatives Act;
22. Korea Housing Finance Corporation under the Korea Housing Finance Corporation Act;
23. Small Business Corporation under the Promotion of Small and Medium Enterprises and Encouragement of Purchase of Their Products Act;
24. Small and medium enterprise cooperatives and the federation thereof under the Small and Medium Enterprise Cooperatives Act;
25. Korea Housing Guarantee Co., Ltd. under the Housing Act;

26. Construction Mutual-Aid Association, Specialized Construction Mutual-Aid Association and Plant and Mechanical Contractors Financial Cooperative of Korea under the Framework Act on the Construction Industry;
27. Special purpose companies under the Asset-Backed Securitization Act; and
28. Specialized restructuring companies and corporate restructuring associations under the Industrial Development Act.

Article 2-2 (Scope of Non-Performing Loans)

“Other equivalent loans as prescribed by Presidential Decree” as mentioned in subparagraph 2 of Article 2 of the Act mean loans in the following subparagraphs: *<Amended by Presidential Decree No. 20653, Feb. 29, 2008>*

1. Loans for which an allowance for bad debts is to be established under the conditions prescribed by the Financial Services Commission; and
2. Other loans deemed particularly necessary to the improve liquidity and soundness of financial institutions which are recognized by the Manageme Committee established under Article 14 of the Act.
(hereinafter referred to as the “Committee”)

[This Article Newly Inserted by Presidential Decree No. 16476, Jul. 23, 1999]

Emergency Decree on the Asset Management Corporation, B.E. 2540 (1997)

Principle

To enact a law on the Asset Management Corporation.

Rationale

Whereas it is deemed that in order to resolve the crisis in the financial system and to rehabilitate some troubled financial institutions by establishing a state agency which is responsible for the systematic implementation of such measures in accordance with international practice, it is necessary to establish an Asset Management Corporation to administer impaired assets of such financial institutions, as part of the financial sector restructuring program.

And whereas this is a situation which must be urgently addressed in order to preserve the economic stability of the country.

Now therefore, this emergency decree is enacted.

BHUMIBHOL ADULYADEJ, REX.

Given on the 22nd day of October B.E. 2540;

Being the 52nd Year of the Present Reign

By Royal Command of His Majesty King Bhumibhol Adulyadej, it is hereby proclaimed that:

Whereas it is deemed appropriate to enact an Emergency Decree on the Asset Management Corporation;

Be it, therefore, enacted by His Majesty the King, by virtue of Section 218 of the Constitution of the Kingdom of Thailand, as follows:

Section 1

This Emergency Decree shall be called the “Emergency Decree on the Asset Management Corporation, B.E. 2540 (1997)”.

Section 2

This Emergency Decree shall come into force on and from the day following the date of its publication in the Government Gazette.

...

Section 9

The capital of the Corporation shall be set at ten million shares, valued at one hundred Baht per share, totaling a capital of 1,000 million Baht. Such initial capital shall be subscribed by the Government and the Ministry of Finance shall be the shareholder.

Section 10

In the case where the Corporation incurs losses causing its capital fund to be lower than ten percent of total assets, the Corporation shall undertake a capital increase.

The capital increase of the Corporation shall be raised by the issuance of new shares, with the approval of the Cabinet.

The Corporation shall offer to the public or to any other persons to subscribe to the shares under the second paragraph according to the time frame, procedures and amount prescribed by the Corporation. The Corporation shall arrange the issuance of such shares.

Section 11

Money used as working capital shall comprise:

- (1) capital funds of the Corporation;
- (2) funds borrowed from domestic and international markets;
- (3) income of the Corporation; and
- (4) funds donated.

...

Section 21

In purchasing or receiving transfer of assets of Financial Institutions, the Corporation may arrange to have valuation appraisal by juristic persons who are independent valuers or professional financial advisors. In this connection, due consideration shall be paid to future cash flow and the purchase or transfer value must not be higher than the market or central appraisal value.

...

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CHẤP THUẬN HOẠT ĐỘNG MUA NỢ

Kính gửi: Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng
Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam số 46/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/6/2010;
Căn cứ Thông tư số 09 /2015/TT-NHNN của Thống đốc Ngân hàng nước quy định về hoạt động mua, bán nợ của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
Căn cứ Nghị quyết số ... ngày ... của Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên của tổ chức tín dụng (tên)... về việc thông qua đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ (đối với tổ chức tín dụng);
Căn cứ văn bản của ngân hàng mẹ (tên)... do người đại diện hợp pháp ký đồng ý đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ (đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài);
Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên)... đề nghị Ngân hàng Nhà nước Việt Nam xem xét chấp thuận hoạt động mua nợ.
Tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên)... cam kết:

- Các nội dung trong trong đơn, hồ sơ đề nghị chấp thuận hoạt động mua nợ là hoàn toàn chính xác, trung thực;
- Chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài sở hữu 50% vốn điều lệ của ngân hàng 100% vốn nước ngoài (tên)... đang được phép thực hiện hoạt động mua nợ tại nước nơi chủ sở hữu, ngân hàng nước ngoài đặt trụ sở chính (*đối với ngân hàng 100% vốn nước ngoài*); Ngân hàng mẹ của chi nhánh ngân hàng nước ngoài (tên)... được phép thực hiện hoạt động mua nợ tại nước nguyên xứ (*đối với chi nhánh ngân hàng nước ngoài*);
- Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật, quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam có liên quan, nếu vi phạm xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật.

..... ngày ... tháng ... năm ...
NGƯỜI ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA
TCTD, CHI NHÁNH NGÂN HÀNG
NƯỚC NGOÀI
(*ký tên, đóng dấu và ghi đầy đủ họ tên*)

⁵⁰ Được ban hành kèm theo Thông tư số 09/2015/TT-NHNN

TÊN TỔ CHỨC TÍN DỤNG
Số.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng.....năm.....

GIẤY ĐỀ NGHỊ MUA NỢ

Kính gửi: Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng
Việt Nam (VAMC)

Tên tổ chức tín dụng:

Địa chỉ trụ sở chính:

Người đại diện theo pháp luật (hoặc người đại diện theo ủy quyền):

Chức vụ:

(Đính kèm Giấy ủy quyền đối với người đại diện theo ủy quyền)

1. Đề nghị VAMC mua các khoản nợ theo danh sách đính kèm. Số liệu tổng hợp của (các) khoản nợ như sau:

Đơn vị: đồng, USD,...

Stt	Khoản mục	VND	USD	...
1	Tổng giá trị của (các) khoản nợ Dư			
1.1	nợ gốc			
	<i>Dư nợ gốc nội bảng</i>			
1.2	<i>Dư nợ gốc ngoại bảng</i>			
	Nợ lãi, phí chưa thanh toán			
2	Tổng giá trị tài sản bảo đảm			
3	Tổng số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập chưa sử dụng			
4	Giá đề nghị mua nợ			

*(Ghi chú: 1=1.1+1.2)

2. Đánh giá tác động của việc bán các khoản nợ xấu cho VAMC:

- Tác động đến tỷ lệ nợ xấu;
- Tác động đến hoạt động kinh doanh;
- Tác động khác.

⁵¹ Được ban hành kèm theo Công văn số 233a/VAMC-BNN/BCP ban hành ngày 02/12/2013 về việc Thống nhất các mẫu biểu mua, bán nợ

3. Chúng tôi xin gửi kèm theo văn bản này: (i) Danh sách các khoản nợ xấu đề nghị VAMC mua; (ii) Thông tin các khoản nợ và tài sản bảo đảm theo từng khách hàng vay; (iii) Danh mục Hồ sơ từng khoản nợ; (iv) Văn bản cam kết; (v) Các hồ sơ, tài liệu liên quan đến các khoản nợ.

Đề nghị VAMC xem xét, mua các khoản nợ nêu trên và thanh toán cho chúng tôi bằng trái phiếu đặc biệt.

Chúng tôi cam kết, các khoản nợ xấu nêu trên thuộc đối tượng và đáp ứng đầy đủ điều kiện mua bán nợ theo quy định của pháp luật và các quy định của VAMC. Đồng thời cam kết thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung uỷ quyền của VAMC (nếu có).

Trân trọng.

Đại diện tổ chức tín dụng

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA, BÁN NỢ

(Thanh toán bằng trái phiếu đặc biệt)

Số: 00/2013/.....

Căn cứ Bộ Luật Dân sự 2005;

Căn cứ Nghị định số 53/2013/NĐ-CP của Chính phủ ngày 18 tháng 05 năm 2013 về Thành lập, tổ chức và hoạt động của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ngày 06 tháng 09 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 20/2013/TT-NHNN ngày 09 tháng 09 năm 2013 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-HĐTV ngày 24 tháng 09 năm 2013 của Hội đồng thành viên Ban hành Quy chế mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam; Quyết định số 21/QĐ-HĐTV ngày 28 tháng 11 năm 2013 của Hội đồng thành viên Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

Theo thỏa thuận của hai bên,

Hợp đồng mua, bán nợ này được lập ngày tháng năm tại Công ty Quản lý tài sản, giữa các bên sau đây:

▪ **Bên mua nợ: Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam**

- Địa chỉ: Lô E-Vườn Đào, Phường Phú Thượng, Quận Tây Hồ, TP. Hà Nội.

- Điện thoại: 04.62584300 Fax: 04.62584287

- Mã số thuế: 0106238852

- Người đại diện: - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc.

(Theo Giấy ủy quyền số :TGD ngày của Tổng Giám đốc).

- Tài khoản số: 12410005686568 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam

⁵² Được ban hành kèm theo Công văn số 233a/VAMC-BNN/BCP ban hành ngày 02/12/2013 về việc Thống nhất các mẫu biểu mua, bán nợ

– Chi nhánh Hoàn Kiếm.

(Sau đây gọi tắt là Bên A)

▪ **Bên bán nợ: Ngân hàng.....**

- Địa chỉ:

- Điện thoại: 0913283874 Fax: 0986161886

- Mã số thuế: 686868

- Người đại diện: Ông/Bà Chức vụ:

(Theo Giấy ủy quyền số: của Tổng Giám đốc).

- Tài khoản:..... tại

(Sau đây gọi tắt là Bên B)

Bằng hợp đồng này, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua, bán nợ với nội dung và các điều khoản như sau:

Điều 1. Nội dung mua bán nợ

1. Bên B đồng ý bán và Bên A đồng ý mua khoản nợ được quy định tại Khoản 2 Điều này và các phụ lục kèm theo hợp đồng này, theo đó Bên B sẽ chuyển giao quyền chủ nợ của khoản nợ cho Bên A và nhận trái phiếu đặc biệt do Bên A phát hành.

2. Khoản nợ được mua bán theo hợp đồng này có các thông tin như sau:

a) Hợp đồng tín dụng số:

b) Khách hàng vay:

- Tên khách hàng: **Công ty XXX**

- Số giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh:

- Địa chỉ:

c) Giá trị của khoản nợ:

Giá trị của khoản nợ được mua bán bao gồm toàn bộ nợ gốc, nợ lãi, lãi phạt và các nghĩa vụ tài chính khác (nếu có) phát sinh cho đến ngày có hiệu lực của hợp đồng này. Tổng giá trị của khoản nợ được mua bán theo hợp đồng này tính đến ngày..... là:

- VND: (Bằng chữ:).

- USD :(Bằng chữ:)

d) Nhóm nợ:

e) Số tiền DPRR cụ thể đã trích chưa sử dụng:đồng.

f) Tổng giá trị tài sản bảo đảm:..... đồng.

3. Giá mua, bán khoản nợ là: đồng (Bằng chữ:).

4. Thông tin liên quan đến khoản nợ, các biện pháp bảo đảm, tài sản bảo đảm của khoản nợ được quy định chi tiết tại Phụ lục 01- HĐMBN và Phụ lục 02 -

HĐMBN của Hợp đồng này.

5. Phương thức thanh toán:

- Bên A thanh toán cho Bên B bằng trái phiếu đặc biệt do Bên A phát hành theo quy định của pháp luật.
- Mệnh giá trái phiếu đặc biệt là: đồng
- Thời hạn trái phiếu: năm, kể từ ngày phát hành/ngày hiệu lực của trái phiếu.
- Hình thức trái phiếu: bút toán ghi sổ.

6. Các cam kết, thỏa thuận hoặc bất kỳ nghĩa vụ ràng buộc nào khác của Khách hàng vay với Bên B liên quan đến khoản nợ cũng được chuyển giao cho Bên A đồng thời với việc chuyển nhượng khoản nợ.

Điều 2. Chuyển giao khoản nợ và hồ sơ liên quan đến khoản nợ

1. Toàn bộ các quyền và lợi ích gắn liền với khoản nợ xấu, tài sản bảo đảm và biện pháp bảo đảm khác cho khoản nợ xấu được bên B giữ nguyên hiện trạng và chuyển giao cho bên A kể từ ngày hợp đồng mua, bán nợ có hiệu lực. Kể từ thời điểm này, Bên A sẽ có tất cả các quyền và lợi ích của Bên B đối với Khách hàng vay theo quy định tại các hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các phụ lục kèm theo đã ký, bao gồm nhưng không giới hạn:

- a) Quyền được Khách hàng vay thanh toán nợ gốc, nợ lãi và các khoản phí, chi phí phát sinh từ khoản nợ theo quy định của hợp đồng tín dụng đã ký;
- b) Quyền được hưởng các quyền và lợi ích phát sinh từ tài sản bảo đảm của khoản nợ;
- c) Có các quyền khác theo quy định của hợp đồng này và hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các phụ lục kèm theo mà Khách hàng vay và Bên B đã ký và quy định pháp luật có liên quan.

2. Bên B có trách nhiệm tiếp tục quản lý và lưu trữ toàn bộ các hồ sơ gốc liên quan đến khoản nợ được mua bán theo hợp đồng này.

Điều 3. Thanh toán trái phiếu đặc biệt, mua lại khoản nợ đã bán và xử lý số tiền thu hồi nợ

1. Bên B trả lại trái phiếu đặc biệt cho Bên A và nhận lại khoản nợ đã bán trong trường hợp Bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ theo quy định tại Khoản 10 Điều 4 của hợp đồng này.

2. Trái phiếu đặc biệt được thanh toán trong các trường hợp sau:

- a) Số tiền dự phòng rủi ro đã trích lập cho trái phiếu đặc biệt không thấp hơn giá trị ghi sổ số dư nợ gốc của khoản nợ được mua bán theo hợp đồng này đang theo dõi trên sổ sách của Bên A, trong đó bao gồm cả các trường hợp sau đây:

- Bên A bán khoản nợ xấu cho tổ chức, cá nhân, kể cả trường hợp bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho Bên B theo giá trị thị trường hoặc giá thỏa thuận;

- Bên A chuyển toàn bộ khoản nợ xấu đã mua thành vốn điều lệ, vốn cổ phần của khách hàng vay là doanh nghiệp.

b) Trái phiếu đặc biệt đến hạn thanh toán.

3. Việc mua lại *khoản nợ và/hoặc khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay* khi thanh toán trái phiếu đặc biệt thực hiện theo khoản 2 Điều 44 Thông tư 19/2013/TT- NHNN.

4. Việc xử lý số tiền thu hồi nợ thực hiện theo Điều 43 Thông tư 19/2013/TT- NHNN.

Điều 4. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

1. Kế thừa đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của Bên B đối với khoản nợ đã mua; quyền và nghĩa vụ đối với các bên tham gia bảo đảm cho khoản nợ theo hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm và các thỏa thuận khác (nếu có) liên quan.

2. Yêu cầu Bên B chuyển giao toàn bộ hồ sơ và hoàn tất các thủ tục chuyển giao quyền chủ nợ đối với Khách hàng vay, Bên bảo đảm cho khoản nợ theo hồ sơ mua, bán nợ và các quyền khác theo thỏa thuận trong hợp đồng này.

3. Yêu cầu Bên B thông báo cho Khách hàng và các bên liên quan của khoản nợ bằng văn bản về việc mua, bán nợ này.

4. Khởi kiện Bên B, Khách hàng vay và các Bên có liên quan vi phạm các cam kết, nghĩa vụ theo quy định của hợp đồng này, hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo đảm có liên quan.

5. Yêu cầu Bên B, Khách hàng vay, Bên có nghĩa vụ trả nợ, Bên bảo đảm cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến khoản nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ đã bán cho Bên A.

7. Thay mặt Bên B sử dụng số tiền thu hồi nợ của khoản nợ xấu được mua bằng trái phiếu đặc biệt mà Bên B được hưởng để trả nợ vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 43 và khoản 3 Điều 44 Thông tư 19/2013/TT-NHNN và quy định của Ngân hàng Nhà nước về cho vay tái cấp vốn trên cơ sở trái phiếu đặc biệt.

8. Bên A có quyền thực hiện cơ cấu lại khoản nợ trên cơ sở trao đổi với Bên B theo quy

định tại Thông tư số 19/2013/TT-NHNN.

9. Tham gia quá trình cơ cấu lại khách hàng vay sau khi góp vốn, mua cổ phần tại khách hàng vay là doanh nghiệp theo Thông tư số 19/2013/TT-NHNN.

10. Thu giữ tài sản bảo đảm để xử lý, thu hồi nợ. Nhận chính tài sản bảo đảm để

thay thế cho việc thực hiện nghĩa vụ của bên bảo đảm theo quy định của pháp luật.

11. Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mua, bán nợ và thu hồi trái phiếu đặc biệt có liên quan đã phát hành cho Bên B theo Điều 19 Thông tư số 19/2013/TT- NHNN.

12. Trong trường hợp trái phiếu đặc biệt chưa đến hạn thanh toán, Bên A được bán lại khoản nợ xấu đã mua bằng trái phiếu đặc biệt cho Bên B theo nguyên tắc thỏa thuận về điều kiện và giá mua, bán nợ.

13. Được hưởng một tỷ lệ trên số tiền thu hồi nợ theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và các quy định khác (nếu có).

14. Được ủy quyền cho Bên B thực hiện một số hoạt động theo Điều 39 Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và giám sát, kiểm tra bên B trong việc thực hiện các hoạt động uỷ quyền của Bên A theo quy định của Pháp luật.

15. Thanh toán cho Bên B trái phiếu đặc biệt đã thỏa thuận trong hợp đồng.

16. Các quyền khác của chủ nợ, bên nhận bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

1. Nhận trái phiếu đặc biệt từ Bên A theo giá mua, bán nợ đã được thỏa thuận trong hợp đồng này và được sử dụng trái phiếu đặc biệt để vay tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

2. Được hưởng số tiền thu hồi nợ theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 43 Thông tư số 19/2013/TT-NHNN.

3. Chuyển giao đầy đủ toàn bộ hồ sơ của khoản nợ và tài sản bảo đảm của khoản nợ được mua, bán theo hợp đồng này cho Bên A.

4. Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan, tổ chức có thẩm quyền, Bên A và Khách hàng vay để hoàn thiện các thủ tục, hồ sơ pháp lý liên quan đến khoản nợ, tài sản bảo đảm của khoản nợ đã bán cho Bên A.

5. Bên B chấp nhận việc Bên A thực hiện cơ cấu lại khoản nợ xấu.

6. Bên B bảo đảm rằng khoản nợ, tài sản bảo đảm thuộc đối tượng và đủ điều kiện mua, bán theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Thông tư số 19/2013/TT-NHNN.

7. Thanh toán cho Bên A số tiền quy định tại điểm a khoản 2 Điều 43 Thông tư số 19/2013/TT-NHNN và các quy định khác (nếu có).

8. Phối hợp chặt chẽ với Bên A trong việc mua, bán và xử lý nợ xấu; cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời theo đề nghị của Bên A. Chịu trách nhiệm toàn bộ thông tin, tài liệu cung cấp cho Bên A là đầy đủ, trung thực, chính xác.

9. Bên B có trách nhiệm quản lý và lưu trữ toàn bộ các hồ sơ gốc liên quan đến khoản nợ và tài sản bảo đảm của khoản nợ được mua bán theo hợp đồng này trong trường hợp Bên A ủy quyền cho Bên B theo Điều 3 Quy chế mua, bán và xử lý nợ

xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam.

10. Trường hợp sau khi ký kết hợp đồng này mà Bên A hoặc cơ quan có thẩm quyền có yêu cầu giải trình, khắc phục hồ sơ khoản nợ trong giai đoạn trước thời điểm ký kết, Bên B có trách nhiệm thực hiện và thông báo với Bên A sau khi thực hiện.

11. Trong vòng 10 ngày, kể từ ngày ký hợp đồng này, phải thông báo bằng văn bản cho Khách hàng vay, Bên có nghĩa vụ trả nợ, Bên bảo đảm và các bên liên quan khác về việc mua, bán đối với khoản nợ.

12. Được đề nghị mua lại khoản nợ đã bán cho Bên A theo nguyên tắc thỏa thuận về điều kiện và giá mua, bán nợ trong trường hợp trái phiếu đặc biệt chưa đến hạn thanh toán.

13. Bên B chấp thuận mua lại *khoản nợ và/hoặc khoản vốn góp, vốn cổ phần tại khách hàng vay* khi thanh toán trái phiếu đặc biệt theo quy định.

14. Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ được quy định tại Khoản 2 Điều 21 Nghị định 53/2013/NĐ-CP.

15. Nhận ủy quyền và thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung ủy quyền của Bên A.

16. Các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 6. Ủy quyền

1. Bên A ủy quyền cho Bên B thực hiện một hoặc một số hoạt động quy định tại khoản 2 Điều 12 Nghị định số 53/2013/NĐ-CP.

2. Nội dung ủy quyền thực hiện theo thỏa thuận của các Bên theo hợp đồng ủy quyền kèm theo.

Điều 7. Bảo mật thông tin

Các Bên không được phép tiết lộ cho bên thứ ba nào khác về công việc của mình hoặc bất cứ thông tin nào liên quan đến hợp đồng này mà không có sự đồng ý bằng văn bản của bên kia, trừ trường hợp thông báo bán nợ gửi cho Khách hàng vay, các Bên liên quan và theo yêu cầu của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền hoặc sử dụng để thực hiện các quyền của Bên A.

Điều 8. Điều khoản thi hành

1. Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các thỏa thuận trong hợp đồng này. Trong quá trình thực hiện hợp đồng này, nếu phát sinh vướng mắc, tranh chấp, các bên cùng thương lượng giải quyết trên nguyên tắc tôn trọng quyền lợi của nhau. Trong trường hợp không thương lượng được, thì các bên có quyền khởi kiện ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết theo quy định của pháp luật.

2. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày phát hành/ngày hiệu lực của trái phiếu đặc biệt và chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:

a) Theo thỏa thuận của các bên.

b) Trái phiếu đặc biệt được thanh toán theo quy định tại Điều 3 của hợp đồng này.

3. Hợp đồng này được lập thành 04 (bốn) bản, có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 02 bản. Các tài liệu, văn bản, hợp đồng ủy quyền kèm theo là bộ phận không tách rời hợp đồng này.

ĐẠI DIỆN BÊN A

(ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN BÊN B

(ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số 07

DANH MỤC NGÀNH, NGHỀ ĐẦU TƯ KINH DOANH CÓ ĐIỀU KIỆN
(Ban hành kèm theo Luật số 03/2016/QH14 sửa đổi, bổ sung Điều 6 và Phụ lục 4 về Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện của Luật đầu tư)

STT	NGÀNH, NGHỀ
1.	Sản xuất con dấu
2.	Kinh doanh công cụ hỗ trợ (bao gồm cả sửa chữa)
3.	Kinh doanh các loại pháo, trừ pháo nổ
4.	Kinh doanh thiết bị, phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình, định vị
5.	Kinh doanh súng bắn sơn
6.	Kinh doanh quân trang, quân dụng cho lực lượng vũ trang, vũ khí quân dụng, trang thiết bị, kỹ thuật, khí tài, phương tiện chuyên dùng quân sự, công an; linh kiện, bộ phận, phụ tùng, vật tư và trang thiết bị đặc chủng, công nghệ chuyên dùng chế tạo chúng
7.	Kinh doanh dịch vụ cầm đồ
8.	Kinh doanh dịch vụ xoa bóp
9.	Kinh doanh thiết bị phát tín hiệu của xe được quyền ưu tiên
10.	Kinh doanh dịch vụ đòi nợ
11.	Kinh doanh dịch vụ bảo vệ
12.	Kinh doanh dịch vụ phòng cháy, chữa cháy
13.	Hành nghề luật sư
14.	Hành nghề công chứng
15.	Hành nghề giám định tư pháp trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, cổ vật, di vật, bản quyền tác giả
16.	Hành nghề đấu giá tài sản
17.	Hoạt động dịch vụ của tổ chức trọng tài thương mại
18.	Hành nghề thừa phát lại
19.	Hành nghề quản lý, thanh lý tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã trong quá trình giải quyết phá sản
20.	Kinh doanh dịch vụ kế toán
21.	Kinh doanh dịch vụ kiểm toán

22.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục về thuế
23.	Kinh doanh dịch vụ làm thủ tục hải quan
24.	Kinh doanh hàng miễn thuế
25.	Kinh doanh kho ngoại quan, địa điểm thu gom hàng lẻ
26.	Kinh doanh địa điểm làm thủ tục hải quan, tập kết, kiểm tra, giám sát hải quan
27.	Kinh doanh chứng khoán
28.	Kinh doanh dịch vụ đăng ký, lưu ký, bù trừ và thanh toán chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán/ Tổ chức thị trường giao dịch chứng khoán niêm yết và các loại chứng khoán khác
29.	Kinh doanh bảo hiểm
30.	Kinh doanh tái bảo hiểm
31.	Môi giới bảo hiểm
32.	Đại lý bảo hiểm
33.	Kinh doanh dịch vụ thẩm định giá
34.	Kinh doanh xổ số
35.	Kinh doanh trò chơi điện tử có thưởng dành cho người nước ngoài
36.	Kinh doanh dịch vụ mua bán nợ
37.	Kinh doanh dịch vụ xếp hạng tín nhiệm
38.	Kinh doanh casino
39.	Kinh doanh đặt cược
40.	Kinh doanh dịch vụ quản lý quỹ hưu trí tự nguyện
...	...